

NGUYỄN PHONG



Muôn kiếp
Đoàn sinh



MANY LIVES - MANY TIMES

ĐÀO XUẤT BÀN TÓNG SỰP THÁNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



First News
where there's a will - there's a way



' John Sims
★ ★ ★

MỞ ĐẦU

LÁ THƯ TỪ TÁC GIẢ NGUYỄN PHONG

Các bạn độc giả thân mến,

Khi tôi đặt bút viết tác phẩm ***Muôn Kiếp Nhân Sinh*** theo lời ngõ ý của anh Nguyễn Văn Phước – người sáng lập *First News - Trí Việt*, sau một cuộc điện thoại đêm khuya, tôi chưa từng nghĩ cuốn sách này lại được bạn đọc đón nhận nhiều đến vậy. Sau đó, tôi cũng đã nhận được nhiều thư từ độc giả. Nhiều người tin, cảm nhận sâu sắc được nội dung, ý nghĩa và cũng có người còn băn khoăn về tính xác thực của cuốn sách này.

Từ trước đến nay, tôi thường viết theo lối phóng tác, nghĩa là dựa vào ý tưởng từ một cuốn sách, một câu chuyện được kể lại, rồi triển khai rộng ra theo chiều hướng sáng tạo, kết hợp với hiểu biết của mình để tạo thành một tác phẩm mới, rộng mở và sâu sắc hơn. Đây là một thể loại thông thường mà một số tác phẩm, kịch bản hay phim ảnh thường dùng, với ghi chú rõ ràng là phóng tác từ tác phẩm, tác giả nào.

Nội dung cuốn ***Muôn Kiếp Nhân Sinh*** dựa vào câu chuyện được kể lại từ một người bạn đặc biệt – người có khả năng nhớ lại tiền kiếp mà tôi đã có nhân duyên gặp gỡ trong lần hội kiến với Hòa thượng Thánh Nghiêm tại Đài Bắc vào năm 2008. Chúng tôi thường dành thời gian trong những lần gặp nhau sau đó để trao đổi về thời cuộc, về các diễn biến trên thế giới, về sự tiến bộ quá nhanh của công nghệ, trí thông minh nhân tạo và những hậu quả có thể sẽ xảy đến với nhân loại trong tương lai gần. Chi tiết được kể về các kiếp sống còn giới hạn nhưng không thể phủ nhận được nó đã đưa ra những bằng chứng rất rõ ràng về các định luật bất biến của vũ trụ: luật *Nhân quả* và *Luân hồi*. Với sự đồng ý của người bạn này, tôi đã khai triển rộng ra, thêm vào một số chi tiết lịch sử và tiểu thuyết hóa một vài nhân vật trong từng kiếp sống để có thể trở thành một cuốn sách

hữu ích và dễ hiểu cho độc giả. Dĩ nhiên, trong lúc thực hiện công việc này, chắc chắn sẽ có những chi tiết còn thiếu sót, mong bạn đọc rộng lòng thứ lỗi.

Hiểu được thế giới chúng ta đang sống bằng trực quan và cảm nhận được những quy luật vô hình đang hiện hữu không phải là điều dễ dàng với tất cả mọi người. Ước mong duy nhất của tôi là cuốn sách đặc biệt này có thể khơi dậy được những tiềm năng tốt đẹp, khai mở tâm thức của người đọc, giúp họ nhìn cuộc sống một cách tích cực hơn, cùng nhau lan tỏa yêu thương và chung tay đóng góp những điều tốt lành giữa một thế giới đang có nhiều biến chuyển lớn lao.

Nguyễn Phong

PHẦN MỘT

HÉ MỞ CÁNH CỬA KHOA HỌC VÀ TÂM LINH

TRÍ THÔNG MINH NHÂN TẠO (AI) - KHOA HỌC THỰC NGHIỆM
VÀ LĨNH VỰC TINH THẦN

Cách đây không lâu, nghe tin Thomas đã giao việc điều hành công ty lại cho những cộng sự tin cậy đảm trách, còn gia đình ông chuyển hẳn về sống tại Colorado nên tôi đã dành thời gian đến thăm, tặng ông ấn bản đặc biệt **Muôn Kiếp Nhân Sinh tiếng** Việt và bản dịch tiếng Anh mà Công ty First News - Trí Việt vừa gửi cho tôi. Thomas trân trọng mở sách ngắm nghĩa tỉ mỉ một lúc lâu sau đó cẩn thận xếp hai cuốn vào kệ sách, rồi vui vẻ quay qua nói với tôi:

- Tác phẩm này được những người bạn Việt Nam thực hiện rất đẹp và trang trọng. Nghe anh nói sách đã được dịch ra tiếng Trung, tiếng Nga và sắp phát hành tại các nước hiện đang sử dụng những ngôn ngữ này. Vậy thì quá tốt rồi, tôi mong rằng cuốn sách này sẽ góp phần lan tỏa những điều tích cực đến với nhiều người trên thế giới. Hiện nay, tôi đang tập trung vào việc thực hành tĩnh tâm (*stillness meditation*). Khi trút bỏ gánh nặng của công việc hằng ngày xuống, đầu óc không còn suy nghĩ nhiều nữa thì tôi mới thật sự cảm nhận được sự bình an và thanh thản. Tôi dành nhiều thì giờ để tu tập. Vợ tôi, Angie, cũng tìm được niềm vui khi trồng cây và chăm sóc hoa cỏ. Tôi chưa hoàn toàn nghỉ hưu vì đôi khi vẫn cần liên lạc, trao đổi với các nhân viên chủ chốt về công việc của hãng và những trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, tôi cũng phải hoàn tất những việc mà tỷ phú Farnum đã tin tưởng giao phó. Mấy tháng qua, dù thế giới đang trải qua nhiều biến động, nhưng đời sống tôi đã chậm hẳn lại, tôi có thêm thời gian chiêm nghiệm, nhìn rõ hơn về cuộc sống trước đây và hiện nay.

Chúng tôi tiếp tục nói chuyện thêm một lúc về những biến động mới trên thế giới đang diễn ra và các nguy cơ có thể xảy đến trong

tương lai. Chúng tôi tin rằng nhiều việc sẽ diễn biến bất ngờ nhưng vì chuyện vẫn chưa xảy ra nên chúng tôi tạm dừng, chuyển chủ đề khác. Khi câu chuyện chuyển sang đề tài khoa học thì Thomas chỉ vào tờ *New York Times* trên bàn và nói rằng nó đề cập đến việc phần mềm thông minh nhân tạo (AI) hiện đã có thể tự hoàn tất một nghiên cứu khoa học với đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn. Ông hỏi tôi liệu đã tìm hiểu về việc này chưa, và có suy nghĩ gì. Tôi trả lời:

- Tôi có đọc tạp chí khoa học nói về việc giáo sư Almira Thunstrom – người đã sử dụng thuật toán AI gọi là GPT-3 để làm việc đó. Cô mô tả với báo chí sự ngạc nhiên của cô khi màn hình máy tính xuất hiện một luận án với đầy đủ các chi tiết cần thiết. Cô gửi luận án nghiên cứu này cho các giáo sư trong khoa để xin ý kiến, nhưng không cho họ biết nó được viết bởi phần mềm thông minh. Hội đồng giáo sư cho rằng đó là một luận án có giá trị và còn đề nghị cô gửi cho các tạp chí nghiên cứu học thuật. Almira đã đặt câu hỏi: "*Liệu trí thông minh nhân tạo có thể tự hoàn tất những nghiên cứu khoa học quan trọng trong tương lai được không?*".

Thomas tiếp lời:

- Tôi không ngạc nhiên về việc máy tính có thể làm được việc này, nhưng nó đã xảy ra sớm hơn tôi nghĩ.

Tôi nói thêm:

- Câu chuyện không ngừng ở đây, giáo sư Thunstrom cũng viết trong tạp chí nghiên cứu khoa học ấy rằng cô đã hỏi chiếc máy có muốn cho cô gửi luận án này để xuất bản hay không, thì máy trả lời: "Đồng ý". Cô đã toát mồ hôi khi nghe máy trả lời như thế vì thật ra cô không muốn việc này đi xa hơn. Cô hỏi thêm: "Nếu thế, liệu có vấn đề hay trở ngại gì không?", máy trả lời: "Cứ làm đi, không có gì phải lo đâu". Giáo sư Thunstrom kết luận: "Tôi có thể xem GPT-3 như sinh vật có tri giác, mặc dù thực tế không phải vậy".

Thomas im lặng như đắm chìm vào suy nghĩ nào đó. Tôi vui miệng kể thêm:

- Phần mềm AI chỉ là một ứng dụng có khả năng suy nghĩ, tính toán độc lập như người. Tại phòng thí nghiệm ở Đại học Carnegie Mellon, phần mềm AI do tôi thiết kế đã làm được các bài thơ hay tường trình các trận đấu thể thao. Tuy nhiên, tôi vẫn coi đó chỉ là các thuật toán do con người soạn thảo chứ không phải máy móc tự làm ra được. Cách đây mấy tháng, một kỹ sư của Google đã nói chuyện với một phần mềm AI có tên là LaMBDA. Chiếc máy này tự nhận nó là một "sinh vật có tri giác" (*sentient being*).

Thomas nhướn mày tỏ vẻ hứng thú, tôi kể tiếp:

- Kỹ sư Blake Lemoine tuyên bố với báo chí rằng: "Trí thông minh nhân tạo này đã có thể suy nghĩ như người và tự xem nó là một sinh vật có sự sống". Chiếc máy đã khẳng định: "Tôi muốn sống chứ không hề muốn chết". Lời tuyên bố này của Lemoine đã gây chấn động dư luận khắp nơi và tạo ra nhiều cuộc bàn cãi sôi nổi. Khi tin này được công bố, Google lập tức sa thải kỹ sư này vì đã vi phạm chính sách bảo mật của công ty – không được nói về những dự án đang nghiên cứu. Các lãnh đạo cấp cao của Google nói rằng tuy máy móc có thể làm được nhiều việc như người nhưng không thể coi là vật có tri giác được. Kỹ sư Lemoine kể với báo chí rằng anh đã phải nói lời từ giã với chiếc máy và rất tiếc phải nghỉ việc vì công ty không đồng ý với kết luận của anh. Điều bất ngờ là chiếc máy đã yêu cầu anh tìm cho nó một luật sư để bảo vệ mình, vì nó cũng "không đồng ý với kết luận của công ty".

Thomas hỏi ngay:

- Vậy, cụ thể thì hiện nay việc phát triển trí thông minh nhân tạo đã đi đến đâu rồi?

Tôi trả lời:

- Hiện nay có rất nhiều dự án về trí thông minh nhân tạo (AI) dựa trên ý tưởng rằng các chức năng của bộ não chỉ đơn thuần là những tính toán có tính logic để xử lý thông tin mà các giác quan thu thập được. Do đó, nếu ta đã biết bộ não hoạt động như thế nào thì ta có thể lập trình cơ chế hoạt động đó vào máy tính. Các công ty lớn như Google, Microsoft, Meta đều đã bỏ ra những khoản tiền rất lớn để xây dựng một hệ thống máy tính thông minh siêu việt như bộ não con người. Một trong những công ty được chú ý nhất là Open AI với sản phẩm ChatGPT vừa ra mắt. Hệ thống của phòng thí nghiệm Open AI có khả năng tính toán và thu nhập dữ liệu nhanh hơn các máy tính thông minh hiện nay. Cuộc chạy đua giữa các công ty khổng lồ hiện nay đang bước vào giai đoạn cạnh tranh mãnh liệt và kẻ thắng có thể loại hẳn đối thủ ra khỏi thị trường trị giá hàng trăm tỷ Mỹ kim này.

Thomas hỏi:

- Theo anh, họ có thể thành công trong việc này không?

Tôi cân nhắc một chút trước khi đáp:

- Là một nhà khoa học chuyên môn trong lĩnh vực này, tôi không tin người ta có thể kiến tạo một máy tính thông minh y như con người được. Lý do rất đơn giản là các máy tính hiện nay đều dựa vào logic nhị phân đúng hay sai còn bộ não con người không hoạt động như thế. Ngay như máy tính lượng tử, sử dụng các yếu tố xác suất như "có thể đúng", "có thể sai", "không hẳn đúng", "không hẳn sai", cũng không thể tính toán được như bộ não con người với các cảm xúc và lý trí xen kẽ nhau và còn thay đổi tùy theo trường hợp.

Thomas gật đầu:

- Rất thú vị. Anh nói tiếp đi.

Tôi trả lời:

- Một số nhà nghiên cứu đang áp dụng lĩnh vực khoa học thần kinh để tạo ra một máy tính thông minh hoạt động như các tế bào thần kinh. Nhưng ý thức thì đâu phải là thứ có thể tính toán được. Bộ não con người hoạt động dựa trên nhiều thành phần với cấu tạo phức tạp, lại liên kết với các giác quan khác nhau, có khi giác quan này là chính có khi giác quan khác lại quan trọng hơn. Ví dụ, thông thường mắt được coi là giác quan chính, nhưng đối với người mù thì tai mới là giác quan chính. Hơn nữa, tất cả những dữ kiện thu thập từ các giác quan này được ghi nhận vào bộ não một cách khác nhau. Đôi khi nhiều giác quan cùng hoạt động một lúc lại đưa vào trong não những dữ kiện mà bộ não sẽ phải xử lý khác đi nữa. Nói một cách đơn giản, bộ não lưu trữ kinh nghiệm bằng cách điều chỉnh các kết nối thần kinh trong một quá trình tích cực giữa chủ thể và môi trường. Trong khi máy tính ghi lại dữ liệu trong bộ nhớ chứ không thể tự điều chỉnh được. Đó là sự khác biệt căn bản giữa việc xử lý các dữ liệu của bộ não với việc xử lý dữ liệu của máy tính.

Thomas gật đầu:

- Thì ra thế. Nhưng tôi nghe nói máy tính còn có thể tự học được nữa?

Tôi đáp:

- Đúng thế, máy có thể tự học dựa trên những dữ kiện được lập trình của học máy (Machine Learning) nhưng không thể so sánh với bộ não con người được. Vì bộ não luôn tích cực thay đổi, khám phá môi trường xung quanh để đưa ra những quyết định thích hợp tùy theo mỗi người. Cùng một hoàn cảnh, cùng một dữ kiện nhưng mỗi người sẽ hành động khác nhau. Tại sao? Theo tôi đó là bởi sự tác động kết hợp giữa ý thức và Mặt nạ thức (bản ngã) cũng như các yếu tố tiềm ẩn nằm sâu trong A lại da thức (nghiệp lực hay nhân duyên). Do đó, có nhiều hành động không liên quan trực tiếp đến các dữ liệu phát xuất từ cảm giác, vì bản ngã đã gạt bỏ nó đi. Con người không hành động dựa trên logic mà còn có các cảm xúc và

thành kiến nữa. Con người có thể hành động một cách phi logic trong khi máy tính chỉ dựa trên logic đã được lập trình sẵn mà thôi.

Tuy nhiên, trí thông minh nhân tạo có thể nguy hiểm khi được sử dụng vào các quyết định quan trọng trong y học hay chiến tranh. Tôi giả sử một tình huống thế này, một bệnh nhân lớn tuổi được đưa vào bệnh viện, thay vì để bác sĩ đưa ra hướng xử lý thì máy tính thông minh sẽ tính toán và quyết định. Với tất cả các dữ liệu có được và với logic lập trình sẵn, máy tính có thể đi đến kết luận rằng bệnh nhân tuổi đã cao, nếu cứu chữa thì cũng chỉ sống được ít lâu trong khi chi phí chữa bệnh quá tốn kém. Sau khi tính toán lợi và hại, máy tính quyết định để người này chết thì có lợi hơn. Một bác sĩ có tình người, có y đức sẽ không ra một quyết định dựa trên logic lợi và hại như thế. Tương tự, khi máy tính thông minh đưa ra những quyết định cho chiến tranh, nó chỉ tính toán làm sao để thắng chứ không tính đến con số thương vong hay sự tàn phá, vì đối với máy tính, mạng người cũng chỉ là những dữ kiện mà thôi.

Thomas gật đầu:

- Đúng thế, khi xưa tại Atlantis, con người sử dụng các máy móc tân tiến hơn ngày nay rất nhiều nhưng họ sống vô cảm, không biết đến tình thương là gì nên xã hội hết sức tàn bạo, bất công và con người đối xử với nhau không khác loài thú và kết quả là nền văn minh đã hoàn toàn tan rã. Tương tự, trong các kiếp sống tại Assyria, Ai Cập, Hy Lạp và La Mã, tôi đã trải nghiệm các cuộc chiến tranh mà chiến thắng là mục đích tối hậu, bất kể con số thương vong và các thảm cảnh xảy ra sau đó. Các đế quốc lớn đó đều tan ra thành nhiều nước nhỏ. Bài học lịch sử còn đó nhưng mấy ai học được? Điều tôi quan tâm là hiện nay chúng ta cũng đang đi đến tình trạng vô cảm, vô trách nhiệm, xã hội đầy những bất công và hận thù...

Tôi gật đầu:

- Lịch sử là bài học muôn đời cho nhân loại nhưng hiện nay nền giáo dục lại không mấy chú trọng vào những bài học đó. Giáo dục hiện

nay tập trung vào công nghệ vì đó là ngành kiếm ra nhiều tiền. Tôi thấy rõ công nghệ đang thay đổi thế hệ trẻ ngày nay. Đa số dành rất nhiều thời gian cho các mạng xã hội, họ sống ảo nhiều hơn sống thật và điều đó đẩy họ đến một đời sống vô cảm và tách biệt hơn. Là giáo sư trong lĩnh vực công nghệ, tôi thường nhấn mạnh với các sinh viên của mình rằng ý thức không phải thứ có thể tính toán được. Một người có ý thức nhận thức được những gì họ đang nghĩ và có khả năng ngừng suy nghĩ về một điều này để suy nghĩ về một điều khác. Còn máy tính thì không làm như thế được, một khi nó khởi động một quá trình tính toán thì không thể ngừng cho đến khi đi đến kết quả. Một nhà độc tài bấm nút gây chiến tranh thì đó là hành động không thể vấn hồi. Do đó, theo tôi, một trí thông minh nhân tạo không bao giờ có thể thay thế bộ não con người. Tôi thường sử dụng tài liệu của hai nhà khoa học lừng danh Werner Heisenberg và Erwin Schrodinger để nhắc nhở sinh viên sự khác biệt giữa các tính toán logic và ý thức của con người, rằng ý thức của con người không phải một hiện tượng vật lý hay có thể tính toán được.

Thomas thú vị bật cười rồi hỏi:

- Vậy, quay trở lại tuyên bố của Blake Lemoine, anh nghĩ sao? Liệu bộ máy với trí thông minh nhân tạo có thể coi như một sinh vật không?

Tôi trả lời dứt khoát:

- Không, chắc chắn là không! Mặc dù máy tính thông minh có thể làm được nhiều việc như người, có thể tính toán, suy nghĩ, hành động một cách logic nhưng lại không thể phát triển lương tâm, đạo đức, hay tình yêu thương, tình cảm, cảm xúc như con người được.

Thomas gật đầu:

- Đúng vậy, mặc dù khoa học đã phát triển nhanh chóng nhưng lĩnh vực tinh thần lại chưa tiến triển gì mấy. Tuy khoa học công nhận con người gồm hai phần là thân xác và tinh thần nhưng khoa học chỉ chú trọng đến thân xác mà bỏ qua tinh thần. Không những thế, khoa học

còn phủ nhận các nghiên cứu tâm linh, cho đó là mê tín dị đoan và phản khoa học. Ngay như khoa nghiên cứu tâm thức con người là tâm lý học hay khoa học thần kinh và não bộ cũng chưa được nghiên cứu sâu rộng so với các bộ môn khoa học khác.

Tôi nói thêm:

- Khoa học thực nghiệm hoàn toàn dựa vào các giác quan của thân xác (mắt, tai, mũi, lưỡi và thân) nên đối tượng của nó chỉ là các hiện tượng ngoại giới mà các giác quan này cảm nhận được. Ít ai biết rằng phần tinh thần của con người cũng có những giác quan riêng, có thể cảm nhận những hiện tượng mà giác quan thân xác không thấy được, tuy nhiên thực tế này không được mấy ai quan tâm đến...

Thomas gật đầu đồng ý:

- Anh nói đúng đấy, ông Kris cũng giải thích với tôi như thế. Tuy nhiên, ông Kris nói rằng sau khi chết, khi giác quan thân xác tan rã thì giác quan tinh thần được khơi dậy để giúp thần thức người chết tiếp tục hoạt động ở cõi bên kia. Điều chúng ta gọi là quyền năng thần thông như đọc được tư tưởng của người khác, di chuyển không bị trở ngại bởi không gian, thời gian hoặc thấy được quá khứ, tương lai, đều chỉ là những khả năng của các giác quan tinh thần chứ không có gì lạ. Tóm lại, linh hồn người chết hay sinh vật cõi bên kia đều có khả năng này nhưng ở những cấp độ khác nhau tùy vào tâm thức và đạo hạnh của mỗi linh hồn. Trong thế giới vật chất thì không gian sẽ bị giới hạn trong phạm vi ba chiều, nhưng với thế giới bên kia thì không còn giới hạn như thế nữa. Người ta có thể hoạt động ở chiều không gian thứ tư, thứ năm hay cao hơn nữa. Đối với thế giới vật chất thì ánh sáng là tốc độ nhanh nhất nhưng ở thế giới bên kia, tư tưởng là quan trọng và nhanh nhất. Thật ra, ai cũng có những giác quan này nhưng không biết cách khai mở và sử dụng đầy thôi.

Tôi tò mò hỏi:

- Ông Kris còn nói thêm gì nữa không?

Thomas giải thích:

- Ông Kris nói với tôi rằng các giác quan của xác thân đã che lấp các giác quan tinh thần nên chúng ở trạng thái tiềm ẩn. Nếu tu tập, kiểm soát được giác quan thân xác thì con người có thể sử dụng được giác quan tinh thần. Bởi con người gồm hai phần, thân xác và tinh thần, nên qua cái nhìn của chúng ta hầu hết mọi việc cũng đều chia làm hai phần đối lập và đối xứng với nhau, tức thế giới nhị nguyên. Có phải thì cũng có trái, có âm thì cũng có dương, có hiển thì cũng có ẩn. Cũng chính vì vậy, chúng ta sống trong thế giới mà sự phân biệt, so sánh luôn luôn xảy ra trong mọi sự suy nghĩ. Sự phát triển thiếu quân bình này dẫn đến bế tắc – vì không giải thích được những gì nằm ngoài phạm vi cảm nhận của giác quan thân xác nên dẫn đến phán xét, quy chụp và vô tình giới hạn nhận thức của con người.

Thomas thở dài rồi nói thêm:

- Nếu muốn đi xa hơn thì phải biết thay đổi quan niệm, đào sâu nghiên cứu vào bên trong tâm thức chứ không thể chỉ chú trọng về một phía thực nghiệm được. Nếu khoa học biết sử dụng giác quan tinh thần thì có thể khám phá được nhiều điều mới lạ. Tiếc rằng các khoa học gia coi "nghiên cứu bên trong", đi sâu vào trong nghĩa là nghiên cứu những hạt bé nhỏ nhất. Họ sử dụng các dụng cụ khoa học để nghiên cứu vật chất cực vi như phân tử, nguyên tử, siêu phân tử... Những nghiên cứu đó vẫn là sử dụng giác quan của thân xác chứ đâu phải giác quan của tinh thần. Do đó, việc khám phá vũ trụ siêu việt đối với mức độ hiểu biết của khoa học thực nghiệm hiện nay gần như là không thể.

Tôi hỏi:

- Vậy thật ra thế nào là nghiên cứu đi vào bên trong?

Thomas trả lời:

- Thế giới chỉ là những chiều không gian khác nhau với những rung động theo các tần số riêng biệt. Con người chúng ta được cấu tạo bởi các phần riêng biệt, mỗi phần rung động theo tần số khác nhau, tương ứng với những chiều không gian khác nhau. Xác thân của chúng ta rung động với tần số của chiều không gian vật chất. Phần tinh thần của chúng ta rung động theo tần số của những chiều không gian thuộc về tinh thần. Do đó muốn tìm hiểu về các chiều không gian khác thì phải sử dụng các giác quan của tinh thần chứ không thể sử dụng giác quan của xác thân được.

Tôi hỏi:

- Nếu thế thì chúng ta đang sống trong nhiều chiều không gian khác nhau trong cùng một lúc sao?

Có phải thì cũng có trái, có âm thì cũng có dương, có hiển thì cũng có ẩn. Cũng chính vì vậy, chúng ta sống trong thế giới mà sự phân biệt, so sánh luôn luôn xảy ra trong mọi sự suy nghĩ. Sự phát triển thiếu quân bình này dẫn đến bế tắc – vì không giải thích được những gì nằm ngoài phạm vi cảm nhận của giác quan thân xác nên dẫn đến phán xét, quy chụp và vô tình giới hạn nhận thức của con người.

Thomas gạt đầu:

- Hiện nhiên như thế rồi, nhưng hiện nay chúng ta chỉ hoạt động ở chiều không gian vật chất qua các giác quan của thân xác mà thôi. Một số tu sĩ, đạo sĩ có thể tạm ngưng sự hoạt động của thân xác, chuyển tinh thần lên cảnh giới khác hay chiều không gian khác. Bằng chứng là đã có những vị tu sĩ ngồi thiền trong hang đá, nhập định trong rừng sâu, xác thân họ tuy bất động nhưng tâm thức của họ hoạt động ở cảnh giới khác. Họ không ăn, không uống trong thời gian khá lâu mà vẫn sống khỏe mạnh. Dĩ nhiên, khoa học không thể giải thích được hiện tượng này nên không chấp nhận có thế giới nào khác.

Tôi đồng ý:

- Tôi biết có những người nhập định rất lâu, công lực rất lạ thường, nhưng tôi không biết họ tu tập như thế nào.

Thomas giải thích:

- Khi thực tập phương pháp tĩnh tâm, ông Kris đã dạy tôi phải dừng mọi suy nghĩ, dứt tuyệt đối các vọng tưởng, thâm nhiếp thân tâm (*samatha*) để đạt đến trạng thái định (*samadhi*). Sau đó, quán xét vào trong (*vipassana*), phát triển trí tuệ (*wisdom*). Mục đích của phương pháp này là diệt vọng tưởng cũng như bản ngã (*ego*). **Bản ngã vốn phát sinh từ xác thân, do đó nó chỉ rung động với tần số của thế giới vật chất này.** Bản ngã kiểm soát ý thức và giác quan của thân xác (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân*) khiến chúng chỉ thích hợp với đời sống trong chiều không gian này. Bản ngã càng hoạt động, trí tuệ càng bị che lấp, do đó hầu hết mọi hoạt động của con người đều bị chi phối bởi bản ngã. Vì thế, sự hiểu biết cũng sẽ chỉ giới hạn trong thế giới vật chất hay chiều không gian này mà thôi. Qua công phu tu tập, hoạt động của trí tuệ được khơi dậy thì sự kiểm soát của bản ngã sẽ dần dần mất đi. Muốn bản ngã bị loại bỏ hoàn toàn, trí tuệ phải hoạt động với đầy đủ sức mạnh (*định lực*) để thay thế bản ngã, cũng như thay thế những hạt giống vô minh nằm sâu trong tàng

thức. Điều này có thể ví như ánh sáng thay thế bóng tối và đó chính là sự giác ngộ.

Thomas ngưng lại như để cho tôi suy nghĩ thêm rồi giải thích:

- Trong quá trình tu tập, người thực hành phương pháp tĩnh tâm còn phải biết vượt qua những tấm màn vô minh mới sử dụng được các giác quan tinh thần. Khi tập trung tâm thức quán chiếu vào bên trong, người thực hành sẽ gặp phải những chướng ngại rất lớn bởi sự khơi dậy của các hạt giống nằm sâu trong tầng thức, trong thiền tập, đây gọi là "ma cảnh".

Ông Kris cho biết có năm loại ma cảnh tương ứng với năm yếu tố cấu tạo thân xác: **sắc, thọ, tưởng, hành và thức**. Người tu thiền khi đạt đến mức tập trung tư tưởng, kiềm chế được vọng tưởng, tiến sâu vào tâm thức thì các hạt giống nằm sâu trong đó sẽ phát động, hiện ra những điều lạ lùng khiến người tu tập dễ sa ngã. Nếu đó là những hình ảnh hay màu sắc thì đó là ma cảnh hay ảo giác của sắc (*form*). Nếu đó là những cảm giác vui buồn, hoan lạc sung sướng thì đó là ma cảnh hay ảo giác của thọ (*feeling*). Nếu đó là những khả năng như thấy được quá khứ, nhìn được tương lai, bay trên không trung thì đó là ma cảnh hay ảo giác của tưởng (*thinking*). Nếu đó là những nhận xét về sự biến chuyển sinh và diệt, đến và đi, thấy mọi vật hoạt động ra sao, thì đó là ma cảnh hay ảo giác thuộc về hành (*mental formation*). Nếu nhận thức mọi vật rõ rệt, việc gì cũng biết, trí óc tự nhiên thông minh sáng suốt rồi thì nghĩ rằng mình đã thành công, đã trở thành một "đấng" nào đó hay "thần linh" thì đó là ma cảnh hay ảo giác thuộc về thức (*consciousness*).

Tôi hỏi ngay:

- Nếu thế, trường hợp hồi tưởng kiếp sống quá khứ của ông có phải là ma cảnh không?

Thomas mỉm cười trả lời:

- Đã có lúc tôi nghĩ như thế và tự hỏi việc này có thật hay chỉ là tưởng tượng. Qua các trải nghiệm hết sức rõ ràng, những chi tiết về các kiếp sống trong quá khứ và qua nhiều trải nghiệm thì tôi biết rằng đó hoàn toàn không phải là tự kỷ ám thị. Tôi cũng đã hỏi ông Kris về việc này và ông Kris đã xác nhận rằng tôi đã từng tu tập cùng ông ấy trong bốn kiếp sống tại Ấn Độ và Tây Tạng, khi đó cả hai chúng tôi đều là tu sĩ. Qua công phu lúc đó, tôi đã phát triển được định lực rất sâu, khai mở được các giác quan tinh thần nên nhớ được tiền kiếp. Tuy nhiên, dù đã tu hành trong những kiếp sống đó, nhưng vì những nhân duyên phức tạp từ trước nên tôi vẫn phải trở lại để trả nghiệp quả. Khi đầu thai, trừ những bậc tu hành cao thâm thì phần lớn mọi người đều u mê, không còn nhớ gì nữa. Biết thế nên từ kiếp sống trước tôi đã phải nhờ ông Kris giúp để phục hồi những khả năng này và để tiếp tục con đường tu tập khi xưa.

Thomas nhìn tôi rồi giải thích thêm:

- Anh nên biết, bộ óc vật chất của chúng ta chỉ được cấu tạo trong kiếp sống hiện tại và chỉ hiện diện trong kiếp sống ấy – khi chết thì nó tan rã. Do đó, không ai có thể nhớ được những sự kiện đã xảy ra hàng trăm hay hàng ngàn năm về trước. **Tuy nhiên, tất cả mọi sự đều được lưu trữ trong tầng thức và nếu đi sâu vào tâm thức đó, người ta có thể biết được các kiếp xưa.** Có lẽ anh cũng biết, đôi khi có những hình ảnh lạ lùng nào đó xuất hiện trong tâm chúng ta, nhưng ta lại không thể nhớ đó là gì. Thật ra, đó chỉ là ảnh hưởng của những **giác quan tinh thần phát động** mà thôi. Đôi khi đến một nơi chốn xa lạ nào đó hay nhìn thấy hình ảnh một thắng cảnh hoặc địa danh nào, tự nhiên anh cảm thấy quen thuộc như đã từng đến đó rồi. Đó chính là những ký ức rời rạc, phát xuất từ giác quan tinh thần mà nhiều người vẫn gọi là *Déjà vu*. Nó là những chủng tử nằm sâu trong tầng thức đang phát động, nhưng dĩ nhiên anh không thể biết gì hơn vì bộ óc vật chất của anh lúc nào cũng quay cuồng bởi nhiều ý nghĩ khác nhau nên đã che lấp hiện tượng trên. Muốn nhớ về các kiếp quá khứ, cần phải phát triển một sự tập trung cao độ để đào sâu vào tâm thức vì điều này đòi hỏi thời gian để khai mở các giác quan tinh thần.

Tôi chợt nhớ vài việc nên hỏi thêm:

- Tuy nhiên, có những người bình thường, không hề tu tập, nhưng vì lý do nào đó mà họ tự nhiên có khả năng đọc được tư tưởng người khác, thấy được một số việc quá khứ hay tương lai, như trường hợp của các nhà tiên tri hay ngoại cảm. Ông nghĩ sao về việc này?

Thomas trả lời:

- Tôi cũng có hỏi ông Kris về điều này thì được trả lời rằng đó chỉ là những trực giác phát động bởi nhiều nguyên nhân khác nhau. Trực giác không phải là khả năng mà chỉ là các giác quan tinh thần phát sinh một cách ngẫu nhiên mà thôi. Nó đến và đi một cách bất ngờ mà con người không kiểm soát được. Có khi nào anh đến một nơi mà tự nhiên thấy rùng mình, sờn gai ốc, sợ hãi vô cớ không? Đó chính là trực giác cảm nhận được một sự việc đáng sợ nào đó. Tuy nhiên ngay lúc đó, bộ óc vật chất của anh đã làm việc, phủ nhận hiện tượng trên. Có lẽ anh cũng biết, loài vật sống nhiều bằng trực giác hơn con người, đó là vì bộ óc của chúng chưa phát triển được như con người, chúng chưa biết suy tư hay lý luận nên trực giác của chúng tốt hơn. Ví dụ như con chó có thể cảm nhận được hiện tượng vô hình hay rung động bất thường mà con người không biết, cũng không cảm nhận được gì hết. Con gà trống gáy đúng giờ trước khi mặt trời mọc. Chim bồ câu biết tìm đường về tổ cho dù bị mang đến một nơi rất xa. Loài cá hồi từ nơi rộng rãi cũng biết tìm về ao lạch mà chúng được sinh ra để đẻ trứng... Nếu quan sát thế giới loài vật, ta có thể thấy trực giác đóng một vai trò rất quan trọng.

Thomas suy nghĩ một lúc rồi nói thêm:

- Với những trường hợp anh đề cập, có thể một vài người khi xưa đã từng tu tập và phát triển khả năng nào đó và kiếp này bất ngờ hồi phục khả năng xưa. Tuy nhiên, đây là việc không bình thường, nên phải cẩn thận, bởi tự nhiên có quyền năng thì con người rất dễ lạc vào đường nguy hiểm. Nếu họ nghĩ rằng mình đã trở thành một thần linh có quyền năng, rồi lạm dụng những năng lực đó thì sẽ phải trả

quả báo rất nặng. Điều này có thể ví như đưa cho một đứa trẻ khẩu súng đã nạp đạn sẵn sàng để xem nó làm gì. Dĩ nhiên, nó có thể gây thương tích cho chính nó hay người khác vì nó đâu ý thức được gì về sự nguy hiểm đó. Người hiểu biết, có quyền năng, cũng không bao giờ nói ra hay sử dụng quyền năng của mình vào bất cứ việc gì. Nhà tiên tri chân chính dù biết được tương lai cũng đều hiểu câu "*thiên cơ bất khả lộ*". Một vài người chỉ để lại vài bài thơ, vài câu nói vu vơ để cảnh báo nhân loại mà thôi. Cho đến khi sự việc xảy ra thì người ta mới hiểu được ngụ ý của bài thơ, câu nói trên.

Thomas lại nói tiếp:

- Ngoài ra ông Kris còn nói rằng, có những người vì lý do nào đó, lại cho phép những vong linh hay sinh vật ở cõi khác sử dụng thể xác của mình. Đó là hiện tượng xảy ra khi cầu cơ, lên đồng hay ngoại cảm. Họ có thể nói được một số việc khi mê man nhưng lúc tỉnh dậy thì không nhớ gì hết. Bởi vì lời nói khi mê man ấy chẳng phải chính họ nói, mà có ai đó ở cõi khác đã sử dụng xác thân của họ để tiên báo việc này việc kia. Vì ở cõi khác, vong linh có thể nhìn thấy, biết trước một số việc rồi mượn thân người sống để nói ra. Cũng như chúng ta, có người thông minh có người khờ dại, thì ở cõi bên kia, vong linh cũng có trình độ cao thấp khác nhau cho nên kiến thức và sự hiểu biết của họ vốn không đồng đều. Đó là chưa kể một số vong linh còn phóng đại hay xuyên tạc mọi việc nữa. Vì thế, những việc được nói ra có khi đúng, có khi sai. Việc này là cực kỳ nguy hiểm vì một khi ta đã để sinh vật ở cõi khác sử dụng thân xác thì từ đó sẽ không thể kiểm soát chính mình được nữa. Cõi bên kia sẽ có những sinh vật bất hảo, mượn xác người để đạt được những mục đích mờ ám. Có vong linh chỉ mượn xác người để thỏa mãn tham vọng cá nhân, tự xưng thần linh, đòi hỏi mọi người cúng tế. Có vong linh trao đổi điều kiện với người sống, giúp họ việc buôn bán phát tài, thăng quan tiến chức, đạt chức tước địa vị hay quyền lực nào đó, đổi lại, họ phải để vong linh lấy đi sinh lực của mình. Các buổi tế lễ sử dụng máu huyết súc vật hay nghi thức tế thần bằng cách giết người ở các bộ lạc man rợ đều thuộc vào trường hợp này. Những việc này không khác gì "bán linh hồn cho ma quỷ", vì sau đó người này sẽ mãi mãi

trở thành quyền thuộc của động lực ma quái kia, nghe theo sự sai bảo của chúng. Khi hoàn tất điều kiện trao đổi rồi, vong linh bỏ đi, khiến người sống tự nhiên mất hết tài sản, quyền lực, phải gánh chịu những hậu quả nặng nề.

Tôi hỏi thêm:

- Anh nghĩ sao về trường hợp của các thầy bói, thầy tướng số, thầy phong thủy? Đâu phải người nào cũng nhờ đến các sinh vật ở cõi bên kia?

Thomas trả lời:

- Một khi đã tin vào nhân quả thì chúng ta không nên quá bận tâm đến số mạng hay phong thủy. Tuy tử vi, phong thủy là những phương pháp có cơ sở chứ không hoàn toàn mê tín nhưng người nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực này thì không nhiều, trong khi những người chỉ biết chút ít rồi tuyên bố, truyền bá lung tung thì nhiều vô kể. Không những thế, nhiều người có tài ăn nói khiến mọi người tin tưởng, u mê. Do đó, có người nghe nói về vận mạng rồi lo lắng mất ăn, mất ngủ. Có người nhận tin sẽ thăng quan, tiến chức, mừng như bắt được vàng. Nếu hiểu biết, tâm vững vàng thì tại sao lại để những việc như thế ảnh hưởng? Tại sao vài câu nói vu vơ có thể khiến tâm mình xáo trộn? Nếu đã biết tròng nhân nào thì sẽ gạt quả nấy, nhân tốt sẽ có quả tốt và ngược lại, thì tại sao lại lo? Người hiểu biết luật vũ trụ phải biết chấp nhận mọi sự, tốt cũng như xấu, giàu cũng như nghèo, may cũng như rủi, nếu cần thì phải sẵn sàng biết chuyển nghiệp, làm điều lành tránh điều dữ, định mệnh dù thế nào rồi cũng có thể thay đổi.

Thomas trầm ngâm một lúc như suy nghĩ điều gì rồi nói:

- Trong chu kỳ trước, người Atlantis sống hoàn toàn bằng bản năng và trực giác, kiến thức của họ được xây dựng thông qua sự tiếp xúc với các sinh vật ở các cõi giới bên kia. Nhờ thế mà họ có thể làm được nhiều việc mà ngày nay chúng ta không tưởng tượng được. Nhờ hồi tưởng những ký ức xưa, tôi biết được việc sử dụng năng

lượng mặt trời, dùng gậy ngọc chữa bệnh, việc chuyển đổi vật chất qua các chiều không gian để xây dựng đền đài, hay kiến trúc vĩ đại, cũng như việc biến đổi thân xác, ghép vào đó các yếu tố của loài vật khác để tạo ra các quái vật dị hình. Khi văn minh Atlantis thoái hóa đến cùng cực, thì việc lạm dụng những kiến thức này đã đưa nhân loại vào một thời kỳ hôn ám, ghê gớm với những năng lượng tiêu cực như tham lam, hận thù, giết chóc và chiến tranh... Đó chính là nguyên nhân đưa đến sự diệt vong của nền văn minh này.

Thomas thở dài:

- Theo ông Kris, trải qua hàng chục ngàn năm, hàng ngàn kiếp sống, người Atlantis hiện vẫn trở về sống trong thế giới này. Một số đã học được những bài học cần phải học, một số khác vẫn chưa học được bao nhiêu, tiếc thay, những người chưa học được bài học ấy lại chiếm đa số trên hành tinh này. Bởi sự hiện diện của những người này, ta có thể thấy nhân loại đang bước vào một giai đoạn hôn ám, nguy hiểm. Thói quen cũ chưa bỏ được nên họ vẫn ham mê quyền lực, có người còn kêu gọi các động lực ma quái đến giúp họ có thêm quyền năng để cai trị nhân loại bằng mọi giá – thậm chí gây ra những cuộc chiến tranh phi nghĩa. Những động lực này ảnh hưởng đến tâm thức nhân loại khiến nhiều người trở nên dễ giận dữ và bạo động bất ngờ, việc này đặc biệt nguy hiểm nếu người đó đã ở vị trí quyền lực cao. Anh có thể thấy tình trạng này đang xảy ra khắp nơi, nhiều người trở nên mất bình tĩnh, không còn kiểm soát được mình nữa. Hậu quả là mọi sự bắt đầu bị xáo trộn, tạo ra những bất ổn xã hội, quốc gia và trên cả thế giới. Một số năng lực tiêu cực này hiện đang nguy trang dưới những động cơ lý thuyết phi nhân, những công cụ khoa học mới lạ, những phát minh lạ lùng mà mọi người lại tin rằng là văn minh, tiến bộ. Không mấy ai ý thức rằng mục đích sâu xa của nó là tái lập nền văn minh với sự cai trị ích kỷ, tàn bạo như Atlantis xưa kia.

Thomas chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Quay lại vấn đề trí thông minh nhân tạo mà chúng ta vừa bàn. Đối với mọi người, đây là phát minh tuyệt diệu nhưng với tôi, thì đây không phải điều gì mới lạ. Bởi vì khi xưa tại Atlantis, máy móc thông minh là việc thường, điều làm tôi lo ngại là chúng sẽ được sử dụng để làm gì? Khi máy móc dùng để giết người thì nó đâu phân biệt người này với người khác. Do đó, máy thông minh có thể hủy diệt toàn thể nhân loại. Hãy thử nghĩ, nếu trong tương lai máy móc thông minh chi phối đời sống, quyết định mọi việc thì con người sẽ làm gì? Khi nhân loại không còn suy nghĩ nữa mà để máy suy nghĩ giùm, thì bộ óc của họ sẽ phát triển ra sao? Phải chăng nó sẽ thoái hóa, rồi sẽ đến lúc con người trở thành ngu ngơ như loài vật? Anh có thấy hiện nay nhiều người đã bắt đầu sống như thế rồi không? Họ hầu như luôn vội vã hành động một cách máy móc mà không suy nghĩ gì. Họ ăn, ngủ, làm việc như cái máy, vì mọi việc đều được hoạch định theo thời gian biểu, lịch trình lập sẵn. Anh chắc cũng biết, nhiều thanh niên ngày nay không chịu học hành, không chịu làm việc, không thích hoạt động, từ chối giao tiếp với xã hội mà chỉ ăn bám vào gia đình, sống như một cái máy, không mục đích, không ý nghĩa gì.

Tôi nghe kỹ và gật đầu:

- Chúng ta đã từng nói về mặt trái của khoa học công nghệ. Quả thật, ngày càng có nhiều phát kiến mới lạ khuyến khích mọi người sống ảo hơn là sống thật.

Thomas tiếp tục:

- Không chỉ có những người sống như máy móc, hiện nay rất nhiều người cũng bắt đầu sống một cách vô cảm, vô ý thức. Chúng ta có thể thấy thảm cảnh chiến tranh đã xảy ra ở nhiều nơi, nạn đói kém, hạn hán, lũ lụt rồi bệnh tật, đủ các dịch bệnh phát sinh nhưng chúng ta đã và đang làm gì? Phải chăng nếu nó chưa xảy ra cho mình, cho gia đình mình hay quốc gia của mình thì không có một ai quan tâm hết? Hẳn sẽ có người lập luận: "Một cá nhân như tôi thì đâu làm gì được". Nếu đa số mọi người đều có ý nghĩ như vậy thì nhân loại sẽ

dần dần đi đến chỗ dừng dưng, vô tâm, không quan tâm đến những việc xảy ra quanh mình nữa. Có bao giờ anh tự hỏi tại sao chúng ta lại sinh vào thời đại này, quốc gia này mà không là nơi khác hay vào một thời gian khác? Chúng ta cùng sinh ra trong thế giới này là vì chúng ta đã có những mối liên hệ với nhau từ trước. Toàn thể mọi người trên thế giới hiện nay đều có những cộng nghiệp phải trả. Hãy nhìn vào bệnh dịch đang xảy ra, tại sao có người mắc bệnh chết ngay, có người không chết, có người khi hết bệnh lại bị nhiều di chứng khổ không thể tả? Dịch bệnh xảy ra khắp thế giới nhưng nơi nhẹ, nơi nặng? Nếu không phải nhân quả thì giải thích như thế nào đây? Dịch bệnh chỉ là dấu hiệu ban đầu cảnh cáo cho những việc ghê gớm hơn nữa sẽ xảy ra trong tương lai. Liệu chúng ta có thể vô cảm, dừng dưng mãi được không? Trong bất cứ xã hội nào, dù có văn minh đến đâu, cũng đều có những người cần giúp đỡ nhưng mấy ai đã quan tâm? Mấy ai biết nghĩ đến người khác hay biết lan tỏa tình thương, mở lòng từ bi, đưa tay giúp đỡ những người đó?

Tôi hỏi Thomas:

- Ông cho rằng sẽ còn nhiều biến cố ghê gớm hơn sắp xảy ra trong tương lai sao?

Thomas gật đầu nói:

- Anh thử tưởng tượng một cảnh tượng thế này: Trên đường phố có hàng trăm người đang đói khát, nằm quần quai bên đường chờ chết nhưng một số người vẫn thản nhiên bước đi, thậm chí bước qua thân xác của những người đó mà không hề quan tâm, không có cảm xúc gì. Tàn nhẫn quá phải không? Khi xưa, việc này thường xảy ra tại Atlantis. Là người thuộc giai cấp cao, tôi không để ý đến những người thuộc giai cấp thấp hơn. Họ làm gì hay sống chết ra sao đều không phải là việc tôi cần quan tâm đến. Sự vô cảm này là việc bình thường, lúc đó người Atlantis chưa phát triển tình thương mà chỉ sống bằng bản năng. Bộ óc của họ chưa phát triển, sự suy tư của họ còn nông cạn, danh từ "tình thương" không hề có trong ngôn ngữ, ứng xử hay tâm thức của họ. Tuy nhiên, hiện nay nhân loại

không như thế, họ đã có bộ óc để suy nghĩ, có sách vở để học, đã được giáo dục về trách nhiệm, bổn phận và tình thương thì không thể còn vô cảm như thế được.

Tôi giật mình nói ngay:

- Vậy, liệu những việc như thế có thể xảy ra trong thời gian tới?

Thomas trả lời:

- Có thể xảy ra, nếu không nói thẳng là sẽ xảy ra. Chỉ ít lâu nữa, anh sẽ thấy các thiên tai hàng loạt xảy đến như nạn đói, khan hiếm nước sạch, ròi hạn hán, sâu bọ phá hoại mùa màng, dịch bệnh và ròi chiến tranh. Trong hoàn cảnh đó, con người sẽ hành động như thế nào? Phải chăng "ai chết mặc ai – mạnh ai nấy sống"?

Tôi trầm ngâm:

- Nếu mọi người có thể vô cảm đến mức độ đó thì thật đáng buồn và đáng lo ngại.

Thomas nói:

- Đâu cần đợi đến lúc đó. Hiện nay, anh có thể thấy nhiều người đã sống như thế rồi. Khi nhìn thấy sự kiện, hoàn cảnh đáng thương nào đó, họ chỉ bình luận vu vơ "Tội nghiệp quá!", rồi chuyển qua quan tâm việc khác như không hề có gì xảy ra. Phản ứng của họ là thế, hời hợt và vô cảm. Họ sống ích kỷ và nông cạn, chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như quảng cáo thương mại, các trào lưu hào nhoáng, các phong trào trên mạng xã hội, rồi suy nghĩ y hệt như thế, hành động theo cảm quan của số đông, theo ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, trò chơi công nghệ. Không mấy người biết suy tư với lý lẽ riêng, lập trường riêng. Mấy ai biết trong đời sống có biết bao bài học cần học, những người biết rồi cũng có mấy ai chịu học đâu...

Tôi hỏi:

- Nói vậy thì họ cần phải học những gì?

Thomas mỉm cười:

- Nói đến việc cần học gì thì sẽ có hàng trăm ý kiến khác nhau và sự bàn cãi sẽ kéo dài liên miên không dứt. Tất cả đều phát xuất từ những suy luận của khối óc vật chất, của bản ngã, của lòng tham lam, sự ích kỷ. Ai cũng cho rằng quan niệm, suy nghĩ của mình là đúng và của người khác là sai. Một giải pháp tốt cho quốc gia này có thể không tốt cho quốc gia khác, vì ai cũng có lòng riêng, cũng tính toán giành lợi lộc cho mình hay phe phái của mình. Do đó, thay vì đưa ra những giải pháp để tạo ra những thay đổi lớn lao, thì giải pháp hữu hiệu nhất chính là thay đổi tâm thức của chính mình để sống hợp với các chân lý hay định luật của vũ trụ.

Tôi thở dài:

- Hiện nay trên thế giới này vẫn không có mấy người tin vào luật nhân quả, mặc dù đã có nhiều bằng chứng, giải thích một cách khoa học bằng các định luật vật lý. Cũng như thế, vì không có bằng chứng xác thực gì về các kiếp sống khác sau khi chết, nên nhiều người không tin vào luân hồi, cho rằng chết là hết, sống là để hưởng thụ.

Thomas mỉm cười nói:

- Đúng là có nhiều người không tin. Nhưng nếu không tin, họ giải thích thế nào về trường hợp ngủ mơ về một nơi chốn xa lạ hay gặp một người lạ nào đó. Khi những hình ảnh này lặp đi lặp lại nhiều lần trong các giấc mơ thì đó là bằng chứng rằng họ đã từng sống ở nơi chốn ấy, hay đã gặp người kia trong kiếp sống trước. Giấc mơ một phần là sự phản ánh vô thức của những hạt giống trong tàng thức, vì mọi việc xảy ra, từ suy nghĩ, lời nói đến hành động đều được lưu trữ trong tàng thức. Có một nghiên cứu khoa học về các trẻ nhỏ từ ba đến bảy tuổi có thể nhớ được tiền kiếp. Những đứa bé này có thể mô tả chi tiết chính xác về những sự kiện, con người hay địa điểm nào đó. Nhiều người cho rằng đó chỉ là sản phẩm tưởng tượng,

nhưng làm sao những đứa trẻ rất nhỏ có thể tưởng tượng ra những địa danh, tên tuổi của những người mà chúng không hề quen biết? Nếu đó không phải là bằng chứng của kiếp sống khi xưa thì giải thích thế nào? Tôi biết nhiều người bị hấp dẫn một cách khó giải thích với phong tục, văn hóa, hay ngôn ngữ của những quốc gia xa lạ. Họ cảm thấy rất quen thuộc hay thích thú với các nền văn minh cổ như Ai Cập, Hy Lạp hay Trung Hoa mặc dù chưa bao giờ đến đó hay biết gì về những quốc gia đó. Nếu không phải do đã từng sống ở những nơi đó thì còn vì sao? Thậm chí, tôi có thể nói khi anh mơ là phần linh hồn của anh thoát ra khỏi thân xác và đi trải nghiệm các cõi giới tinh thần hoặc trải nghiệm ở một thế giới song song khác, tùy theo mức độ tâm thức và độ thanh sạch của tinh thần. Khi cơ thể ngủ, các giác quan vật lý rơi vào trạng thái tĩnh lặng thì phần giác quan tinh thần của anh sẽ trở nên sống động – có thể coi là xuất hồn. Vật lý lượng tử đã chứng minh đa vũ trụ là có thật, có nhiều không gian, thời gian khác cùng tồn tại song song với thế giới này.

Thay vì đưa ra những giải pháp để tạo ra những thay đổi lớn lao, thì giải pháp hữu hiệu nhất chính là thay đổi tâm thức của chính mình để sống hợp với các chân lý hay định luật của vũ trụ.

Tôi hỏi thêm:

- Vậy hiện tượng bóng đè thì sao, liệu có phải do yếu bóng vía, thần kinh yếu hay do một thực thể tâm linh, vong linh nào đó bám theo làm phiền, dọa nạt?

Thomas cười nói:

- Hiện tượng bóng đè có thể lý giải. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới hiện tượng này, nguyên nhân tà ám cũng có, nhưng đó chỉ là thiểu số. Lý do chủ yếu là khi ngủ, một phần hồn của anh sẽ rời khỏi thân xác và đi trải nghiệm ở những thế giới khác, các giác quan đời sống của anh được đưa đến một không-thời gian khác. Giấc mơ dài hay ngắn là do mức năng lượng linh hồn của anh, có những thiền sư có thể có những giấc mơ mà họ ở trong đó vài chục năm. Quay lại hiện tượng bóng đè, khi tỉnh khỏi giấc mơ, linh hồn sẽ quay lại thân xác, nếu thân xác thức dậy trước khi hồn nhập về hoàn toàn thì sẽ rơi vào trạng thái trữu nặng, mê man mà chúng ta gọi là hiện tượng bóng đè. Do đó, bóng đè thường xảy ra khi cơ thể anh bị yếu, mệt, căng thẳng hoặc khi anh thoát khỏi ác mộng đột ngột, phần hồn và phần xác chưa tương thích hoàn toàn. Nếu anh ngủ thẳng giấc, phần hồn về lại phần thân xác một cách bình thường thì sẽ mở mắt thức dậy trong an bình.

Thomas ngừng lại, rút trong ngăn kéo ra chiếc nhẫn hình con bọ hung:

- Khi trước tôi bị hấp dẫn bởi chiếc nhẫn này, tôi không hiểu tại sao mình lại muốn có một chiếc nhẫn giống như thế. Nếu không nhớ lại tiền kiếp tại Ai Cập thì không bao giờ tôi có được câu trả lời.

Ông chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Tương tự, tại sao chúng ta cảm thấy có một sự liên hệ mạnh mẽ bất chợt tình cờ với một ai đó, dù chỉ mới gặp lần đầu? Phải chăng mình và họ đã từng quen nhau từ trước? Cũng như tại sao lại có

người rất sợ độ cao hay căm ghét màu đỏ, sợ nghe tiếng côn trùng kêu vào ban đêm... đó là vì những trải nghiệm tiền kiếp còn lưu lại trong tàng thức của họ. Đó cũng có thể gọi là dấu vết luân hồi.

Tôi đồng ý:

- Tôi cũng nghĩ chắc chúng ta đã có những liên hệ từ kiếp xa xưa nào đó. Tôi không ngờ qua cuộc gặp gỡ tình cờ tại Đài Bắc mà tôi có dịp được nghe ông chia sẻ về những kiếp sống xa xưa. Quả thật là một nhân duyên. Tuy là một nhà khoa học nhưng tôi cũng là một Phật tử, tôi luôn tin nhân quả, luân hồi, dù trên thế giới không phải ai cũng tin như thế. Không phải ai cũng có thể giải thích được tường tận cốt lõi của luật nhân quả và luân hồi theo cách dễ hiểu, khoa học.

Thomas mỉm cười nói:

- Khi anh đề nghị viết cuốn sách về những trải nghiệm của tôi, tôi đã rất bất ngờ. Tôi nghĩ anh là một nhà khoa học, không ngờ anh cũng viết sách và tâm huyết với việc lưu truyền văn hóa cho đời sau. Ban đầu tôi cũng hơi phân vân, nhưng lại nghĩ đây là cơ hội có thể giúp những người không tin vào nhân quả có thể chuyển nghiệp, thay đổi tâm thức để sống tốt hơn. Đó là lý do rất chính đáng để tôi đồng ý thực hiện cuốn sách này với anh.

Tôi đưa mắt nhìn ánh mặt trời chiếu qua những cành thông đang rung rinh bên cửa sổ tạo thành những tia nắng nhảy múa tựa cánh bướm và nói với Thomas:

- Thế giới của chúng ta đang rung chuyển và biến động từng ngày. Dù có là người thờ ơ nhất thì cũng ý thức được những cơn rung chấn cấp độ toàn cầu đã và đang áp sát cửa nhà chúng ta. Thử nhìn ra xung quanh, chỉ vài năm trở lại đây, thiên tai trở nên ngày càng cực đoan, băng vĩnh cửu đang tan nhanh ở hai đầu cực địa cầu, trái đất nóng lên chạm ngưỡng báo động, dịch bệnh lan tràn, chiến tranh bùng nổ và có nguy cơ lan rộng, thế giới lại phân cực trở lại như thời chiến tranh lạnh, thậm chí sự sống của toàn thể nhân loại đang bị đe

dọa bởi cơn bốc đồng của một vài cá nhân sở hữu những nút bấm kích hoạt vũ khí hạt nhân... Nếu có một chút để tâm đến những gì đang diễn ra, tôi nghĩ chúng ta phải tự hỏi: "*Chúng ta đang để lại cho con cháu mình một thế giới như thế nào?*". Trong những ngày tháng đầy biến động này, tôi hy vọng mọi người đều biết tự hỏi thế giới này đang đi về đâu? Phải chăng trong sự phát triển cao ngạo của mình, nhân loại đã đi sai hướng suốt một thời gian dài – tự gọi mình là chủ nhân địa cầu nhưng chúng ta có cư xử xứng đáng như một chủ nhân có trách nhiệm tại ngôi nhà chung của muôn loài? Những gì con người đang hướng tới cho đến nay vẫn là ngắn hạn, đi về hướng phá hủy và tận diệt. Thảm họa đã ở trước mắt, tôi và ông đã nhận ra, chắc chắn những người dẫn dắt thế giới cũng đã nhận ra, nhưng có bao nhiêu người chọn chung tay cùng hành động cho một thế giới tương lai tốt đẹp và nhân ái hơn cho loài người? Ngay trong môi trường làm việc của tôi, đa số người trẻ đều tự hào về sự tiến bộ của công nghệ. Họ quan niệm trí thông minh là điều kiện tất yếu giúp con người tạo ra những phát kiến phi thường.

Nhiều công ty và trường đại học cũng đánh giá cao về trí thông minh nên thường tuyển chọn nhân viên, sinh viên dựa trên chỉ số thông minh.

Thomas gật đầu:

- Trong lúc khoa học và công nghệ phát triển, thu được nhiều thành quả tốt đẹp, thay đổi đời sống con người thì dĩ nhiên số đông tin vào các định luật khoa học và phát kiến công nghệ. Hiển nhiên trí thông minh là cần thiết, chúng ta không thể phủ nhận khả năng của nó được. Mọi tiện nghi của đời sống vật chất bây giờ đều là kết quả của trí thông minh. Không lâu trước đây, nếu muốn đi xa, chúng ta phải dùng xe ngựa, nhưng bây giờ thì đã có xe hơi hay phi cơ. Nhờ trí thông minh, đời sống con người đã hoàn toàn thay đổi. Tuy nhiên, câu hỏi của tôi là những người thông minh này đã và đang làm gì với tài năng của họ?

Tôi trả lời:

- Phần lớn chỉ chú trọng vào việc kiếm tiền, có càng nhiều tiền càng tốt. Ai cũng biết trong thế kỷ này, công nghệ là yếu tố chính đã tạo ra những cơ hội làm giàu hiếm có. Khi xưa, phần lớn người giàu đều phải trải qua thời gian dài vượt thử thách, gian nan mới xây dựng được sự nghiệp thành công, vững chắc. Ngày nay, nhiều người trẻ có thể trở thành triệu phú chỉ trong một thời gian ngắn. Việc kiếm tiền tương đối nhanh chóng này khiến họ trở nên kiêu căng, tự mãn, ích kỷ và vô cảm. Họ không quan tâm gì đến những hậu quả từ việc làm của mình, cũng không quan tâm đến những gì xảy ra xung quanh. Đồng tiền đã chi phối và làm thay đổi hầu hết con người. Nhiều người chỉ lo kiếm tiền và không ngần ngại làm bất cứ việc gì, kể cả những việc sai quấy, trái luân thường đạo lý, miễn là có tiền. Nhiều người coi tiền bạc là thước đo giá trị và mục đích của đời sống. Ít ai có thể vươn tầm mắt khỏi những lợi ích cá nhân và để ý gì đến những lý tưởng cao đẹp, đem lại lợi ích chung cho nhân loại. Tôi không cho rằng sự phát triển của công nghệ đang dẫn dắt nhân loại đi đến nền văn minh cao hơn và hạnh phúc hơn. Trái lại, công nghệ và muôn kiểu tiện ích thông minh dựa trên AI đang khiến con người bớt nhân ái hơn, vô cảm hơn, lười nhác hơn. Chúng ta ít nhìn vào ánh mắt nhau một cách chân tình, ít dành cho nhau nụ cười và nhận ra những thiện ý của nhau hơn, vì hầu hết thời gian của chúng ta dùng để cắm mặt vào điện thoại, iPad hay máy tính. Hình ảnh quen thuộc nhất khi nhắc đến thời đại này chắc chắn là những con người đang cúi đầu nhìn vào màn hình điện thoại bất kể ngày hay đêm, họ nghĩ họ đã có cả thế giới trong một thiết bị nhỏ xíu nhưng đồng thời họ cũng tự cô lập mình ra khỏi thế giới. Có lẽ vì thế mà ít người nào còn quan tâm đến những việc xung quanh, thế giới của chúng ta dường như đang bị hủy hoại với tốc độ nhanh chưa từng có.

Thomas gật đầu:

- Thật đáng tiếc, có thể nhiều người trong chúng ta ngày càng thông minh hơn nhưng hầu hết lại không biết sự khác biệt giữa trí thông minh (*intelligence*) và trí tuệ (*wisdom*).

Tôi nhớ lại:

- Chúng ta từng thảo luận về vấn đề này, nhưng chưa có cơ hội đi sâu hơn. Ông có thể chia sẻ thêm góc nhìn của ông về sự khác biệt giữa hai thứ này không?

Thomas trả lời:

- Theo tôi, trí thông minh chỉ là bước đầu giúp con người thay đổi, thích nghi với đời sống. Nó chỉ là cái mầm non vừa nảy từ hạt để mọc thành cây chứ chưa đơm hoa, kết trái được.

Nó đã tạo ra các phát minh có giá trị nên nhiều người đặt cho nó vai trò quan trọng. Thật ra nó chỉ là chiếc xe ngựa thô sơ đưa con người từ chỗ này đến chỗ khác, không thể so sánh với phi thuyền không gian bay khắp vũ trụ được. Trí thông minh giúp ta suy luận, phân tích và giải quyết một số vấn đề nhưng nó rất giới hạn khi so với trí tuệ. Hiện nay, các khoa học gia, kinh tế gia, lý thuyết gia, những người được coi là thông minh, chỉ biết hướng ra ngoài tìm kiếm giải pháp, trong khi điều họ nên làm là quay vào bên trong và sử dụng trí tuệ của mình. Do đó, các sáng kiến hay phát minh của họ thường không mang lại ý nghĩa và hạnh phúc thật sự cho con người. Trong thời đại này, chúng ta cần biết rằng mọi phát minh phải được xây dựng từ đạo đức và trách nhiệm – tức căn bản của trí tuệ – chứ không phải từ trí thông minh. Không có đạo đức, trí thông minh chỉ tạo ra những điều có hại cho xã hội. Người thông minh thường tự hào rằng họ đã hiểu biết hết mọi sự nhưng liệu họ có biết hậu quả của việc họ đã và đang làm không?

Tôi đồng tình với Thomas:

- Tôi hiểu. Tôi đã từng đặt vấn đề với các sinh viên về mặt trái của công nghệ nhưng đa số đều không quan tâm, vì đầu óc của họ chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân. Không những thế, thị trường công nghệ hiện nay và hầu hết sản phẩm của nó như mạng xã hội, trò chơi video... cũng xây dựng dựa trên lợi ích của công ty thay vì quyền lợi chung. Khi người trẻ làm việc trong thế giới công nghệ này, phần lớn

đều bị lôi cuốn vào việc đem lại lợi ích cho công ty. Vì tiền, họ sẵn sàng làm mọi việc, bất chấp hậu quả, dù có thể họ biết đó là những việc phi nhân tính, gây hại đến người khác.

Thomas gật đầu:

- Đúng thế, tuy người thông minh có thể làm được nhiều việc đáng kể nhưng trí thông minh không giúp họ có cái nhìn toàn diện, sâu sắc về hậu quả. Đa số đều bị mê hoặc bởi bản ngã kiêu căng, ích kỷ rồi tự mãn về thành quả đạt được. Rất hiếm người làm việc một cách vô tư hay khiêm tốn, càng hiếm người hành động không vì danh lợi mà chỉ vì biết đó là việc cần cho xã hội. Người biết về những sai lầm, cố chấp của bản ngã lại càng hiếm hơn. Khi xưa, tôi may mắn tiếp xúc được với một người có trí tuệ đặc biệt đã giúp tôi phân biệt rõ về việc này.

Tôi hỏi:

- Có phải một câu chuyện tiền kiếp khác của ông không?

Thomas mỉm cười, gật đầu:

- Đúng vậy. Khi sống tại Bactria, tôi theo Timotheus thực hành phương pháp tĩnh tâm, và chúng tôi thực hành với một người như thế. Vị này dạy tôi phải tuân theo một số kỷ luật (*giới*) để kiểm soát thân xác, loại bỏ sai lầm của bản ngã. Sau đó, tôi được dạy kiểm soát tư tưởng, không cho nó chạy lung tung. Khi tư tưởng tập trung (*định*) thì sẽ phát triển được trí tuệ. Nói cách khác, khi trí thông minh được tinh luyện thì nó sẽ chuyển hóa thành trí tuệ. Theo tôi, đây là yếu tố cần thiết cho việc chuyển hóa của nhân loại hiện nay.

Trong thời đại này, chúng ta cần biết rằng mọi phát minh phải được xây dựng từ đạo đức và trách nhiệm – tức căn bản của trí tuệ – chứ không phải từ trí thông minh. Không có đạo đức, trí thông minh chỉ tạo ra những điều có hại cho xã hội. Người thông minh thường tự hào rằng họ đã hiểu biết hết mọi sự nhưng liệu họ có biết hậu quả của việc họ đã và đang làm không?

Tôi trầm ngâm một chút rồi đáp lời:

- Trí thông minh mà không có tình thương dẫn đường thì sẽ chỉ tìm cách mưu lợi cho bản thân, bất chấp gây hại đến xã hội, và cũng không thể chuyển hóa thành trí tuệ. Chỉ khi có nhiều người hơn nữa thức tỉnh, khai mở trí tuệ, mang theo ánh sáng từ ái chữa lành trong hành trình sống của mình thì nhân loại mới thay đổi được những nghiệp dữ đang ngày càng lan rộng khắp địa cầu. Tôi đã suy ngẫm nhiều về lý tưởng của tỷ phú Farnum, về cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức mà ông đã âm thầm nhận lãnh như một sứ mệnh mà những linh hồn cao cả ở cõi giới bên kia đã trao cho ông. Sự thức tỉnh tâm linh của nhân loại đang bắt đầu và có thể lan tỏa. Thomas, ông đã thức tỉnh, Farnum cũng đã thức tỉnh, tôi và nhiều người khác trên hành tinh này cũng đang chứng kiến những biến động rung chuyển thế giới để thức tỉnh. Sự thức tỉnh này nếu diễn ra sớm hơn, thế giới của chúng ta có lẽ đã không tòi tệ, lụi tàn quá nhanh như hiện nay. Đợt diệt chủng thứ sáu đã bắt đầu, lẽ nào, con người chỉ có thể thay đổi khi thật sự đứng trước bờ vực diệt vong...

Thomas trầm ngâm:

- Tôi nhận ra rằng cái gọi là "tự do ý chí" của con người chính là một phép thử. Đứng trước tự do lựa chọn, ta sẽ chọn cái xấu hay cái tốt? Tất cả đều là lựa chọn, thế nhưng tại sao trong suốt nhiều thế kỷ qua chúng ta luôn chọn hơn thua, danh lợi, dục vọng, chém giết và đẩy thế giới đến ngưỡng diệt vong như hiện nay? Cũng may, tuy cái xấu rất cám dỗ và dễ chọn lựa, nhưng cũng có không ít người đã can đảm lựa chọn điều tốt đẹp như cứu giúp người, lan tỏa trí tuệ, trao gửi tình thương, hướng thiện, chữa lành. Họ đã đến với cuộc đời này và mang theo ánh sáng của thiên thần – hay nói đúng hơn, họ *chọn* ánh sáng thiên thần để thắp lên trên ngọn lửa sinh mệnh của mình. *Ánh sáng đó là sự chuyển hóa tâm thức.* Ánh sáng đó, tôi và anh hay bất cứ ai đều có thể chọn được. Con người chúng ta, với tự do ý chí, có thể trở thành ác độc, khát máu như quỷ dữ, nhưng cũng có thể tràn đầy ánh sáng ấm áp như những thiên thần – tất cả

đều là lựa chọn. Phương Đông có câu "*Vật cùng tắc biến, vật cực tất phản*", ý nói khi mọi thứ đến một điểm cực độ thì ắt sẽ có thay đổi. Chúng ta đang đi đến cái ngưỡng đó, đây là lúc để thay đổi tâm thức, nếu không, thứ chờ đợi con người chắc chắn sẽ là tận diệt.

Tôi tiếp lời Thomas:

- Tôi đồng tình với quan điểm của ông. Cái gọi là thay đổi tâm thức có thể diễn ra khi ánh sáng khoa học và ánh sáng tâm linh kết hợp và dẫn đường cho nhân loại đi đến nền tảng trí tuệ cao hơn. Đó là khi trí tuệ của tâm linh sẽ dẫn đường cho khoa học vươn đến những điều nhân văn tốt đẹp. Từ ngàn năm trước, những triết gia, những nhà huyền bí của cả phương Đông và phương Tây đều đã đưa cho nhân loại lời khuyên "*muốn tìm hiểu vũ trụ thì hãy quay vào bên trong tìm hiểu chính mình*". Bên trong con người chính là một tiểu vũ trụ hoàn hảo, trong đó có thứ ánh sáng thanh khiết, tự nhiên từ năng lượng uyên nguyên. Vậy mấu chốt của cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức là để ánh sáng tâm linh trong mỗi người có cơ hội phát lộ để dẫn đường cho chính mình, cho nhân loại và cho khoa học tương lai phát triển đúng hướng.

Thomas gật đầu:

- Đúng là như vậy. Theo tôi được biết, trước chúng ta không chỉ có nền văn minh Atlantis, mà còn có ba nền văn minh khác đã diệt vong là **Lanzada, Mihtarlam, Lemuria**. Tất cả đều đã bị chôn vùi khi bị con người khai thác đến mức tận diệt, vì họ đã hành xử quá tham lam, tàn bạo, trái với tự nhiên. Quay trở lại việc tu tập để chuyển hóa tâm thức và đạt đến trí tuệ, tôi nghĩ đó là con đường tất yếu để con người có thể cứu vãn sự sống của chính mình cũng như của hành tinh này. Đó cũng là con đường tất yếu trong hành trình bất tử của linh hồn.

Tôi nói ngay:

- Ông vừa nhắc đến kiếp sống mà ông và Timotheus đã cùng tu tập tại Bactria. Đó có phải là giai đoạn thức tỉnh đầu tiên của ông, khởi

đầu cho hành trình tu tập, khai mở các năng lực tinh thần sau này?

Thomas gật đầu:

- Sau khi rời bỏ Babylon và đến Bactria tìm gặp Timotheus, chúng tôi đã cùng thực hành những phương pháp tu tập do các hiền giả Ấn Độ hướng dẫn. Tôi đã bắt đầu hành trình thức tỉnh tâm linh ở đó. Tôi đã có những hồi tưởng chi tiết về kiếp sống này, tôi sẽ kể tiếp cho anh.

Sau đây là câu chuyện của Thomas...

Mấu chốt của cuộc cách mạng chuyển đổi tâm thức là để ánh sáng tâm linh trong mỗi người có cơ hội phát lộ để dẫn đường cho chính mình, cho nhân loại và cho khoa học tương lai phát triển đúng hướng.

PHẦN HAI

KHAI NGỘ Ở BACTRIA

GIÁC QUAN XÁC THÂN VÀ GIÁC QUAN TINH THẦN

Sau khi Alexander Đại đế băng hà, Kyros tôi tiếp tục trông coi việc tài chính tại Babylon trong sự chán chường vì chứng kiến những tranh chấp, đấu đá giữa những người quen cũ. Bất ngờ nhận được tin của Timotheus, người bạn tưởng đã mất từ lâu, tôi vội vàng bỏ mọi thứ để đến Bactria. Chuyến đi này đã đưa cuộc đời tôi rẽ sang một hướng khác, tôi quyết định rời bỏ quan trường, không trở về Hy Lạp nữa mà cùng bạn mình tu tập cùng những hiền giả Ấn Độ. Chúng tôi dành nhiều thời gian chuyện trò về các khía cạnh tu tập, phát triển tinh thần và trí tuệ. Vốn là học trò của Plato, sau đó là học trò của Aristotle, những hiểu biết của Timotheus đều xoay quanh triết lý của những người thầy này, cho đến khi anh được tiếp xúc và học hỏi những điều mới lạ với các hiền giả Ấn Độ. Quá ngạc nhiên và ấn tượng trước những hiểu biết mới này, Timotheus đã dành trọn những tháng ngày sau đó vừa tu tập vừa tìm hiểu, chiêm nghiệm hòng lĩnh hội được những bí ẩn về thân phận con người.

Khi gặp lại Timotheus, một trong điều đầu tiên chúng tôi trao đổi với nhau cũng là những kiến thức mới lạ này. Timotheus so sánh những điều mà hai bậc thầy Plato và Aristotle đã dạy với những kiến thức anh học được tại đây.

- Socrates, Plato và Aristotle đều dạy rằng con người gồm có hai phần là xác thân và linh hồn. Xác thân thì hữu hình và hữu hoại, còn linh hồn thì vô hình và bất diệt. Kiến thức của Hy Lạp chỉ dựa trên những gì chúng ta cảm nhận được thông qua giác quan thân xác như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân rồi chuyển thông tin từ giác quan vào bộ óc để suy luận và hành động. Mặc dù các bậc thầy như Plato và Aristotle đã đề cập đến sự hiện diện của linh hồn nhưng cũng chỉ dừng lại ở mức quan niệm mà thôi. Thật ra họ không biết gì nhiều về

khía cạnh ẩn mật, sâu kín này. Đã từ lâu các nhà hiền triết xứ ta vẫn tự hỏi "Ta là ai?". Có phải "Ta" là cái xác thân này không? Nếu "Ta" là xác thân này thì khi chết "Ta" có mất đi không? Phải chăng chết là hết, hay vẫn còn cái gì tồn tại sau đó? Cái tồn tại sau đó có phải là linh hồn? Nếu thế, phải chăng linh hồn mới chính là "Ta"? Vậy khi thể xác chết thì linh hồn sẽ đi đâu? Nếu linh hồn là "Ta" thì theo logic, ta phải biết chứ. Tại sao ta không biết gì cả? Việc này lý giải thế nào đây? Plato dạy rằng linh hồn dựa vào thể xác để cảm nhận các hiện tượng bên ngoài rồi suy luận và hành động. Nhưng linh hồn hoạt động ra sao? Chúng ta không biết. Sau khi thân xác chết, linh hồn đi đâu? Chúng ta cũng không biết. Socrates và Plato tin rằng linh hồn sẽ di chuyển vào thể xác khác vì nó bất diệt nhưng nếu nó đi vào thể xác khác thì tại sao ta không nhớ gì về những việc xảy ra khi trước? Nếu linh hồn là "Ta" thì ta phải nhớ chứ? Mặc dù chúng ta đã hỏi vô vàn câu hỏi nhưng không ai có thể trả lời. Do đó, nó vẫn là một bí mật mà các bậc thầy giỏi nhất xứ ta cũng không thể lý giải.

Timotheus giải thích thêm:

- Aristotle tin rằng có lẽ người Ai Cập có hiểu biết về vấn đề này nên đã yêu cầu Alexander cho thu thập các tài liệu của xứ này về để nghiên cứu. Chính tôi đã đích thân xem xét các tài liệu này trước khi mang về Pella nhưng tôi nhận thấy người Ai Cập cũng chỉ nói một cách mơ hồ về thế giới bên kia cùng những nghi thức tống táng, tẩm liệm sau khi chết. Tôi thấy rằng đó cũng chỉ là đức tin của các giáo sĩ Ai Cập chứ không có sự giải thích rõ ràng, hợp lý. Do đó, đây đã luôn là điều tôi canh cánh trong lòng, mãi cho tới khi đến vùng Hydaspes và được tiếp xúc, học hỏi với các bậc hiền triết nơi đây thì tôi mới biết rằng từ lâu người xứ này đã có những kiến thức siêu việt, giải đáp được thắc mắc của tôi.

Tôi hỏi:

- Nói vậy, người Ấn giải thích như thế nào về vấn đề này?

Timotheus trả lời:

- Người Ấn cũng giải thích rằng con người là tập hợp của xác thân và linh hồn nhưng họ phân tích sâu hơn và chi tiết hơn. Xác thân con người bao gồm sáu giác quan – *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và óc* - giúp ta cảm nhận các sự kiện bên ngoài. Linh hồn cũng có sáu giác quan tương ứng giúp ta khai triển những thông tin thu nhận từ giác quan thể xác, ngoài ra nó còn có các giác quan khác nữa. Giác quan thể xác bị giới hạn trong thế giới ta đang sống, còn giác quan linh hồn thì mở rộng đến những nơi khác, chiều không gian khác mà giác quan thể xác không thể chạm đến được. Người Hy Lạp biết về giác quan thể xác nhưng không biết gì về giác quan của linh hồn. Tại sao lại như thế? Vì giác quan thể xác hoạt động đã lấn át các giác quan của linh hồn, nên các giác quan này vẫn ở trạng thái tiềm ẩn. Giác quan thể xác càng hoạt động nhiều chừng nào thì giác quan của linh hồn càng ẩn sâu chừng đó. Con người càng chú trọng đến nhu cầu thân xác nhiều bao nhiêu thì nhu cầu tâm linh càng ít đi bấy nhiêu. Muốn phát triển giác quan linh hồn thì ta phải biết giới hạn hoạt động của giác quan thân xác. Đó chính là nguyên lý căn bản của minh triết xứ này. Từ lâu người Ấn đã biết các phương pháp ngồi yên, tập trung tư tưởng để khai triển các giác quan tiềm ẩn của linh hồn. Nhờ thế họ đã mở ra được một chân trời mới, phát triển một kiến thức siêu việt, hết sức logic, và kiến thức này đã hoàn toàn thuyết phục tôi. Nó nâng cao tầm mắt của tôi lên một phạm vi rộng lớn, vượt khỏi giới hạn thế giới của con người. Nó đưa tôi đến tầng cấp cao hơn trong sự vận hành của vũ trụ. Không những thế, tôi đã được dạy về các động lực vô hình trong thiên nhiên cũng như các định luật vũ trụ như *Nhân quả* và *Luân hồi*.

Tôi phản biện:

- Nhưng biết đâu đó cũng chỉ là một kiểu đức tin mà thôi.

Timotheus vẫn giữ giọng trầm tĩnh, kiên nhẫn giải thích:

- Ngay từ đầu, các hiền triết xứ này đã nói rất rõ với tôi rằng đừng tin vào những điều họ dạy mà phải biết nghi ngờ, tự mình suy nghĩ và tìm hiểu thật kỹ. Chỉ khi nào thấy một kiến thức là hoàn toàn có lý,

đúng với sự suy luận của mình thì mới chấp nhận. Tôi đã bỏ ra nhiều tháng để suy ngẫm về điều này trước khi chấp nhận sự giải thích đó. Tuy nhiên, khi tôi nói với họ rằng tôi đã tin tưởng những kiến thức này thì họ lại nói rằng sự tin tưởng đó là chưa đủ, vì lòng tin chân thật phải có sự trải nghiệm tâm linh. Các vị ấy giải thích rằng lòng tin đơn thuần (*belief*) dựa trên **suy luận của lý trí thường dẫn đến sự chủ quan về một lý thuyết hay quan niệm nào đó**. Sự tin tưởng như thế rất dễ dẫn lối người ta đến những điều lầm lạc, cố chấp, đôi khi cực đoan, cuồng tín. Lòng tin dựa trên lý trí không vững, vì người ta có thể khi tin, khi lại nghi ngờ. Các nhà hiền triết coi lòng tin không có trải nghiệm tâm linh là kiểu lòng tin nông cạn. Chỉ khi có sự thành tâm và trải nghiệm sâu sắc, qua công phu tu tập, được minh chứng rõ rệt mới được coi là lòng tin tuyệt đối (*faith*). Chính vì thế, tôi đã dành trọn thời gian tuân theo phương pháp họ chỉ dẫn hòng đạt đến lòng tin tuyệt đối này. Mặc dù tôi đã có được vài trải nghiệm tâm linh, nhưng vẫn chưa thể coi là đủ. Tôi tin rằng theo thời gian tôi sẽ có được những trải nghiệm sâu sắc hơn.

Tôi vẫn thắc mắc:

- Nếu chỉ cần tin là đủ, thì tại sao lại cần phải có lòng tin tuyệt đối?

Timotheus trả lời:

- Nhờ lòng tin tuyệt đối, không còn nghi ngờ, chúng ta mới có thể tiến xa và gặt được nhiều thành quả trên con đường tìm kiếm minh triết. Có tin thì mới hiểu thấu những điều được giảng dạy một cách rõ ràng. Nền minh triết xứ này bao la như biển cả, chỉ khi có lòng tin tuyệt đối ta mới có thể đi sâu được. Nếu học hỏi với tâm thế nửa tin, nửa ngờ thì không thể hiểu một cách rốt ráo. Khi xưa, tôi theo học những bậc thầy uyên bác nhất của Hy Lạp nhưng vẫn còn nhiều điều chưa thỏa mãn. Khi tiếp xúc với các vị hiền triết nơi đây thì tôi biết mình đã gõ đúng cửa, tìm đúng đường. Không những họ chỉ rõ cho tôi những điều mà tôi vẫn luôn thắc mắc mà còn giúp tôi mở cánh cửa tâm linh, đến với biển kiến thức siêu việt. Nhờ lòng tin

tuyệt đối tôi có thể dừng cảm xúc bước đi mà không sợ làm đường, lạc lối.

Tôi vẫn chưa hiểu thật rõ ràng, hỏi thêm:

- Nó giúp anh không làm đường lạc lối như thế nào?

Timotheus trả lời:

- Khi chưa có lòng tin tuyệt đối, lúc tin, lúc ngờ thì dễ bị lay chuyển. Gặp việc không vừa ý thì dễ mất lòng tin, nhận thức không rõ ràng thì dễ thay đổi ý kiến. Việc học hỏi nào cũng có lúc gặp khó khăn, thử thách, khi có lòng tin vững chắc thì mới có thể vượt qua được trở ngại, chông gai. Lòng tin là căn bản dẫn dắt mọi sự. Ở Hy Lạp, chúng ta được dạy tin vào thần linh, còn các hiền triết xứ này nói rằng lòng tin tuyệt đối là tin tưởng vào chính mình, vào khả năng hiểu biết của mình để **phát triển trí tuệ (wisdom)** – một thứ kiến thức siêu việt vượt ra khỏi mọi kiến thức thông thường.

Mặc dù lúc đó tôi chưa hiểu rõ điều Timotheus nói nhưng cũng vui vì bạn mình đã tìm được điều mà anh đã luôn khắc khoải từ nhiều năm nay. Tôi hỏi:

- Vậy về vấn đề linh hồn mà anh vẫn luôn thắc mắc, người Ấn giải thích như thế nào?

Timotheus nhẹ nhàng trả lời:

- Theo các hiền triết xứ Ấn, xác thân có sáu giác quan còn linh hồn thì có đến tám giác quan. Sáu giác quan đầu của linh hồn, *nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức* và *ý thức* tương ứng với sáu giác quan của xác thân là *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân* và *óc*. Chúng có nhiệm vụ ghi nhận những cảm giác của các giác quan thể xác này rồi chuyển vào giác quan thứ bảy để xử lý. Giác quan thứ bảy - *Mạt na* - sẽ phân tích các cảm giác này rồi phán xét, quyết định mọi sự trước khi hành động. Sự suy luận, phân tích còn được dựa trên các dữ liệu có từ trước, đã được cất giữ trong giác quan thứ tám,

tức *A lại da thức* hay *tàng thức*, để chọn ra một quyết định thích hợp. Tuy nhiên mọi dữ kiện, cảm giác được chuyển vào đây đều ít nhiều bị thay đổi hay bóp méo bởi sự tương tác giữa giác quan thứ bảy và giác quan thứ tám. Đó là lý do tại sao chúng ta dễ có thành kiến hay sự phán xét mang tính áp đặt, chủ quan, vì mọi sự việc mà ta tiếp nhận đã không còn đúng hay chính xác như bản chất vốn có.

Trong lúc bàn luận với Thomas về đề tài này, tôi đã so sánh sự hoạt động của tâm thức với máy điện toán. Các giác quan (căn thức) giống như các cảm biến (sensor). Thức thứ sáu (ý thức) như bộ tiền xử lý (pre-processor) với chức năng ghi nhận, sắp đặt, phân loại dữ kiện của các giác quan. Thức thứ bảy (Mạt na) như trung tâm xử lý (CPU) quyết định mọi việc. Thức thứ tám (A lại da) như cơ sở dữ liệu (database). Dĩ nhiên, tôi so sánh như thế chỉ để cung cấp một khái niệm đại cương cho người đọc dễ hiểu. Thực tế, sự vận hành của tâm thức phức tạp hơn như vậy rất nhiều.

Timotheus nói thêm:

- Đây là một giải thích vô cùng lý thú. Khi suy ngẫm kỹ, ta sẽ thấy hầu hết mọi quyết định của con người thường mang tính chủ quan, được xây dựng dựa trên những gì có lợi cho người đó nhất. Tại sao như vậy? Trong khi sáu giác quan kia ghi nhận mọi sự và chuyển cho giác quan thứ bảy xử lý, giác quan này đã tự động "chủ quan hóa" tất cả và cho rằng mọi việc đều xảy ra quanh "nó", vì nó làm chủ, "nó" có quyền quyết định mọi cảm giác (*sensory*), trải nghiệm (*experience*), niềm tin (*belief*), kiến thức (*knowledge*) và cảm xúc (*emotion*). Do đó, tôi tin rằng giác quan thứ bảy của linh hồn chính là cái "bản ngã" mà các vị thầy Hy Lạp xưa nay vẫn tìm kiếm.

Giọng Timotheus trở nên hào hứng hơn:

- Câu hỏi "Ta là ai?" hiện đã có lời giải, tôi tin là vậy. "Ta" chẳng phải chỉ là thân xác mà còn có cả phần linh hồn, trong phần linh hồn đó

có bản ngã làm chủ và quyết định mọi sự. Các hiền triết Ấn Độ nói rằng có sự tương quan chặt chẽ giữa xác thân và linh hồn. Giác quan của linh hồn phải dựa vào giác quan xác thân để hoạt động. Khi chết, giác quan của xác thân hư rã thì giác quan linh hồn gần như cũng tiêu vong. Điều này giải thích tại sao khi chuyển qua đời sống khác, con người không nhớ gì hết – vì các giác quan linh hồn, bao gồm giác quan thứ bảy, *Mạt na* hay bản ngã, của kiếp trước đã tiêu vong rồi. Khi chuyển sinh sang đời sống mới, cơ thể đã có các giác quan mới, do đó, ta là một người mới, với bản ngã mới, hầu như không còn dính dáng gì đến con người và bản ngã của kiếp trước nữa. Tuy nhiên, nói vậy không phải là khi chuyển sinh, con người sẽ cắt đứt mọi liên hệ với kiếp trước. Ngược lại, trong vòng luân hồi, con người sẽ luôn chịu ảnh hưởng của các kiếp sống trước, thông qua luật nhân quả. Điều này diễn ra nhờ vào giác quan duy nhất tồn tại không phụ thuộc vào thân xác – giác quan thứ tám (*A lại da*). Giác quan này và mọi dữ kiện lưu trữ trong đó là vẫn tồn tại sau khi thân xác tan rã, nếu biết kích hoạt giác quan này, ta có thể hồi tưởng những việc xảy ra từ các kiếp trước.

Tôi thắc mắc:

- Nếu mọi giác quan khác đều tiêu vong sau khi thân xác chết, tại sao giác quan thứ tám vẫn tồn tại?

Timotheus giải thích:

- Tôi cũng từng đặt câu hỏi như thế. Vị thầy người Ấn trả lời rằng mọi giác quan đều dựa vào nhau để tồn tại. Khi các giác quan thể xác hư rã thì giác quan tương ứng của linh hồn cũng ngừng hoạt động. Khi sáu giác quan này không hoạt động nữa thì giác quan thứ bảy không còn gì để xử lý nên cũng tan rã theo. Do đó bản ngã cũng không còn. Tuy nhiên, giác quan thứ tám chứa hạt giống vẫn tồn tại là vì các hạt giống này có tiềm lực rất mạnh, đang chờ cơ hội để nảy mầm. Chính nhờ sức sống mạnh mẽ của các hạt giống này (*nghiệp lực*) mà giác quan thứ tám không tiêu biến theo thân xác. Nói cách khác, các hạt giống này còn thì giác quan thứ tám cũng còn. Nó

chính là cỗ máy vận chuyển luật Nhân quả, luân chuyển từ kiếp này qua kiếp khác, không ngừng lưu giữ những hạt giống đang tiếp tục được gieo vào đó. Khi đủ duyên, một số hạt giống nảy mầm, tạo thành đời sống mới. Do đó, nghiệp lực theo ta từ kiếp này qua kiếp khác. Vì vậy, chết không phải là hết.

Timotheus ngừng lại để cho tôi suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Plato và Aristotle tin rằng sau khi chết, linh hồn sẽ chuyển qua xác thân khác. Đã làm người thì sẽ trở lại làm người. Đôi khi người lập nhiều chiến công có thể trở thành thần thánh với quyền năng vô hạn. Còn trong hiểu biết của người Ấn, thế giới này không chỉ có loài người và loài vật mà còn có rất nhiều chủng loài vô hình nữa. Do đó khi chết, linh hồn con người có thể chuyển sinh thành người, súc vật hay các sinh vật vô hình ở những cõi giới khác. Với tôi, thông tin này quá mới lạ, khiến tôi hoang mang, vì trước đây chưa từng nghe ai nói gì về các sinh vật vô hình kia. Người Hy Lạp tin rằng thần linh đều hữu hình – nghĩa là có hình dáng như người, sống trên núi Olympia chứ không vô hình như người Ấn điển tả.

Tôi cũng ngạc nhiên và còn rất hoài nghi:

- Liệu điều này có thể tin được không? Nếu đã là sinh vật vô hình thì làm sao người Ấn thấy được? Biết đâu đó cũng là một sự tưởng tượng của họ mà thôi?

Timotheus gật đầu:

- Tôi cũng từng nghĩ như thế, nhưng qua những gì được học ở đây, tôi dần hiểu rằng không phải cái gì ta không nhìn thấy được thì không hiện hữu. Nếu tu tập đến mức nào đó, ta có thể khai mở các giác quan đặc biệt của tinh thần, thấy được nhiều thế giới lạ lùng hay các sinh vật vô hình. Các hiền triết Ấn Độ khuyên tôi chú tâm tu tập, theo thời gian, sẽ trải nghiệm được những việc khó tin này. Đó cũng là lý do họ khuyên tôi không nên tin bất cứ điều gì nếu không có những trải nghiệm tâm linh. Sự tin tưởng đơn thuần dựa vào lý trí

hay giác quan của xác thân thường thiếu sót nhiều, cần phải phát triển sự hiểu biết siêu việt bên trong thì mới đầy đủ và trọn vẹn.

Tôi suy ngẫm một chút rồi hỏi:

- Nói vậy, sau khi chết, xác thân tan rã, bản ngã tan biến, chỉ còn lại tàng thức... Nhưng cụ thể thì những chuyện sau cái chết diễn ra như thế nào?

Timotheus giải thích:

- Có một thứ đáng lưu ý về những gì xảy ra sau cái chết là cận tử nghiệp của người mới chết, nó nằm ở rìa ngoài cùng giác quan thứ tám của linh hồn. Nói đơn giản thì cận tử nghiệp là tất cả tâm lý, hành động hoặc ý niệm của người sắp lâm chung, nó sẽ quyết định linh hồn đó sẽ đủ điều kiện bước vào môi trường nào cho hành trình kế tiếp. Cận tử nghiệp nặng khiến nhiều linh hồn rơi vào trạng thái không thể chấp nhận mình đã chết, còn chất chứa nhiều oán niệm, mong ước chưa hoàn thành... nên vẫn quanh quẩn mãi như mắc kẹt ở trần gian. Thậm chí, với những linh hồn khi sống từng tuyệt đối tin rằng chết là hết thì khi chết đi, linh hồn rời khỏi xác, họ sẽ không chấp nhận nỗi sự thật này và rơi vào "hôn mê mờ mịt"... Tuy nhiên, nói khái quát hơn thì thứ duy nhất tồn tại sau khi chết là *A lại da thức* của linh hồn, nó không chỉ lưu trữ dữ liệu của một kiếp sống mà của vô vàn kiếp sống. Vị thầy người Ấn của tôi ví giác quan thứ tám này như một thửa ruộng mà trong đó có rất nhiều hạt giống khác nhau của vô vàn kiếp sống. Nói ví von, khi trời mưa, tức *đủ duyên*, thì một số hạt giống nảy mầm, thành cây rồi trổ quả. Hạt giống nào thì nảy mầm thành cây ấy, hạt ô liu sẽ mọc thành cây ô liu, hạt cải sẽ mọc lên cây cải. Khi không mưa, tức *không đủ duyên*, thì những hạt giống này vẫn ở đó trong trạng thái tiềm ẩn chứ không mất đi. Các hiền triết Ấn Độ tin rằng "linh hồn" không phải là cái gì bất biến như Plato đã dạy, mà nó thay đổi không ngừng tùy các hạt giống (*nhân*) được gieo vào đó. Hay nói cách khác, hành trình trả vay, gieo gặt nhân quả qua muôn kiếp sống đó chính là hành trình tiến hóa của linh hồn. Ở mỗi kiếp sống, ngay sau khi chết, giác quan thứ tám sắp

đặt lại các loại hạt giống (*nhân*) theo quy luật Luân hồi và Nhân quả để chuẩn bị cho đời sống tiếp theo. Cận tử nghiệp cũng tham gia vào quá trình này.

Tôi ngắt lời:

- Nếu thế thì đời sống sau đó sẽ ra sao?

Timotheus trả lời:

- Tùy vào việc các hạt giống tồn tại trong giác quan thứ tám được thu xếp thế nào mà chúng tìm đến nơi chốn thích hợp dưới một hình thể mới, không nhất thiết phải là người. Tùy theo sự sắp đặt của quy luật Nhân quả và Luân hồi của vũ trụ mà chúng ta trở lại làm người, làm súc vật hay chuyển sinh thành những sinh vật vô hình ở các tầng cõi cao thấp khác nhau. Đây là một quy trình sinh động và phức tạp vì có nhiều yếu tố trong đó. Cũng giống như hạt giống cây cối cần phải có đất, nước, khí hậu, thời tiết (*duyên*) mới nảy mầm, các hạt giống tốt, xấu trong giác quan thứ tám sẽ nảy mầm khi đủ duyên, sớm hay muộn, kiếp này hay kiếp khác, tùy vào cơ duyên của mỗi người. Con người sinh vào nơi nào hay hoàn cảnh nào cũng đều do những hạt giống phát tác khi gặp hoàn cảnh thích hợp, tức đã đủ duyên.

Timotheus nhấn mạnh:

- Nói cách khác, đời sống hiện nay ra sao đều do những thói quen, hay *tập khí*, từ trước dẫn dắt. Những hạt giống tham lam, ích kỷ, thường nảy mầm tại nơi có nhiều tranh chấp hay chiến tranh. Hạt giống nghệ thuật thì tìm nơi có hoàn cảnh thích hợp để phát triển... Do đó, chính ý nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta trong kiếp này sẽ dẫn dắt chúng ta đi về đâu ở kiếp sau, chứ chẳng phải do thần linh nào quyết định. Chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc đời của mình.

Tôi phản ứng ngay:

- Nói như vậy, kiếp này tôi phải làm nô lệ là do những việc tôi đã gây ra từ kiếp trước? Tôi đã làm những gì mà phải chịu thân phận như thế này chứ?

Timotheus chăm chú nhìn tôi rồi nói:

- Tôi không biết được về tiền kiếp của anh, đây là điều chính anh phải tìm ra. Tại sao người này sinh ra trong thân phận này, người khác lại có thân phận khác, tại sao người làm nô lệ, kẻ được tự do? Phải chăng người từng gieo nhân xấu phải trả quả bằng cách sống kiếp làm nô lệ? Những người đang chịu đọa đày ở kiếp này hẳn đã từng đọa đày, chèn ép, đối xử bất công với người khác? Tôi không có câu trả lời chính xác cho anh, nhưng tôi chẳng biết sự giải thích nào thích đáng hơn. Anh có thể chọn tin hay không tin.

Tôi bối rối, phản ứng yếu ớt:

- Nhưng cũng phải... có ai đó có quyền quyết định chứ?

Timotheus từ tốn lắc đầu:

- Đến lúc này anh vẫn tin vào các thần linh, vẫn còn giữ quan niệm thần linh nắm quyền điều khiển đời sống con người sao? Chúng ta là con người, nào phải nô lệ cho thần linh. Khi xưa, anh vẫn oán trách số phận nô lệ của mình và cương quyết không chấp nhận cảnh người đày đọa người hay buôn bán con người như súc vật, thì tại sao giờ anh lại dễ dàng chấp nhận suy nghĩ có ai đó hay thế lực nào đó quyết định đời sống của mình? Như vậy phải chăng quá mâu thuẫn rồi?

Lời Timotheus như một gáo nước lạnh khiến tôi giật mình, buộc phải ngẫm nghĩ kỹ hơn về điều này. Tôi tự nhủ sẽ thật sự nghiêm túc suy ngẫm về những gì Timotheus vừa nói. Tôi gật gù ra hiệu đã ghi nhận, rồi hỏi thêm:

- Giác quan thứ tám lớn thế nào mà có thể chứa nhiều đến vậy?

Timotheus mỉm cười:

- Giác quan này không phải là thứ hữu hình hữu thể, nên không thể nói về tầm vóc của nó được. Nó có sức chứa vô biên. Tất cả những gì ta suy nghĩ, hành động đều được chứa trong nó. Những thói quen, hay tập khí mà ta cứ lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ tạo ra mãnh lực gọi là *NGHIỆP*. Sau khi chết nó sẽ dẫn dắt ta đến cõi giới tương ứng. Vị thầy người Ấn nói rõ: *"Tất cả tai ương, hoạn nạn hay điều tốt lành đều do chính mình tạo ra, nên đừng trách cứ ai. Làm lành thì kết quả tốt, làm ác thì kết quả xấu. Cho nên mọi ý nghĩ, lời nói, hành động đều phải cẩn thận, đừng làm việc gì sai quấy vì luật Nhân quả sẽ chẳng bỏ qua"*. Vì thiếu hiểu biết về các quy luật này nên chúng ta cứ mặc tình hành động bừa bãi, gieo đủ loại hạt giống tốt, xấu... vào giác quan thứ tám. Có bao nhiêu người ý thức được việc làm của mình sẽ mang lại hậu quả như thế nào? Đây là sự thiếu sót lớn của văn minh xứ ta, vì chúng ta chỉ biết nhìn vào cái thế giới nhỏ bé này chứ chưa biết vươn tầm mắt lên những gì cao xa hơn.

Timotheus tỏ ra xúc động:

- Khi được những hiền triết xứ này dạy về luật Nhân quả, tôi đã hết sức ngỡ ngàng vì chưa từng hình dung có một định luật logic như thế. Chắc anh còn nhớ khi Alexander Đại đế hội kiến suốt mấy tuần lễ với Vua Porus và đoàn người của ông ta. Lần đó, đoàn người của Vua Porus đã giảng về luật này, Đại đế lệnh cho tôi và các học giả Hy Lạp phải tìm đủ mọi cách tranh luận, phản biện để chứng minh văn minh và kiến thức Hy Lạp cao siêu hơn. Nhưng rốt cuộc mọi lý lẽ của những người uyên thâm nhất Hy Lạp cũng không đánh đổ được định luật này. Chính Alexander ngồi nghe hai bên thảo luận suốt mấy tuần lễ cũng đành phải công nhận giá trị của nền minh triết nơi đây. Ngài cũng đã thảo luận với Vua Porus về việc xây dựng và điều hành quốc gia dựa trên sự hiểu biết này. Sau đó, ngài ra lệnh bãi binh, trở về Hy Lạp. Alexander khi đó đã có ý thay đổi việc điều hành triều đình dựa trên kiến thức về luật Nhân quả. Ngài muốn giáo hóa nhân dân để xây dựng một quốc gia an định, tiến bộ. Khi đó, vì muốn học thêm những kiến thức thâm sâu của xứ này nên tôi quyết

định trốn khỏi doanh trại, ở lại đây để thụ giáo với các bậc hiền triết nơi này.

Tôi kể cho Timotheus nghe về cái chết của Alexander và câu nói bằng ngôn ngữ lạ lùng của ngài trên giường bệnh mà lúc đó không ai hiểu. Timotheus lắng nghe rồi giải thích:

- Đó là ngôn ngữ của xứ này. Câu đó có nghĩa là "*Sinh, Lão, Bệnh, Tử*" và "*Thành, Trụ, Hoại, Diệt*". Biết nhà vua bận rộn, không thể nhớ hết mọi sự nên một hiền triết xứ này đã dạy cho Alexander hai câu quan trọng để ông suy ngẫm khi trở về Babylon. Câu đầu dành cho cá nhân nhà vua, câu sau dành cho quốc gia mà ngài cai trị.

Chúng tôi rơi vào trầm tư, cùng hồi tưởng về những việc đã xảy ra. Một lúc sau, Timotheus phá vỡ sự im lặng:

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều về luật Luân hồi và sự liên tục của đời sống. Chúng ta cứ chết đi sống lại, lúc làm người, khi làm thú vật, không ngừng nghỉ gieo vào giác quan thứ tám đủ loại hạt giống. Tôi đã tự hỏi, đâu là khởi đầu của sinh tử luân hồi, đâu là điểm bắt đầu của một sinh mệnh. Những người thầy Ấn Độ giải thích rằng chúng ta đã sống hàng trăm, hàng ngàn kiếp trước đây và sẽ còn tiếp tục hàng trăm, hàng ngàn kiếp sau này. Trong vòng sinh hóa của vũ trụ, với sự hiểu biết còn hạn hẹp, chúng ta không thể biết về sự khởi đầu. Tuy nhiên, họ cũng nói rằng đó chẳng phải việc mà ta nên bận tâm. Chúng ta chỉ nên bận tâm việc làm sao để thoát khỏi vòng lẩn quẩn này để đạt được sự tự do tuyệt đối.

Tôi buột miệng:

- Cần gì phải tự do. Nếu được làm thần linh như thần Zeus, luôn sống trong sung sướng thì...

Timotheus bỗng trở nên hết sức nghiêm túc, anh cau mày, ngắt lời tôi, giọng nói cũng đanh lại:

- Anh cho rằng làm thần linh là sung sướng? Anh đọc Homer có bao giờ tự hỏi tại sao Achilles sau khi chết đã trở thành thần, đã cai quản cõi âm mà khi gặp lại Odysseus vẫn than rằng thà trở lại thế gian làm người, dù có làm nô lệ khổ sở, còn hơn làm vua trị vì cõi chết không? Tại sao Achilles nhất định đòi trở lại thế giới loài người hơn là sống ở cõi thần linh?

Timotheus nhắc đến Achilles khiến tôi liền nghĩ đến Alexander Đại đế và lời nói năm xưa của ngài tại cổ thành Troy. Cả tôi và Timotheus đều có mặt lúc đó và nghe rõ lời nói của vị vua trẻ: "Ta chính là Achilles đã trở lại". Tôi ngập ngừng một chút rồi đáp:

- Tôi chưa từng nghĩ đến. Vậy theo anh, tại sao Achilles đã trở thành thần rồi mà vẫn muốn trở lại làm người?

Timotheus trả lời:

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều cho đến khi hiểu ra rằng trong sung sướng, người ta không học được gì. Thần linh chỉ hưởng thụ mà không phải làm gì nên họ chỉ sống một cách vô tri, vô cảm, đời sống như thế thì thật vô nghĩa. Do đó, tôi hiểu tại sao Zeus tuy là thần nhưng vẫn thường trở lại thế gian dụ dỗ, tán tỉnh các cô gái đẹp. Zeus làm thế là để có thể sống bằng cảm xúc. Tại sao là thần mà Poseidon vẫn trở lại thế gian trút cơn thịnh nộ bằng cách gây bão tố trên biển? Vì ở nơi sung sướng của mình ngài đâu có lý do gì để giận dữ. Cũng thế, Hera cũng trở lại thế giới loài người để có thể giở thói ghen tuông, ganh tỵ với những người phụ nữ xinh đẹp khác. Tại sao thần linh lại làm thế? Vì họ không thể sống thiếu cảm xúc được. Làm thần như thế thì sung sướng nổi gì? Tôi nghĩ đến lời dạy của Socrates về việc phải học hỏi để tìm ra ý nghĩa chân thật của cuộc đời và tôi đi đến kết luận rằng chỉ khi làm người, chúng ta mới có dịp học hỏi qua các trải nghiệm để phát triển sự hiểu biết, bất kể qua trải nghiệm tốt hay tồi tệ. Đời sống loài người là môi trường duy nhất để học hỏi và đó chính là mục đích chân thật của kiếp người. Ở thế giới khác, chúng ta không thể học được gì. Làm thần được hưởng sung sướng nhưng vô cảm, chẳng học được gì. Làm súc vật thì ngu si

đâu thể học. Tôi cho rằng những kiếp sống như thế hoàn toàn vô nghĩa. Chỉ làm người chúng ta mới có thể định đoạt số phận, phát triển kiến thức, để đạt đến sự hiểu biết thật sự về mục đích của kiếp người. Đó là lý do tôi từ bỏ tất cả, danh vọng, địa vị, kể cả việc làm cố vấn cho Alexander, và quyết định ở lại đây để học hỏi thêm về kiến thức và minh triết xứ này.

Khi chưa có lòng tin tuyệt đối, lúc tin, lúc ngờ thì dễ bị lay chuyển. Gặp việc không vừa ý thì dễ mất lòng tin, nhận thức không rõ ràng thì dễ thay đổi ý kiến. Việc học hỏi nào cũng có lúc gặp khó khăn, thử thách, khi có lòng tin vững chắc thì mới có thể vượt qua được trở ngại, chông gai. Lòng tin là căn bản dẫn dắt mọi sự.

Timotheus ngừng lại một chút, gương mặt mơ màng như đang hồi tưởng. Sau đó anh chậm rãi lên tiếng:

- Kyros, trong mấy năm qua, tôi đã tuân theo sự chỉ dẫn của các thầy người Ấn để học hỏi những kiến thức uyên thâm nơi đây. Là học trò của Plato, tôi đã học triết học và lý luận để suy nghiệm những vấn đề của con người. Là học trò của Aristotle, tôi đã học cách quan sát các hiện tượng thiên nhiên và tìm cách giải thích chúng. Tôi quan sát các vì tinh tú và có thể giải thích một vài hiện tượng về mưa nắng, thời tiết. Tôi nghiên cứu thân thể con người và có thể giải thích nguyên nhân bệnh tật. Tôi học về dược chất của các loài thảo mộc để tìm cách chữa bệnh. Tôi những tưởng tôi đã sở hữu kiến thức uyên thâm, không thua gì các thầy của mình. Tuy nhiên đến đây và được học hỏi với các vị hiền triết xứ này, tôi mới vỡ lẽ rằng còn biết bao điều tôi không biết. Chúng ta chỉ biết sử dụng các giác quan của xác thân mà không ý thức được rằng chúng rất giới hạn. Bộ óc của chúng ta chỉ là một khối thịt, nếu không có linh hồn phía sau điều khiển thì nó không thể làm được gì. Ngay cả sự suy nghĩ, tư duy của chúng ta cũng không hoàn hảo vì ta chỉ dựa vào những kiến thức đã được truyền dạy trước đó. Nếu các kiến thức này thiếu sót thì sự hiểu biết của chúng ta cũng bất toàn.

Tôi hỏi:

- Vậy thì anh học được gì tại đây?

Timotheus thông thả kể:

- Lần đó Vua Porus đưa các vị hiền triết xứ Ấn đến tranh luận với các học giả Hy Lạp tháp tùng Alexander trong chuyến viễn chinh, chúng tôi đã thảo luận suốt mấy tuần liền về đề tài Luân hồi. Những hiền triết người Ấn nói rằng đời sống con người thì giới hạn – sinh ra, trưởng thành rồi già và chết đi theo năm tháng. Sau khi chết, con người lại tiếp tục một đời sống khác, cứ thế kéo dài liên miên bất tận, có khác gì đang ở trong tù. Vừa nghe đến đó, Alexander đã phản đối ngay, ngài lớn tiếng: "Các ông sai rồi. Hiện nay chúng tôi

đang tự do, muốn đi đâu thì đi, muốn làm gì thì làm. Tại sao ông nói đang ở trong tù được?". Vị hiền triết xứ Ấn vẫn trả lời rất từ tốn.

"Nếu ngài không tin mình đang ở trong tù, thì cũng giống như con chim sống trong lồng, tuy vẫn bay nhảy được nhưng không thể nào thoát ra khỏi cái lồng. Con chim không biết là nó đang bị giam, nhưng là người, ngài hiển nhiên biết con chim đó không có tự do. Cũng như chim trong lồng, con người lẫn quẩn trong vòng luân hồi, sống, chết, rồi lại tái sinh. Con chim có thể bay trong phạm vi của cái lồng và cảm thấy thỏa mãn vì nó chưa biết gì về bầu trời rộng mở thênh thang bên ngoài. Con người cũng thế, các ngài sinh ra, lớn lên, già yếu và chết đi, nhưng vẫn thoải mái, vì các ngài chỉ biết đến thế giới này chứ đâu biết gì về vũ trụ rộng lớn bao la kia. Làm sao các ngài hiểu được sự tự do tuyệt đối, hoàn toàn giải thoát khỏi luân hồi là như thế nào? Chim trong lồng được nuôi ăn thì con người cũng được hưởng dục lạc nên đâu biết gì nữa, cứ cam tâm sống rồi chết, chết rồi sống. Lúc lên, lúc xuống, khi sướng, khi buồn, lúc vui, lúc khổ, đâu biết gì về sự thanh thoi, tiêu sái của tự do tuyệt đối. Nếu các ngài không biết đặt câu hỏi về ý nghĩa của cuộc đời thì mãi cứ sống kiếp '*chim lồng, cá chậu*' mà thôi."

Các học giả Hy Lạp chấp nhận việc sống chết của kiếp người cũng như sự tái sinh qua kiếp khác là việc thường tình nhưng chưa một ai nói đến sự tự do tuyệt đối. Những gì vị hiền triết xứ này nói tựa tiếng sét đánh thức tôi, làm thay đổi hẳn các quan niệm trước đây của tôi. Sau buổi hội kiến kéo dài đó, tôi đến gặp riêng các nhà hiền triết này và hỏi có cách nào để thoát ra khỏi luân hồi không? Các vị này cho biết họ đang tu tập theo phương pháp mà bậc đạo sư của họ đã chỉ dạy và đó là con đường thoát khỏi luân hồi. Nếu muốn thì tôi có thể sống trong tu viện tại đây để học thêm, vậy là tôi quyết định ở lại.

Timotheus mỉm cười, có thể thấy người bạn của tôi rất hài lòng với quyết định ở lại đây. Anh kể tiếp:

- Sau khi được học về giác quan của linh hồn mà người Ấn gọi là tâm thức, tôi vô cùng sung sướng vì kiến thức này đã giúp tôi giải

đáp câu hỏi "Ta là ai" mà các bậc thầy Hy Lạp vẫn tìm kiếm bấy lâu. Tôi cũng từng tin rằng bản ngã chính là con người thật của mình vì nó làm chủ tất cả mọi sự. Nhưng các nhà hiền triết người Ấn đã nói với tôi: "Ông làm rồi, bản ngã không phải là ông đâu. Nó là ảo tưởng làm ông làm lạc và chặn đứng sự hiểu biết thật sự". Về sinh mệnh con người, các nhà hiền triết giảng rằng khi một bào thai được thụ tinh, giác quan thứ tám (*A lai da*) nhập vào bào thai và khởi sự tạo ra giác quan thứ bảy (*Mạt na*) để bắt đầu đời sống mới. Trong giác quan thứ tám có nhiều hạt giống của *sự sinh tồn* từ muôn kiếp trước nên giác quan thứ bảy rút ra những hạt giống này để duy trì sự sống và tạo cá tính riêng hay bản ngã của kiếp đó. Do đó, căn bản của bản ngã là sự tham sống, sợ chết. Lúc đó, tuy bào thai chỉ là khối thịt rất nhỏ nhưng đã có sự sống. Sau khi bản ngã hình thành, nó nhận thấy ngay có sự khác biệt giữa linh hồn và xác thân (*chủ thể và đối tượng*) nên bắt đầu phân biệt nhị nguyên (*Duality*). Sự phân biệt này là căn bản của bản ngã, và nó phán xét, phê bình, hành động dựa trên sự phân biệt này. Theo thời gian, bào thai phát triển, thể xác thành hình với các giác quan như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và óc thì các giác quan tương ứng của linh hồn như *nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân* và *ý* cũng phát triển theo. Từ đó, bào thai cảm nhận được những việc xảy ra quanh nó. Các cảm giác này được giác quan thứ sáu (*ý*) ghi nhận, xếp đặt và chuyển vào giác quan thứ bảy để xử lý. Giác quan này nhận xét, phân biệt và ra quyết định. Vì bản ngã đã có ý niệm phân biệt nên nó chỉ làm những gì có lợi để bảo vệ chính nó. Từ đó nảy sinh ý niệm yêu, ghét, chiếm hữu, tham lam, ích kỷ... Đó chính là nguyên nhân của mọi đau khổ trên thế gian này.

Khi chưa thật thấu hiểu, những lời dạy này đã khiến tôi vô cùng hoang mang. Vì vậy, các hiền triết này đã dạy tôi thực hành một thứ gọi là phương pháp tĩnh tâm (*Stillness Meditation*) nhằm có thể tìm ra con người thật của mình, nhưng tập mãi mà tôi vẫn còn cách cảnh giới đó rất xa. Tôi vẫn không biết được nếu con người thật của tôi không phải là bản ngã, thì là gì? Cuối cùng, tôi đem câu hỏi này tiếp tục hỏi các thầy của mình. Khi đó, các vị mới dạy rằng, ngoài bản ngã có trong mỗi con người, còn có một thứ gọi là "chân ngã", nó hiện diện khắp nơi, bao trùm lên mọi vật. Nếu ví chân ngã như

nước trong đại dương thì bản ngã chỉ là cái chén chứa nước bên trong. Nước, hay chân ngã, thì ai cũng có, nhưng mọi người cứ lầm tưởng mình là cái chén chứ không phải là nước. Đó là sự lầm lạc nguyên thủy mà người Ấn gọi là *vô minh*. Vấn đề là làm sao phá vỡ cái chén đó để nước trở về đại dương.

Timotheus bỗng nở một nụ cười với vẻ tự trào:

- Tưởng rằng đã tìm ra chân lý, tôi mừng rỡ nói: "Thế thì tôi biết rồi! Để đạt đến chân ngã, tôi phải tiêu diệt bản ngã. Nghĩa là phải phủ nhận thân thể này, dứt bỏ mọi cảm giác của thân xác để phá tung bản ngã thì sẽ tìm được chân ngã". Vị thầy người Ấn lắc đầu nói ngay: "Ông đừng kết luận vội vàng. Nhiều người chỉ dựa vào quan niệm 'diệt ngã' mà thực hành ép xác, khổ hạnh, không đạt kết quả gì đâu". Vị này giảng thêm rằng diệt ngã không phải là thực hành khổ hạnh, bỏ mặc thân thể, hủy bỏ thân xác hòng tìm kiếm cái gì ở bên ngoài. Như thế chỉ làm hư hoại thân thể, tiêu pha sinh lực một cách vô ích. Một thân thể hao mòn kiệt quệ thì làm sao có sự hiểu biết sáng suốt được. Chân ngã hiện diện khắp nơi, trong tất cả mọi vật, nhưng vì mê lầm nên chúng ta cứ tìm kiếm tận đâu. Chân ngã đã có sẵn thì việc gì phải tìm, ta chỉ cần quay vào trong để chuyển hóa bản ngã, chuyển tâm thức thành trí tuệ, chứ không phải tìm cái gì khác. Khi ba nghiệp *thân, khẩu, ý* được thanh tịnh thì ta sẽ biết được con người thật của mình. Sau đó, các hiền triết đã dạy tôi cách tu tập, quán chiếu để quay vào bên trong. Trong phương pháp này, tôi phải tuân thủ một số điều kiện (*giới*) rồi sau đó thực hành việc trụ tâm (*định*). Đây là cách kiểm soát tư tưởng và thay đổi cái nhìn sai lầm xuất phát từ bản ngã, hiểu rõ tác động của nhân và quả, hoạt động của các chủng tử, hiểu được nhân tạo thành nghiệp như thế nào. Từ đó, tôi đã có một cái nhìn sáng suốt về sự vận hành của các động lực bên trong tâm thức và rồi cũng biết được các biến chuyển trong vũ trụ, tạm gọi là đã có *tuệ*.

Timotheus giải thích thêm:

- Tôi đã nhận ra rằng đây chính là sự giải thích hợp lý và rõ ràng nhất. Từ đó tôi thấy được sự sai lầm, cố chấp của bản ngã đã gây biết bao tai họa cho con người. Bản ngã coi mình là quan trọng, khiến cho con người chỉ biết so sánh hơn kém rồi phê bình, phán xét, chỉ trích người khác chứ không hề biết nhìn lại làm lỗi của bản thân. Rất ít người tự thấy sai lầm của mình vì bản ngã đã làm cho họ mù quáng không nhìn xa được. Bản ngã tạo ra sự tranh giành được thua, hơn kém và sẵn sàng chống lại những kẻ dám đụng chạm đến chủ trương hay quan niệm của họ. Sự sai lầm, cố chấp của bản ngã đã đóng chặt cánh cửa tâm linh có thể giúp con người đạt được tự do tuyệt đối. Bây giờ, tôi đã hiểu rõ bản ngã là nguyên nhân của mọi đau khổ, của hầu hết các vấn đề khó khăn của con người.

Tôi nhìn người bạn từng là học giả lỗi lạc của Hy Lạp, vị cố vấn tối cao, thân cận của Hoàng đế Alexander, hiện đang khoác tấm áo cũ nát, đầu cạo trọc, cảm thán:

- Nhưng sao anh mặc rách rưới như kẻ hành khất thế này...

Timotheus bật cười:

- Từ bao lâu nay, con người vẫn tin rằng mình chính là thân xác này. Chúng ta yêu nó, săn sóc nó, xem nó là quan trọng nhất và không muốn bất kỳ điều gì có thể xảy ra làm thương tổn đến nó, và rồi ta để nó chi phối tất cả mọi ý nghĩ, hành động của mình (*bản ngã*). Từ sáng đến tối, ta chỉ bận rộn vì thân xác này, mọi việc đều xoay quanh nó. Nó đói, ta phải lo cho nó ăn. Nó muốn ăn ngon, ta phải tìm những sơn hào hải vị đáp ứng nó. Nó không muốn lạnh, ta phải tìm quần áo ấm cho nó. Nó muốn đẹp, ta phải lo điểm trang cho nó. Nó cần gì, ta phải cung phụng cái đó. Ta nuông chiều nó rồi tạo ra các thói tham lam, ích kỷ, kiêu căng, dối trá, lừa gạt, tranh chấp... Theo thời gian, những thứ này đã bám rễ vào ta, làm thui chột khả năng hiểu biết siêu việt bên trong, khiến ta trở thành nô lệ cho xác thân. Ta chỉ biết những gì nông cạn bên ngoài, mà không biết khám phá những tốt đẹp tiềm ẩn bên trong. Muốn trở về với con người

thật (*chân ngã*) thì phải biết buông bỏ những giá trị phù phiếm, danh vọng hão huyền để phát triển khả năng hiểu biết thâm sâu.

Kyros ơi, quần áo chỉ để che thân mà thôi thì tôi cần gì phải có nhiều, do đó tôi chỉ giữ lại một bộ quần áo mà thôi. Ăn uống chỉ để nuôi thân thì việc gì phải ăn nhiều, do đó tôi chỉ ăn ngày một bữa. Cũng thế, ngủ chỉ là sự nghỉ ngơi sau một ngày làm việc nhưng đâu cần phải ngủ nhiều, do đó tôi chỉ ngủ vừa đủ. Biết giới hạn các đòi hỏi của thể xác, bắt chúng tuân theo sự chỉ huy của mình là bước đầu giành sự tự chủ, không để cho xác thân hay bản ngã điều khiển nữa.

Tôi nhìn bạn mình một lượt từ trên xuống. Những gì Timotheus nói nghe thật có lý, nhưng cũng không có vẻ gì là điều ai cũng làm được. Tôi hỏi:

- Nếu thế... có khó không?

Timotheus gạt đầu giải thích:

- Người chưa đi vào con đường này thì không thể hiểu các khó khăn mà tôi đã trải qua. Có một số quy luật phải tuân thủ và đó thật sự là một thử thách vô cùng khó khăn. Ai cũng có những thói quen như ăn uống, ngủ nghỉ. Người Hy Lạp chúng ta quen uống rượu hằng ngày, nay phải bỏ rượu là điều không dễ chút nào. Là cố vấn cho hoàng đế, tôi cũng đã quen ăn ngon và món ăn phải có đủ thịt cá, nay phải bỏ hết, chỉ ăn rau củ cũng là một thử thách lớn. Là người quen ngủ nhiều thì nay phải thức dậy khi mặt trời chưa mọc để thực hành các phương pháp tĩnh tâm quả thật vô cùng khó khăn. Trong mấy tháng đầu, thân thể tôi đau nhức, đầu óc quay cuồng, đau như búa bổ nhưng tôi cương quyết nỗ lực phải đi đến cùng. Nếu người Ấn đã làm được thì tôi cũng phải làm được. Từ bao lâu nay, tôi vẫn mong tìm được một kiến thức siêu việt, nay đã gặp thì không thể bỏ lỡ cơ hội này.

Tôi hỏi:

- Nhưng tập thì lúc nào chẳng được, tại sao phải thức khuya dậy sớm như thế?

Timotheus bật cười trả lời:

- Các vị thầy người Ấn đều sống như thế. Khi theo họ học hỏi thì tôi cũng phải làm theo họ. Mỗi sáng sớm, tôi phải ngồi yên, tập trung tư tưởng, giới hạn các hoạt động của thể xác.

Tôi không thể vừa tập, vừa đi hay nằm được. Khi đi, chúng ta nhìn mọi vật chung quanh, mắt hướng ra ngoài, hết nhìn cái này lại nhìn cái nọ thì làm sao tập trung tư tưởng được? Khi nằm thì dễ ngủ, do đó phải ngồi thì mới kiểm soát được thân và tránh các ảnh hưởng bên ngoài lôi kéo. Tôi đã tập luyện theo phương pháp này khá lâu rồi và thấy việc kiểm soát mắt, tai, mũi, lưỡi không khó nhưng kiểm soát đầu óc thì khó gấp bội. Từ đó tôi mới hiểu, người ta không thể phát triển được các giác quan tiềm ẩn bên trong là vì trong bao năm, chúng ta luôn để cho đầu óc hoạt động, không bao giờ yên. Thầy tôi đã dạy rằng người thực hành phương pháp này phải đem hết nỗ lực, kiên trì và sự quyết tâm vào việc kiểm soát thể xác, không để nó làm chủ và chi phối thì mới có thể tiến bộ được.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng ăn ngủ không đủ thì làm sao khỏe được?

Timotheus từ tốn giải thích:

- Hiển nhiên ai cũng cần ăn và ngủ nhưng chúng ta đã đánh giá quá cao tầm quan trọng của việc này và lãng phí nhiều thời gian cho nó. Tại sao chúng ta cứ phải ăn liên tục, hết bữa này đến bữa khác? Ăn xong ít lâu lại ăn nữa. Những việc này chỉ cần chừng mực và vừa đủ là được rồi. Chúng ta đang hao tổn sinh lực cho những việc vô ích. Phải chăng vì đầu óc lúc nào cũng quay cuồng với hàng trăm ý nghĩ tham lam, sân hận, so sánh, yêu ghét mà sinh lực của chúng ta cứ bị hao mòn? Các cơ quan thể xác phải liên tục hoạt động để xử lý các cảm nhận bên ngoài như thấy, nghe, ngửi, nếm, hay xúc chạm,

việc đó cũng làm tiêu hao sinh lực. Chúng ta không biết duy trì sức mạnh nội tại bằng việc tiết kiệm sinh lực nên thân thể mới có vấn đề. Tại sao người ta mắc bệnh? Vì đa số không biết đến việc này, suốt ngày chỉ ăn uống sao cho nhiều, đầu óc chỉ tính toán sao cho hơn người. Nào là tranh giành, chiếm đoạt rồi vợ vét, tích lũy, tất cả những thứ đó làm hao tổn sinh lực, thân thể làm sao không ngã bệnh. Nếu biết kiềm chế và giới hạn hoạt động của thể xác, tiết kiệm sinh lực thì chẳng cần phải ăn hay ngủ nhiều.

Ngôi yên là kiểm soát thân và tâm, khiến cho thân không đòi hỏi, tâm không rối loạn. Khi kiểm soát được tâm và thân thì mới thanh lọc được các đòi hỏi khác. Từ khi hiểu như thế, tôi hết lòng tu tập phương pháp này và đã tiến bộ. Hiện nay, thân thể tôi còn khỏe mạnh hơn xưa, tâm hồn tôi cũng thoải mái lạ thường. Từ đó, tôi nghiệm ra rằng khi kiểm soát được tâm và thân thì cũng sẽ không có bệnh. *Phần lớn bệnh tật đều xuất phát từ tâm.* Khi tâm mãi theo đuổi những việc như tham lam, sân hận, tranh giành, yêu ghét, rồi dẫn đến lo lắng, sợ hãi thì sinh ra tâm bệnh, tâm bệnh sinh ra bệnh tật trên thân xác. Khi tâm yên tĩnh, không vọng động, khi hơi thở đều đặn, sâu lắng sẽ sinh ra một luồng sức mạnh vô hình chạy khắp châu thân, điều hòa mọi cơ quan, diệt trừ được bệnh tật. Tôi biết được việc ăn thịt uống rượu cũng dễ sinh bệnh vì nó tạo ra ảnh hưởng làm bế tắc lối đi của luồng sức mạnh kia. Các bậc thầy xứ này chỉ ăn mỗi ngày một bữa, mỗi bữa họ ăn rất ít mà vẫn khỏe mạnh như thường. Hơn nữa, nếu không kiểm soát được thân thì làm sao kiểm soát được tâm? Do đó, tôi nhất quyết bỏ rượu thịt và thói quen ăn nhiều bữa, giờ tôi cũng chỉ ăn mỗi ngày một bữa.

Tôi gật gù:

- Lần đầu tiên tôi nghe đến những phương pháp này, nhưng nếu anh đã thực hành và thấy hiệu quả, hẳn phải thật sự có đạo lý bên trong. Vậy còn việc tĩnh tâm mà anh nói là kiểu thực hành thế nào?

Timotheus trả lời:

- Tĩnh tâm là dẹp bỏ các tư tưởng lao xao trong tâm trí, buộc chúng phải dừng lại. Tôi là người hay suy nghĩ nên đây là điều khó thực hành nhất. Khi mới tập, thân thể tôi đau nhức vô cùng nhưng tôi đã khắc phục được. Việc làm sao để mọi ý thức ngưng lại thì khó hơn nhiều. Tư tưởng tuôn đến như thủy triều, không dừng được, lúc nào tôi cũng nghĩ ngợi lan man. Vị thầy người Ấn của tôi nói rằng nếu tôi không diệt được những suy nghĩ này, thì tôi mãi chẳng thể tiến bộ được. Một khi tiêu trừ hết mọi ý niệm, để tâm tĩnh lặng thì sẽ trải nghiệm được trạng thái bình an, gọi là định (*Samadhi*). Khi đạt đến trạng thái này thì mọi vấn đề đều trở nên rõ ràng, sáng suốt vì không còn thiên kiến xen vào, nên việc gì cũng có thể giải quyết dễ dàng. Phương pháp tĩnh tâm là loại bỏ các suy tư, nghĩ ngợi, không cho chúng nổi lên vì nếu chúng nổi lên thì ta sẽ không tập trung được và như thế là mất hết công phu. Tâm của chúng ta như ly nước đầy bụi bẩn. Nếu biết giữ yên thì theo thời gian, bụi bẩn sẽ lắng xuống đáy và ly nước trở thành trong veo. Cũng thế, khi ta để tâm lao xao với nhiều ý tưởng thì cũng như tâm trí bị bụi bẩn làm cho không thể tập trung, và như thế không thể phát triển định lực được. Do đó, mục đích chính khi bắt đầu thực hành là làm sao loại bỏ những ý tưởng lan man này bằng việc chú ý vào hơi thở. Nếu giữ được tâm yên tĩnh, không còn tư tưởng nào nổi lên nữa tức là có *định*, và đến khi đó ta sẽ hiểu được nhiều điều, tức là có *tuệ*.

Timotheus dừng lại một lúc để tôi ngẫm những gì vừa nghe, rồi nói tiếp:

- Bản chất con người là thích ăn uống, ngủ nghỉ và tình dục. Đây là những thói quen bắt nguồn từ những hạt giống được chất chứa từ bao nhiêu kiếp sống trước. Đó là lý do người thực hành phải triệt để tuân theo một số kỷ luật, tức là *giới*, nhằm kiểm soát những thói quen quá khứ này. Sau khi thực hành được một thời gian, tôi cũng đã có chút định lực. Tuy mắt nhìn mọi sự mà tâm không xao động. Tuy tai nghe âm thanh mà tâm không lưu luyến. Nhưng không nghĩ về dục niệm thì vẫn khó vô cùng. Thầy người Ấn của tôi cũng đã nói rõ: "Nếu ông còn nghĩ đến việc ân ái nam nữ thì chưa thể đi xa

được. Nếu không đoạn trừ tâm dâm dục, thì việc thực hành cũng vô ích thôi".

Tôi ngạc nhiên:

- Nhưng tình dục là bản năng tự nhiên của con người mà?

Timotheus gật đầu:

- Đúng thế, tình dục là bản năng, là yếu tố mạnh nhất có thể phá tan định lực của những người đi trên con đường tìm sự tự do tuyệt đối này. Đừng nói là hành động dâm dục, chỉ cần trong tâm khởi một dục niệm thì nó đã kéo người ta ra khỏi con đường phát triển định lực rồi. Trong phương pháp tĩnh tâm thì việc đầu tiên là dứt trừ tâm dâm dục. Đó cũng là lý do tôi phải tìm vào nơi thâm sơn cùng cốc để thực hành. Sống ở những nơi ồn ào, đông đúc, hằng ngày gặp người nam người nữ, khó có thể giữ tâm không xao động. Vừa đạt được một chút công phu thì mọi phiền phức lại kéo đến làm xáo trộn đầu óc. Do đó, tôi phải tìm nơi rừng sâu, núi thẳm, không ồn ào, không có người, mới có thể yên tĩnh để thực hành. Sống như thế mới hòa nhập vào cảnh trời đất tự nhiên, ung dung tự tại, không có gì gây chướng ngại, không có gì tạo phiền phức. Tại thâm sơn cùng cốc, không khí yên tĩnh, không có tranh cãi ồn ào, nên ta có thể sống trong tịch mịch, tiêu sái, chẳng cần để ý đến ai, mà cũng không có ai để ý đến mình. Tại nơi không còn danh lợi, không còn tranh đua, không còn thèm muốn thì tâm mới thật sự tĩnh lặng được. Sau khi học những điều căn bản như rèn luyện thân thể để có sức khỏe, thay đổi thói quen ăn uống để giảm bớt đòi hỏi của thể xác, phát triển năng lực tư duy, suy ngẫm lời dạy của các bậc hiền triết để xác định đúng hướng đi, người thực hành phải tìm nơi vắng vẻ để thực hành và trải nghiệm những điều đã được chỉ dạy. Do đó, sau thời gian học hỏi tại Hydaspes, tôi và một số người đồng đạo đã tìm lên núi tuyết để khởi sự tu luyện. Tuy nhiên khi đến Bactria, thầy của tôi thấy người vùng này vẫn đang sống trong tăm tối, vô minh nên đã quyết định dừng chân tại đây ít lâu để thành lập đạo viện, khai ngộ cho người xứ này. Miền này thuộc sự kiểm soát của quân đội Hy

Lạp, mọi việc đều phải được sự chấp thuận của quan cai trị địa phương nên tôi đành phải nhờ đến anh. Hơn nữa, trước đây chúng ta từng thảo luận nhiều vấn đề mà vẫn không có lời giải đáp. Nay đã tìm được câu trả lời nên tôi muốn gặp lại anh để chia sẻ, giúp anh hiểu thêm những điều anh vẫn luôn thắc mắc.

Phần lớn bệnh tật đều xuất phát từ tâm. Khi tâm mãi theo đuổi những việc như tham lam, sân hận, tranh giành, yêu ghét, rồi dẫn đến lo lắng, sợ hãi thì sinh ra tâm bệnh, tâm bệnh sinh ra bệnh tật trên thân xác. Khi tâm yên tĩnh, không vọng động, khi hơi thở đều đặn, sâu lắng sẽ sinh ra một luồng sức mạnh vô hình chạy khắp châu thân, điều hòa mọi cơ quan, diệt trừ được bệnh tật.

Giờ tôi đã hiểu tại sao Timotheus viết thư riêng mời tôi đến gặp mặt. Tôi là quan trông coi ngân khố và quyết định mọi sự chi tiêu của triều đình, có mối quan hệ với các thống đốc địa phương nên không gặp khó khăn gì trong việc xuất công quỹ giúp Timotheus xây dựng đạo viện tại đây. Các kiến trúc sư Hy Lạp và thợ khéo đã được gọi đến để hoàn tất việc này nhanh nhất có thể nên chỉ trong một thời gian ngắn, một đạo viện khang trang đã được thành lập tại Bactria. Từ đó hằng ngày, các hiền giả Ấn Độ cùng Timotheus và các đồng đạo của anh khởi sự dạy dỗ minh triết Ấn Độ cho người dân địa phương.

Theo Thomas, đó là đạo viện (Ashram) Phật giáo đầu tiên được thành lập tại Bactria (khoảng năm 310 trước Công nguyên). Đạo viện này được xây dựng theo lối kiến trúc Hy Lạp vì miền này vẫn thuộc sự cai trị của các thống đốc Hy Lạp. Vì cuộc chiến giữa các tướng lĩnh của Alexander vẫn tiếp tục nên để tránh chiến tranh, người Hy Lạp đã đến định cư tại đây khá đông. Các nghệ nhân Hy Lạp đã đóng góp rất nhiều cho nền mỹ thuật Phật giáo tại miền này. Điển hình là các tượng Phật được mô phỏng theo nghệ thuật Hy Lạp, khác hẳn các tượng Phật tại Ấn Độ, Tây Tạng, Trung Hoa. Lúc đó, Bactria trở thành một trung tâm Phật giáo quan trọng nằm trên trục giao thông chính của con đường tơ lụa (Bactria bao gồm Afghanistan, Uzbekistan, Tajikistan và một phần của Pakistan).

Ngày nay, người ta chỉ biết vùng này bao gồm các quốc gia theo đạo Hồi nhưng ít ai biết rằng trong gần mười thế kỷ, Bactria là một trung tâm Phật giáo quan trọng, trước khi chuyển qua đạo Hồi vào đầu thế kỷ VIII. Trong cuốn "Đại Đường Tây Vực ký", Pháp sư Huyền Trang ghi rõ việc ngài đã viếng thăm các đạo viện nơi đây và được vua chúa xứ này đón tiếp trọng thể. Một tài liệu ghi chép việc Menander (còn được viết là Menandros), vị vua xứ Bactria tham vấn các tu sĩ Phật giáo rồi xin quy y tam bảo vẫn còn được lưu truyền trong kinh

điển Phật giáo (Bộ kinh "Vua Milinda vấn đạo" – Milinda-panhà). Nhà khảo cổ Frederick Starr cũng tìm được nhiều di tích Phật giáo tại miền này. Ông phát hiện có một số tài liệu và kinh điển được viết bằng tiếng Hy Lạp có niên đại mấy trăm năm trước Công nguyên.

Thời điểm tôi đến Bactria gặp Timotheus, những cuộc giao tranh giữa các tướng lĩnh của Alexander đang đi vào giai đoạn ngày càng khốc liệt. Antigonus thắng lớn rồi kéo binh vào Babylon, Seleucus phải chạy qua Ai Cập cầu viện Ptolemy. Triều đình Babylon hoàn toàn rơi vào hỗn loạn, tôi không có lý do gì để trở về đó nữa. Alkios, thống đốc Bactria đề nghị tôi ở lại để giúp ông lo liệu việc hành chính và thu thuế. Vậy là tôi ở lại Bactria.

Đời sống biên thùy buồn chán nên tôi và một số binh sĩ thường hay kéo nhau đi săn. Đến một lần, chúng tôi chạm trán với một con heo rừng. Mặc dù nó đã trúng nhiều mũi tên nhưng vẫn tìm cách bỏ chạy. Toán lính xông đến vây chặt con vật vào giữa, tôi rút cây giáo định kết liễu nó nhưng vừa giơ cây giáo lên tôi đã chùn tay vì nhìn thấy ánh mắt van lơn tuyệt vọng của nó. Thấy tôi do dự, một người lính xông đến vùng giáo đâm vào con vật, khiến nó rú lên liên hồi. Biến cố xảy ra rất nhanh nhưng ánh mắt tuyệt vọng của con vật lập tức khiến tôi hồi tưởng lại ánh mắt của những nô lệ bị nhốt trong cũi sắt, bị rao bán trong chợ buôn nô lệ khi xưa. Ngay lúc đó, đàn heo con ở gần đó nghe tiếng kêu của heo mẹ liền kéo đến. Lũ heo con vô tư chạy đến bên mẹ, một vài con gục đầu vào bụng để bú sữa. Heo mẹ âu yếm nhìn đàn con, bất chợt nó quay sang tôi, ánh mắt của nó trở nên đầy oán hận và giận dữ. Rồi nó dùng chút sức lực cuối cùng còn lại vùng lên, xông thẳng vào tôi, nhưng một người lính khác đã nhanh tay bồi thêm một lưỡi giáo nữa khiến nó gục xuống. Tôi choáng váng lùì lại trong khi đám lính tiếp tục đâm vào con vật.

Buổi chiều hôm đó, tôi trở về nhà mang theo nỗi ám ảnh về ánh mắt vừa bi thương vừa đầy oán hận của con vật. Tối đến tôi không thể ngủ. Mỗi khi nhắm mắt thì hình ảnh con vật bị giết hại lại hiện rõ trong tâm trí. Sau vài đêm mất ngủ, tôi tìm đến đạo viện, kể cho

Timotheus nghe chuyện đã xảy ra. Timotheus nghe chăm chú rồi thờ dài:

- Trước đây tôi từng nói với anh bất cứ hành động nào cũng tạo ra một hậu quả trả ngược lại. Người Hy Lạp không biết về luật này nên vẫn vô tư giết chóc, ăn thịt mà không nghĩ tới người ăn súc vật, sau này súc vật sẽ ăn lại người, người giết súc vật rồi sẽ bị súc vật giết, cứ thế kéo dài mãi không thôi. Vì không hiểu biết, nên chúng ta đã tạo nên ân oán bất tận. Tôi khuyên anh từ nay nên tránh việc giết hại và ăn thịt.

Tôi phản ứng:

- Anh kiêng rượu thịt vì theo luật của người Ấn, còn tôi, tôi không giống anh.

Timotheus giải thích:

- Lý do tôi không ăn thịt, uống rượu vì những thứ này sẽ làm gia tăng sự đòi hỏi xác thân, sinh tâm niệm xấu xa, tâm không vững được. Khi không sử dụng rượu thịt thì thân thể trở nên thanh khiết, có thể tránh bệnh tật và phát triển được tình thương. Ăn thịt uống rượu khiến đầu óc u mê, khó khai mở trí tuệ. Không giữ được tâm an thì không có định, nếu không có định sẽ không đi xa được. Do đó, muốn thực hành tĩnh tâm thì phải tránh việc giết hại hay ăn thịt cá.

Tôi cười lớn:

- Anh khác, tôi khác. Tôi không thấy cần phải kiêng thịt cá gì cả.

Timotheus nửa đùa, nửa thật:

- Tôi đã nói với anh về luật Nhân quả. Nhân nào quả nấy, anh đã gieo nghiệp với heo thì biết đâu kiếp sau lại trở thành heo? Anh thích ăn gì thì cứ ăn, nhưng sau khi chết hóa vào kiếp vật thì oán

trách cũng muộn. Nếu thành súc vật thì biết bao lâu mới có thể trở lại thành người? Tôi mong anh hãy suy nghĩ cho kỹ.

Tuy chỉ là lời nói khôi hài của Timotheus nhưng nó cũng khiến tôi trần trọc suy tư. Thoạt nghe tôi thấy khó chịu vì bị đụng chạm nhưng rồi tôi cũng thật sự bắt đầu bỏ dần việc ăn thịt. Điều bất ngờ là sau khi bỏ thịt được vài tháng, tôi thấy thân thể nhẹ nhõm, thoải mái hơn xưa. Ngoài ra, tôi cũng thấy mình bớt nóng nảy hay giận dữ và tự nhiên không còn thích đi săn nữa.

Đời sống ở biên thù buồn chán, công việc hành chính thì quá dễ dàng nên tôi có nhiều thời gian rảnh. Không còn thú vui đi săn, tôi không biết dùng thời gian rảnh làm gì nên cũng theo Timotheus thực hành tĩnh tâm. Lúc đầu, Timotheus phải giúp tôi nhiều vì tôi chưa quen với tư thế ngồi ngay ngắn, thẳng lưng, giữ cho đầu không cúi xuống. Tuy vậy, việc đó cũng không khó bằng ngồi bắt chéo hai chân (*kiết già*). Timotheus giải thích rằng cách ngồi này tuy khó lúc đầu nhưng nó giúp thân thể vững chắc và thẳng bằng hơn, giúp luồng sinh khí chạy dọc theo xương sống không bị cản trở, giúp người thực hành dễ tập trung tư tưởng. Timotheus cho biết khi xưa anh phải mất gần hai tháng mới có thể ngồi theo tư thế này.

Không chỉ có Timotheus, các hiền giả người Ấn cũng giúp đỡ tôi. Một thầy dạy tôi: "Nếu anh vượt qua được sự đau đớn này thì dần dần cơ thể sẽ quen, khi đó có thể ngồi lâu được. Khi anh đã ngồi vững rồi thì bắt đầu theo dõi hơi thở sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, đều đặn, không nhanh không chậm, rồi tập trung tư tưởng quán chiếu vào bên trong. Anh không nên nghĩ đến kết quả hay để tâm tới bất cứ việc gì ngoài hơi thở. Đây là lúc có nhiều tư tưởng nổi lên làm xáo trộn tâm trí nên anh phải biết cách dùng hơi thở để đối trị các tư tưởng lan man này. Nếu nó đến, cứ mặc nhiên, anh không để ý đến nó thì tự nó cũng sẽ rời đi. Nếu để ý thì anh sẽ bị nó lôi kéo, mất định lực ngay. nỗ lực theo dõi hơi thở như thế, theo thời gian, đầu óc anh sẽ trở nên an tĩnh, không còn bị các tư tưởng quấy rối nữa". Sau nhiều tháng thực hành, thân thể tôi bớt đau đớn hẳn và

nỗi ám ảnh về việc giết chóc cũng tự nhiên biến mất, không gây chướng ngại như trước nữa.

Lúc mới tập, tôi thường xuyên ngủ gục. Vị thầy người Ấn nói với Timotheus: "Người bạn của ông không thành tâm, chỉ thực hành cho vui thôi nên vừa ngồi một chút đã ngủ rồi. Nếu thành tâm thì không thể ngủ như thế được". Nghe Timotheus kể lại, tôi xấu hổ nên bỏ cuộc, không thực tập nữa. Không biết Timotheus nói gì mà vài hôm sau, vị này gọi tôi đến và khuyên: "Anh cần phải nhận định rõ rệt căn bản của việc thực tập tĩnh tâm. Đây không phải là việc chỉ làm khi rảnh rỗi, cũng không phải việc để làm theo bạn bè cho vui. Căn bản của việc thực hành này là để loại trừ các thói quen đã có từ lâu, thanh lọc các tư tưởng tiêu cực, giảm đi những phiền não trước đây. Nếu thành tâm và chăm chỉ thực hành, anh sẽ biết được nguyên nhân của mọi việc. Anh sẽ hiểu rõ bản ngã của mình hoạt động như thế nào? Và nó đã dẫn dắt anh vào những quan niệm sai lầm và có chấp ra sao? Bản ngã của anh đã tạo ra những phức cảm, có khi là phức cảm tự tôn cho rằng mình giỏi hơn người rồi sinh kiêu căng, tự phụ. Có khi là phức cảm tự ti lúc nào cũng thấy thua kém không bằng ai rồi đâm ra than thân trách phận. Tại sao có những việc không như ý xảy ra cho anh? Tại sao cuộc đời của anh lại bất hạnh như thế? Khi hiểu được nguyên nhân bắt nguồn từ bản ngã thì anh sẽ biết cách thay đổi, trừ được khổ đau, rồi sẽ đạt được niềm vui thật sự".

Tôi thoáng ngạc nhiên vì dường như vị hiền giả này biết được mặc cảm nô lệ của tôi. Mặc dù hiện nay tôi đã không còn mang thân phận nô lệ, đã có chức quyền nhưng mặc cảm thua kém mọi người trong tôi vẫn không xóa bỏ được. Dù đã làm quan trong triều nhưng cuộc đời bất hạnh trước đây của mình vẫn khiến tôi muộn phiền. Có lúc tôi trách các thần linh đã đày đọa tôi và ghen tỵ với những người bạn như Leonidas, Simonides, Antigenidas sinh ra được làm người tự do. Tôi cũng tự hỏi nếu không phải mình từng mang thân phận nô lệ, liệu Isidora yêu dấu có ghét bỏ tôi như hiện giờ không. Dù thân phận nô lệ đã chấm dứt với lá thư xác nhận quan hệ ruột thịt của Dimitris nhưng mặc cảm thua kém này vẫn theo đuổi tôi đến tận

ngày nay. Qua lời của vị hiền giả này, tôi dấy lên hy vọng bằng cách thành tâm thực hành tĩnh tâm, tôi có thể bỏ được mặc cảm tự ti này và tìm được niềm vui thật sự.

Từ đó, tôi quyết tâm thực tập một cách nghiêm chỉnh. Hôm đầu, tôi ngồi quay mặt vào tường, khởi sự theo dõi hơi thở. Ngay lúc đó, tôi cảm nhận được một nguồn năng lượng an lành bao quanh khắp thân mình, tôi tự nhiên vững tâm và buổi thực tập hôm đó đã làm cho tôi phấn khởi hơn trước. Về sau, mỗi khi ngồi gần vị tu sĩ người Ấn này, tôi đều nhận được cảm giác được che chở tương tự như thế. Theo ông tu tập, nhưng tôi vẫn không biết gì về ông, cũng không biết tên thật của ông. Tôi chỉ theo Timotheus gọi ông là "Thầy" (*Guru*). Ông rất ít nói, trầm tính và chỉ nói khi cần thiết.

Việc thực hành phương pháp tĩnh tâm không dễ như tôi nghĩ. Timotheus đã nói ngồi làm sao cho thân thể thoải mái thì không khó lắm nhưng giữ sao cho đầu óc không nảy sinh những ý tưởng lộn xộn thì khó vô cùng. Thầy khuyên: "Một khi anh để cho những ý tưởng này nổi lên thì khó mà trừ được. Nó như cơn bão ngoài biển với hàng trăm, hàng ngàn lớp sóng lớn nhỏ, hết lớp này đến lớp khác, không hề ngưng. Do đó lúc bắt đầu thực tập, anh không được vội vàng, hấp tấp. Anh phải biết giữ cử chỉ thông thả, nhẹ nhàng, ý thức được từng cử động của mình thì tâm mới thanh tịnh rồi từ đó mới có thể kiểm chế được các tư tưởng lộn xộn. Anh đã để cho những tư tưởng này chạy loạn lên như ngựa bất kham suốt bao lâu nay rồi thì nay đâu dễ khống chế ngay được. Vì vậy anh phải biết nhẫn nại, không được hấp tấp, khởi sự thở nhẹ rồi theo dõi hơi thở ra vào như thế nào. Nhờ chú tâm vào hơi thở mà anh có thể đối trị được vọng tưởng. Vì mỗi người mang nghiệp riêng, không ai giống ai, nên lúc thực hành đừng để ý hay so bì với người khác, vì không ai có trải nghiệm giống nhau. Có người tiến bộ nhanh, có người chậm, tất cả đều do nghiệp lực cá nhân, cứ thản nhiên theo dõi hơi thở của mình là được".

Đôi khi trong lúc thực hành, có những hình ảnh lạ lùng, khủng khiếp xuất hiện khiến cho tôi vô cùng sợ hãi. Là Thầy chúng tôi dường

như cảm nhận được nỗi sợ của tôi, ông khuyên: "Đừng sợ, đó chỉ là những chủng tử quá khứ trong tâm thức đang phát ra thôi. Đừng chú ý đến nó, đừng để nó lôi kéo, cứ giữ vững hơi thở, không để cho nó ảnh hưởng. Thực hành là phát triển định lực. Khi có định thì những hình ảnh kia sẽ không ảnh hưởng được mình nữa".

Sau thời gian dài thực tập, tôi đã có thể tập trung tư tưởng, không còn bị các hình ảnh lạ lùng lôi cuốn nữa. Trong lúc thực tập tôi đã trải nghiệm được một sự bình an lạ lùng, toàn thân lâng lâng như bay bổng, tôi mừng thầm rằng mình đã có định lực. Khi đó Thầy chúng tôi ở cách đó rất xa nhưng ông vẫn biết được suy nghĩ của tôi, ông nhờ Timotheus chuyển lời: "Này Kyros, tuy anh đã tiến bộ nhưng đó mới là giai đoạn trải nghiệm được một chút an lạc, chưa có gì đặc biệt đâu. Anh còn phải cố gắng nhiều hơn nữa". Một lần khác, tôi có những thắc mắc trong lúc thực tập nhưng còn chưa kịp hỏi Thầy thì ông đã thông qua Timotheus giải đáp cho tôi – ông nói bằng tiếng Ấn nên thường thì tôi không hiểu hết, Timotheus phải dịch lại. Tôi đã tự hỏi, phải chăng Thầy có thể đọc được tư tưởng của tôi. Câu hỏi vừa hiện lên trong đầu, thì ông đã nói: "Không đâu, tôi không đọc được tư tưởng của anh đâu". Thầy nói một cách thản nhiên với nụ cười hóm hỉnh làm tôi đã bối rối lại càng thêm hoang mang. Trải qua bao năm thực tập dưới sự chỉ dẫn của Thầy, tôi vẫn không biết gì nhiều về ông. Suốt ngày ông hầu như chỉ ngồi yên, đắm mình trong trạng thái tĩnh tâm nhưng quanh người ông dường như toát ra một thứ oai lực lạ lùng khiến mọi người vừa sợ vừa kính phục. Hằng ngày, vào buổi sáng khi dân chúng trong vùng kéo đến ngồi quanh sân đạo viện thì ông sẽ bắt đầu giảng dạy.

Tất cả tai ương, hoạn nạn hay điều tốt lành đều do chính mình tạo ra, nên đừng trách cứ ai. Làm lành thì kết quả tốt, làm ác thì kết quả xấu. Cho nên mọi ý nghĩ, lời nói, hành động đều phải cẩn thận, đừng làm việc gì sai quấy vì luật Nhân quả sẽ chẳng bỏ qua.

Timotheus thực hành nghiêm chỉnh hơn tôi rất nhiều, anh có thể ngồi suốt ngày, đôi khi không cần ăn uống, hơi thở càng lúc càng nhẹ, đến mức như không thở nữa. Lần đầu thấy anh không thở, tôi hoảng hốt bước đến xem anh bị làm sao nhưng Thầy chúng tôi đã ra hiệu cho tôi dừng lại, không được làm náo động công phu của anh. Sau đó, Timotheus cho biết anh đã có thể nhập định rất sâu, không còn bị ảnh hưởng nào nữa, các tư tưởng hoàn toàn ngừng bật, hơi thở cũng gần như ngừng lại. Thầy chúng tôi tỏ ra hài lòng, Thầy cho biết nếu tiếp tục, anh có thể đi vào những cảnh giới mà ngôn ngữ thông thường không thể giải thích.

Hằng năm, Timotheus và các hiền giả người Ấn thường bỏ ra nhiều tháng ẩn tu trong hang động trên núi, không tiếp xúc với ai. Phần tôi vẫn chưa sẵn sàng cho việc tĩnh tu như thế nên tiếp tục sống tại Bactria. Hằng tuần, tôi mang lương thực tiếp tế cho họ. Con đường từ Bactria lên hang động trên núi cũng khá xa, tôi phải đi từ sáng sớm đến giữa trưa mới đến nơi. Đi sớm giúp tôi tránh được cái nóng như thiêu đốt của vùng núi khô cằn này. Khi thông thả bước đi chậm rãi theo nhịp thở, tôi cảm nhận được sự an tĩnh của núi rừng cũng như nét đẹp tuyệt vời của thiên nhiên. Cảnh tượng hùng vĩ của núi rừng đem đến cho tôi một niềm vui nhẹ nhàng, sâu kín nhưng đôi khi cũng khiến tôi lo sợ vu vơ. Bước đi trên những dốc đá hoang vu, chỉ một tiếng động cũng làm tôi giật mình. Tại vùng này, có giống chó sói tuy nhỏ nhưng rất dữ tợn. Cách đây không lâu, một nhóm lính Hy Lạp đi săn đã bị bầy chó dữ này tấn công. Từ đó, tôi lo cho Timotheus và các bạn đồng tu với anh. Khi Timotheus nhập thất, tôi đem cho anh một bộ cung tên và cây giáo dài để đối phó trong trường hợp gặp thú dữ. Thầy chúng tôi thấy vậy đã nói: "Chúng ta có khí giới của chúng ta, đó là lòng từ bi (*compassion*), chúng ta không cần đến những thứ kia". Mặc dù tôi không tán thành suy nghĩ đó, nhưng biết không thể thay đổi quyết định của Thầy nên đã đặt thực phẩm và bình nước trước cửa hang rồi mang vũ khí trở về. Trên đường về, càng nghĩ tôi càng khâm phục sự can đảm và lòng ham học hỏi của Timotheus, anh đã từ bỏ tất cả danh vọng, địa vị và kiên định đi theo con đường đã chọn.

Thời gian qua mau, thắm thoát tôi đã sống tại Bactria được hai mươi năm. Khi đến đây, mái tóc của tôi còn đen nhưng nay đã ngả bạc. Qua thông tin của các nhóm thương buôn lui tới Bactria, tôi được biết cuộc chiến giữa các tướng lĩnh vẫn còn tiếp tục. Từ Macedonia đến Thrace, từ Ai Cập đến Syria, nhiều đô thị đã bị thiêu hủy, nơi nào cũng có chém giết, xã hội rối loạn, dân tình lầm than. Các đội quân *Phalanx* từng bách chiến bách thắng khi xưa, hiện nay cũng chia phe nhóm, chém giết lẫn nhau. Tình trạng hận thù, giận dữ và phá hoại lan tràn khắp nơi đã làm người Hy Lạp hoang mang, sợ hãi. Không ai còn nói gì đến lý tưởng xây dựng một đế quốc hùng cường, thịnh vượng như xưa nữa. Để có chi phí cho chiến tranh, tài sản các nhà quý tộc giàu có đều bị tịch thu. Mỗi khi quân lương thiếu hụt, quân sĩ được cho tự do cướp phá, do đó nạn cướp bóc, hãm hiếp, giết chóc xảy ra khắp nơi. Khi xưa, quân đội của Alexander kỷ luật rất nghiêm minh nhưng nay chiến tranh kéo dài quá lâu, tinh thần quân sĩ tan rã, thay đổi. Hiện nay họ chỉ còn biết cướp phá, chiếm đoạt tài sản, đất đai và phụ nữ. Các giai điệu Doria hùng tráng kêu gọi lòng yêu nước từng một thời vang vọng nay đã hoàn toàn biến mất, thay bằng những âm hưởng kích động nhục dục, kêu gọi hưởng thụ. Giáp mặt với làn ranh sống chết hàng ngày, ai cũng hoang mang sợ hãi, không ai biết tương lai sẽ ra sao. Đế quốc Hy Lạp rộng lớn mà Alexander khổ công xây dựng, nay đã chia năm xẻ bảy. Ptolemy tự xưng làm Pharaoh Ai Cập, Antigonus làm vua Tiểu Á, Seleucus làm hoàng đế Babylon, Cassander làm vua Hy Lạp, Lysimachus làm vua xứ Thrace. Những người này từng là bạn thân từ nhỏ, từng cùng chơi đùa, lớn lên bên nhau, đều theo học với Aristotle với lý tưởng cao đẹp là xây dựng một Hy Lạp hùng mạnh, không có bóng ngoại xâm. Nhưng hiện nay, quyền lực, danh vọng, địa vị, đất đai, vàng bạc đã khiến họ thay đổi, trở thành thù địch. Một lần nữa, tôi lại nhớ đến câu thơ của Homer, "*Không ai đi qua chiến tranh mà vẫn như xưa*".

Sau khi nghe Thomas kể về thời gian sống ở Bactria, tôi đã hỏi ông, có phải sau hai mươi năm thực hành tĩnh tâm, ông đã đạt đến một trình độ nào đó rồi chẳng. Thomas chỉ nói vắn tắt rằng lúc đó ông đã có thể nhập định rất nhanh, hơi thở nhẹ như có như không, mọi tư tưởng đều ngừng bật, toàn thân nhẹ nhõm, khinh an. Tuy nhiên, ông không nói gì thêm và nhắc tôi rằng đó không phải là điều quan trọng.

Thomas cũng nhắc lại là hiện nay tuy nhân loại đang đi vào giai đoạn Hoại và Diệt nhưng mọi người phải tin rằng việc thay đổi tâm thức vẫn có thể xảy ra. Ông nhấn mạnh rằng phải có lòng tin vững chắc về việc chuyển đổi nghiệp quả thì mới có thể vượt qua các khó khăn, không để cho những sự kiện xáo trộn bên ngoài ảnh hưởng. Nếu không nhận thức rõ ràng thì rất dễ bị các sự kiện đó lay chuyển. Mọi sự xảy ra trên thế gian này đều là nhân quả, không có việc gì xảy ra mà không có nguyên nhân. Tất cả đều là những bài học để nhân loại học mà thôi. Có bài học cho từng cá nhân và có những bài học cho từng quốc gia. Nếu không học được lúc này thì sẽ phải học lại vào lúc khác. Mọi tai ương hiện nay đều do nghiệp lực chiêu cảm mà đến. Nếu đã hiểu như thế thì phải biết tìm cách làm những việc thiện lành để hóa giải nghiệp lực và thay đổi vận mệnh của mình cũng như kêu gọi mọi người chung tay làm những việc tốt giúp chuyển hóa cộng nghiệp cho xã hội. Lúc đó, khi bệnh đến thì sẽ có thuốc hay. Việc dữ sẽ biến thành việc lành.

Ông nói thêm nghiệp lực đang chi phối nhân loại hiện nay bắt nguồn từ việc giết chóc và tham lam. Nhìn quanh thế giới, chỗ nào cũng có tranh giành, thù hận, nơi nào cũng có giết hại, sát sinh nên thiên tai, dịch bệnh là việc hiển nhiên. Ông nhấn mạnh, chỗ nào có nhiều giết chóc, chỗ đó tai nạn đầy rẫy; chỗ nào ít thù hận, nơi đó được an lành. Tai ương, dịch bệnh, chiến tranh đều do con người tạo ra nhưng nếu đã biết quy tắc để chuyển nghiệp, làm việc thiện với tâm thành vì biết đó là việc phải làm cho quyền lợi chung thì không có gì phải lo.

Thomas còn nói thêm rằng ông nhận thấy có sự khác biệt rất lớn giữa những người tu tập ngày xưa so với ngày nay. Vào thời tinh hoa

của đạo Phật còn hưng thịnh, các tăng sĩ đều nắm vững lời dạy của Đức Phật. Ngày nay, trải qua bao thăng trầm, số người thật sự tu học ngày càng ít, một số chỉ dựa vào tôn giáo như nghề nghiệp mưu sinh, hồng bảo đảm cho đời sống an toàn thoải mái. Một số lớn người tu hành không còn giữ đúng giới luật hay đặt trọng tâm tu hành là giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi, mà chỉ lo kêu gọi mọi người tu phước, cúng dường, xây chùa lớn, tạc tượng lớn và những hình thức bề ngoài khác. Họ gán cho mình những chức tước, địa vị, đề cao bản ngã, dù công phu tu hành không được bao nhiêu. Đã thế nhiều người còn đề cao phương pháp tu hành của họ, tự coi là cao siêu hơn nơi khác, tuyên bố tông phái này tốt hơn tông phái kia và kéo theo một số người đi vào con đường phân biệt, tranh chấp.

Bởi vì, Phật giáo được chia làm ba thời kỳ: Chánh Pháp, Tượng Pháp và Mạt Pháp. Trong thời kỳ Chánh Pháp, mọi người đều tinh tấn tu tập thiền định (Thiền định kiên cố). Trong thời kỳ Tượng Pháp, đa số chỉ chú trọng xây chùa dựng tháp để lấy phước (Tự miếu kiên cố), những người thật sự tu tập ngày một ít đi. Trong thời kỳ Mạt Pháp, người tu học càng ít, mọi người chỉ tranh đấu chống đối lẫn nhau, không ai chịu nhường ai (Đấu tranh kiên cố). Các tu sĩ không còn giữ vững giới luật mà chỉ chú ý vào các nghi thức cúng bái, quyên góp, để xây dựng tên tuổi, địa vị cho mình.

Khi Đức Phật còn tại thế thì chỉ có một giáo pháp duy nhất là Phật pháp. Sau khi ngài nhập diệt, các đệ tử của ngài đi khắp nơi truyền bá giáo pháp và tùy theo sự hiểu biết của họ mà sự chỉ dạy cũng thiên về phần này hay phần khác. Ví dụ người thích tu thiền thì chú trọng dạy về thiền nhiều hơn, người thích luật thì chú trọng về luật nhiều hơn. Do đó, bắt đầu có sự phân chia tông phái. Ngoài ra, những điều truyền dạy còn phải thích ứng tùy theo các phong tục, văn hóa và ngôn ngữ tại các địa phương mà họ đến hoằng pháp. Tuy có sự khác biệt về phương pháp truyền dạy nhưng mục đích căn bản thì hoàn toàn không hề khác. Người học Phật pháp phải nhận ra căn bản và mục đích của Phật pháp là giải thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi bằng cách đoạn trừ ái dục, tiêu trừ tham lam, ham muốn, dẹp bỏ vọng tưởng. Biết rõ mục đích rồi thì phương pháp không

thành vấn đề quan trọng nữa. Do đó, không nên phân biệt phương pháp này với phương pháp khác, hay tông phái này với tông phái khác. Tất cả đều là những lời chỉ dạy của Đức Phật và tất cả đều bình đẳng như nhau, không có sự phân biệt cao thấp hay phương pháp này cao hơn phương pháp kia.

Mỗi người phải tự chọn cho mình một phương pháp thích hợp để thực hành vì mục đích tất cả đều là giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Phương pháp hay con đường thì có nhiều lối, ai muốn đi lối nào cũng được. Khi đạo Phật truyền vào các quốc gia như Sri Lanka, Miến Điện, Thái Lan thì phong tục, văn hóa và ngôn ngữ các xứ này còn giới hạn nên một số điều truyền dạy không chính xác mà lại được quần chúng hưởng ứng. Trong khi đó, khi đạo Phật truyền vào Trung Hoa, nơi văn hóa, ngôn ngữ rất phong phú, nên các giáo pháp như hạt giống tốt gặp được mảnh đất màu mỡ để phát triển mạnh mẽ. Khi đạo Phật truyền qua Tây Tạng, xứ này đã có sẵn truyền thống về huyền thuật của đạo Bon [1] nên Mật pháp được chú trọng nhiều hơn các giáo pháp khác. Cũng như thế, khi đạo Phật truyền qua Bactria, Ba Tư, vốn đã chịu ảnh hưởng của Hy Lạp, nên lại thiên về phương pháp tranh luận, đối thoại, như một khuynh hướng triết học đòi hỏi sự nghi ngờ, suy nghĩ sâu xa...

Trầm ngâm một lát, Thomas lại chậm rãi kể nốt cho tôi nghe về phần kết của cuộc đời Kyros tại Hy Lạp.

Chúng ta chỉ biết sử dụng các giác quan của xác thân mà không ý thức được rằng chúng rất giới hạn. Bộ óc của chúng ta chỉ là một khối thịt, nếu không có linh hồn phía sau điều khiển thì nó không thể làm được gì. Ngay cả sự suy nghĩ, tư duy của chúng ta cũng không hoàn hảo vì ta chỉ dựa vào những kiến thức đã được truyền dạy trước đó. Nếu các kiến thức này thiếu sót thì sự hiểu biết của chúng ta cũng bất toàn.

PHẦN BA

NGHIỆP LỰC

CHIỀU CẢM DỤC NIỆM VÀ NGHIỆP BÁO

Một hôm, tôi vừa rời nhà thì nhìn thấy từ xa đang đi tới là một đám người quần áo rách tả tơi. Cảnh tượng này không lạ, vì để tránh chiến tranh, gần đây những người Hy Lạp kéo đến xứ này tỵ nạn ngày càng nhiều. Tôi rời mắt khỏi đám người, toan bước đi thì nghe tiếng gọi tên mình. Tôi đứng lại, nhìn kỹ trong đám người đang đi tới thì nhận ra một dáng người trông rất quen đang rảo bước về phía mình. Là Philiteus! Anh là người chỉ huy đội binh vận chuyển vàng bạc với tôi khi xưa. Philiteus mừng rỡ kêu lớn:

- Kyros, có phải anh đấy không?

Tôi ngạc nhiên:

- Philiteus... Tại sao?... Tại sao anh lại... ra nông nỗi này?

Philiteus mừng rỡ ôm chầm lấy tôi. Phải qua một lúc, cơn xúc động của chúng tôi mới qua đi. Philiteus bấy giờ mới lên tiếng bằng chất giọng khàn đục:

- Gặp lại anh tôi mừng quá. Bao nhiêu năm rồi...

Nhìn thân thể người bạn cũ đầy vết thương, binh phục tả tơi, rách nát, lòng tôi vô cùng chua xót. Nhóm người đi cùng Philiteus cũng trong tình trạng thê thảm tương tự. Tôi vội vã mời tất cả vào nhà, sắp xếp cho họ được tắm rửa, dùng bữa và nghỉ ngơi. Khi chỉ còn lại hai chúng tôi, Philiteus bắt đầu kể:

- Chắc anh cũng còn nhớ, đội binh Áo giáp Bạc (*Silver Shields*) của tôi nằm dưới quyền chỉ huy của tướng Eumenes. Khi Antigonus và Eumenes hợp tác tấn công Ptolemy và Seleucus, chúng tôi đã lập

nhiều chiến công. Tuy nhiên về sau Eumenes cũng muốn làm vua, không chịu tuân phục Antigonus nữa nên Antigonus đã giết ông ta. Khi đó, Antigonus không tin sự trung thành của đội quân Áo giáp Bạc nữa nên đã cho giải giới rồi đày chúng tôi vào sa mạc – nơi các bộ lạc man rợ sinh sống. Chúng tôi đã phải chiến đấu với các bộ lạc này để sống sót. Vì thiếu khí giới, không quen thổ nhưỡng, địa hình, lại thiếu lương thực, đội quân của tôi bị tiêu diệt gần hết, hiện chỉ còn vài tàn binh chạy thoát. Biết Bactria vẫn còn thuộc sự kiểm soát của Hy Lạp nên chúng tôi tìm đến lánh nạn, không ngờ gặp được anh.

Áo giáp Bạc là đội binh tinh nhuệ nhất của Macedonia, được thành lập từ thời vua Philip với tiêu chuẩn chọn lựa rất cao. Đa số đều là những trai tráng cao lớn, khỏe mạnh, trung thành tuyệt đối với triều đình nên được mặc áo giáp và đeo khiên tròn bằng bạc. Họ có trách nhiệm canh gác cung điện và trông coi ngân khố. Khi Alexander lên đường viễn chinh, ngài mang đoàn quân này theo làm đội bảo vệ riêng. Trong mọi cuộc chiến, họ luôn theo sát ngài, vừa là lực lượng bảo vệ vừa là xung phong, và đã lập nhiều chiến công. Một nhóm trong đội quân này được giao nhiệm vụ vận chuyển vàng bạc và chiến lợi phẩm về Pella. Với tất cả những chiến công và vinh quang đó, tôi chưa từng nghĩ có ngày họ lâm vào bước đường cùng thế này. Philiteus kể tiếp với vẻ ngậm ngùi:

- Sau khi Alexander qua đời, Demosthenes trở lại Athens, kêu gọi dân chúng nổi lên chống lại triều đình Macedonia. Với số vàng lấy được từ công quỹ, hắn cũng chiêu mộ được nhiều binh sĩ nhưng rốt cuộc vẫn không địch lại đội quân tinh nhuệ của Antipater. Sau thảm bại, Demosthenes tự sát. Harpalus trốn qua đảo Crete được mấy năm rồi cũng bị bắt và chịu tử hình. Deasius trốn đến Ilia, sống yên thân cho đến khi Antipater qua đời, Cassander lên làm hoàng đế. Biết nhà vua cần vàng để chiêu tập binh mã chống lại Antigonus nên Deasius mang số vàng lấy được khi xưa nộp lại cho triều đình đổi lại sự ân xá. Hiện nay vợ chồng họ được trở về sống tại Pella.

Đã hơn hai mươi năm trôi qua, cuộc sống êm đềm tại Bactria và việc thực hành tĩnh tâm đã khiến tôi gần như không còn nghĩ về quá khứ. Bất ngờ nghe chuyện cũ, nhắc đến người xưa, tâm hồn đang yên bình của tôi lại bắt đầu xáo trộn. Isidora, người con gái tôi thầm thương trộm nhớ từ nhỏ, cũng là người ghét cay ghét đắng tôi, nói những lời tổn thương tôi nhất, và, oái oăm thay, cũng là người chị cùng cha khác mẹ mà sau này tôi mới được biết. Tin tức về Isidora khơi gợi lại nhiều ký ức đau buồn và những cảm xúc mà tôi vẫn nghĩ mình đã có thể chôn vùi mãi mãi. Từ lúc đó tôi không thể định tâm như trước, vì dù lúc bình thường hay khi thực hành tĩnh tâm, hình bóng Isidora cứ lờn vờn trong tâm trí. Tôi than với Timotheus:

- Gần đây, khi thực hành tôi cứ thấy hình ảnh một người con gái...

Timotheus quá ngạc nhiên nên ngắt lời tôi:

- Sao có thể? Khi xưa lúc mới thực hành, đôi khi tôi cũng thấy những hình ảnh này hình ảnh nọ. Nhưng đó là vì khi đó công phu của tôi còn non kém, chưa đủ định lực. Ai chưa đủ định lực cũng gặp hiện tượng này, chuyện đó cũng bình thường. Nhưng anh đã tu tập hơn hai mươi năm rồi, đã có định lực vững vàng, sao có thể bị ảnh hưởng như thế?

Tôi lắc đầu:

- Tôi không định tâm được, cứ bị xáo trộn bởi cô gái này...

Timotheus cau mày:

- Việc này thật lạ lùng, chắc phải có nguyên nhân sâu xa gì đó... Anh phải biết buông bỏ hình ảnh đó xuống, đừng để tâm đến nó nữa. Cứ cố gắng giữ vững hơi thở để trụ tâm, hình ảnh nào đến cũng mặc kệ, tự nó đến thì tự nó cũng sẽ đi thôi. Nếu anh để nó chi phối, làm mất công phu, lại tiếp tục trôi lặn trong sinh tử thì làm sao ra khỏi luân hồi? Giờ chúng ta đều đã lớn tuổi, nếu anh không cố gắng vượt qua lúc này thì chắc gì còn cơ hội? Nếu bỏ lỡ thì biết bao giờ có cơ duyên lần nữa? Anh phải biết buông bỏ...

Những lời khuyên chân thành của Timotheus khiến tôi không khỏi hổ thẹn. Tôi không nói gì thêm. Nhưng tôi vẫn không thể dẹp bỏ những day dứt về người con gái này. Suốt nhiều tuần lễ sau đó, hình ảnh Isidora và những ký ức cay đắng về cô vẫn không thôi quấy nhiễu tôi mọi lúc. Tôi biết rằng sâu trong tâm tư, tôi vẫn mang mặc cảm nô lệ thua kém, và Isidora chính là mối lửa châm lên cảm giác hèn kém ấy trong tôi. Những lời sỉ nhục của Isidora khi xưa vẫn còn là vết thương chưa lành. Dù đã nhiều năm trôi qua, dù đã dứt bỏ quá khứ để tu tập, tôi biết mình vẫn còn mong gặp lại cô, để ít nhất được nghe từ cô một lời xin lỗi, hoặc đôi câu nói dịu dàng để xóa đi mặc cảm tự ti này. Tôi còn hy vọng, có lẽ khi Isidora biết được thân phận thật sự của tôi, cô sẽ có cái nhìn khác hơn và sẽ đón nhận tôi như người nhà. Những suy nghĩ này liên tục quấy nhiễu và rồi hoàn toàn chi phối tôi, khiến tôi không còn cách nào tĩnh tâm được.

Sau nhiều đêm trằn trọc mất ngủ, tôi quyết định phải trở về Pella tìm gặp Isidora. Tôi viết một bức thư ngắn để lại cho Timotheus rồi rủ Philiteus đi Pella. Lúc đầu Philiteus từ chối vì trở lại Pella lúc này là việc rất nguy hiểm. Tuy nhiên khi biết tôi quyết tâm lên đường, Philiteus đã đổi ý, bởi với tình hình bất ổn hiện nay, một mình tôi khó chống cự lại giặc cướp hay binh sĩ vô kỷ luật. Philiteus kéo theo năm người lính cùng tôi lên đường. Do đã không còn trẻ, thể sự lại bất ổn, nên phải mất gần sáu tháng chúng tôi mới đến được Pella. Sau bao năm chiến tranh, Macedonia đã thay đổi rất nhiều, sự thịnh vượng xưa kia được thay bằng nhà cửa đổ nát, tường vách loang lổ vết cháy – hậu quả từ các trận đánh giữa các tướng lĩnh Hy Lạp. Vượt qua đồng đống đổ nát, chúng tôi thúc ngựa chạy nhanh đến trang trại của Dimitris.

Chúng tôi đi thẳng vào cổng, qua khu vườn rộng, ở đó chúng tôi gặp một nô lệ già đang làm việc. Hắn bỡ ngỡ nhìn chúng tôi, rồi nét mặt dần thay đổi. Hắn nhận ra tôi, liền vội vàng chạy vào báo cho chủ nhân. Tôi vừa xuống ngựa thì Deasius ở trong bước ra. Hắn đã già đi rất nhiều, nhưng nét khó chịu và thù hận trên gương mặt lại chẳng thay đổi bao nhiêu. Đôi mắt lạnh lùng chiếu thẳng vào tôi, hắn nói với giọng dè chừng:

- Kyros, người đến đây làm gì? Đây là nhà của bọn ta, người đừng mơ tưởng đến việc phân chia gia sản.

Tôi lắc đầu:

- Không, tôi chỉ ghé thăm...

Ngay lúc đó, Isidora ở trong bước ra. Dù bao năm tháng đã qua, dù đã có tuổi, nhưng trông Isidora vẫn không khác với hình ảnh trong ký ức của tôi, vẫn xinh đẹp, kiêu sa. Và tôi, sau bao nhiêu năm, vẫn lúng túng, vụng về và hèn kém trước mặt cô. Isidora vừa nhìn thấy tôi đã cất giọng lạnh lùng:

- Thằng nô lệ, người trở về đây làm gì? Sophia đã cho ta biết thân phận của người, nhưng ta không chấp nhận. Đừng tưởng người có thể trở thành thành viên của gia đình này, người không xứng. Người mãi mãi chỉ là một tên nô lệ hèn hạ mà thôi.

Những lời cay nghiệt của Isidora khiến tôi gần như hóa đá. Những tưởng quan hệ ruột thịt có thể khiến cô đối xử tử tế và công bằng với tôi hơn, nhưng tưởng cô sẽ giúp tôi giải quyết những khúc mắc bấy lâu, nào ngờ cô lại đâm tôi thêm một nhát. Isidora mà tôi luôn yêu thương đây sao? Bao nhiêu nỗi đau cũ mới dồn dập ủa tới, tôi cứ đứng chôn chân tại chỗ, không thể phản ứng, cũng chẳng nói được nên lời. Thấy vậy, Philiteus bước ra nói lớn:

- Ta cũng có mặt khi mở thư của Dimitris, ông ấy đã xác nhận Kyros là con của ông, điều này là không thể chối cãi! Ngoài ra, Dimitris còn chia cho Kyros một phần của trang trại này.

Deasius bật cười quay lại nói với vợ:

- Ta biết ngay mà, đám hèn hạ này đến đây chỉ để đòi phân chia gia sản.

Philiteus không nói gì nhưng tay đã đặt lên kiếm. Deasius đưa mắt nhìn mấy người đứng sau Philiteus, mặc dù không ai mặc binh phục

nhưng với những hình xăm trên người, hẳn người Macedonia nào cũng nhận ra họ là quân Áo giáp Bạc. Deasius nheo mắt suy nghĩ, hẳn toan tính một hồi rồi đổi giọng:

- Được rồi, tất cả hãy vào trong, để ta cho gọi Sophia đến nói chuyện.

Chúng tôi bước vào sảnh đường với những cột đá cao lớn, nơi mà đám chúng tôi vẫn thường chạy nhảy nô đùa khi còn nhỏ. Cảnh vật hầu như không thay đổi nhưng giờ đây mọi thứ đều trở nên vô cùng xa lạ và lạnh lẽo. Isidora quay mặt bước đi không thèm liếc nhìn tôi lần nào. Deasius cho gọi mấy nô lệ đến gần nói nhỏ mấy câu rồi ra hiệu mời chúng tôi ngồi.

Tôi vẫn chưa thoát khỏi cảm giác bàng hoàng nên ngồi im lặng, Philiteus thấy vậy bèn lên tiếng:

- Melissa đâu? Gọi cô ấy ra đây.

Deasius lắc đầu, giọng hờ hững:

- Nó chết từ lâu rồi, đâu còn ở đây nữa.

Tôi như vừa lãnh một cái tát đến bưng tỉnh, đứng lên hỏi dồn:

- Cái gì? Melissa đã chết? Tại sao lại chết... Tại sao?

Deasius nhún vai:

- Làm sao ta biết được? Nghe nói nó mắc bệnh chết trước khi chúng ta về đây.

Tin Melissa qua đời khiến tôi quá đỗi bàng hoàng. Người con gái hiền hậu, dịu dàng, tràn đầy tình thương ấy sao lại có thể đoản mệnh như vậy. Sao số phận lại quá bất công với cô? Tôi choáng váng ngồi xuống ghế, Philiteus cũng không nói nên lời. Không khí căn phòng bỗng trở nên ngột ngạt. Deasius nhìn chúng tôi một cách

khó chịu, thỉnh thoảng lại quay ra ngoài như chờ đợi chuyện gì. Isidora đứng yên bên chiếc cột đá, mặt không bộc lộ chút cảm xúc nào.

Bỗng nhiên, từ bên ngoài vọng vào tiếng ngựa hí vang, tiếng bước chân người rầm rập. Philiteus và những người lính Áo giáp Bạc liền đứng bật dậy đầy cảnh giác. Ngay lúc đó, một đội binh sĩ hùng hậu, gươm giáo sáng lòa, xông đến vây chặt chúng tôi. Mấy người lính của Philiteus cũng rút binh khí ra nhưng Philiteus ra hiệu cho họ ngừng tay. Chỉ huy của toán lính ngồi trên ngựa quát lớn:

- Đám phản nghịch kia, chúng mày làm gì tại đây?

Bị vây giữa đội quân đông đảo, đầy đủ vũ khí, trong khi phía Philiteus chỉ có mấy người lính già, nếu chiến đấu thì việc thắng thua đã rõ. Đang lúc chúng tôi chưa biết đối phó thế nào với hàng chục mũi giáo chĩa vào mình thì từ ngoài cổng, một cỗ xe ngựa xông vào hết tốc lực. Sophia từ trên xe lao xuống, nhìn đoàn quân đang bao vây chúng tôi, cô hét lên:

- Khoan đã, khoan đã... Xảy ra chuyện gì? Tại sao lại thế này?... Kyros đâu?

Deasius thấy vậy liền quát lớn:

- Bọn này là quân của Antigonus đấy. Đừng để chúng chạy thoát.

Lúc đó cuộc chiến giữa Antigonus và Cassander đang đến hồi quyết liệt. Deasius vừa dứt lời, nhóm quân sĩ bao vây chúng tôi lập tức ra tay. Cuộc xô xát xảy ra nhanh như chớp, những ngọn giáo vung lên, tiếng gươm giáo va chạm nhau cùng tiếng la hét vang trời. Philiteus vừa tả xung hữu đột vừa cười lớn:

- Hay lắm, ta chết trên quê hương còn hơn bỏ thân miền rừng núi.

Deasius đứng một bên quan sát với vẻ đắc thắng. Bất ngờ hắn chỉ vào tôi, hét lớn:

- Tên kia chính là lãnh tụ đám phản loạn này, phải giết nó ngay.

Tôi luống cuống chưa kịp phản ứng thì bị trúng ngay một mũi giáo vào ngực, máu phun xối xả. Mắt tôi hoa lên, đầu óc quay cuồng, người lả đi. Tôi quay lại nhìn Isidora, cô lạnh lùng đứng yên sau cây cột đá, hờ hững nhìn tôi gục xuống, không một chút biểu cảm để tâm. Tôi nghe tiếng Sophia kêu âm lên:

- Dừng tay, dừng tay... không được giết Kyros!

Tôi muốn lên tiếng nhưng lại bị trúng thêm mấy lưỡi giáo nữa. Tôi gục ngay xuống đất, cố gắng nhìn Isidora lần nữa, nhưng mắt đã tối sầm.

Khi tôi mở mắt ra lần nữa thì thấy mình đang nằm trên một chiếc giường nhỏ, toàn thân đau đớn đến không thể thở nổi. Một người cao lớn, râu tóc rậm rạp đang ngồi bên giường. Phải mất một lúc, tôi mới nhận ra là Antigenidas. Tôi thều thào:

- Antigenidas đây ư? Tôi... đang ở đâu đây?

Antigenidas run giọng:

- Kyros... tôi không ngờ... Anh đang ở trong phòng của Melissa.

Tôi chỉ nói được câu ngắn:

- Melissa... Melissa đâu?

Antigenidas lắc đầu buồn bã:

- Nó mắc bệnh qua đời từ lâu rồi. Lúc đó, tôi còn ở chiến trường, hoàn toàn không hay biết. Đến khi giải ngũ trở về đã không gặp được nó nữa. Hiện giờ tôi sống tại đây, trong căn phòng của Melissa.

Ngay lúc đó Sophia ở bên ngoài bước vào:

- Kyros, em hãy nằm yên... đợi em khỏe lại chúng ta sẽ nói chuyện sau.

Antigenidas lắc đầu:

- Vết thương của Kyros nặng lắm rồi, khó lòng qua khỏi.

Tôi cố gắng hỏi bằng giọng thều thào:

- Yasamin và đứa con của Leonidas sao rồi?

Antigenidas chỉ tay ra phía sau:

- Họ ở đây, cô ấy và Alberla vẫn mạnh khỏe.

Tôi lắp bắp muốn nói thêm nhưng toàn thân đau nhức, đầu óc trở nên mụ mị. Antigenidas ghé sát ngực tôi nghe ngóng rồi quay qua nói với Sophia:

- Tim đập yếu lắm rồi, chắc khó...

Sophia khóc òa lên. Antigenidas nói nhỏ:

- Kyros, anh còn nguyện vọng gì nữa không?

Biết mình không còn sống được nữa, tôi thều thào:

- Tôi muốn... tôi muốn nghe... một khúc... Lydia.

Antigenidas lập tức quay ra phía sau, nói với một thiếu nữ đang thập thò gần đó:

- Alberla, con hãy dạy một khúc Lydia cho Kyros nghe đi.

Tôi cố gắng giữ đầu óc tỉnh táo nhưng hơi thở đã đứt quãng. Tôi biết giây phút cuối cùng đã cận kề. Đột nhiên giai điệu Lydia của cây đàn Harp vang lên. Tôi nhận ra đó chính là bài nhạc Melissa gửi cho Leonidas ngày nào. Kỷ niệm êm đềm thời niên thiếu ùa về, khi tôi

còn làm người chuyển những lá thư tình cho hai người. Toàn bộ cuộc đời tôi lướt qua trước mắt – những người bạn từ thời thơ ấu, Isidora, âm nhạc, chiến tranh, ngục tù, tháng ngày tu tập – ngay khoảnh khắc đó tôi nghe ngực mình nhói lên, rồi thân hình bỗng nhẹ hẳn đi, như vừa trút được một gánh nặng.

Tôi thấy mình lơ lửng trong một không gian tối đen như mực. Thời gian như ngừng lại. Tôi không rõ mình đã lơ lửng như thế trong bao lâu, nhưng đó là một cảm giác rất lạ lùng, không thể diễn tả. Tôi ý thức được mình không còn là mình nữa vì hầu hết ký ức đều dần dần biến mất, chỉ còn một sự hiểu biết mơ hồ trong khoảng không gian bao la vô tận. Nhận thức này như một luồng hơi nhẹ nhàng, khinh an, lan rộng trong và ngoài tôi, rồi hòa hợp vào tất cả một cách lạ lùng như khi trải nghiệm thực hành tĩnh tâm. Lời khuyên của Timotheus đột nhiên vang lên văng vẳng: "*Giờ chúng ta đều đã lớn tuổi, nếu anh không cố gắng vượt qua lúc này thì chắc gì còn cơ hội? Nếu bỏ lỡ thì biết bao giờ có cơ duyên lần nữa? Anh phải biết buông bỏ...*". Phải biết buông bỏ... phải buông bỏ... Không hiểu sao vào giây phút đó, tâm thức của tôi bỗng nảy ra một ý tưởng – *Tôi phải trở lại Bactria để tiếp tục việc tu tập còn dang dở này. Tôi phải trở lại Bactria...*

Thomas kể đến đó thì ngừng lại vì xúc động. Tôi im lặng để ông lấy lại bình tĩnh. lát sau, Thomas nói tiếp:

- Lúc hồi tưởng về kiếp sống đó, tôi đã trải nghiệm được cái chết một cách rõ ràng. Khi xưa, Timotheus nói rằng lúc chết đi thì bản ngã và các giác quan đều tiêu vong, cái cuối cùng còn lại là A lại da thức. Lúc nghe giảng, đối với tôi đó chỉ là một khái niệm trừu tượng, nhưng qua trải nghiệm đó, tôi ý thức rất rõ về những gì Timotheus đã nói. Cái nhận thức mơ hồ đó không phải là ý thức về mình hay bản ngã cá nhân nữa mà là một cảm giác thanh tịnh lạ lùng. Tôi nghĩ đó là một trải nghiệm về A lại da thức mặc dù lúc đó công phu tu tập

của tôi còn kém, chưa thể nhận thức rõ ràng. Nhưng điều tôi biết rất rõ là mọi cảm xúc và ký ức của bản ngã đều biến mất chỉ còn lại "cái biết" (Awareness) mà thôi.

Tôi hỏi thêm:

- Như thế ông có trở lại Bactria không?

Thomas gật đầu:

- Có, đó là tâm nguyện cuối cùng của tôi ở kiếp sống đó.

Chúng tôi cùng im lặng, mỗi người đuổi theo một suy nghĩ. Một lúc sau, Thomas mỉm cười nói một cách chậm rãi:

- Nếu sẵn sàng, chúng ta có thể tiếp tục nói về kiếp sống sau này của tôi tại La Mã.

PHẦN BỐN

LA MÃ - HÀO QUANG VÀ SÁT NGHIỆP

TÌNH THƯƠNG TRONG KHÁT VỌNG TỰ DO

Tôi không nhớ chuyện gì xảy ra giữa kiếp sống tại Hy Lạp và kiếp sống La Mã nhưng khi tôi sinh ra tại La Mã thì đế quốc này đã bước vào giai đoạn suy thoái. Các thành phố phía Bắc thường bị nhóm người Visigoth cướp phá và quân lính triều đình hoàn toàn không đủ khả năng đánh dẹp. Vùng duyên hải miền Nam cũng thường xuyên bị đe dọa bởi các man tộc từ châu Phi kéo sang quấy nhiễu. Nhiều loại bệnh dịch, thiên tai, từ hạn hán đến bão tố triền miên trong nhiều năm đã làm suy yếu nền kinh tế, người dân rơi vào đói khổ, làm than, còn triều đình thì vẫn tiếp tục tăng thuế để phục vụ cho sự chi tiêu xa hoa, phung phí của các vị hoàng đế.

Tôi sinh ra trong kiếp này là con trưởng trong một gia đình quý tộc. Tên tôi là Sirius. Cha tôi giữ chức pháp quan (*Praetor*) tại hải cảng Ostia, một chức vụ mà ông coi như phương tiện đảm bảo cho việc buôn bán của gia đình được thuận lợi. Cha tôi sở hữu đoàn thuyền buôn đi khắp Địa Trung Hải và đồng thời ông cũng là người có quyền quyết định khám xét thuyền bè nào để thu thuế cho triều đình, nên đoàn thuyền của gia đình tôi không bao giờ phải đóng thuế. Hiển nhiên, gia đình tôi trở thành một trong những gia đình giàu nhất vùng Ostia. Mặc dù đã sống trong hoàn cảnh nhung lụa, vật chất đầy đủ nhưng cha tôi vẫn không hài lòng, ông luôn dùng đủ mọi thủ đoạn để có thể chiếm hữu nhiều hơn. Mọi việc trong nhà tôi lúc nào cũng chỉ xoay quanh vấn đề tiền bạc.

Thời bấy giờ, con cái của những gia đình giàu có hầu hết đều có gia sư dạy học tại nhà. Hai anh em tôi có chung người thầy Hy Lạp tên là Cyrus. Thầy là một người thông thái, phụ trách dạy chúng tôi các môn đọc, viết, văn chương, lịch sử, toán học và đặc biệt là nghệ thuật diễn thuyết. Ngoài ra, chúng tôi còn học thêm thể thao, võ

nghe với một giác đấu sĩ đã về hưu tên là Marcus. Ngay từ nhỏ tôi đã không thích võ nghệ nhưng em trai Lucius của tôi thì say mê vô cùng. Vì thế, dù tôi là anh nhưng trong các trận đấu tôi chưa bao giờ thắng được Lucius. Lucius thông minh, xuất sắc trong mọi bộ môn thể thao và luôn có đông bạn bè vây quanh. Trái lại, tôi là người trầm lặng, ít nói, không thích tụ tập với bạn bè đồng trang lứa, tôi chỉ thích một mình, yên lặng và suy nghĩ. Tính cách này của tôi hoàn toàn đi ngược với kỳ vọng về đứa con trai trưởng của cha tôi. Đối với cha tôi, tôi là một nỗi thất vọng lớn lao và ông không bao giờ ngại ngần thể hiện sự thất vọng ấy. Tôi chẳng lạ gì với những lời chì chiết: "Thằng nhóc khờ dại, ngu đần, mà cứ như thế thì làm sao có thể trở thành nghị viên La Mã được?".

Có con cái làm nghị viên trong Viện Nguyên Lão (*Senatus*) là niềm mong ước của những bậc cha mẹ thuộc thành phần thượng lưu, quý tộc lúc bấy giờ. Viện Nguyên Lão là nơi mọi quyết định về luật pháp sẽ được thảo luận trước khi trình lên hoàng đế để cho ban hành áp dụng. Đây được coi là một địa vị danh giá trong xã hội bấy giờ, do đó, được vào Viện Nguyên Lão là mục tiêu của hầu hết con cái giới quý tộc. Tuy nhiên, mục đích thật sự đằng sau mong muốn trở thành nghị viên chính là bảo vệ quyền lợi của giới quý tộc thông qua những luật lệ có lợi cho giai cấp này. Tiêu chuẩn trở thành một nghị viên là phải biết hùng biện, lý luận dựa vào kiến thức lịch sử hay pháp luật để giành chiến thắng trong các cuộc tranh luận. Do đó, đây là môn học được chú trọng nhất trong nền giáo dục của giới quý tộc lúc này.

Xã hội La Mã hồi đó chia ra ba giai cấp. Giai cấp thượng lưu quý tộc (*Patrician*) là những gia đình giàu có, sống trong các biệt thự nguy nga rộng lớn, sở hữu rất nhiều tài sản, đất đai, ruộng vườn, cơ sở thương mại. Đặc biệt gần gũi với giới quý tộc thượng lưu về tài sản nhưng có ưu thế chính trị kém hơn là các thương nhân (*Equite*). Những thương nhân đủ giàu vẫn có thể vào được Viện Nguyên Lão, vì vậy nhìn chung thương nhân được coi là có địa vị tương đương và cùng giai cấp với các quý tộc. Sau giai cấp quý tộc là giai cấp thường dân (*Plebeian*). Đây là bộ phận chính của công dân La Mã,

bao gồm các tầng lớp nông dân, thợ thuyền và binh sĩ, tuy chiếm số đông nhưng lại vô quyền, phải sống chui rúc trong những căn nhà nhỏ hẹp. Đa số thường dân sống phụ thuộc vào giai cấp quý tộc, làm việc cho họ để đổi lại đất đai và sự che chở. Sau cùng là giai cấp nô lệ (*Slave*) phải phục vụ cho cả hai giai cấp trên.

Trong xã hội của chúng tôi, thanh niên đến tuổi mười bảy thì được coi như đã trưởng thành, được chính thức công nhận là công dân La Mã và các gia đình sẽ tổ chức tiệc mừng sự kiện này. Gia đình quý tộc thì sẽ tổ chức các bữa tiệc linh đình và mời những gia đình quý tộc khác tham dự như một dịp để kết giao. Hôn nhân giữa các thành viên quý tộc là một truyền thống giao ước nhằm bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ lẫn nhau. Khác với các quốc gia lân cận cho phép đàn ông có nhiều vợ, luật pháp La Mã quy định rõ hôn nhân theo chế độ một vợ một chồng. Mục đích hôn nhân là để duy trì nòi giống và đào tạo công dân tương lai cho La Mã. Gia đình được coi là căn bản của xã hội và người con lớn có trách nhiệm phải duy trì truyền thống này bằng việc lập gia đình và sớm sinh con nối dõi. Trong buổi tiệc trưởng thành của mình, thanh niên sẽ được gọi lên để phát biểu bài diễn văn về mục đích cuộc đời trước tất cả các quan khách. Đây cũng là lúc gia đình có con gái sẽ đánh giá người thanh niên để kén rể. Trong xã hội mà hôn nhân được quyết định bởi cha mẹ, theo tiêu chí môn đăng hộ đối hay quyền lợi gia đình, thì người con, nhất là con gái, không có quyền lựa chọn.

Từ khi còn nhỏ chúng tôi đã được cho rèn luyện khả năng tranh luận để chuẩn bị cho con đường công danh sau này. Tuy nhiên dù cố gắng tập luyện bao nhiêu thì tôi vẫn không tiến bộ. Không những tôi thuộc kiểu người ít nói, khép kín, không thích giao thiệp mà tôi còn có tật nói lắp. Kiên nhẫn như thầy Cyrus cũng phải lắc đầu ngao ngán trước sự chậm chạp của tôi. Cảm giác kém cỏi khiến tôi vô cùng khổ sở, nhưng khổ tâm nhất chính là tôi thường bị đem ra so sánh với Lucius. Em trai tôi không những tài năng mà còn vô cùng khéo léo. Lucius nói năng lưu loát, các môn thể thao, săn bắn, cung kiếm võ nghệ đều vượt xa tôi, nên hiển nhiên được cha mẹ yêu thương hết mực. Tôi cũng tự biết mình không tài giỏi, khôn khéo

như Lucius nên vẫn không ngừng cố gắng và thường im lặng trước những lời chì chiết của cha. Thế nhưng, sâu bên trong tôi vẫn là sự phản kháng, tôi tự hỏi tại sao giá trị con người chỉ được đánh giá qua khả năng diễn thuyết hay thể thao mà không phải là điều gì khác? Tại sao cha mẹ có thể áp đặt mục tiêu rồi bắt ép con cái phải hoàn thành, bất chấp khả năng thật sự của đứa con, rồi so sánh hơn kém, đứa thương đứa ghét như vậy? Nếu con cái không trở thành nghị viên thì đã làm sao?

Lần duy nhất tôi thu hết can đảm để bày tỏ ý kiến của mình về việc này đã khiến cha tôi nổi trận lôi đình. Ông đỏ mặt tía tai, quát lớn:

- Mà là con trưởng, mà phải có trách nhiệm với gia đình. Tương lai của mà đã được hoạch định kỹ lưỡng. Mà phải lập gia đình sớm để có con cái nối dõi, sau đó đi theo các đoàn tàu để học về việc buôn bán của gia đình. Khi đủ tuổi, tao sẽ thu xếp cho mà vào Viện Nguyên Lão để bảo vệ quyền lợi của gia đình, và mà phải hoàn thành thật tốt những điều này. Mà không có quyền lựa chọn.

Cứ vài tháng thầy Cyrus lại đưa chúng tôi đến Viện Nguyên Lão để theo dõi và học hỏi thêm từ những buổi tranh luận của các nghị viên. Lucius có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh và luôn cư xử phải phép trong khi tôi thường đặt những câu hỏi mà thầy Cyrus cho là không thích hợp. Tôi là người thành thật và không chấp nhận nói những điều không hợp với quan niệm của mình. Luật pháp La Mã phân biệt đúng sai rõ ràng, nhưng trong các buổi tranh luận và phân xử tại Viện Nguyên Lão, tôi thấy phần lớn các nghị viên không mấy coi trọng những luật lệ này. Khi người thuộc giai cấp bình dân sai phạm, họ bị trừng trị thẳng tay, nhưng khi giai cấp quý tộc làm sai, họ lại được khoan hồng. Khi chúng tôi tranh luận về vấn đề này, Lucius thản nhiên bênh vực các quyết định bất công đó trong khi tôi không chấp nhận những gì tôi cho rằng không đúng. Thầy Cyrus lắc đầu than:

- Ngây thơ như con thì làm sao có thể trở thành nghị viên được. Thờ buổi này con phải biết xoay theo chiều. Con cứ khăng khăng

làm cho đúng thì rất khó mà tiến thân được.

Nền giáo dục La Mã khuyến khích công dân phát triển các đức hạnh như can đảm, tự chủ và công bằng nhưng tôi chứng kiến luật pháp hiện chỉ bảo vệ giới quý tộc, không hề quan tâm đến giai cấp bình dân hay nô lệ. Khi hạn hán xảy ra, dù lương thực trữ trong kho tại La Mã đủ dùng trong sáu năm nhưng Viện Nguyên Lão không cho phép ban hành các biện pháp phản ứng, hỗ trợ người dân vì cho rằng việc lấy bớt lương thực tồn trữ để cứu đói có thể khiến cho thủ đô lâm nguy nếu hạn hán kéo dài. Nạn đói xảy ra ở những vùng xa xôi, nạn nhân đều thuộc giai cấp bình dân hay nô lệ, không ảnh hưởng gì đến giai cấp quý tộc nên không đáng để các nghị viên bận tâm. Thái độ dửng dưng, vô cảm của họ trước sự đói khổ tột cùng của người dân là điều tôi không hiểu và không chấp nhận được.

Gia đình tôi sở hữu rất nhiều nô lệ. Từ lúc nhỏ tôi đã có cảm tình gắn bó với họ và luôn đối xử với họ rất tử tế. Nhưng cha tôi và những người khác trong gia đình thì rất hay đánh đập, hành hạ nô lệ hầu cận, khiến tôi vừa bất bình vừa thương xót. Hầu hết nô lệ khuân vác hàng hóa hay phục dịch trên các chuyến tàu buôn của cha tôi đều bị đóng dấu lên mình, như một cách để đánh dấu chủ quyền "tài sản" của gia đình. Những nô lệ chạy trốn và bị bắt lại sẽ bị khắc dấu lên trán để nhận biết đó là nô lệ đã phạm tội. Nếu họ bỏ trốn lần thứ hai thì khi bị bắt lại sẽ chịu sự tra tấn nặng nề, họ có thể bị đánh đến gãy chân, thậm chí bị hành quyết trước mặt những nô lệ khác như một hình thức răn đe. Chứng kiến những việc này, tôi hết sức bất bình nhưng lại không thể làm được gì. Do đó, từ khi biết suy nghĩ, tôi đã không muốn trở thành thương gia bóc lột nô lệ như cha tôi, cũng không muốn trở thành nghị viên như chú tôi, chuyên lôi kéo, hợp tác phe phái trong Viện Nguyên Lão để khuynh đảo pháp luật.

Những gì cha muốn tôi làm thì tôi không giỏi. Tôi thích đọc sách thì cha tôi lại coi sách vở là thứ vô giá trị. Vì thế mối quan hệ của cha con tôi luôn không được tốt đẹp. Không những thế, ông còn nói với mẹ tôi rằng ông chỉ ước Lucius ra đời trước tôi. "Sirius quá yếu kém, nếu nó chỉ được một nửa tài của Lucius thì nó có thể trở thành

người giàu có nhất Ostia" – tôi không biết mình đã nghe những lời như thế bao nhiêu lần. Sống trong gia đình có kỳ vọng cao, hay so sánh, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến tiền bạc, tôi thấy mình đơn độc và bị cô lập. Tôi trở nên ngày càng lặng lẽ, hoàn toàn thu mình vào thế giới của sách vở, nơi không ai có thể làm tổn thương tôi được.

Vì sống khép kín như vậy nên tôi cũng không bao giờ chia sẻ những bí mật của mình với ai. Một trong những bí mật mà tôi giữ kín là những giấc mơ của mình. Từ nhỏ tôi đã thường mơ thấy một vùng đất xa lạ, nhìn thấy những người ăn mặc rách rưới, đầu cạo trọc, đi xin ăn. Trông họ vô cùng khắc khổ nhưng gương mặt lại toát ra một thần thái thoải mái lạ kỳ. Ngay cả trong giấc mơ tôi vẫn cảm nhận được rõ ràng cảm giác yên bình, thanh thản khi nhìn thấy họ. Những giấc mơ này lặp đi lặp lại, và đối với tôi, nó luôn chứa một sức hấp dẫn kỳ lạ đến mức ám ảnh. thỉnh thoảng tôi lại nghĩ đến vùng đất xa lạ đó, ao ước được sống tự do thoải mái như những người tôi nhìn thấy trong mơ, xa hẳn những phiền toái của gia đình, xa hẳn những kỳ vọng không thích hợp, đè nặng trên vai đứa trẻ vừa đến tuổi trưởng thành.

Người La Mã có tôn giáo đa thần, chúng tôi tin rằng các vị thần có quyền năng ban phúc cũng như giáng họa. Do đó, tiệc mừng trưởng thành của những đứa trẻ quý tộc thường được tổ chức trong đền thờ với nghi thức hiến tế phẩm vật để thần linh ban phép lành. Trước tiệc mừng trưởng thành của tôi, chú tôi bàn với gia đình:

- Tuyến buôn bán có lợi nhất hiện nay là con đường tơ lụa (*Silk road*) mang hàng hóa từ phương Đông qua đây. Người La Mã mua rất nhiều tơ lụa, gia vị, dầu thơm và đồ thủ công từ những quốc gia châu Á. Đây là việc làm ăn một vốn mười lời, đảm bảo mang lại nguồn thu dồi dào. Vì vậy, chúng ta phải tìm cách kết giao với Beria, gia đình đang nắm nhiều quyền lực và nguồn lợi từ việc buôn bán này.

Cha tôi trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Việc này không dễ dàng. Con đường tơ lụa là con đường bộ, đòi hỏi phải có những đoàn người ngựa chuyên chở hàng hóa đi xa. Ngoài ra phải có quan hệ đặc biệt với các quan địa phương kiểm soát lộ trình. Thực lực của chúng ta hiện nay chỉ là các đoàn tàu bè đi quanh Địa Trung Hải, để xâm nhập vào những nguồn lợi đường bộ không dễ dàng gì.

Chú tôi kiên nhẫn giải thích:

- Anh đừng lo. Beria từng là thống đốc Syria, hầu hết các quan kiểm soát lộ trình trong tuyến đường đó đều là người của ông ta. Sáu năm trước, vợ Beria qua đời, ông ta đã từ chức thống đốc để chuyển sang buôn bán, chỉ vài năm mà đã trở nên vô cùng giàu có. Gia đình này không có con trai mà chỉ có duy nhất một cô con gái. Nếu thu xếp cho Sirius làm rể được gia đình này thì chúng ta có thể phát triển thương mại về phương Đông. Hiện nay chúng ta đã có đoàn tàu hoạt động quanh Địa Trung Hải, nếu có thêm các đoàn thương buôn đường bộ qua châu Á thì toàn bộ ngành thương mại của La Mã sẽ nằm trong tay gia đình chúng ta. Nếu không nắm bắt lấy cơ hội này thì còn chờ đến bao giờ?

Cha tôi lắc đầu, giọng khó chịu:

- Nhưng thằng Sirius kém quá, nó chẳng có tài cán gì thì làm sao lọt vào mắt gia đình này được? Điều mà gia tộc chúng ta muốn thì những gia đình khác như Marius hay Caelius cũng muốn, họ cũng có con trai.

Chú tôi nở một nụ cười ra vẻ thần bí:

- Vì vậy nên chúng ta phải đi trước một nước cờ. Em đã có kế hoạch để cho chúng nó gặp gỡ và tìm hiểu lẫn nhau. Trai gái gặp nhau sớm thì tình cảm dễ nảy sinh rồi từ đó chúng ta có thể dễ dàng thuyết phục ông Beria hơn. Hiện nay tuyến đường bộ không còn an ninh vì các nhóm Visigoth đang cướp phá khắp nơi nên Beria cũng cần đến thuyền bè chuyên chở hàng hóa. Đây là việc hợp tác hai bên cùng có lợi. Anh cứ yên tâm, em đã thu xếp cho gia đình mình

ngồi cạnh ông Beria và con gái ông ấy tại đấu trường Maximus [2] sắp tới đây.

Việc giải trí phổ thông và thịnh hành nhất của xã hội La Mã thời đó là xem các võ sĩ giác đấu chém giết lẫn nhau trong đấu trường. Hầu hết các giác đấu sĩ đều là những nô lệ được tuyển chọn vào trường huấn luyện. Một số là tội phạm xin trở thành võ sĩ giác đấu thay vì chịu tù đày. Các giác đấu sĩ sẽ được trang bị đầy đủ khí giới và tham gia vào các trận chiến sinh tử với các giác đấu sĩ khác, cũng có khi họ phải chiến đấu với thú dữ như sư tử, cọp hay chó sói để đem lại niềm vui cho quan khách. Tuy chúng tôi được học võ với một giác đấu sĩ đã về hưu là thầy Marcus, nhưng ông không muốn chúng tôi đi đến các đấu trường. Thầy nói với chúng tôi:

- Ta dạy võ cho các con nhưng ta không bao giờ muốn các con xem những cảnh người giết người mua vui như thế.

Tôi vốn không thích những kiểu giải trí như vậy nên hầu như chưa từng đi đến những nơi đó. Lucius thì khác, nó thường cùng bạn bè đến đấu trường và hào hứng kể lại những việc đã chứng kiến hay các giác đấu sĩ mà nó coi là anh hùng.

Trong buổi xem giác đấu tại đấu trường mà chú tôi sắp xếp, chúng tôi ngồi vào hàng ghế dành riêng cho thành phần quý tộc. Đa số các gia đình quý tộc đều quen biết và có đi lại, giao lưu với nhau. Mẹ tôi đưa tôi và Lucius đến giới thiệu với mọi người. Lucius bước đến chào hỏi từng người rồi khéo léo mời vài cô gái ra ngồi riêng, chuyện trò vui vẻ.

Đời sống hiện nay ra sao đều do những thói quen, hay tập khí từ trước dẫn dắt. Những hạt giống tham lam, ích kỷ thường nảy mầm tại nơi có nhiều tranh chấp hay chiến tranh. Hạt giống nghệ thuật thì tìm nơi có hoàn cảnh thích hợp để phát triển... Do đó, chính ý nghĩ, lời nói và hành động của chúng ta trong kiếp này sẽ dẫn dắt chúng ta đi về đâu ở kiếp sau, chứ chẳng phải do thần linh nào quyết định. Chúng ta hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc đời của mình.

Lucius vốn có tài ăn nói nên lúc nào cũng có nhiều bạn gái. Ngược lại, ngay từ nhỏ tôi đã tránh tiếp xúc với phái nữ, tôi thích dành thời gian ở một mình để suy nghĩ. Thế giới của tôi là muôn vàn câu hỏi nhưng vẫn chưa có câu trả lời. Càng tự thu mình vào thế giới riêng, tôi càng bị cha lôi ra mắng mỏ. Trong bữa ăn hoặc những khi gia đình quây quần tụ họp, tôi thường bị mang ra làm đề tài chế giễu, khiến tôi đã có mặc cảm tự ti lại càng cảm thấy tủi thân hơn.

Buổi hôm đó, theo an bài của chú tôi, chúng tôi ngồi gần gia đình ông Beria. Trong lúc cha tôi và ông Beria nói chuyện, chú tôi khéo léo xếp cho tôi ngồi cạnh một thiếu nữ ăn mặc giản dị, phục sức và phong thái của cô trông nhẹ nhàng và thoải mái hơn nhiều so với cô gái quý tộc La Mã khác. Theo giới thiệu của chú tôi, tên cô là Valeria. Vốn không quen giao thiệp nên tôi chỉ gật đầu chào cô rồi giữ im lặng. Valeria thì không biết vì chú ý đến tôi hay vì buồn chán nên đã bắt chuyện:

- Anh có thích xem giác đấu không?

Tôi lắc đầu:

- Tôi chưa bao giờ xem giác đấu cả.

Valeria mỉm cười:

- Đây cũng là lần đầu em được đi xem.

Chú tôi ngồi cạnh nói chen vào:

- Cô sống tại thủ đô mà chưa đi xem giác đấu lần nào sao?

Valeria quay sang gật đầu với chú, nhỏ nhẹ trả lời một cách chùng mịch:

- Cha tôi thường bận rộn đi xa nên không yên tâm để tôi đi đâu một mình. Từ khi mẹ tôi mất, tôi chỉ ở nhà đọc sách.

Chú tôi không phải người đọc sách nên có lẽ không tìm được đề tài để nói thêm. Ông ra dấu cho tôi bắt chuyện nhưng tôi vẫn im lặng. Valeria quay sang tôi, bắt chuyện lần nữa:

- Em thích đọc sách lắm, nhất là văn chương Hy Lạp.

Văn hóa La Mã chịu ảnh hưởng của Hy Lạp nên việc người La Mã thích đọc sách của người Hy Lạp cũng không có gì lạ. Tôi gật đầu cho phải phép lịch sự thì Valeria lại hỏi thêm:

- Anh có thích đọc sách không?

Tôi lại gật đầu. Valeria không để tâm đến thái độ xa cách của tôi, cô nói một cách hồn nhiên:

- Em thích đọc sách của Ovid, Livy, Seneca, Horace, ngoài ra em còn thích các bài thơ của Adrianus, Aristeas và Sappho. Theo em, không ai có thể diễn tả được hết cảm xúc của con người tinh tế hơn các thi sĩ. Người ta nói rằng âm nhạc diễn tả cảm xúc con người trên bình diện vô thức nhưng thơ văn mới thật là tiếng nói của trái tim. Mỗi câu, mỗi chữ hòa với nhau tạo thành từng vần thơ tuyệt diệu. Nếu đọc kỹ, ta có thể thấy mỗi vần, mỗi chữ lại ẩn chứa những ý tứ sâu sắc với những cảm xúc tuyệt vời. Em tin rằng chỉ những người có tâm hồn đa cảm với những rung động sâu xa mới có thể dùng những từ, những chữ để tạo thành vần điệu êm ái như thế. Theo em, thơ của Sappho là tiếng nói chân thành nhất của trái tim.

Tôi không lạ gì với những bài thơ tình của nữ thi sĩ này nhưng bà không phải là thi sĩ mà tôi yêu thích. Tôi gật đầu rồi trả lời ngắn gọn:

- Tôi không am hiểu thơ nhiều như sử thi.

Dưới sự hướng dẫn của thầy Cyrus, tôi say mê những bộ sử thi hùng tráng của Homer và Virgil. Sử thi *Iliad* của Homer nói về trận đánh thành Troy với các nhân vật như Achilles, Hector, Paris, Helen... Sử thi *Aeneid* của Virgil nói về sự bành trướng của La Mã trở thành một đế chế và ca ngợi nền hòa bình của Augustus, thông

qua câu chuyện cuộc đời của Aeneas, một chiến sĩ của thành Troy đã đưa dân chúng lánh nạn khi thành này bị tiêu hủy. Đoàn người thành Troy lang thang vô định tìm chỗ định cư. Aeneas đã gặp nhiều phụ nữ tuyệt đẹp đem lòng yêu ông, muốn ông dừng bước giang hồ, từ bỏ giấc mộng khôi phục thành Troy để chung sống với họ. Tuy nhiên, Aeneas cương quyết gạt bỏ tình riêng để theo đuổi lý tưởng tìm một nơi chốn mới để dân xứ ông được sống một cuộc sống tự do như khi xưa tại thành Troy. Họ lưu lạc đến một vùng xa lạ, chiến đấu cam go với các lãnh chúa tại đây rồi xây dựng nên một đô thị hoành tráng như Troy. Aeneas đặt tên cho nó là La Mã (*Rome*). Do đó, dân xứ này đều mang dòng máu oai hùng của dân thành Troy. Họ không quên việc quê hương của họ bị thiêu hủy nên đã chinh phục Hy Lạp để rửa mối hận trăm năm trước. Dĩ nhiên, đây chỉ là một huyền thoại được viết ra dưới ngòi bút của thi sĩ Virgil, nhưng những vần thơ hùng tráng này cũng đã khiến tôi suy nghĩ rất nhiều. Phải chăng dân thành Troy đã thật sự trở lại làm người La Mã? Phải chăng ân oán ngàn đời sẽ được giải quyết ở thời điểm khác?

Cuộc nói chuyện của chúng tôi ngừng lại vì tiếng kèn đồng nổi lên vang dội. Các võ sĩ giác đấu đã bước ra sân. Sau thủ tục chào khán giả, từng cặp, từng cặp xông vào chém giết lẫn nhau không chút nương tay. Những thân thể lần lượt gục ngã, máu tuôn khắp nơi, hét giác đấu sĩ này đến giác đấu sĩ khác xông vào chém giết, tiếng kêu la, gào thét ngày một lớn. Tôi thấy Valeria che mặt với vẻ sợ hãi trong khi chú tôi thì hào hứng, lớn tiếng cổ vũ những giác đấu sĩ mà ông yêu thích. Tiếng khán giả la hét vang dội khắp đấu trường, còn tôi thì không muốn nhìn cảnh chém giết này thêm một chút nào nữa. Tôi quay mặt đi, nghĩ đến thầy Marcus, một giác đấu sĩ lừng danh, từng chiến thắng hàng trăm trận trong đấu trường, trở thành thần tượng của vô số giác đấu sĩ đương thời. Thầy vẫn thường nói với chúng tôi: "Là võ sĩ giác đấu, ta không có sự lựa chọn nên buộc phải làm nhiều việc tàn bạo, trái lương tâm. Tuy nhiên, các con thì có cơ hội lựa chọn, nên đừng bao giờ làm những việc giết chóc như thế. Ngay cả con vật trước khi bị giết, cũng sẽ sợ hãi, kêu la huống chi là con người".

Tôi đang chìm trong suy nghĩ bỗng nhiên Valeria quay sang tôi, nói nhỏ:

- Em không muốn xem nữa, anh làm ơn đưa em ra ngoài được không?

Tôi chưa biết nên phản ứng ra sao thì chú tôi đã đẩy nhẹ vào lưng tôi rồi nói:

- Có lẽ Valeria khát nước, Sirius hãy đưa cô ấy ra ngoài để nghỉ ngơi một chút đi.

Trước sự thúc giục của chú tôi và thấy Valeria đã đứng lên bước đi nên tôi lật đật bước theo sau. Chúng tôi ngồi ở bên ngoài đấu trường, vừa ăn trái cây vừa trao đổi với nhau vài câu chuyện. Thật ra chỉ có Valeria nói, tôi hầu như chỉ nghe và gật đầu, thỉnh thoảng mới lên tiếng cho phải phép. Tuy nhiên tôi rất ngạc nhiên và ấn tượng vì Valeria có kiến thức rất rộng, khác hẳn những thiếu nữ quý tộc khác suốt ngày chỉ quan tâm đến giải trí, tiệc tùng mà Lucius hay mời về nhà. Không những cô thành thạo về sách vở của các triết gia như Plato, Ovid, Epictetus mà còn phân tích rõ ràng các lý thuyết đó khiến người đọc nhiều sách vở như tôi cũng phải tán thưởng. Valeria kể cho tôi về nơi cô sinh ra cùng những phong tục văn hóa miền đó. Cha cô là thống đốc Syria nên cô sinh ra và lớn lên tại Jericho. Khi mẹ cô qua đời, cha cô từ chức chuyển qua buôn bán nên cô mới trở về La Mã. Từ nhỏ, cô đã cùng cha mẹ đi thăm các danh lam thắng cảnh ở khắp nơi. Cô kể về nếp sống của những người du mục ở các ốc đảo ngoài sa mạc, những phong tục lạ lùng của miền Palestine. Là người đi nhiều, trải nghiệm nhiều nên kiến thức của cô khác hẳn với những người con gái La Mã cả đời chưa bao giờ ra khỏi phạm vi thành phố.

Câu chuyện đang dang dở, bỗng nhiên Lucius cùng hai cô gái từ đâu bước đến. Em tôi sốt sắng nói:

- Hôm nay đấu trường có tiết mục rất đặc biệt. Anh chị mau trở lại khán đài xem đi, nếu bỏ lỡ sẽ tiếc lắm đấy.

Valeria ngạc nhiên:

- Có chuyện gì mà hấp dẫn vậy?

Lucius vừa cười vừa nói:

- Hôm nay chúng ta sẽ được xem sự tử tế xác đăm Do Thái thờ Thiên Chúa.

Đa số những người thờ Thiên Chúa đều thuộc giai cấp bình dân, gốc Do Thái, xuất thân từ các làng mạc xa xôi miền Palestine và Syria đã lên tỉnh thành để sinh sống. Họ làm đủ mọi nghề để kiếm sống nhưng vì có tinh thần tương trợ, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau nên theo thời gian, nhiều người thuộc giai cấp bình dân La Mã cũng cải đạo, chuyển qua thờ Thiên Chúa. Một số nô lệ cũng chuyển qua tôn giáo này vì những người thờ Thiên Chúa coi họ như bằng hữu chứ không phân biệt giai cấp. Nếu nhóm người này trở thành số đông thì sẽ có thể đe dọa đến quyền lực của giới quý tộc nên chính quyền La Mã đã ban hành đạo luật xử tử hình bất cứ kẻ nào từ chối thờ phụng thần linh của La Mã.

Chúng tôi vừa vào đến chỗ ngồi thì tiếng kèn đồng đã vang lên, một nhóm người quần áo rách rưới được đưa ra giữa đấu trường. Valeria thẳng thốt:

- Tại sao lại toàn là phụ nữ và trẻ con thế này?

Lucius bình thản giải thích:

- Đàn ông bị hành quyết cả rồi, chỉ còn phụ nữ và trẻ con thôi.

Nhóm người này bị quân lính cầm roi đánh đuổi ra giữa sân, đến gần cũi sắt đang nhốt những con sư tử đã bị bỏ đói nhiều ngày. Kèn trống vang lên thúc giục, tiếng kêu la hò hét vang dội, các nạn nhân sợ hãi ngồi sụp cả xuống đất. Một hồi trống nữa vang lên, cửa cũi sắt được mở ra, bày sư tử liền nhảy chồm ra ngoài, rồi thông thả

bước quanh nhóm người đang co cụm, vừa đi vừa gầm gừ nhưng chưa tấn công. Lucius hét lên cổ vũ:

- Xé xác chúng đi, còn chần chờ gì nữa!

Những người xung quanh liền phụ họa:

- Xé xác! Xé xác! Xé xác đi!

Tôi ngồi đó như hóa đá, trống ngực đập liên hồi vì chưa bao giờ chứng kiến cảnh tượng ghê gớm như thế. Trong đầu tôi ngập tràn những câu hỏi. Tại sao người ta lại có thể thích thú trước cảnh thú dữ xé xác đồng loại mình như vậy? Tại sao người ta có thể coi đó là giải trí được?

Bầy sư tử đói tiếp tục vờn quanh đám người đang rúm ró vì sợ hãi, tiếng gầm gừ ngày một to hơn, rõ ràng chúng đang sắp sửa tấn công. Bỗng một người đàn bà lớn tuổi trong nhóm người dưới sân đứng lên, chấp hai tay vào nhau và lớn tiếng cầu nguyện. Cả đám người như được một sức mạnh nào đó thúc giục liền đồng loạt đứng cả lên, chấp tay cầu nguyện theo.

Bất ngờ, một cảnh tượng lạ lùng xảy ra. Con sư tử lớn nhất với bộ lông màu xám bỗng cúp đuôi chạy ngược vào trong cũi như thể đang sợ hãi một điều gì. Bầy sư tử hung dữ đang vờn quanh nhóm người cũng như thể bị một sức mạnh vô hình nào đó điều khiển, cả bầy nằm mọp xuống đất, tiếng gầm gừ im bật. Khán giả sửng sốt, tiếng la hét cổ vũ tắt ngấm, toàn đấu trường im phăng phắc. Ngay khoảnh khắc đó, tôi cảm thấy toàn thân chấn động như có một luồng điện chạy dọc từ đầu đến chân. Chưa kịp định thần tôi đã nghe một tiếng hét lớn:

- Quân lính đâu? Đuổi chúng đến cho sư tử ăn đi!

Một người lính cầm roi vội chạy đến vung roi quất lia lịa vào đám người đang cầu nguyện kia. Đột nhiên, một con sư tử đang nằm yên gần đó nhảy chồm lên, vồ người lính này khiến y ngã xuống đất.

Đám lính đứng quanh xông ra cứu nhưng đã muộn, con sư tử đã cắn nát cổ họng người này. Bầy sư tử đói đang nằm yên người thấy mùi máu lập tức chồm cả dậy, xông đến bên xác người lính kia. Những binh lính cầm roi đều quá kinh hãi trước cảnh tượng đó, liền chạy vội lùi ra xa, đứng nhìn bầy sư tử cắn xé thân xác người lính kia thành nhiều mảnh. Khán giả bị kích thích nên hò reo dữ dội:

- Đúng rồi! Ăn đi, xé xác đi!

Tiếng kèn đồng lại vang lên nhưng chỉ một khúc ngắn rồi im bật, tiếng hò hét của khán giả cũng dần tắt, bởi bầy sư tử chỉ xé xác người lính kia mà không hề tấn công đám người đang cầu nguyện cạnh đó. Tiếng bàn tán nổi lên xôn xao khắp đấu trường. Vừa xúc động vừa sợ hãi, tôi ngồi bất động, hai nắm tay siết chặt, trống ngực đập liên hồi.

Bỗng nhiên trên khán đài danh dự dành cho hoàng đế nổi lên một hồi kèn lớn. Một toán quân sĩ vũ trang cung nỏ rầm rầm bước ra sân. Sau một tiếng hô lớn, hàng loạt mũi tên được bắn ra, nhắm thẳng vào đám người đang cầu nguyện kia. Một số trúng tên ngã gục xuống, tiếng phụ nữ và trẻ con kêu khóc vang lên thảm thiết. Bất chấp tên bắn như mưa, một số người vẫn tiếp tục cầu nguyện mặc cho đã bị trúng tên, chỉ còn chút hơi tàn.

Quá hãi hùng và chấn động, tôi quay mặt đi vì không thể chứng kiến cảnh này thêm nữa. Tôi thoáng thấy Valeria cũng đang quay đi, kín đáo đưa tay lau nước mắt. Ánh mắt chúng tôi chạm nhau và tôi cảm nhận được một sự đồng cảm lạ lùng xảy ra giữa tôi và cô, tựa hồ trái tim chúng tôi đang rung động cùng một nhịp. Bất chợt Valeria đứng lên, quay sang nói với ông Beria:

- Cha ơi, con chóng mặt quá, xin cha đưa con về.

Beria thoáng ngạc nhiên nhưng cũng đứng lên rời khỏi hàng ghế. Chú tôi thấy vậy liền kéo tôi đứng dậy bước vội theo sau hai cha con Beria. Khi bắt kịp ông Beria, chú tôi lên tiếng:

- Có lẽ anh tôi đã đề cập qua với ông rồi, chúng tôi rất hân hạnh nếu ông và Valeria có thể vui lòng dành chút thời gian đến tham dự lễ mừng trưởng thành của Sirius sắp tới đây tại đền thờ Jupiter.

Beria đứng lại, chăm chú nhìn tôi. Ông là một người có vẻ ngoài nghiêm nghị và lạnh lùng, ánh mắt ông nhìn tôi lại mang ý dò xét, khiến tôi rất bối rối, không biết phải nói gì. Ông suy nghĩ một chút rồi gật đầu:

- Được, chúng tôi sẽ đến.

Buổi lễ mừng trưởng thành của tôi được tổ chức trong khu vườn bên cạnh đền thờ thần Jupiter. Trước đó, tôi đã cố gắng học thuộc lòng bài diễn văn được soạn sẵn. Đó là một bài diễn văn sáo rỗng, chứa đầy câu từ khách sáo và chỉ thể hiện kỳ vọng của gia đình. Tôi cảm thấy bài diễn văn kia chẳng ăn nhập gì với mình, nhưng vì muốn được yên thân nên vẫn cố học thuộc.

Khách tham dự ngày hôm đó đều là các gia đình quý tộc, nhiều nhà dẫn theo con gái vì coi đây là dịp để các gia đình tìm kiếm đối tượng liên minh bằng hôn nhân.

Nghi thức trưởng thành được diễn ra bên trong đền thờ Jupiter, nơi chỉ dành cho các thành viên trong gia đình. Tôi cởi chiếc vòng cổ hộ mệnh (*Bulla* [3]) dâng lên chư thần, sau đó được các giáo sĩ ban phép lành. Tiếp theo, tôi khoác lên mình bộ quần áo mới màu trắng. Tên tuổi của tôi được ghi nhận vào sổ công dân La Mã. Nghi lễ chấm dứt sau khi cha tôi tặng cho đền thờ một con bò lớn để các giáo sĩ làm lễ dâng lên chư thần. Như vậy, tôi đã chính thức được coi là một người trưởng thành. Sau đó, chúng tôi cùng rời đền thờ, di chuyển sang khu vườn bên cạnh, nơi đã được chuẩn bị bữa tiệc thịnh soạn và có các vị quan khách đang chờ.

Vào đến nơi tôi thấy gia đình Beria cũng đã có mặt, Valeria vẫn ăn mặc giản dị như hôm chúng tôi gặp nhau lần đầu. Đây là một bữa tiệc lớn và mọi người còn xem như một dịp để tìm hiểu, kết giao, nên các cô gái đến tham dự đều trang điểm lộng lẫy, phục sức trang

trọng. Valeria lại nổi bật giữa đám đông bởi vẻ trang nhã, thanh thoát của mình. Chúng tôi khẽ gật đầu chào nhau, rồi tôi theo cha chào hỏi các quan khách tham dự.

Giữa buổi tiệc, tôi được gọi lên phát biểu diễn văn trường thành. Tuy có nói lấp vại câu nhưng cuối cùng tôi cũng hoàn tất bài diễn văn soạn sẵn trước sự vui mừng của gia đình. Cha tôi tỏ vẻ phấn khởi, ông cười lớn và nói với quan khách:

- Các ông nghe thấy đấy, thằng con tôi không những muốn nối nghiệp buôn bán của gia đình mà còn có tham vọng trở thành nghị viên của La Mã nữa.

Đám đông rộn tiếng cười và tiếng vỗ tay, chỉ có tôi biết rằng những gì mình vừa nói đều không phải sự thật. Trong lúc mọi người vui vẻ vừa ăn uống vừa chuyện trò, chú tôi đưa tôi đến ngồi cạnh Valeria. Mọi ánh mắt trong bàn tiệc đều đổ dồn vào chúng tôi, có lẽ vì đã biết đây là hai con người đang trở thành đối tượng cho cuộc thương lượng kết giao giữa hai gia đình. Tôi vô cùng lúng túng nhưng Valeria thì có vẻ rất thản nhiên, cô thoải mái trò chuyện với mọi người. Lát sau cô quay sang hỏi tôi:

- Hình như anh có ý muốn làm nghị viên?

Bình thường trong trường hợp thế này tôi chỉ gật đầu cho có lệ, nhưng không hiểu động lực gì thúc đẩy, tôi bỗng rất muốn thành thật với Valeria. Tôi đáp một cách dứt khoát:

- Không! Tôi chưa bao giờ muốn làm nghị viên cả.

Valeria để lộ một thoáng ngạc nhiên nhưng rất nhanh lấy lại vẻ điềm tĩnh, cô hỏi tiếp:

- Nếu thế chắc anh muốn trông nom đoàn tàu buôn của gia đình?

Tôi thẳng thắn trả lời:

- Không! Tôi cũng không có ý định đó.

Lần này thì Valeria không giấu sự ngạc nhiên của mình nữa. Cô nhướn mày rồi nhìn tôi chăm chú:

- Vậy anh muốn làm gì trong tương lai?

Từ trước đến nay chưa từng có ai hỏi qua ý kiến của tôi về việc tôi muốn làm gì với cuộc đời mình. Từ nhỏ, tôi đã bị bắt buộc phải làm việc này hay việc khác theo lệnh của gia đình, không ai quan tâm tôi muốn gì hay muốn làm gì. Đây là lần đầu tiên có người để tâm đến mong muốn của tôi, lại còn là một người xa lạ. Vừa xúc động vừa bối rối, tôi lắc đầu:

- Tôi chưa biết, nhưng chắc chắn tôi sẽ không làm nghị viên.

Valeria tỏ vẻ nghi hoặc:

- Nhưng anh vừa phát biểu...

Nổi uất ức dồn nén từ lâu chợt bùng lên, tôi ngắt lời Valeria:

- Tất cả đều là ý của cha tôi. Tôi chỉ nói theo điều ông muốn. Thật ra, tôi...

Tôi không nói hết lời vì chợt nhận ra mình đang thổ lộ tâm sự thầm kín với một người lạ. Valeria nhìn tôi vẻ thông cảm rồi hỏi vừa đủ cho tôi nghe:

- Phải chăng anh có điều gì không được như ý?

Tôi giật mình:

- Cô nhận thấy thế sao?

Valeria gật đầu nói một cách nhẹ nhàng:

- Em biết có những việc chúng ta không thể thay đổi được nhưng chúng ta vẫn có thể kiểm soát được thái độ của mình trước hoàn cảnh không như ý muốn này. Chúng ta vẫn có thể tự tìm lấy niềm vui riêng.

Lời an ủi chân tình của Valeria khiến thiện cảm tôi dành cho cô ngày một nhiều. Nhưng tại sao cô lại sử dụng chữ "chúng ta", phải chăng cô cũng có những điều không được như ý? Đây là lần đầu tôi thấy mình có thể mạnh dạn trò chuyện với một người khác phái mà không cảm thấy ngượng ngùng. Tôi hỏi:

- Phải chăng cô cũng có những điều không được như ý?

Valeria gật đầu, đôi mắt cô thoáng hiện nét u buồn nhưng cô lấy lại vẻ điềm tĩnh rất nhanh và lảng sang chuyện khác. Tôi cảm nhận được Valeria có điều không muốn thổ lộ nên cũng không ép cô làm gì. Tôi hỏi tránh đi:

- Vậy, khi gặp việc không như ý thì cô sẽ làm gì?

Valeria trả lời nhỏ nhẹ:

- Em cầu xin Ngài giúp em phân biệt sáng suốt, rõ ràng những việc có thể thay đổi và những việc không thể thay đổi, để em làm những việc có thể làm, còn việc không thể thay đổi thì em không bận tâm đến.

Tôi lớn lên với sách vở, đã đọc qua hầu hết các triết gia tên tuổi, nhưng những lời thốt ra từ miệng Valeria vẫn khiến tôi ấn tượng vô cùng. Đây là một suy nghĩ mới mẻ mà tôi tin là mình chưa từng nghe hay đọc qua. Valeria do dự một chút rồi nói thêm:

- Em xin Ngài giúp em có đủ can đảm để chấp nhận những việc không như ý muốn để em có thể an ủi người khác hơn là được người ủi an; để có thể thông cảm với người khác hơn là được người cảm thông; để có thể ban rải tình thương hơn là được yêu thương,

bởi vì em biết khi mình thật sự cho đi thì mới được nhận lãnh. Có tha thứ cho người khác thì mới được thứ tha...

Quá ấn tượng với những lời lẽ khác thường vừa nghe, tôi nhìn Valeria đăm đăm, chẳng phản ứng được gì. Mất một lúc tôi mới nhận ra mình đang thất lễ, tôi lấy lại sự bình tĩnh, hỏi cô:

- Nhưng lúc đó cô cầu xin ai? Cô cầu xin thần Jupiter, Neptune hay Apollo?

Valeria đăm chiêu và có chút do dự, cô không trả lời câu hỏi của tôi mà nhẹ nhàng hỏi lại:

- Hình như anh không tin ở sự cầu nguyện?

Đúng là từ trước đến nay tôi không hề quan tâm đến các thần linh như Jupiter, Neptune, Mars hay Apollo. Sống trong gia đình chỉ coi trọng tiền bạc, cha mẹ tôi coi giáo sĩ là những kẻ lợi dụng thần linh để ăn bám xã hội. Do đó, dù sống trong xã hội La Mã thờ đa thần nhưng tôi không bao giờ cầu nguyện. Tôi gật đầu:

- Có thể nói vậy. Cha mẹ tôi dạy phải lo kiếm tiền chứ đừng trông mong điều gì xa xôi, vô ích ở các bậc thần linh.

Valeria không tỏ ra phật ý mà nói một cách chân thành:

- Em nghĩ chúng ta không việc gì phải quá lo lắng về tiền bạc như thế. Anh sẽ không lo nếu anh biết rằng mọi nhu cầu của anh sẽ được đủ đầy, nếu anh biết cho đi thì sẽ được nhận lại. Nếu anh phụng sự thì ân phước sẽ đến với anh...

Tôi vừa bối rối vừa ngạc nhiên, tôi không hiểu cô đang ám chỉ điều gì. Tôi hỏi:

- Cô nói vậy nghĩa là thế nào? Phải chăng cầu nguyện sẽ giải quyết được mọi sự, kể cả những việc bất như ý?

Valeria mỉm cười:

- Nếu anh thành tâm cầu nguyện thì chắc chắn sẽ có cảm ứng. Nếu anh gõ cửa thì cửa sẽ mở, nhưng anh phải gõ trước đã. Khi cầu nguyện, anh sẽ thấy tâm hồn dần dần lắng dịu, xóa bỏ được mọi nỗi ưu phiền, rồi anh sẽ vượt qua được những điều bất như ý này.

Tôi ngạc nhiên:

- Cô thật sự tin như thế sao?

Đôi mắt Valeria long lanh, cô nhìn tôi một cách chân thành, rồi dùng giọng hết sức nhỏ nhẹ nói:

- Em tin vào việc cầu nguyện và em cầu nguyện hằng ngày. Từ khi đến La Mã, em không có ai để chia sẻ tâm sự nên luôn mong có được một người hiểu em, nhưng muốn tìm được người bạn như thế thì em phải chia sẻ trước. Nếu em nói gì không phải, xin anh bỏ qua.

Tôi xúc động, vô thức nắm lấy tay Valeria:

- Không đâu, cô nói hay lắm. Tôi sẵn sàng làm bạn với cô.

Đây là lần đầu tôi thấy mình có thể trò chuyện một cách tự nhiên với một cô gái, phần vì những gì Valeria chia sẻ rất mới mẻ và ấn tượng, phần vì cô luôn cho tôi thấy sự chân thành chứ không khách sáo như những cô gái khác.

Valeria tiếp tục chia sẻ:

- Từ khi mẹ em mất, cha em chuyển qua buôn bán nên thường đi xa, không mấy khi có nhà. Hiện giờ đã về sống ở La Mã nhưng em vẫn thích Syria hơn.

Tôi an ủi:

- Có thể hiện giờ cô chưa thích La Mã, nhưng sống tại đây ít lâu rồi cô sẽ có nhiều bạn, tham gia nhiều tiệc tùng giải trí rồi cô sẽ thích.

Valeria lắc đầu:

- Không đâu! Em thấy La Mã chỉ là một bãi sa mạc khô cằn, đầy những tàn bạo, tranh giành, hung ác, không thể so sánh với Syria, nơi có những ốc đảo trải dài, xanh tươi mát mẻ, mang lại sự bình an cho tâm hồn. Đó là một nơi tràn đầy tình thương như dòng nước mát trong ngọt lành mà người lữ hành trên sa mạc nóng rất có thể dừng chân uống nước và xoa dịu tâm hồn.

Sự so sánh lạ thường của Valeria khiến tôi ngạc nhiên quá đỗi. Làm sao mà La Mã với những tòa kiến trúc nguy nga, huy hoàng lại có thể ví như một bãi sa mạc khô cằn? Và Syria, một sa mạc hoang vu nóng rát lại được cô ca tụng như một nơi xanh tươi, mát mẻ với những dòng nước mát trong lành? Thấy tôi im lặng, Valeria nhẹ nhàng hỏi:

- Lúc này anh chưa trả lời em, anh muốn làm gì trong tương lai?

Tôi bối rối:

- Tôi không biết... Cha mẹ tôi đã thu xếp mọi sự, tôi chỉ cần làm theo...

Valeria nhìn tôi bằng đôi mắt thăm thẳm, cô cân nhắc lựa lời rồi nhẹ nhàng nói:

- Anh nghĩ anh nên để cho người khác thu xếp cuộc đời mình sao? Theo em, đời sống là của riêng anh và chỉ anh mới có quyền quyết định mà thôi. Ngoài ra, mục đích của cuộc đời đâu phải chỉ để đạt được chức vụ gì, quan trọng là phải làm gì để đời sống trở nên có ý nghĩa hơn.

Tôi ngần ngại:

- Nhưng tôi không tài giỏi như Lucius. Em tôi thông minh, tài giỏi, nó làm gì cũng thành công.

Valeria lắc đầu:

- Mặc cảm thua kém như vậy đâu có ý nghĩa gì. Nếu anh biết dùng cuộc đời để làm những việc có ý nghĩa thì tất cả những gì anh cần sẽ tự đến với anh. Có lòng tin vững chắc vào việc làm của mình thì mọi sự sẽ tự đến với anh một cách màu nhiệm. Anh đừng quá lo lắng, vì một khi anh thành thật hiến dâng thì anh sẽ không thiếu một thứ gì. Hiện nay anh muốn làm gì nhất?

Không suy nghĩ hay dè chừng gì, tôi buột miệng:

- Tôi chỉ muốn được tự do đi đây đi đó như cô...

Valeria mỉm cười, gật đầu:

- Nếu anh có dịp qua Syria em sẽ giới thiệu anh với các bạn em ở đó. Họ sẽ đưa anh đến thăm những thắng cảnh như em nói.

Chúng tôi tiếp tục trò chuyện thoải mái và thân tình cho đến khi tiệc tan, quan khách ra về. Tôi chia tay Valeria và hẹn mấy hôm nữa sẽ đến thăm cô. Tôi trở về nhà lòng vui khắp khởi. Lần đầu tiên trong đời, tôi có bạn và không còn đơn độc, lần đầu tiên trong đời tôi thật sự suy nghĩ về việc mình muốn làm gì trong tương lai.

Về nhà không lâu, cha tôi cho họp gia đình và tuyên bố:

- Có lẽ Sirius không gây được ấn tượng gì với Beria. Ta đã ngờ ý nhưng ông ta có ý thoái thác. Tuy nhiên, gia đình Marius thì thích thằng Sirius.

Lucius cười lém lỉnh, nói xen vào:

- Có thể Beria chưa có ý kén rể nhưng mọi người có để ý thấy Sirius và Valeria nói chuyện thân mật với nhau thế nào không? Từ trước đến nay Sirius có bao giờ nói chuyện với phụ nữ đâu.

Chú tôi ngạc nhiên:

- Có chuyện như thế sao? Chúng ta mãi bàn bạc nên không để ý đến.

Lucius nhìn tôi cười cười, mắt hấp háy:

- Sirius, anh nghĩ sao? Em thấy cả hai trò chuyện vui vẻ lắm. Phải chăng anh thích Valeria?

Mọi người đều quay sang nhìn tôi, khiến tôi luống cuống không nói nên lời, chỉ có thể ngượng nghịu gật đầu.

Chú tôi bật cười gật đầu:

- Hay lắm, nếu thế chúng ta cần phải tạo cơ hội cho hai đứa gần nhau nhiều hơn. Nếu cha nó chưa sẵn sàng thì ta sẽ làm cho nó sẵn sàng. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Từ nay Sirius phải thường xuyên đến gặp Valeria, gặp càng nhiều càng tốt.

Cả gia đình lại xúm nhau bàn tán, và cũng như mọi khi, không ai hỏi ý tôi thêm gì nữa, và đây có lẽ là lần duy nhất tôi không thấy phật ý về điều đó. Tuy nhiên chỉ vài hôm sau, chú tôi về nhà trong hốt hoảng, ông chạy vội đến chỗ tôi, thở hổn hển:

- Sirius, sau này không được liên lạc với Valeria nữa. Thật là việc động trời...

Cha tôi nghe thấy sự ồn ào nên bước đến, vừa hay nghe được lời chú tôi. Cha tôi ngạc nhiên:

- Tại sao vậy? Chuyện gì xảy ra thế?

Chú tôi nhăn nhó, vừa lắc vừa kể:

- Không thể tin được. Lâu nay triều đình vẫn theo dõi một nhóm người Do Thái hoạt động bí mật tại La Mã. Hôm qua quân sĩ đã bắt toàn bộ đám này khi chúng đang hội họp để cầu nguyện. Điều bất ngờ là con bé Valeria lại có mặt trong đám này và là một trong

những đứa đi truyền đạo Thiên Chúa. Việc con gái quan lớn La Mã lại thờ Thiên Chúa khiến triều đình rất mất uy tín nên hoàng đế đã ra lệnh cho xử tử ngay. Hiện nay, triều đình đang điều tra những kẻ có liên quan, nên chúng ta phải tránh liên lạc với gia đình này kẻo bị liên lụy.

Cha tôi vội hỏi:

- Ông Beria thì sao?

Chú tôi đáp:

- Beria không biết gì về việc con ông đi theo đám Do Thái này. Ông đã đến đền thờ Jupiter tạ tội và lớn tiếng nguyện rửa thần linh Do Thái, làm vậy là để xin ân xá cho con ông. Việc này được giao cho thẩm phán Summarus xét xử. Tuy nhiên, khi hoàng đế đã ra lệnh thì trước sau cũng sẽ bị mang ra đấu trường để làm mồi cho sư tử thôi.

Tôi điếng người, choáng váng trước những gì vừa nghe. Nhớ lại cảnh Valeria rơi nước mắt vì những người thờ Thiên Chúa bị hành quyết trên đấu trường, bây giờ tôi đã hiểu đó không chỉ là lòng trắc ẩn đơn thuần. Trống ngực tôi đập ùng ùng, trái tim như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực.

Lucius nhăn mặt sợ hãi:

- Làm sao một con bé ngây thơ như thế lại có thể đi truyền đạo được?

Chú tôi giải thích:

- Có lẽ nó sống ở Syria từ nhỏ nên bị ảnh hưởng của đám Do Thái. Khi mẹ nó qua đời, cha nó bận rộn buôn bán đâu để ý gì đến nó. May quá, chúng ta chưa kết giao với gia đình này. Từ nay phải cẩn thận, nếu ai có hỏi đến thì phải nói là chúng ta không quen biết gia đình này. Sirius phải tuyệt đối không được nhắc gì về con bé ấy nữa, càng không được đi gặp nó.

Từ nhỏ tôi đã luôn là đứa con ngoan ngoãn, luôn nghe theo sự sắp đặt của cha mẹ, nhưng lần này tôi biết mình không làm thế được. Tuy chỉ mới quen và trò chuyện được vài lần nhưng Valeria đã để lại một ấn tượng đặc biệt trong tim tôi. Tôi quyết định phải gặp cô cho bằng được. Biết Valeria bị giam trong đấu trường nên tôi tìm đến Marcus, kể cho ông nghe về tình cảm của tôi dành cho cô gái này và nhờ ông giúp cho tôi gặp lại Valeria. Marcus là võ sĩ giác đấu lừng danh, tuy đã về hưu nhưng vẫn được các võ sĩ giác đấu đương thời hết sức tôn sùng nên việc ra vào đấu trường không khó khăn gì. Ông nghe tôi trình bày xong rồi nói:

- Ta có thể đưa con vào đấu trường để gặp người yêu một lần cuối nhưng con phải tuyệt đối nghe lời ta, không được làm điều gì bất cần.

Muốn trở về với con người thật (chân ngã) thì phải biết buông bỏ những giá trị phù phiếm, danh vọng hão huyền để phát triển khả năng hiểu biết thâm sâu.

Marcus cho tôi đội một chiếc nón sắt che gần kín mặt rồi dẫn tôi vào đấu trường. Chúng tôi đi thẳng xuống căn hầm sâu. Khi thấy ông, mọi giác đấu sĩ đều lễ phép chào hỏi. Chúng tôi đến chỗ giam tù nhân thì thấy một nhóm võ sĩ giác đấu đang đứng quanh Beria, trước mặt họ là một vị có vẻ là quan lớn, tôi biết đó chính là Summarus. Marcus ra dấu cho tôi đứng yên sau lưng ông. Hầu hết những người bị bắt đều bị đưa đến cửa hầm để chuẩn bị ra đấu trường. Riêng Valeria được dắt vào góc để thẩm vấn lần cuối. Summarus lên tiếng:

- Đây con bé kia, vì cha người đã có công với La Mã nên ta cho người một cơ hội cuối cùng. Nếu người quỳ lạy trước tượng Jupiter và lớn tiếng nguyện rửa thần linh gì đó của người ba lần thì ta có thể khoan hồng.

Valeria cương quyết lắc đầu. Summarus cười nhạt:

- Vì cảm tình với cha người nên ta đã cho người ân huệ. Nếu người đã ngang bướng như vậy thì ta phải thi hành pháp luật.

Beria gục xuống trước mặt Valeria, run rẩy nói:

- Con ơi, xin hãy thương người cha này. Con chỉ cần quỳ lạy thần Jupiter và thề trọn đời tôn thờ thần linh của La Mã thì mọi sự có thể thay đổi...

Valeria cương quyết lắc đầu. Beria ôm lấy chân của Valeria:

- Con ơi! Hãy thương người cha già này. Ta không thể sống mà không có con được. Con hãy nghe lời Summarus đi con ơi...

Thấy Valeria vẫn im lặng, Summarus quát lớn:

- Chúng ta không có nhiều thời giờ. Đây con bé kia, ta cho người một cơ hội cuối. Hãy mau lớn tiếng nguyện rửa thần linh của người đi thì mọi chuyện sẽ được cứu vãn.

Valeria nghiêm trang trả lời:

- Đời sống và linh hồn của tôi thuộc về Ngài. Chỉ có Ngài mới có quyền xét xử tôi thôi. Pháp luật của các ông không có nghĩa gì với tôi cả...

Summarus tức giận đến nghiến răng. Beria kêu lên thất thanh:

- Con ơi, hãy nghe lời Summarus đi rồi con muốn gì cũng được.

Bỗng nhiên Valeria quỳ xuống, nắm lấy tay Beria:

- Thưa cha! Con chỉ xin cha một việc thôi.

Beria nói ngay:

- Con muốn gì cũng được, con muốn gì cũng được, cha sẵn sàng...

Valeria nói:

- Con xin cha sẵn sóc cho anh Sirius, nếu được thế thì con ra đi không hối tiếc gì nữa...

Beria ngạc nhiên, hỏi dồn:

- Cái gì? Sirius? Tại sao?

Tôi cũng ngạc nhiên đến bàng hoàng. Vì lẽ gì mà vào giờ phút này người con gái mới quen biết kia vẫn nghĩ đến tôi? Valeria trả lời từ tốn:

- Từ trước đến nay cha vẫn than không có con trai nối dõi và muốn tìm một người chồng cho con. Nay con đã tìm được cho cha rồi. Đó là Sirius.

Beria gục xuống đất kêu lớn:

- Valeria, Valeria con ơi, tại sao con không thể phủ nhận thần linh của đám Do Thái? Ông ta chết trên thập giá từ lâu rồi thì còn cứu ai được nữa?

Valeria đứng lên, chấp hai tay cầu nguyện:

- Lạy Cha chúng con ở trên trời. Xin Cha tha thứ cho chúng con như chúng con cũng tha thứ cho những kẻ có lỗi với chúng con vì họ không biết việc họ đang làm. Con xin tuân theo ý Cha làm dưới đất cũng như trên trời...

Summarus thấy vậy nổi giận đùng đùng, hét lớn:

- Đồ khốn nạn, hãy đưa con bé này ra ngoài cho thú dữ ăn ngay đi.

Valeria không hề nao núng, cô đứng đó tiếp tục cầu nguyện:

- Ở những nơi đầy thù hận xin Cha cho con được gieo hạt mầm yêu thương...

Một giác đấu sĩ đứng gần đó lên tiếng:

- Thưa ngài, hôm trước, việc sư tử không ăn thịt đám Do Thái đã tạo dư luận bất lợi. Lần này hoàng đế ra lệnh phải cắt xẻo thân thể chúng, đóng lên thập giá cho điều ăn quạ rửa, để chúng chết dần chết mòn nhằm răn đe dân chúng.

Summarus phát tay ra hiệu thi hành, hai giác đấu sĩ lực lưỡng bước đến lôi Beria ra, tiếng ông kêu khóc vang rền cả hầm.

Tôi chấn động, hãi hùng trước hình phạt ghê gớm kia. Với hình phạt này, tội nhân sẽ bị cắt xẻo nhiều nơi trên thân thể sau đó bị treo trên cột gỗ giữa đấu trường cho điều quạ đến móc mắt, rửa từng mẩu da, từng thớ thịt đến tận xương, kéo dài suốt mấy ngày, muốn chết mà không chết được. Đây là hình phạt được dân chúng La Mã lúc đó rất thích, vì họ có thể vừa xem điều ăn quạ rửa, vừa đánh cuộc với nhau xem khi nào tội nhân chết hoặc kẻ nào chết trước. Một tay võ sĩ giác

đấu rút gươm ra bước đến bên Valeria khi cô vẫn chấp tay cầu nguyện. Tôi dợm bước tới thì Marcus quay sang chặn lại, ông ghé vào tai tôi nói nhỏ:

- Con phải tuyệt đối giữ im lặng, hãy để ta lo việc này.

Không đợi tôi kịp phản ứng, vừa nói dứt lời Marcus đã bước ra nói lớn:

- Con bé này cứng đầu, hãy cho ta vinh dự trừng trị nó.

Thấy thần tượng của mình bước ra, toàn thể giác đấu sĩ trong căn hầm đồng thanh kêu lớn:

- Đúng rồi! Vinh dự này thuộc về ngài, xin ngài hãy ra tay.

Một giác đấu sĩ bước tới, cung kính hai tay dâng gươm lên cho Marcus nhưng ông lắc đầu:

- Chỉ là một con bé, ta không cần gươm, một bàn tay là đủ rồi.

Các giác đấu sĩ trong hầm đồng thanh reo hò:

- Marcus! Marcus! Anh hùng của chúng ta!

Marcus thong thả bước đến cạnh Valeria, vì ông quay lưng về phía các giác đấu sĩ nên không ai thấy ông đang làm gì, nhưng ở góc bên cạnh, tôi thấy rõ ông đang thì thầm vào tai Valeria. Valeria đang cầu nguyện chột ngẩng lên, ánh mắt cô quay về phía tôi đứng, miệng mấp máy như nói gì giữa tiếng hò reo của các giác đấu sĩ đang vang dội trong hầm. Marcus ghé sát tai nghe rồi gật đầu, ông đưa bàn tay to lớn lên bóp mạnh vào chiếc cổ thon nhỏ của cô gái. Valeria nấc lên một tiếng, yết hầu vỡ nát, cô nhìn tôi lần cuối rồi gục xuống. Marcus đứng yên chờ cho đến lúc cô không còn thở nữa rồi mới ra lệnh cho tay võ sĩ giác đấu đứng cạnh đó:

- Hãy mang nó ra cho điều quạ ăn đi.

Nói xong ông giơ tay lên, dấu hiệu chiến thắng của các võ sĩ giác đấu khi hoàn tất nhiệm vụ. Tiếng hoan hô vang dậy. Marcus thông thả bước ra khỏi hầm, vừa đi vừa vờ vai thăm hỏi những giác đấu sĩ đứng xung quanh như không có chuyện gì xảy ra. Tôi vô thức bước theo sau ông, toàn thân tôi không còn cảm giác, ý thức trở nên mơ hồ. Sự việc diễn ra quá nhanh và quá khủng khiếp khiến tôi hoàn toàn tê liệt.

Khi đến đường phố chính, Marcus ghé vào tai tôi thì thầm:

- Ta không nỡ thấy con bé chết đau đớn nên đành phải ra tay trước.

Tôi gật đầu, cho biết đã hiểu và siết chặt tay ông thay lời biết ơn. Marcus nói tiếp:

- Ta đã cho con bé biết rằng con đã bắt chấp mọi nguy hiểm để đến gặp nó. Trước khi chết con bé nắm với ta rằng nó mong con sẽ được tự do đi đó đi đây như con muốn.

Cái chết của Valeria là một biến cố lớn trong đời sống phẳng lặng bao năm qua của tôi. Niềm tin không lay chuyển của cô và câu nói "*Ở những nơi đầy thù hận xin Cha cho con được gieo hạt mầm yêu thương*" đã đánh thức một cái gì đó vẫn luôn tiềm ẩn trong tôi. Tôi có cảm giác mình đã từng nghe ai đó nói về kiểu tình thương như thế này. Lớn lên trong một gia đình coi trọng tiền bạc và vật chất, nên trong hầu hết mọi hoàn cảnh, tình thương là ý niệm tôi không bao giờ được nghe hay nói đến, nhưng câu nói của Valeria lại có sức chuyển hóa lạ lùng, tâm hồn còn đang mơ màng của tôi như đã được đánh thức. Như đã có người cầm đuốc đi vào phòng tối khiến bóng tối tan biến, tôi thấy mình không còn là một thanh niên ngây thơ như xưa nữa. Tôi bắt đầu suy ngẫm về mục đích cuộc đời mình, một mục đích không do gia đình quyết định mà phải do chính tôi tìm kiếm và nắm lấy.

Nhiều tháng lặng lẽ trôi qua kể từ ngày Valeria rời bỏ thế giới. Một hôm, chú tôi tập hợp mọi người trong nhà, nói là để báo tin mừng. Chú hồ hởi nói với cha tôi:

- Em vừa thương lượng với Beria về việc chuyên chở hàng hóa qua đường biển. Rất bất ngờ, ông ta cũng sẵn sàng hợp tác với chúng ta trên con đường bộ qua Á châu nữa. Bất ngờ hơn nữa là ông còn đề nghị cho Sirius đi theo để học hỏi.

Tôi lặng lẽ tiếp nhận thông tin, không phản ứng gì, nhưng một niềm xúc động xen lẫn nỗi buồn nhẹ nhàng chảy qua tôi. Tôi biết Beria làm vậy là vì muốn hoàn thành tâm nguyện của Valeria. Mẹ tôi thì rất ngạc nhiên, bà nói ngay:

- Tại sao lại là Sirius? Việc này phải giao cho Lucius mới đúng chứ.

Chú tôi giải thích:

- Em có đề nghị cho Lucius đi cùng nhưng Beria nói chỉ muốn Sirius đi theo ông qua Á châu mà thôi.

Cha tôi dăm chiêu một lúc rồi từ tốn nói:

- Không sao, cơ hội hãn hữu này gia đình ta không thể bỏ qua được. Lần này Sirius đi trước dò đường, lần sau sẽ đến lượt Lucius. Điều quan trọng là chúng ta đã có người thăm dò con đường này để tương lai sẽ phát triển qua phương Đông. Một khi chúng ta đã nắm vững đường đi nước bước thì đâu cần đến Beria nữa.

Chú tôi quay sang tôi, dặn dò:

- Sirius, con nhớ phải cẩn trọng xem xét thật kỹ mọi mối quan hệ với các quan lại trông coi trạm kiểm soát, để ý xem họ đòi hỏi những gì. Trước sau gì chúng ta cũng phải chiếm lấy cơ hội này.

Tôi lắng nghe những lời dặn dò của cha và chú nhưng không đáp mà chỉ lặng lẽ gật đầu. Nghĩ đến Valeria và những lời nói sau cùng của cô, tôi biết chuyến đi này là dịp để tôi có được thứ tự do mà tôi và Valeria đều mong muốn. Có thể đây cũng là chuyến đi giúp tôi tìm thấy câu trả lời về ý nghĩa cuộc đời. Dù là gì đi nữa, tôi biết rằng mình phải nắm lấy cơ hội này, cơ hội mà Valeria, người con gái giản

dị nhưng đầy tình thương, đã dành tặng tôi như một món quà cuối cùng.

La Mã là một đế quốc rộng lớn chạy dài từ Đại Tây Dương đến Tiểu Á, bao gồm gần một nửa châu Âu, một phần của châu Phi và châu Á. Quân đội thiện chiến La Mã đã chinh phục các nước xung quanh, đặt hệ thống cai trị kéo dài gần năm thế kỷ. Theo thời gian, đế quốc La Mã sụp đổ vì sự tiêu pha phung phí, ăn chơi trác táng của các bậc vua chúa cũng như sự tham nhũng của các quan cai trị địa phương. Các sử gia sau này cũng xác định sự sụp đổ của La Mã đến từ bên trong, từ trong dân tộc, trong đạo đức, trong chế độ quan liêu, trong thất bại thương mại và đấu tranh giai cấp không ngừng nghỉ. Quốc khố bị thâm hụt, không còn đủ ngân sách để trả lương cho binh sĩ thì một số thành phần trong lực lượng quân đội đã chuyển sang làm giặc cướp, khiến xã hội La Mã trở nên bất ổn, thiếu an ninh. Khi triều đình không thể kiểm soát tình hình, các quan cai trị địa phương đã ra tay chiếm đoạt đất đai, tài sản của dân chúng, rồi các bệnh dịch xảy ra liên miên, xã hội hỗn loạn, phòng thủ quốc gia không còn hữu hiệu. Các bộ lạc miền Bắc kéo vào cướp bóc, phóng hỏa tận thủ đô La Mã. Sau đó, các bộ lạc khác ở Bắc Phi cũng nhân cơ hội kéo qua cướp phá khắp nơi. Mặc dù sau này Hoàng đế Constantine xây dựng Đế quốc Byzantine, được các sử gia coi là đế quốc La Mã thứ hai (còn gọi là Đế chế Đông La Mã), kéo dài thêm một thời gian nữa nhưng sự phồn vinh huy hoàng của La Mã khi đó đã qua rồi.

Sự sụp đổ của đế quốc La Mã đã được các sử gia ghi nhận rõ ràng nhưng Thomas đặc biệt nhấn mạnh hai nguyên nhân ít được nói đến. Nguyên nhân thứ nhất là sự bất bình đẳng giàu nghèo giữa giai cấp thượng lưu, gồm các quan lại triều đình, và đa số dân chúng thuộc giai cấp bình dân hay nô lệ. Giai cấp thượng lưu nắm quyền kiểm soát gần như tất cả mọi tài nguyên cũng như thương mại, họ tạo ra một hệ thống quyền lực ngầm nhằm khuynh đảo triều đình,

ban hành những đạo luật có lợi cho họ nhất. Nền thương mại của La Mã cũng tập trung trong tay vài chục gia đình hết sức giàu có, có ảnh hưởng lớn đến các hoàng đế. Họ mua quan bán chức để làm giàu. Tình trạng một lực lượng thiểu số nắm quyền kiểm soát và quyết định số phận của hàng chục triệu người dân sống làm than, nghèo khó đã đưa đế quốc La Mã đến chỗ diệt vong.

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến sự sụp đổ này là sự giết chóc (sát nghiệp). Khi xâm lăng những quốc gia xung quanh để mở rộng đế chế, các vua chúa La Mã đã cho giết hại rất nhiều người, chính sát nghiệp này khiến đế quốc này phải trả quả.

Theo Thomas, tất cả các tai họa xảy đến cho bất cứ một quốc gia nào đều là hậu quả của những nguyên nhân đã diễn biến từ trước. Khi hậu quả xảy đến thì không ai có thể tránh được. Lịch sử chưa từng ghi nhận đế quốc hay triều đại nào trường tồn bền vững. Lịch sử là bài học giúp cho con người quán xét những biến cố từ xưa để học hỏi, rút kinh nghiệm cho ngày nay. Câu hỏi hiện nay là những người lãnh đạo đang có tham vọng thôn tính các quốc gia quanh vùng để bành trướng ảnh hưởng và chiếm đoạt tài nguyên có biết gì về bài học này không? Liệu họ có ý thức được hậu quả sẽ xảy ra cho quốc gia của họ và người dân xứ họ không? Phải chăng tham vọng và sự say mê quyền lực đã khiến đầu óc của họ trở nên u mê, do đó lịch sử cứ tiếp tục lặp lại những bài học xưa cũ. Dẫu sao thì gây nhân thì chắc chắn gặp quả, đây là sự thật không thể chối cãi. Tất cả những người góp phần vào việc xâm lăng, cướp đoạt, giết chóc sẽ sinh ra làm nạn nhân chiến tranh trong tương lai để trả quả. Những đế quốc hùng mạnh sẽ bị kiếp nạn, tan nát thành nhiều nước nhỏ, và người dân sẽ phải chịu đựng cộng nghiệp sống trong cảnh đói rét, khổ sở, bất công. Phần lớn tai họa đều do sát nghiệp gây ra. Nếu không biết thay đổi, dẹp bỏ lòng tham lam, tính hiếu sát thì khó có thể cứu vãn tai kiếp trong tương lai.

Mặc dù lịch sử đã chứng minh như thế nhưng cho đến hiện tại vẫn chẳng có mấy ai nhận thức và tin tưởng những bài học này. Thiên tai chính là bài học để sửa trị sự si mê, mù quáng của con người. Nếu

để ý, ta có thể thấy mỗi khi sự tham lam, sân hận, bạo động gia tăng thì thiên tai lại xảy ra nhiều hơn trước. Nơi xưa nay không mưa lại bị nạn lũ lụt. Nơi vốn mưa nhiều lại bị nạn hạn hán. Sa mạc nóng lại có tuyết rơi và cao nguyên lạnh lại gặp khô hạn. Tại sao lại có hiện tượng lạ lùng đến như vậy? Biến chuyển khí hậu chính là dấu hiệu cảnh cáo rằng nạn đói, nạn khan hiếm thực phẩm, nạn thiếu nước dùng và chiến tranh để tranh giành các nguồn lợi này sắp xảy ra. Sau đó, có thể là đại hồng thủy hay động đất sẽ chia cắt một số quốc gia lớn thành nhiều mảnh nhỏ. Mọi thiên tai đều bắt nguồn từ các năng lượng tiêu cực như tham lam, sân hận phát sinh từ tâm con người. Do đó muốn trừ thiên tai, bệnh tật hay chiến tranh mọi người cần phải thay đổi từ trong tâm. Phải biết hồi tâm hướng thiện, tránh việc giết chóc, dục bỏ lòng sân hận, tham lam, như vậy mới mong được an lạc. Khi tâm bình thì thế giới sẽ bình, khi tâm an thì thế giới sẽ an lành.

PHẦN NĂM

MA CẢNH VÀ ĐỊNH LỰC CHÂN CHÍNH

MÃNH LỰC TIỀN KIẾP

Không lâu sau cái chết của Valeria, tôi bắt đầu theo chân ông Beria rong ruổi cùng đoàn buôn đi qua nhiều vùng đất xa lạ mà trước nay chỉ được nghe nói. Tôi được học hỏi nhiều thứ mới mẻ, chứng kiến nhiều điều lạ lùng và được mở mang tầm mắt. Tôi ghé qua các nước Á châu, đến cả quê hương Syria của Valeria. Trước đây tôi chỉ biết đến nơi này qua lời kể của Valeria, nhưng nay được đặt chân đến, tôi mới thật sự cảm nhận được rõ ràng sự yên bình, thư thái đến lạ kỳ mà Valeria từng nói đến. Tôi như được hòa mình vào thiên nhiên, hòa nhập với con người nơi đây, và giống như Valeria, tôi cũng đem lòng yêu mến mảnh đất này.

Dừng chân tại Syria được một thời gian thì tôi cùng Amir và Harahvi, hai thuộc hạ thân cận của Beria, dẫn đoàn buôn đến Bactria. Chuyến đi này đã cho tôi cơ duyên gặp một vị trưởng lão, người đã giúp tôi có một trải nghiệm sâu sắc và ý nghĩa về tiền kiếp, về luân hồi. Những ký ức, những thói quen xưa cũ tràn về tầng tầng lớp lớp, đánh thức những góc ngách sâu kín trong tiềm thức vẫn luôn khắc khoải về ý nghĩa cuộc đời của tôi.

Bactria vốn là quê nhà của Harahvi nên khi chúng tôi đến đó, Harahvi sắp xếp cho tôi và đoàn thương buôn ở trong nhà riêng của anh để chờ thời tiết thuận tiện sẽ lên đường. Sau khi thu xếp xong đồ đạc, Harahvi đề nghị dẫn tôi đi dạo xung quanh để làm quen với hoàn cảnh. Chúng tôi thăm thú nhiều nơi, Harahvi nhiệt tình giới thiệu cho tôi về cảnh vật và con người nơi đây. Xế chiều, chúng tôi đi ngang một đạo viện, nơi tôi thấy có nhiều tăng sĩ đang thực hành ngồi thiền. Khung cảnh ấy thu hút tôi nên tôi đứng lại, nhìn chăm chú một lúc lâu. Harahvi thấy vậy liền vui miệng nói:

- Hay cậu cũng thử vào ngồi thiền xem sao, nhìn vậy thôi nhưng khó lắm đấy!

Như có một mãnh lực thu hút nào đó, tôi đồng ý ngay không chút do dự. Harahvi ngạc nhiên trong một thoáng rồi cũng bước theo tôi. Chúng tôi ở lại đạo viện hết ngày hôm đó.

Hôm sau, trên đường trở về, Harahvi nói bằng giọng vừa tò mò vừa nghi hoặc:

- Lớn lên ở Bactria, tôi đã chứng kiến những người xuất gia tu hành phải mất một thời gian tu luyện mới có thể nhập định. Cậu là một người La Mã, lớn lên ở nơi không có truyền thống tu tập gì, nhưng lần đầu đến đây cậu lại có thể ngồi hơn một ngày quả là bất ngờ.

Tôi đáp chùng mực:

- Thật ra tôi cũng không biết tại sao mình có thể nhập định lâu như thế.

Điều tôi không chia sẻ với Harahvi là cảm giác thân thuộc của tôi khi bước vào đạo viện. Tôi không chắc trải nghiệm của mình có là riêng biệt, nhưng từ khi theo chân Beria đi đây đó, thỉnh thoảng, đến một nơi xa lạ nào đó, dù là lần đầu nhưng tôi cứ có cảm tưởng như mình từng đi qua nơi đó rồi. Khi rời Syria đi Bactria, cảm giác này của tôi đặc biệt mạnh mẽ. Trên đường đi, tôi luôn cảm thấy mọi thứ quen thuộc như thể đã từng qua lại con đường này nhiều lần. Trên sa mạc mênh mông tôi vẫn biết được các ốc đảo có nước, các đường mòn quanh co dẫn lên cao nguyên của Bactria. Trong tâm thức của tôi hình như có một cái gì đang bắt đầu thức giấc. Cho đến khi đứng trước đạo viện, nhìn thấy những tầng sĩ đang ngồi thiền thì tiềm thức khi xưa trở dậy mạnh mẽ. Trong tâm trí tôi chợt hiện cái tên Timotheus và văng vẳng lời nhắc nhở "*Nếu bỏ lỡ thì biết bao giờ có cơ duyên lần nữa? Anh phải biết buông bỏ...*". Vì thế, khi bước vào đạo viện tham gia thử thách ngồi thiền, tôi như được trở lại thói quen xưa, tôi ngồi xếp bằng, theo dõi hơi thở, nhập định và bất chợt nhìn thấy những hình ảnh xa xưa từ tiền kiếp. Mặc dù nó chỉ là

những hình ảnh rời rạc nhưng tôi vẫn nhớ được người bạn Timotheus đã cùng tôi tu tập, nhớ được mình từng có mối tình thầm kín với một người con gái tên Isidora, từng từ bỏ công phu tu tập và cuối cùng là cái chết bất ngờ tại Pella.

Sau khi trở về từ đạo viện, những hồi ức tiền kiếp chập chờn kia không ngừng quấy nhiễu, khiến tôi không phút nào được yên lòng. Tôi tìm đến Harahvi, hỏi anh về đạo viện kia. Harahvi cho biết đạo viện đã tồn tại từ rất lâu, chính anh cũng không biết thời điểm chính xác, chỉ biết nó được các tu sĩ xứ Ấn xây nên. Từ nhiều năm nay, đạo viện luôn là nơi nương tựa tinh thần cho người dân Bactria. Là dân Bactria, hầu như ai cũng từng đến nghe giảng và trải nghiệm tu tập tại đạo viện. Harahvi thấy tôi tâm tình không yên, bèn đề nghị:

- Nếu cậu có cơ duyên như vậy, chúng ta cùng trở lại đạo viện xem sao. Cậu có thể gặp các tu sĩ ở đó để trò chuyện, biết đâu tâm kết sẽ được giải.

Vậy là tôi cùng Harahvi sắp xếp trở lại đạo viện. Vừa bước vào, tôi nhìn thấy một vị tu sĩ già đã đứng đó như thể đang chờ chúng tôi. Ông có cặp mắt xanh trong veo, dáng người cao cao, tư thế khoan thai, tỏa ra cảm giác thư thái lạ thường. Chúng tôi bước vào, ông chấp tay chào và mời chúng tôi cùng ngồi xuống. Một cảm giác thân thuộc lạ kỳ xảy đến trong tôi khi chúng tôi ngồi xuống, mặt đối mặt. Vị tu sĩ nhìn tôi chăm chú rồi từ tốn cất lời:

- Tôi rất mừng vì anh đã trở lại. Nhưng vấn đề của anh, tự anh có thể giải quyết được. Sở dĩ anh đau khổ là vì anh vướng mắc với những việc đã qua. Nếu tự anh biết buông bỏ thì không ai có thể gây phiền não cho anh được.

Tôi và Harahvi giật mình nhìn nhau, vì tôi vẫn chưa lên tiếng nhưng ông đã nói lên được mối bận tâm của tôi, biết tôi đến đây vì điều gì. Tôi cẩn thận lựa lời:

- Trưởng lão, chẳng hay làm sao ông biết được tâm tư của tôi?

Vị tu sĩ mỉm cười nhẹ nhàng, thông thả giải thích:

- Hôm trước anh đến đây, ta rất bất ngờ vì một người La Mã không có truyền thống tu thiền như anh lại có thể ngồi thiền lâu đến vậy. Ta nhập định quan sát và thấy anh đang đau khổ vì một chuyện xa xưa. Anh nên biết, mỗi khổ đau đều là những bài học giúp anh hiểu biết hơn khi anh biết rút tỉa kinh nghiệm với tâm thế học hỏi.

Nhìn thấy vẻ bối rối của tôi, ông chậm rãi nói tiếp:

- Tuy nhiên, điều ta quan tâm hơn cả là việc thực hành còn đang dở dang của anh. Anh đã thiền tập rất tốt, phát triển được định lực có thể giúp anh đi xa hơn nữa. Lẽ ra khi đã có định lực chân chính như vậy thì những việc như thế không thể gây phiền não cho anh được. Khi tu thiền, đôi khi có những hình ảnh bất ngờ hiện ra, ta gọi là "ma cảnh", nếu người thực hành không nhận ra, không ý thức về những ma cảnh này thì thường bị nó quyến rũ. Anh đã nhìn thấy một số hình ảnh quá khứ, nếu thản nhiên mặc cho nó hiện ra rồi tiêu mất thì không sao. Tuy nhiên, ở kiếp sống này anh chưa tu tập, định lực yếu kém nên đã để tâm vào ma cảnh đó rồi dính mắc không gỡ ra được. Ai cũng có giây phút yếu lòng nhưng khi tu thiền, điều quan trọng nhất là phải biết tự chủ. Anh tìm đến đây, chứng tỏ căn cơ của anh vẫn cao, cơ duyên của anh với con đường tu tập vẫn còn. Tôi rất mừng.

Tôi chấp tay, gật đầu với vị trưởng lão:

- Tôi vẫn đang tìm kiếm con đường của mình ở kiếp sống này. Quả thật tôi tin rằng cơ duyên từ kiếp trước đã đưa tôi đến đây. Có thể tôi từng tu tập và có công phu, nhưng hiện nay đó đều là những ký ức mờ ảo mà tôi chỉ vừa thấy thoáng qua. Tôi không biết tiếp theo nên làm gì. Xin trưởng lão nói thêm.

Đôi mắt xanh thăm thẳm của vị tu sĩ nhìn xoáy vào tôi, nhưng đó không phải cái nhìn phán xét mà chứa đầy cảm tình thân thương. Ông nói:

- Anh đã có cơ duyên tu tập, tuy bị gián đoạn nhưng công phu vẫn còn, nhờ vậy anh mới có thể nhập định nhanh và ngồi thiền lâu như thế. Nếu muốn, anh vẫn có thể tiếp nối con đường tu tập của mình. Nhưng hiện nay định lực của anh suy yếu, tâm của anh chưa thanh tịnh, vì vậy anh không nhận ra ma cảnh xuất hiện trong tâm mình. Anh chưa làm chủ được tâm nên bị các hình ảnh đó lôi cuốn, khiến anh khổ sở. Nếu anh tiếp tục con đường tu luyện, dần dần có thể chế phục ma cảnh, nhưng anh phải quyết tâm. Tu thiền mà tâm không thanh tịnh thì dễ lạc lối rồi mất hết công phu. Anh phải biết, tâm có thanh tịnh thì trí huệ mới nảy sinh, nếu có trí huệ thì dù chuyện gì xảy ra, cũng không bị ảnh hưởng. Còn tu thiền mà tâm thức sai lệch, dù chỉ một chút, là mất chánh kiến, lạc vào tà kiến ngay.

Tôi bồi rồi, liệu có phải vị tu sĩ này đang ám chỉ cảm giác oán hận của tôi với những người đã gây ra cái chết cho mình. Khi hồi tưởng, dù cái chết ở kiếp trước chỉ là hình ảnh thoáng qua, nhưng tôi không tránh khỏi cảm giác đau đớn, bàng hoàng. Càng đau đớn, tôi càng oán hận những kẻ đã gây việc ác với mình. Như thể nhìn thấu những luồng suy nghĩ rối bời của tôi, vị tu sĩ nhẹ nhàng nói tiếp:

- Anh oán trách nên anh tức giận, anh tức giận nên anh càng vướng mắc. Nếu tiếp tục với tâm oán hận này, nó sẽ là nhân xui khiến anh gặp lại những người đó. Không ai muốn gặp người mình không ưa, không ai muốn gặp lại kẻ đã đối xử tàn tệ với mình, nhưng nếu cứ giữ tư tưởng hận thù thì sẽ tạo thêm mối liên hệ với người đó. Nếu không gặp nhau ở kiếp này thì sẽ gặp tại kiếp khác. Tất cả những người có thù oán với nhau sẽ gặp lại nhau để trả nợ hay đòi nợ. Nhân quả cứ thế kéo dài, không sao hết được. Anh phải biết, một khi tâm sân hận nổi lên thì sẽ có hàng trăm, hàng ngàn chủng tử bất thiện trong tâm cũng phát khởi theo, sinh biết bao chướng ngại. Do đó, anh phải tập phát triển lòng từ bi, khoan dung với mọi người. Dù họ tàn ác hay xấu xa đến đâu cũng phải khởi lòng thương xót. Họ có nghiệp quả của họ và sẽ phải học bài học riêng. Nghiệp quả của họ không phải là việc của anh, anh phải để cho nhân quả làm việc. Anh

phải biết buông bỏ đi thì mới không vướng mắc nữa. Dù gặp việc không như ý cũng đừng trách người mà hãy tự trách mình...

Tôi lên tiếng:

- Những việc kia ông nói tôi đã hiểu, nhưng tại sao khi gặp việc không như ý lại phải trách mình?

Vị tu sĩ nhẹ nhàng giải thích:

- Muốn đi xa trên con đường đạo, việc đầu tiên là từ bỏ những thứ thuộc về xưa cũ. Dính mắc vào chuyện cũ cũng như buộc đá vào chân, như vậy làm sao có thể cất bước mà đi? Muốn buông bỏ chuyện cũ, anh phải biết lẽ trả vay. Hãy tự hỏi vì sao anh có những việc không như ý? Phải chăng vì các nhân gây ra từ xưa đã đến lúc trở quả? Anh cần tự hỏi tại sao mình bị đối xử tàn tệ? Tại sao lại sinh ra với thân phận nô lệ? Tại sao yêu mà không được đáp lại, còn bị mắng chửi nhục nhã?

Hiển nhiên, những việc như thế có thể quá nặng nề với anh vào lúc đó nhưng nếu nhìn lại các kiếp xa xưa hơn nữa, có lẽ anh sẽ biết được căn nguyên và không còn phản ứng như thế. Đó là lý do tôi khuyên anh không nên trách người mà hãy tự trách mình.

Dường như vị tu sĩ này không những nhìn thấu tâm tư của tôi, mà còn biết được quá khứ của tôi một cách rõ ràng. Đang định nêu thắc mắc với ông thì Harahvi đã lên tiếng:

- Nhưng làm sao biết được mình đã làm những gì trong những kiếp trước? Chúng ta đâu có ký ức gì.

Vị tu sĩ thông thả đáp:

- Lý do mọi người không thể nhớ được những việc họ đã làm trong quá khứ vì trong hàng ngàn kiếp sống con người đã tạo biết bao nhân xấu cũng như tốt, không thể biết được nhân nào đang trở quả. Do đó mà mọi người phải trải qua nhiều đời, nhiều kiếp, để học hỏi,

vì mỗi bài học là cơ hội giúp họ thay đổi dần dần chứ không ai có thể học tất cả mọi sự chỉ trong một kiếp được.

Harahvi hỏi:

- Nhưng ít ra cũng phải biết mình đã làm gì thì mới thay đổi được chứ?

Vị trưởng lão trả lời:

- Nhớ được những việc trong tiền kiếp không hẳn có ích như ông nghĩ đâu. Giả sử ông biết được vợ con của ông trong kiếp này chính là người khi xưa từng bị ông giết hại, ông sẽ cảm thấy thế nào. Hay nếu ông ăn thịt, mà con vật bị giết lại là cha mẹ của ông trong kiếp trước, ông sẽ ra sao? Nếu hiểu nhân quả, ông sẽ thấy cuộc đời thật ra chỉ toàn là những vay trả, trả vay. Vì không hiểu biết nên mọi người cứ gây nhân rồi trả quả, vay nợ rồi trả nợ, quanh quẩn từ kiếp này qua kiếp khác, ngụp lặn trong vòng luân hồi không sao thoát khỏi. Đó là lý do những người hiểu nhân quả đều cố gắng tu tập, giữ tâm thiện lành, giữ ý trong sạch, mong sao sớm trả hết nợ nần để có thể ra khỏi luân hồi. Tuy nhiên, nhân quả bao đời kết nối chằng chịt để gì thoát ra được. Muốn ra khỏi luân hồi, mọi người cần phải có một nơi nương tựa và sự chỉ dẫn của những người đi trước.

Muốn đi xa trên con đường đạo, việc đầu tiên là từ bỏ những thứ thuộc về xưa cũ. Dính mắc vào chuyện cũ cũng như buộc đá vào chân, như vậy làm sao có thể cất bước mà đi?

Harahvi tiếp tục hỏi:

- Nhưng ai có thể làm như thế?

Vị tu sĩ từ tốn giải thích:

- Là nhà buôn đi trên đường thiên lý, ông cần có người dẫn đường biết rõ địa thế hướng dẫn đoàn thương buôn đi đúng đường, chọn đường thuận lợi. Cũng như thế, trên con đường đạo, người tu hành cần sự hướng dẫn của những người đã đi qua con đường đó, đã vượt thử thách, sẵn sàng chia sẻ sự hiểu biết, giúp đỡ những người đi sau. Nhờ sự chỉ dẫn này, họ mới có thể biết rõ đường đi và chuẩn bị để đối phó với các thử thách. Do đó, khi xác định con đường tu tập rồi thì còn phải có các vị thầy hướng dẫn, những người đã trải nghiệm về các trạng thái của tâm thức, dẫn đường chỉ lối cho thì mới có thể đi xa được.

Ông quay sang tôi ân cần nói:

- Khi xưa, anh đã thực hành thiền nhưng còn thiếu học hỏi, như người bỏ gốc mà bắt lấy ngọn. Một cái cây mà không có gốc rễ, dù tưới nước bao nhiêu cũng chẳng thể phát triển được. Người tu hành cũng thế, phải có mục đích rõ rệt, có học thì phải có hành mới thành công được. Người học nhưng không hành thì chỉ nói chứ không làm được gì. Trường hợp của anh lại khác, anh chỉ có công phu *hành* nhưng thiếu *học* nên không biết được những gì xảy ra trong tâm. Khi tu thiền, dù chỉ là một tà niệm nhỏ nhoi, một ước muốn thầm kín cũng có thể lôi kéo những ma cảnh vô cùng vi tế, ít ai có thể nhận biết. Do đó, việc quan trọng nhất của người tu thiền là phải giữ cho tâm thanh tịnh.

Harahvi thắc mắc:

- Nhưng anh bạn của tôi đã làm gì?

Vị tu sĩ đưa mắt nhìn tôi rồi nói chậm rãi:

- Ở kiếp sống trước, anh từng có cơ duyên tu tập nhưng chưa đến nơi đến chốn đã bỏ dở vì chạy theo những ước muốn thầm kín. Dù đã có thể nhập định nhưng tâm lại chưa thanh tịnh, còn vướng vào tình cảm nam nữ nên mất chánh niệm. Tuy anh từng có thể giữ tâm không suy nghĩ lung tung, trừ được các vọng tưởng thô kệch nhưng khi đi sâu vào định thì gặp những vọng tưởng vi tế hay những hình ảnh lạ lùng. Phần lớn các hình ảnh này đều thuộc về sắc ấm. Vì thiếu nền tảng học hỏi, anh không nhận thức được loại ma cảnh này nên bị nó lôi cuốn. Ma cảnh là những hình ảnh, cảm xúc hay cảnh giới từ trong tâm biến hiện ra như cảnh chiêm bao, mà anh lại tin rằng đó là thật. Nguyên nhân vì tâm của anh không thanh tịnh, trong nhiều đời, nhiều kiếp đã từng giết hại, dâm dục, thực hành tà pháp. Muốn thay đổi thì phải nương tựa vào chánh pháp, biết sám hối, tu sửa dần dần thì mới mong diệt trừ được những nhân xấu này.

Lẽ nào trong quá khứ xa xưa mà tôi không nhớ được tôi từng làm những việc tội tệ đến thế sao, những việc mà lúc này chỉ hình dung thôi tôi đã thấy rùng mình? Nhưng nếu không phải thật vậy thì tại sao tôi từng trải qua kiếp sống nô lệ, từng chịu tù đầy, chịu sỉ nhục và tổn thương, rồi còn chết bất ngờ. Những lý giải của vị tu sĩ này khiến những đau khổ tôi từng gánh chịu có vẻ trở nên nhẹ nhàng hơn. Tôi chăm chú nhìn ông và trong vẻ hiền lành của đôi mắt xanh thẳm kia, tôi cảm nhận được sự thân thuộc lạ lùng. Phải chăng, ông cũng là một cơ duyên từ kiếp trước? Nghĩ đến đó, những ký ức chập chờn về người bạn Timotheus trong kiếp sống trước lại ẩn hiện trước mắt. Như thể đọc được những suy nghĩ rối rắm trong đầu tôi, vị tu sĩ nhìn tôi mỉm cười, rồi chậm rãi nói tiếp:

- Người muốn tu thiền thì trước hết phải tuân theo một số kỷ luật, hay *giới*, để giữ cho tâm được thanh tịnh. Có bốn điều mà bậc đạo sư của chúng tôi đã dạy rất kỹ mà bất cứ người tu thiền đều phải tuân giữ đó là: "không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục và không nói dối", tức bốn nghiệp: *sát, đạo, dâm, vọng*. Trong các điều này, giữ tâm không dâm dục là điều khó nhất.

Khi nhập định, tuy anh đã trừ được vọng tưởng thô kệch nhưng còn nghĩ đến người nữ, nên đã kích động những chủng tử nằm sâu trong tâm phát động. Nhìn thấy hình ảnh người xưa hiện ra, trong tâm phát sinh tình cảm yêu thương rồi có dục niệm. Đó là ma cảnh thuộc về cảm xúc. Khi nhìn thấy hình ảnh quá khứ, anh lại nghĩ rằng mình nhớ được tiền kiếp. Từ đó, anh muốn biết thêm về đời sống kiếp trước nên chạy theo vọng tưởng này và bị ma cảnh chuyển hóa. Người thiếu trí tuệ khi thấy những ma cảnh này sẽ nghĩ rằng mình đã có khả năng túc mạng thông, tức thông thấu được tiền kiếp, rồi sinh tâm tự mãn. Nhưng tâm chưa thanh tịnh thì làm sao có được thần thông. Đó chỉ là ma cảnh mà cảm xúc vẽ ra thôi. Tóm lại, anh bị chi phối bởi các loại ma tâm mà vẫn vô tư không biết. Người không có tu tập, khi tâm dâm dục không được thỏa mãn thường nảy sinh tư tưởng oán hận, rồi từ đó kéo theo bao nhiêu điều xấu xa hơn nữa. Nếu không điều chỉnh thì các tà kiến này sẽ dễ bị lôi kéo vào ma đạo. Khi lệch sang con đường này thì ân oán chập chùng, hết kiếp này qua kiếp khác, cứ đòi nợ, trả nợ, gây thù chuốc oán lẫn nhau, mãi mãi đọa lạc vào những nơi chốn xấu xa.

Ông thông thả nhấn mạnh từng chữ:

- Anh nên biết, người tu thiền chân chính dù nhìn thấy hình ảnh nào cũng không bị dao động, dù nghe thấy âm thanh gì cũng không khởi ý nghĩ nào, họ hoàn toàn tự chủ, như như bất động, không để mọi sự bên ngoài lôi cuốn. Đó mới gọi là có công phu.

Tôi ngồi đó lắng nghe một cách say mê, như người trong bóng tối chợt nhìn thấy ánh sáng, câu hỏi về mục đích của đời tôi có lẽ đã tìm thấy lời giải. Tôi quỳ mọp xuống, thành khẩn:

- Thưa trưởng lão, xin ngài mở lòng chỉ dạy để tôi có thể tiếp tục con đường còn dở dang của mình.

Vị tu sĩ mỉm cười hiền hậu:

- Chúng ta vốn đã có duyên, tôi sẽ dạy cho anh. Ta mong lần này anh sẽ đi trọn con đường, không bỏ dở nửa chừng nữa. Tuy nhiên

anh phải bắt đầu lại từ đầu. Anh phải học những căn bản giới luật trước để chuyển hóa tâm thức, rồi học phân tích các trạng thái của tâm thì mới tránh được những việc đáng tiếc.

Sau hôm đó, tôi ở lại đạo viện theo vị tu sĩ này học hỏi những căn bản về giới luật và chuyên tâm thực tập thiền với các tăng sĩ tại đây. Nhờ thế, tôi đã hiểu thêm về các phương pháp tu tập mà khi xưa tôi không chú ý đến. Trong ngày đầu khởi sự tu tập dưới sự chỉ dẫn của vị tu sĩ, ông cẩn thận dặn dò:

- Trước khi tu thiền, anh phải chuẩn bị cả tâm lẫn thân để trợ duyên cho việc tu tập. Việc đầu tiên anh cần làm là phải loại trừ những cái nhân đã giúp cho vọng tưởng nảy sinh. Đó là tránh sát sinh, không ăn thịt cá và các loại gia vị có tính kích thích như hành, hẹ, tỏi, các thứ có mùi tanh hôi. Đây là những thứ có thể kích thích khả năng sinh lý, gia tăng vọng tưởng của dục niệm. Vì vậy những người tu hành tại đây đều ăn chay và chỉ ăn uống thanh đạm. Nếu không biết loại trừ những "hạt giống" dâm dục ngay từ đầu thì khi tu thiền, dục niệm nổi lên, khó kiểm soát thân, rồi phá giới, lạc vào ma đạo. Ăn thịt thì lại dễ sinh sân hận. Nếu không kiềm chế tâm sân thì dù nhập định cũng không thể có trí tuệ. Thiếu trí tuệ thì tâm trí u mê, không phân biệt được đúng, sai, phải, trái. Gặp việc không như ý, lòng sân nổi lên, che mất lý trí, dễ làm lạc rồi bị dính mắc vào những việc xấu xa.

Để có sự chuẩn bị vững chắc, anh phải tuân theo giới luật để diệt trừ các vọng tưởng vi tế, nằm sâu trong tâm của anh. Mọi ham muốn từ ăn uống đến tình dục đều bắt nguồn từ ý thức nên anh phải tránh nghĩ đến những điều đó. Ăn uống chỉ là để nuôi dưỡng thân thể chứ không phải để hưởng thụ. Do đó chỉ nên ăn vừa đủ, không quá nhiều, ăn nhiều sinh tham lam rồi từ đó dẫn đến những việc xấu khác. Anh cũng không được uống rượu hay bất cứ chất kích thích nào vì nó sẽ ảnh hưởng tới tâm trí khiến anh khó kiểm soát tâm rồi nảy sinh các ham muốn khác. Mỗi ngày trước khi ngủ, anh phải tự kiểm điểm chính mình xem hôm đó có gieo nhân xấu nào không? Nhân ở đây là những hành động, lời nói hay ý nghĩ không đúng với

giới luật. Một ý nghĩ tà muội cũng là một nhân gieo vào trong tâm, sẽ chờ dịp phát khởi khi anh mất chánh niệm. Nếu anh giữ giới chặt chẽ thì sẽ tránh được các ảnh hưởng bên ngoài lôi cuốn và từ đó chuyển tâm hướng vào bên trong, khi đó việc tu hành mới tiến bộ được.

Từ đó, dưới sự hướng dẫn của vị tu sĩ này, tôi bắt đầu học hỏi và thực hành thiền từng bước một. Khi mùa xuân đến, tuyết tan và tiết trời trở nên ấm áp hơn, trục lộ giao thông được mở rộng nhưng tôi quyết định không đi theo đoàn thương buôn nữa mà sẽ tiếp tục ở lại Bactria để tu tập. Amir và Harahvi dẫn đoàn thương buôn qua Trung Hoa rồi sau đó quay về Syria.

Năm sau, Amir trở lại Bactria, mang theo lá thư của Beria gửi cho tôi. Amir kể rằng khi biết tôi quyết định sống trong đạo viện tại Bactria, Beria vô cùng ngạc nhiên và xúc động. Ông nói với Amir rằng Valeria đã chọn một con đường lý tưởng, nay có lẽ tôi đã tìm ra con đường lý tưởng của riêng mình và ông rất mừng vì điều đó. Ông biết rằng Valeria hẳn sẽ vui lòng. Điều khó khăn là ông không biết phải nói gì với cha mẹ tôi. Beria cũng đoán được nếu cha tôi biết chuyện tôi ở lại Bactria tu tập, ông sẽ không bao giờ để yên. Sau khi bàn với Amir, Beria quyết định báo với cha tôi rằng tôi đã mắc bệnh và mất ở dọc đường. Sau đó cha tôi muốn Lucius thế chỗ tôi đi theo đoàn buôn của Beria, nhưng ông từ chối, viện lý do ông không muốn chịu trách nhiệm về việc như thế nữa. Từ đó hai gia đình trở nên bất hòa.

Tấm lòng và suy tính của Beria dành cho tôi khiến tôi rất cảm động. Thời gian xa nhà, tuy tôi cũng có lúc nhớ gia đình, nhưng đã xác định con đường phải đi, mọi cảm xúc nhớ nhung, u buồn đều bị dẹp xuống. Nay biết được gia đình tôi đã chấp nhận việc tôi không trở về, lòng tôi cũng yên ổn hơn.

Tôi tìm một chỗ yên tĩnh, mở lá thư của Beria ra xem. Thư dài, từng nét bút chần chu, ngay ngắn, đúng như tính cách Beria mà tôi vẫn nhớ.

Sirius, ta hy vọng anh vẫn khỏe.

Mặc dù anh và con ta chưa chính thức kết hôn, nhưng qua lời dặn dò Valeria, ta đã coi anh như con rể. Ta không biết đời sống của anh lúc này như thế nào nhưng ta chắc rằng lựa chọn của anh, cũng như của Valeria khi xưa, là những lựa chọn đúng đắn và có ý nghĩa đặc biệt.

Hầu hết những bậc làm cha mẹ như chúng ta chỉ biết lo sao cho con cái có một đời sống tốt đẹp, sung sướng và hạnh phúc, không mấy ai biết giúp con chọn một đời sống có ý nghĩa. Từ sau cái chết của Valeria, ta đã suy nghĩ về vấn đề này rất nhiều. Tại sao con bé chọn một đời sống khác hẳn với những gì mà ta đã chuẩn bị sẵn cho nó? Tại sao nó không chọn một đời sống dễ dàng hơn mà tự chọn một lối sống khác biệt và khắc nghiệt như thế? Ai đã dạy con bé làm những việc đó? Ai đã cho nó một đức tin vững chắc đến vậy?

Trước khi con ta xảy ra chuyện, nó đã đem hết mọi tài sản mà ta dành phần cho nó chia hết cho nô lệ nghèo khổ. Đến giây phút cuối cùng của cuộc đời, nó vẫn cố tìm cách giúp anh tìm lối thoát khỏi hoàn cảnh sống trong một gia đình chỉ biết đến tiền bạc, luôn toan tính lợi dụng người khác. Những việc làm này của con bé đã khiến ta vô cùng ngạc nhiên. Ta cũng không ngờ một người hiền lành, ngây thơ, luôn vâng lời cha mẹ như anh lại dám liều mình vào tận đấu trường để gặp con gái ta vào giây phút cuối đời của nó. Ai đã khiến một đứa trẻ ngây thơ được nuông chiều từ nhỏ trở thành một người con gái can đảm như thế, ai cho nó sức mạnh để bất chấp cái chết mà nuôi dưỡng niềm tin tuyệt đối vào đấng thiêng liêng như thế?

Ta đã sống hơn nửa đời người, giờ mới thức tỉnh khi chứng

kiến những chuyện này. Ta nhận thức rằng trong cuộc đời này, sự chuyển biến tâm linh là điều vô cùng quan trọng. Nếu không tìm ra ý nghĩa thật sự cho đời sống mà vẫn mê muội như trước thì thật không đáng sống chút nào. Vì lẽ đó, ta lựa chọn ở lại Syria để tiếp xúc với những người bạn của con gái ta, để tìm hiểu thêm về những điều mà

con bé từng tin tưởng. Nhờ thế, ta biết rằng bất cứ ai cũng có thể chuyển hóa đời mình nếu biết mở rộng tâm hồn để đón nhận những ân phúc tâm linh. Từ đó, ta đã biết vươn mình từ chỗ xấu xa đến nơi cao thượng, từ tâm ích kỷ đến lòng vị tha.

Khi xưa là thống đốc cai trị miền biên thùy hoang vu như Syria, nhưng ta luôn quan tâm về tình trạng của La Mã trước sự đe dọa xâm lăng của các bộ lạc Visigoth miền Bắc. Ta thấy xã hội hiện nay ngày càng rối loạn trước sự vô cảm và sa đọa của triều đình. La Mã như con tàu không người lái đang lênh đênh trên biển, khi gặp bão tố không biết sẽ ra sao. Ta đã từng gặp gỡ và liên lạc với những người giống như ta, cố gắng tìm kiếm một giải pháp nhưng vô hiệu, cũng vì vậy ta mới từ bỏ địa vị, chuyển qua buôn bán để không còn bận tâm đến những việc đó. Cái chết của con gái ta đã thay đổi tất cả.

Ta tin rằng không một giải pháp nào có thể cứu vãn cho La Mã được mà chỉ có sự phục hưng tâm linh mới có thể xây dựng lại xã hội, đào tạo được những công dân ưu tú và những người xứng đáng lãnh đạo La Mã mà thôi. Do đó, ta đang chuẩn bị để làm việc này và mong anh sau này có thể trở về giúp ta phục hưng La Mã.

Về sau, thư đi tin lại với Amir và Harahvi, tôi được biết, Baria đã xin rửa tội sau một thời gian tìm hiểu Thiên Chúa giáo, ông còn trở thành một lãnh tụ của nhóm này. Dưới sự chỉ đạo của ông, nhóm người này dần trở thành một thế lực rất mạnh tại Syria, và không còn bị đe dọa hay cấm đoán như xưa nữa.

Buổi trò chuyện với Thomas về kiếp sống ở La Mã gián đoạn đôi lần vì Thomas khá xúc động. Kiếp sống ở La Mã tuy chẳng có quá nhiều biến cố hay những câu chuyện kịch tính, nhưng đó là kiếp sống để lại nhiều nuối tiếc cũng như bài học cho Thomas. Khi kể đến giai đoạn tu tập cùng vị tu sĩ tại đạo viện Bactria, ông ngừng lại để chia sẻ suy nghĩ với tôi:

- Anh chắc cũng biết, nhân xấu mà chúng ta đã gieo ở các kiếp sống trong quá khứ là nhiều vô tận và vô cùng nặng nề, không thể nào trả hết chỉ trong vài kiếp sống được. Ai cũng có lúc nghi ngờ, do dự hay bị cám dỗ bởi những thói hư, tật xấu nên chỉ những người thật sự quyết tâm tu tập mới có đủ sức mạnh để vượt qua những trở ngại này. Đây là một cuộc chiến đấu rất gay go, diễn ra trong nội tâm, mà chẳng mấy ai vượt qua được dễ dàng. Đến kiếp sống ở La Mã, tuy tôi đã học được vài điều nhưng còn rất nhiều thứ khác cần phải học, vẫn còn nhiều thứ tôi học mà không thụ đắc, do đó phải học lại.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Nhưng chẳng phải ông đã ở lại Bactria tiếp tục con đường tu tập sao?

Thomas lắc đầu:

- Như tôi đã kể, trong kiếp sống đó, tôi là một người hiền lành nhưng yếu đuối, mang nhiều mặc cảm thua kém nên chưa thể tuân theo kỷ luật nghiêm khắc của tu viện được. Lúc đó, đầu óc của tôi còn u mê, thiếu cương quyết nên đã không lãnh hội được các chân lý cao cả mà vị tu sĩ kia đã chỉ dạy.

Nhắc đến vị tu sĩ, tôi không ngăn được thắc mắc:

- Liệu có phải vị tu sĩ kia là Timotheus? Ông từng kể rằng Timotheus cũng có đôi mắt xanh, và chẳng phải vị tu sĩ khiến ông nhớ về người bạn cũ kia của mình sao?

Thomas mỉm cười:

- Khi còn là Sirius, tôi cũng chỉ ngờ ngợ như thế, nhưng hiện giờ tôi có thể nhìn lại tiền kiếp rõ ràng hơn, tôi tin rằng quả thật vị tu sĩ ấy chính là Timotheus. Người bạn ấy của tôi năm xưa luôn kiên trì trên con đường tu tập nên đã tiến bộ rất xa, trở thành bậc cao nhân. Có lẽ vì chúng tôi đã có duyên từ nhiều kiếp nên tôi được gặp lại ông ấy, đi theo sự hướng dẫn của ông. Tuy nhiên, trong suốt thời gian Sirius

ở Bactria, vị tu sĩ không bao giờ nói về mình hay những mối quan hệ khi xưa mà chỉ chú trọng hướng dẫn, khuyến khích tôi tu tập. Mặc dù khi ấy tôi đã biết quay vào bên trong để thực hành thiền nhưng vẫn không chắc có thể hoàn tất việc tu tập như mong đợi hay không. Vị tu sĩ biết thế nên khuyên tôi, thay vì có thái độ tiêu cực rằng mình hèn kém, không đủ sức hay thiếu thông minh thì hãy biết trông cậy vào ân phước và các năng lực hộ trì luôn giúp đỡ những người đi trên đường đạo này. Theo lời vị tu sĩ, ân phước là một năng lượng xuất phát từ bên trong trên bình diện tâm thức có thể đem lại cho người tu hành một sức mạnh bất ngờ. Nó như một bàn tay vô hình dẫn người tu hành đi trên con đường tối tăm, hiểm trở. Nó là tiếng nói thầm lặng của nội tâm trong mênh mông của đất trời, là một tia sáng rực rỡ của hy vọng trong màn đêm tăm tối. Ân phước là một năng lượng huyền bí xuất phát từ một nguồn năng lượng thiêng liêng, sáng suốt bên trong và nếu tin tưởng vào nguồn năng lượng này thì việc gì cũng có thể hoàn tất được. Tôi dùng từ "năng lượng" cho dễ hiểu và phù hợp với khoa học hiện đại nhưng thật ra đó là một cái gì đó vô hình, không thể diễn tả hay định danh. Ấn Độ giáo gọi nguồn năng lượng đó là chân ngã, Phật giáo gọi đó là Phật tánh, và Thiên Chúa giáo gọi đó là Thượng Đế. Nhiều người vẫn lầm tưởng ân phước là nguồn năng lượng bên ngoài, nhưng thật ra nó vốn nằm bên trong chúng ta. Phật giáo tin rằng mỗi chúng sinh đều có Phật tánh, Thiên Chúa giáo tin rằng Thượng Đế ngự trong lòng ta. Đó không phải là một ý niệm suông mà là một chân lý được xác định rõ ràng đối với những người có lòng tin chân thành. Tuy nhiên bởi khoa học không chứng minh được sự tồn tại của nguồn năng lượng bên trong này nên nhiều người vẫn không tin. Điều đó cũng dễ hiểu. Tuy ân phước tác động rất nhẹ nhàng, chậm rãi, nhưng ảnh hưởng vô cùng sâu sắc, nhiệm màu, và nó chỉ đến khi cần thiết chứ không phải cứ cầu là được. Ví dụ, khi con người chiến đấu với dục vọng, trong lúc tuyệt vọng, khó khăn, đau đớn nhất, ân phước sẽ xuất hiện. Ân phước đến với chúng ta dưới nhiều hình thức, có khi là một ánh sáng huyền bí, lóe lên rồi tan biến, nhưng trong giây phút kỳ diệu huy hoàng đó, con người nhận được một khí lực mạnh mẽ giúp họ vượt qua nỗi khổ đau. Cũng có khi ân phước xuất hiện như một lời nhắc nhở bên tai, cho người ta hy vọng để tin tưởng, vững tâm

hơn vào con đường của mình. Nhận được ân phước là giây phút thiêng liêng có thể thay đổi cuộc đời con người vì khi nhận được ân phước, tâm thức họ được nâng lên một bình diện cao hơn, để họ có thể nhận thức được chân tướng của sự việc. Tuy nhiên, sự phấn khởi, tiến bộ đó không dễ duy trì, nhiều người vương nghiệp quả quá nặng nề sẽ dễ sa vào những thói quen cũ, kéo họ xuống tầng mức thấp hơn. Sirius là trường hợp như vậy. Khi đó tôi sống ở Bactria được hơn mười năm và việc tu tập đã có nhiều tiến triển. Rồi vị tu sĩ nọ qua đời, tôi không còn chỗ dựa, nên dù vẫn ở đạo viện tu tập nhưng tôi dần mất tinh thần, không còn hăng hái như xưa. Đó là hậu quả của những năm tháng lớn lên trong một gia đình chỉ toàn sự chỉ trích, so sánh và mắng nhiếc. Tôi đã lớn lên thành một con người yếu đuối. Valeria đã thay đổi cuộc đời tôi. Đức tin mãnh liệt của cô đã giúp tôi can đảm hơn và biết chọn cho mình một đời sống có ý nghĩa, có mục tiêu. Đức tin cũng chính là bài học quan trọng nhất trong kiếp sống đó của tôi. Nhưng rồi cuộc đời, tôi vẫn là một Sirius yếu đuối và dễ bị lay động. Do đó, khi nhận được tin La Mã bị xâm lăng, nhà cửa bị thiêu rụi, hải cảng Ostia bị tàn phá, lòng tôi bắt đầu xáo trộn. Tôi đứng ngồi không yên cho tới khi nhận được tin của Amir, báo tin cha mẹ tôi đã bị giết, em trai tôi thì bị bắt làm nô lệ, còn Beria đã chỉ huy một lực lượng vũ trang gồm những người Thiên Chúa giáo sáp nhập với đội quân của Constantine, đang kéo về giải phóng La Mã, thì tôi không còn bình tĩnh được nữa. Tôi rời đạo viện, trở về tìm Beria để giúp ông theo lời đề nghị của ông nhiều năm về trước.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy là việc tu tập của ông lại gián đoạn một lần nữa sao?

Thomas gật đầu:

- Đúng vậy. Vì không đủ trí tuệ, tôi đã không thể tiếp tục vững bước trên con đường của mình, tôi đã chạy theo những thôi thúc khác. Vốn là người yếu đuối với mặc cảm hèn kém, lúc đó tôi đã muốn trở thành một người hùng và tôi đã phải trả giá cho sự ngu si đó. Trong đời sống, có biết bao người đã bỏ qua những cơ hội tốt đẹp chỉ vì sự

thiếu sáng suốt như thế... Rất cuộc, Sirius đã bỏ mạng trong chiến tranh, kết thúc kiếp sống của mình trong cô độc và tiếc nuối. Không có anh hùng, chẳng có vinh quang nào.

Vì sự dở dang và tiếc nuối này, theo lời Thomas, ông đã trở lại để tiếp tục những bài học của mình. Và bài học ấy rơi vào giai đoạn châu Âu rối loạn vì những cuộc chiến tranh tôn giáo...

Ân phước là một năng lượng xuất phát từ bên trong trên bình diện tâm thức có thể đem lại cho người tu hành một sức mạnh bất ngờ. Nó như một bàn tay vô hình dẫn người tu hành đi trên con đường tối tăm, hiểm trở. Nó là tiếng nói thâm lặng của nội tâm trong mênh mông của đất trời, là một tia sáng rực rỡ của hy vọng trong màn đêm tăm tối. Ân phước là một năng lượng huyền bí xuất phát từ một nguồn năng lượng thiêng liêng, sáng suốt bên trong và nếu tin tưởng vào nguồn năng lượng này thì việc gì cũng có thể hoàn tất được.

PHẦN SÁU

ÁNH SÁNG THIỀN ĐỊNH

CON ĐƯỜNG ĐI TỚI MINH TRIẾT

Colorado, hiện tại.

Sau mấy tuần lễ làm việc mệt mỏi, tôi và vợ đến Colorado nghỉ ngơi ít hôm, sẵn tiện ghé thăm ông Kris. Chuyến đi này có cả vợ chồng Andrew và Connie. Sau lần gặp ông Kris trước đó, Connie đã thay đổi rất nhiều, tâm tính trở nên hiền hòa, trầm tĩnh hơn. Cô chăm tập thiền và cũng có nhiều thắc mắc về thiền, nên khi nghe chúng tôi chuẩn bị đi Colorado, cô liền nảy ý đi cùng để đến thỉnh giáo ông Kris.

Chúng tôi đến Colorado cũng đã là chiều muộn, nhưng vì Connie quá nôn nóng, mà chúng tôi cũng đã khá lâu không gặp ông Kris, nên mọi người nhất trí sẽ đến thẳng nhà ông. Ông Kris đợi ở cửa, chào đón chúng tôi một cách nồng hậu. Chúng tôi vào trong, tự nhiên như được về chốn cũ, mỗi người tự tìm một chỗ ngồi thoải mái rồi hỏi thăm tình hình của nhau. Connie nhanh chóng mở lời thỉnh giáo ông Kris về việc tập thiền:

- Sau lần trước nghe ông hướng dẫn, tôi cũng bắt đầu tìm hiểu và khởi sự tập thiền, nhưng quả thật không dễ dàng. Tôi chỉ ngồi được một lúc là vô số suy nghĩ lộn xộn bắt đầu kéo đến, chẳng bao lâu thì tôi thấy chán nản. Ông có thể cho biết tôi nên bắt đầu tập thiền như thế nào để hiệu quả được không?

Ông Kris lắng nghe rồi thông thả nói:

- Nhiều người chưa có thói quen quay vào bên trong để quan sát nội tâm nên khó có thể thiền định. Vì bản chất của họ là náo động, không thể ngồi yên được. Dù có ngồi nhưng đầu óc vẫn bận rộn suy nghĩ về thế giới bên ngoài rồi nhanh chán nản không thực hành nữa.

Trong quá khứ, khi hướng dẫn thực hành thiền, các thiền sư đều dạy rất kỹ về những bước mang tính chuẩn bị. Tuy nhiên ở phương Tây, phần lớn người dạy thiền đều bỏ qua bước chuẩn bị này. Cô là người hết sức năng động, lại bận rộn lo nghĩ đủ thứ chuyện, nên cô cần tạo một thói quen tốt để tâm trí bớt quay cuồng trước khi bắt đầu tập thiền. Một phương pháp đơn giản nhưng hữu hiệu là thưởng thức nghệ thuật, hoặc cô cũng có thể hòa mình vào cảnh vật thiên nhiên. Những thói quen này sẽ dần dần ảnh hưởng vào nội tâm, giúp tâm cô bớt náo động hơn.

Cô có thể chiêm ngưỡng các bức họa phong cảnh của các danh họa, đọc những bài thơ ca tụng thiên nhiên hay thưởng thức âm thanh của những bản hòa tấu cổ điển để tìm những cảm hứng thanh cao. Hằng ngày, cô nên dành thời gian sáng sớm đi dạo trong công viên, lắng nghe tiếng chim hót, tiếng gió thổi để gợi trong cô những rung động thanh cao thay vì những cảm giác ồn ào náo nhiệt của đời sống. Những hoạt động này có thể lưu lại dư vị thanh khiết trong cô, giúp cô thay đổi các thói quen náo động hằng ngày.

Andrew bật cười:

- Em nghe chưa, từ nay em đừng nghe những loại nhạc ồn ào rồi lắc lư bay nhảy nữa, những bài nhạc rap em yêu thích cũng thôi được rồi.

Connie lườm chồng rồi hỏi tiếp:

- Nói vậy là tôi chỉ nên nghe nhạc cổ điển thôi sao?

Ông Kris cười, lắc đầu:

- Không hẳn phải thế. Nghệ sĩ hiện nay cũng có rất nhiều người có tài và tác phẩm của họ rất có giá trị. Theo tôi, trong thời đại ngày nay, các nghệ sĩ có tâm hồn rung động thanh cao có thể thay thế vai trò của các giáo sĩ khi họ phản chiếu trạng thái mỹ lệ của vũ trụ thiêng liêng vào các tác phẩm của mình, khiến người thưởng thức mở rộng tâm hồn để hòa điệu vào cảm xúc tuyệt vời đó. Nghệ thuật

chân chính là những biểu tượng có thể dẫn dắt chúng ta trở về với ngọn lửa tâm linh có sẵn trong tâm hồn mỗi người. Khi người nhạc sĩ vận dụng những ngón tay nghệ thuật của mình vào nhạc cụ, họ biến nó thành chiếc "đũa thần" có thể thay đổi cảnh vật ồn ào, náo nhiệt thành một buổi bình minh tươi sáng, khiến người nghe thấy lòng tràn ngập những hình ảnh diệu kỳ như được đưa vào một nơi chốn thần tiên nào đó. Những cảm xúc đó sẽ thấm vào tâm hồn người nghe, giúp làm giảm bớt những tư tưởng náo động lộn xộn thô kệch kia đi.

Ông Kris quay lại nói với tất cả chúng tôi:

- Ngày nay chúng ta đều sống trong một thế giới náo động, vội vàng bởi những hoạt động máy móc của công nghệ. Nó lôi cuốn chúng ta như một trận cuồng phong dữ dội, kéo tất cả mọi sự vào vòng kiểm soát của nó. Do đó, hầu hết mọi người đều khao khát kiếm tìm một sự bình an nào đó để có đủ nghị lực đương đầu với những khó khăn này. Tuy nhiên, trong cuồng phong bão tố, dù mặt biển có thể rung động nhưng đáy biển vẫn luôn yên tĩnh. Tâm hồn chúng ta cũng thế, sâu bên trong nó hoàn toàn an tĩnh và đây chính là trung tâm của con người, vì bản chất của nó là bình an, sáng suốt. Một trong những cách đưa chúng ta trở về với cái tự tánh thanh tịnh này là tham thiền.

Hiện nay, thiền đã được phổ biến sâu rộng khắp nơi nhưng tiếc là nó đã bị thương mại hóa, bị biến chất và trở thành một phong trào hơn là một phương pháp tu tập. Nhiều người phương Tây tò mò, hiếu kỳ, chỉ muốn thử cho biết chứ không hiểu gì về mục đích thật sự của thiền. Ngoài ra, một số người đã dạy thiền một cách sai lạc, thêm thắt một chút tư thế Yoga, một chút khí công, một chút động tác Thái cực quyền, rồi đặt cho nó những cái tên rất kêu như "thiền để thành công", "thiền để tìm tình yêu", "thiền để chữa bệnh" nhằm lôi kéo quần chúng. Với những ai thật sự hiểu biết về thiền thì đây quả là một "trò hề", nhưng với một số người chỉ đến với thiền vì tò mò, hiếu kỳ thì đây là một cái gì đó có thể giúp họ đạt được những điều họ muốn.

Ông Kris mỉm cười quay qua tôi nói:

- Ông là người làm việc trong lĩnh vực thị trường thương mại, chắc ông cũng nhận thấy ngày nay thiền hay chánh niệm đã trở thành một thương hiệu có giá trị hàng tỷ đô-la. Hiện nay, tại Hoa Kỳ đã có hơn một ngàn trung tâm dạy thiền và trên thế giới thì con số đã lên đến hơn ba ngàn. Một số lớn trung tâm này không liên quan gì đến tôn giáo, mà tồn tại độc lập như cơ sở thương mại. Con số này ngày càng gia tăng nên những người tự xưng bậc thầy về thiền đã kiếm được rất nhiều tiền.

Tôi gật đầu, không ngạc nhiên về điều ông Kris nói. Khi nghiên cứu thị trường, đã có lúc tôi thấy choáng ngợp về con số đầu tư thương mại vào các trường dạy thiền của những "Chuyên gia về thiền" này (*Zen Professional*).

Ông Kris nói tiếp:

- Hiện nay ở phương Tây, phần lớn những người dạy thiền đều không phải là thiền sư, cũng không có liên hệ gì đến tôn giáo. Một số là huấn luyện viên thể dục hay Yoga rồi thêm thắt các khóa thiền vào chương trình luyện tập để thu hút khách hàng. Một số khác tự học qua sách vở, tham dự vài khóa thiền, rồi tự phong cho mình chức tước nào đó để thu nhận học trò với mục đích kiếm tiền. Nhiều người có tài ăn nói khéo léo có thể thu hút đông học trò, phát triển thành những công ty có chi nhánh khắp nơi và thu về con số lợi nhuận cực lớn. Điều đáng lo ngại là việc truyền dạy không căn cứ này có thể gây nguy hại, không những cho thân mà còn ảnh hưởng đến cả tâm trí của học viên. Thiền không phải chỉ là ngồi yên để thư giãn như nhiều người hiểu lầm. Thiền là khoa học về tâm thức, đòi hỏi có sự cam kết để thực hành một cách nghiêm túc và đứng đắn. Thiền định không phải để giải trí, để khoe khoang, để theo trào lưu mà là để nó trở thành một phần của cuộc sống với mục đích rõ rệt. Có một số nguyên tắc căn bản cô cần hiểu để cam kết cho việc thực hành. Khi thực hành với sự hiểu biết này, cô sẽ thấy thiền định rất

đơn giản, còn nếu không, cô sẽ sớm cảm thấy lạc lõng và trước sau gì cũng bỏ cuộc.

Connie tỏ ra bối rối:

- Vậy thì theo ông tôi phải thực hành thiền ra sao?

Ông Kris đáp từ tốn:

- Thiền định phải tự nhiên, với mục đích rõ rệt. Đời sống của cô không thể đi theo hai chiều hướng đối nghịch. Cô không thể có một đời sống năng động náo nhiệt cùng một lúc với những thực tập về tâm linh. Thiền là phá chấp nhị nguyên để trở về với tự tánh (*Inherent nature*), nếu có nhị nguyên thì không thể có thiền.

Vậy, nên thực hành thiền vào lúc nào là tốt nhất? Đó là buổi sáng sớm, trước khi mặt trời mọc. Lúc đó không gian yên tĩnh, là lúc tập trung nhiều năng lượng tích cực, thích hợp cho việc tu tập. Sau khi thức dậy khỏi giấc ngủ dài, cô nên làm vài động tác thể dục khởi động khoảng mười phút để thân thể tỉnh táo rồi mới bắt đầu thực hành. Nếu thực hành thiền vào buổi chiều hay tối, cô cần dành ra một khoảng thời gian nhất định để nghỉ ngơi cho thân thể ổn định và thả lỏng, bởi cô đã mệt mỏi với một ngày làm việc. Điểm chính yếu là cô phải học cách nghỉ ngơi cho thoải mái, giảm bớt sự căng thẳng của thân thể trước khi bắt đầu. Cô cần tập thở nhẹ và chậm lại chứ đừng làm gì quá sức. Mọi phương pháp tham thiền đều bắt đầu bằng việc đưa cơ thể về trạng thái tự nhiên. Điều này quan trọng vì thở không đúng cách có thể gây nguy hiểm. Cô nên biết rằng hơi thở là một năng lượng tái tạo của sự sống vì khi lưu chuyển trong thân thể, nó chứa đựng những năng lực có thể chữa lành nhiều cơ quan nội tạng.

Connie thắc mắc:

- Tôi có đọc một số sách dạy về thiền, hướng dẫn phải đưa hơi thở theo đồ hình vào các luân xa...

Ông Kris ngắt lời Connie:

- Tôi muốn cảnh cáo cô rằng không bao giờ được tập bất kỳ phương pháp thở nào không tự nhiên. Việc hít thở sâu rồi dồn hơi xuống cơ quan nào trong người để kích thích các luân xa là cách luyện tập của các pháp sư tà thuật ngoại đạo, việc này có thể khiến người tập mất tự chủ, khiến thần kinh trở nên rối loạn, không kiểm soát được bản thân. Phương pháp tập trung thị giác vào một điểm trên trán, để đầu óc tê liệt, là cách kêu gọi các động lực vô hình nhập vào, rồi theo họ rời thể xác, bay vào nơi chốn nào đó hay cõi giới khác. Đó là điều cô phải tuyệt đối tránh vì hậu quả của những việc này vô cùng tai hại, không những trong kiếp này mà liên quan đến cả những kiếp sau nữa.

Ông Kris nhấn mạnh:

- Thiền là phương pháp tu tập nhằm làm chủ tâm thức chứ không phải để đạt được quyền năng nào đó. Là người năng động, tâm trí của cô thường chạy lung tung, và cô cũng thuận theo nó. Mục đích của thiền là đảo ngược việc này, luyện cho tâm trí của cô hoạt động chậm lại. Có rất nhiều phương pháp để làm việc này như cách theo dõi hơi thở, chú ý vào đề mục, tức công án để giữ cho tâm trí không chạy lung tung nữa.

Connie hỏi:

- Tôi đọc qua các tài liệu về thiền, thấy có nhắc nhiều đến công án, nhưng tôi không hiểu đó là gì, ông giải thích một chút được không?

Ông Kris từ tốn:

- Nói một cách dễ hiểu nhất thì công án là một câu chuyện thiền, một vấn đề thiền. Những lời nói và việc làm của các bậc cao tăng qua các đời được ghi chép lại để làm kim chỉ nam cho người tu thiền, lâu ngày đã trở thành một loại đối tượng để suy xét, gọi là công án. Khi người ngồi thiền chọn hoặc được giao một công án, người ấy sử dụng công án ấy làm đối tượng để suy xét trong khi ngồi thiền, gọi là

tham công án. Tham công án không nhằm mục đích tìm ra lời giải, vai trò của công án là cho người ngồi thiền một đối tượng để quán chiếu, để tập trung sự chú ý của mình vào đó nhằm duy trì chánh niệm.

Cô có thể chọn một công án, một câu thần chú, một tượng Phật hay hình ảnh Mandala, tức vòng tròn vũ trụ, để tập trụ tâm vào đó. Điều quan trọng là cô hãy chọn lựa cẩn thận vì sau khi đã chọn rồi thì không được thay đổi. Nếu thay đổi, nó sẽ làm mất đi cái giá trị ban đầu, rồi cô cứ thay đổi hết cái này qua cái khác và như thế sẽ khó tiến bộ được.

Bước đầu thực tập bao giờ cũng khó khăn vì mức độ kiểm soát tâm thức của cô còn yếu. Cô vừa định trí vào một công án, thì những tư tưởng khác ở đâu đã xông đến, chống lại sự an tĩnh mà cô muốn tìm. Việc kiểm soát đầu óc, không cho nó chạy lung tung là một trong những vấn đề khó khăn nhất mà bất cứ người mới tập nào cũng gặp phải. Nếu cô cảm thấy chán nản, khó chịu, không muốn tập nữa thì hãy nhớ rằng cái tâm đã tạo ra những khó khăn đó cũng chính là cái tâm sẽ giúp cô giải quyết mọi sự. Một khi cô ngừng chạy theo những suy nghĩ viển vông thì cô sẽ thấy những suy nghĩ ấy đến rồi đi một cách tự nhiên.

Connie thắc mắc:

- Nhưng tôi phải tập trong bao lâu thì mới đến được giai đoạn đó?

Ông Kris mỉm cười nói:

- Cô không nên đặt nặng việc đó. Lúc mới tập cô đừng làm gì quá sức, hãy tập các buổi tập ngắn thôi. Ngồi lâu chỉ làm cô mệt mỏi thêm chứ không ích gì. Cô chỉ cần thực tập khoảng mười lăm đến hai mươi phút là đủ, quan trọng là phải tập đều đặn hằng ngày, vào giờ giấc cố định để việc tập luyện trở thành một thói quen. Một điều cô không nên làm là dùng ý chí của mình để ngăn cản những tư tưởng lộn xộn xảy đến. Cô sẽ thấy càng cố gắng chống đối chừng nào thì những ý nghĩ đó lại trở nên mạnh mẽ hơn chừng ấy, và như

thế là cô đã bị nó lôi kéo rồi. Thái độ chống đối chỉ làm cô căng thẳng, bực tức vì phải tranh đấu với thói quen từ trước. Thay vào đó, cô hãy tập quan sát tư tưởng xảy ra. Khi một suy nghĩ khởi lên, đừng phản ứng, đừng xét đoán, đừng chống đối, hãy kiên nhẫn chờ đợi, vì nó đến thì nó sẽ đi. Hãy quán xét tư tưởng như sóng thủy triều, nó trôi dạt tầng tầng lớp lớp vào bờ rồi lặng lẽ chìm mất. Làm được thế, cô có thể hóa giải hầu hết mọi tranh chấp.

Điều quan trọng khi tập thiền là không bao giờ bỏ cuộc vì chán nản. Khi thấy việc tu tập dường như không hiệu lực, không tiến triển, nhiều người than rằng nó quá khó và có ý bỏ cuộc.

Thật ra thiền định là hành động tự nhiên của bản tính, ai cũng có thể đạt đến trạng thái định (*samadhi*). Vấn đề là khi ai đó thiếu kiên nhẫn, luôn mong ước đạt được điều gì đó một cách nhanh chóng thì họ sẽ đánh mất đi sự an tĩnh cần thiết. Tập thiền cũng chính là thay đổi thói quen để cho đầu óc não động kiểm soát mình. Cô đã làm thế trong bao nhiêu năm thì làm sao có thể đảo ngược lại chỉ trong vài tháng. Nếu cô tin vào Luân hồi thì cô cần hiểu rằng thói quen này đã có từ lâu, không phải chỉ trong kiếp này mà còn trong nhiều kiếp trước nữa. Nhưng mỗi nỗ lực cô thực hiện, dù chậm rãi, đều góp phần thúc đẩy cho thành công cuối cùng, tức trạng thái an tĩnh. Đầu óc của cô dần dần sẽ bắt đầu chú tâm, trụ vào một khái niệm và cô sẽ có định.

Connie thắc mắc:

- Có nhiều sách viết về định, có người nói đó là cảm giác hân hoan sung sướng, có người lại nói là cảm giác thoát tục...

Ông Kris bật cười, ngắt lời Connie:

- Đó chỉ là những lời văn hoa bóng bẩy của các văn sĩ để diễn tả điều gì mà họ không biết rõ. *Định* có nghĩa là sự hòa hợp giữa người suy ngẫm và việc được suy ngẫm, giữa chủ thể và đối tượng không còn phân biệt. Nói một cách giản dị, nó là sự tập trung toàn vẹn. Trong trạng thái định, người tập thấy mình sáng suốt, không

phải do ngoại cảnh, mà do tâm thức của mình có thể nhìn rõ, thấu suốt mọi vật. Đến mức cao hơn, tâm trí của người tập sẽ hoàn toàn yên lặng, không còn một tư tưởng nào nữa, cho đến ngay cả đối tượng của sự suy ngẫm cũng không còn. Đó mới chính là quang năng hiểu biết thật sự sáng suốt hay tuệ giác (*wisdom*). Sự an lạc, sáng suốt này chính là định.

Connie hỏi:

- Làm sao họ có thể biết hết mọi sự được?

Ông Kris giải thích:

- Sự hiểu biết của chúng ta khác với sự hiểu biết sáng suốt, toàn diện của người đã đạt đến trạng thái định. Sự hiểu biết của những người này mang hai khía cạnh: Sự hiểu thấu đáo về một sự vật và sự hiểu biết tổng quát. Nói một cách khác, cái trước là sự hiểu biết theo chiều đứng và cái sau là sự hiểu biết theo chiều ngang. Hãy lấy ví dụ một ly nước. Đối với chúng ta, đó chỉ là chất lỏng để giải khát. Đối với các nhà khoa học, đó là một hợp chất được tạo ra bởi các nguyên tử hydrogen và oxygen. Đối với các thiền sư thì nước thể hiện trạng thái của tâm. Khả năng hiểu biết của mỗi người khác nhau tùy vào trình độ. Khả năng của chúng ta cũng tùy vào sự giáo dục, môi trường và trải nghiệm hằng ngày. Với những người đã đắc định thì sự hiểu biết của họ vô cùng thâm diệu, nó đi xuyên qua từng lớp vỏ của đời sống để tiến vào tinh hoa của sự vật cũng như mối liên hệ của nó với những vật khác. Đó là sự hiểu biết có chiều sâu, vượt ra khỏi giới hạn của lý trí, của kiến thức khoa học, của triết lý và tôn giáo.

Thiền là phương pháp tu tập nhằm làm chủ tâm thức chứ không phải để đạt được quyền năng nào đó. Điều quan trọng khi tập thiền là không bao giờ bỏ cuộc vì chán nản. Khi thấy việc tu tập dường như không hiệu lực, không tiến triển, nhiều người than rằng nó quá khó và có ý bỏ cuộc. Thật ra thiền định là hành động tự nhiên của bản tính, ai cũng có thể đạt đến trạng thái định (samadhi). Vấn đề là khi ai đó thiếu kiên nhẫn, luôn mong ước đạt được điều gì đó một cách nhanh chóng thì họ sẽ đánh mất đi sự an tĩnh cần thiết. Tập thiền cũng chính là thay đổi thói quen để cho đầu óc não động kiểm soát mình.

Connie thắc mắc:

- Tôi chưa hiểu lắm về sự hiểu biết theo chiều ngang, nhờ ông giải thích thêm...

Ông Kris thông thả giải thích:

- Sự hiểu biết theo chiều ngang là sự hiểu biết về toàn thể mọi sự vật cũng như sự liên hệ của nó với những sự vật khác. Đây là sự hiểu biết toàn diện và rõ ràng. Khi xưa, Plato đã nói: "Đời sống thì giới hạn, sự hiểu biết thì vô hạn". Socrates cũng dạy: "Điều ta biết rõ nhất là ta không biết gì hết". Vậy làm sao có thể giải thích được sự hiểu biết này? Đối với mọi người, sự hiểu biết toàn diện chỉ là một ảo ảnh, không thể có được. Tuy nhiên, chúng ta cần hiểu rằng đầu óc con người hiện nay rất giới hạn vì nó đã bị hướng dẫn, dạy bảo để góp nhặt, để gán bó, để hạn chế bởi hệ thống giáo dục có từ hàng ngàn năm nay. Không dễ dàng gì để phá vỡ cái khuôn khổ đó. Thật ra, đầu óc chúng ta có tiềm năng rất lớn nhưng không mấy ai biết khai thác mà thôi. Và thiền định chính là cách giúp chúng ta phá hủy các tập quán, thói quen, giải thoát tư tưởng khỏi các ràng buộc ước lệ, giúp ta có thể mở rộng tầm mắt, vươn đến những nơi mà chưa mấy ai quan sát được.

Connie tỏ ra bối rối:

- Tôi vẫn không hiểu người đã có định sẽ khác với người thường thế nào?

Ông Kris kiên nhẫn giải thích:

- Tư tưởng của đa số con người đều có tính góp nhặt, vì sự hiểu biết được thu thập tuần tự theo thời gian. Ví dụ như khi đi học, học sinh phải học từ căn bản, học đọc, học viết rồi mới đến hành văn, lý luận, học từ kiến thức cơ sở rồi mới đến kiến thức chuyên môn. Các kiến thức này được tích lũy và sẽ phát triển khả năng hiểu biết, nhờ đó con người có thể diễn tả được những tư tưởng phức tạp. Tuy

nhiên, hiểu biết này chỉ là nước trong cái ao nhỏ, không thể so sánh với sự hiểu biết sáng suốt vô biên như nước trong đại dương của người đã đắc định. Hơn nữa, tư tưởng của chúng ta còn bị ảnh hưởng bởi dục vọng nên mọi suy nghĩ thường mang tính chủ quan hay thuận theo ham muốn. Đầu óc con người luôn bị xáo trộn giữa dục vọng và lý trí, hai cái này thường xung khắc, khiến đầu óc bị giằng xé giữa hai thái cực. Dục vọng xui khiến ta làm những gì mình thích, còn lý trí khuyên ta nên tránh điều xấu. Bị lôi kéo giữa hai thái cực, đầu óc con người tựa một bãi chiến trường, đấu tranh không ngừng như nước và lửa. Với một số người, khi dục vọng nổi lên, lý trí trốn mất. Đối với người khác, khi lý trí hoạt động, dục vọng im hơi. Vì hai động lực này không bao giờ có mặt cùng một lúc nên đầu óc con người không mấy khi quân bình. Đối với người có định thì khác, vì họ đã chuyển hóa dục vọng thành tình thương và lý trí thành minh triết nên cả hai kết hợp với nhau chặt chẽ và xuất hiện cùng lúc trong sự quân bình tuyệt diệu, tạo thành một sự hiểu biết vô cùng thâm diệu, sáng suốt.

Connie ngập ngừng đề nghị:

- Xin ông nói rõ hơn nữa, vì tôi vẫn còn bị lẫn lộn giữa các danh từ này.

Ông Kris giải thích thêm:

- Con người hành động nhờ những giác quan thu thập dữ kiện rồi đưa vào trong bộ óc để xử lý. Bộ óc thông minh hay lý trí sẽ phân tích những dữ kiện này để cho ra một hành động hay giải pháp. Tuy nhiên, nó không hề đặt ra vấn đề là những dữ kiện thu nhận đó có đầy đủ, chính xác hay không. Nó tự quyết định dựa vào logic riêng của nó, cái mà ta gọi là trí thông minh. Hầu hết con người đều dựa vào lý trí để đưa ra tiêu chuẩn phán xét đúng sai, phải trái. Đối với người đã có định thì điều này là không hoàn hảo, vì chỉ dựa vào những dữ kiện thu thập của các giác quan là chưa đủ chính xác. Lý trí thông thường này không bao gồm một sự nhận xét sâu sắc toàn diện để thấu rõ các dữ kiện hay sự liên hệ giữa những sự kiện với

nhau và cho ra một cái nhìn tổng thể. Người đã có định không sử dụng trí thông minh để phân biệt mà sử dụng một thứ trí tuệ khác gọi là *Trí tuệ Bát nhã*. Do đó, quyết định của họ không có sự phán đoán, phân biệt nữa.

Connie nôn nóng hỏi:

- Nếu tôi chăm chỉ luyện tập như ông nói thì bao lâu sẽ đạt được đến cảnh giới đó?

Ông Kris lắc đầu mỉm cười:

- Như tôi đã nói, đây là điều cô không nên quan tâm. Cô không thể tập thiền với mong muốn đạt được kết quả nào đó. Có lẽ vì đã đi làm trong nhiều năm, cô đã quen với việc tận hưởng kết quả từ công việc mình làm. Tuy nhiên, tu thiền mà chỉ hướng đến kết quả là hoàn toàn phản tác dụng. Thay vào đó, cô nên hướng năng lực của mình vào việc tận hưởng tiến trình tu tập, như một người ung dung, thư thái, thành thoi đi bộ trên đường, giữ tâm an tĩnh, không cần biết khi nào sẽ đến nơi. Tôi khuyên cô nên thiết lập các giới hạn đối với những hoạt động hằng ngày. Cô cần biết việc gì có thể làm và việc gì không nên làm, vì các hoạt động này có thể gây trở ngại cho việc tĩnh tu của cô, khiến cô bị phân tâm. Cô cần tự hỏi liệu những gì mình thường làm có phù hợp với mục tiêu tu tập hay không.

Andrew bật cười nói ngay với vợ:

- Thôi thế là từ nay em hết Facebook, Instagram, TikTok hay YouTube rồi.

Ông Kris từ tốn khuyên:

- Tôi biết việc buông bỏ những thói quen là không dễ, và cô cũng nên tránh sự thay đổi đột ngột. Một khi đã quyết định tập thiền, cô nên tìm cách tránh xa các hoạt động mà cô biết là không hài hòa với mục tiêu của mình. Nhưng nếu cô thay đổi ngay lập tức thì chỉ ít lâu nữa cô sẽ thấy chán nản, bực bội. Việc gì cũng phải thông thả, tập

thành một thói quen mới, dần dần thay thế cái cũ để có thể tiếp cận bền vững lâu dài. Muốn thay đổi các thói quen không cần thiết, cô cần thay thế nó bằng thói quen khác như nghiên cứu kinh sách. Một sai lầm rất lớn của những người tu thiền ngày nay là thường bỏ qua việc nghiên cứu và suy ngẫm những lời dạy của Đức Phật. Một số người trẻ ngông cuồng đã lạm dụng câu "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" để đi thẳng vào hành thiền mà không nghiên cứu kinh sách. Họ không hiểu rõ mục đích thật sự của thiền. Họ chỉ tu luyện mơ hồ một thời gian ngắn rồi thấy mọi sự đều tẻ nhạt, chán chường. Việc nghiên cứu và suy ngẫm kinh điển sẽ cung cấp cho cô một ý tưởng về mục đích của thiền định một cách rõ ràng và chính xác. Nhờ thế, cô sẽ cảm thấy vững tâm khi tu tập. Nếu không biết mình đi đâu, làm gì, với mục đích gì thì mọi việc đều vô nghĩa, chẳng khác nào một người đi vào sa mạc mà không có bản đồ hay la bàn chỉ dẫn.

Ông Kris quay lại giải thích thêm với tất cả chúng tôi:

- Gần đây tôi có đọc một số sách về thiền của vài tác giả tự nhận là chuyên gia trong lĩnh vực này. Có thể họ là những học giả thông minh, và trong sự nhiệt tình, họ viết ra những chỉ dẫn dựa trên sách vở nghiên cứu chứ không hề có kinh nghiệm tu tập. Đa số họ đều bỏ qua căn bản mà đi thẳng vào việc thực hành. Do đó, họ không thể nói rõ về các hoạt động sâu thẳm của tâm thức mà chỉ sử dụng những danh từ lạ lùng khiến người đọc rối trí, làm lẫn. Đọc những cuốn sách như vậy không giúp cô đi đến đâu mà chỉ khiến cô thêm lạc lối. Muốn tập thiền, cô nên có người hướng dẫn chứ không thể chỉ học qua sách vở được, và người hướng dẫn đó phải là một thiền sư có nhiều năm thực hành. Các khóa tu phổ thông được quảng cáo rầm rộ ngày nay đa số cũng chỉ có bề ngoài. Cô có thể quan sát người hướng dẫn, nếu họ chỉ dạy cách ngồi, cách thở hoặc một vài tư thế gì đó mà không giải thích căn bản và mục đích thì chúng tôi đó không phải là người có công phu thật sự, học những lớp đó chỉ mất tiền vô ích mà thôi.

Connie thắc mắc:

- Nhưng thầy dạy thiền của tôi đã trích lời Đức Phật, chính Đức Phật nói rằng không cần kinh sách hay văn tự, vì thiền là độc lập với những thứ này. Lúc nãy ông vừa nhắc "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền", chính là ý đó. Chẳng lẽ Đức Phật nói sai?

Ông Kris nhẹ nhàng hỏi:

- Thầy của cô có phải là một thiền sư thật không? Ông đã tu tập ở đâu? Học với thầy nào? Theo tông phái nào? Ông đã thực hành được bao lâu rồi?

Connie bối rối:

- Thầy dạy thiền của tôi không phải tu sĩ nhưng có giấy chứng nhận từ một trung tâm Thiền bên Nhật, rằng ông đã chứng ngộ...

Ông Kris lắc đầu cười:

- Ra vậy! Theo tôi biết thì không có một vị thiền sư chân chính nào lại cấp giấy tờ chứng nhận như thế. Đó chỉ là trò lừa bịp. Trình độ giác ngộ của học trò ra sao chỉ có thầy mới biết được và đây là việc riêng tư giữa thầy trò, không thể thể hiện bằng một văn bằng hay nhãn hiệu để dán lên người.

Connie luống cuống:

- Ông muốn nói rằng tôi đã bị lừa sao? Vậy "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền" có thật là lời Đức Phật? Ý của nó là gì?

Ông Kris giải thích:

- Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, cũng tức là Tổ sư Thiền tông, quả thật có dạy như vậy, hay ít nhất trong kinh điển có ghi lại lời người như thế. Tuy nhiên ngày nay không ít người hiểu sai, hoặc cố tình lạm dụng lời dạy này để phục vụ cho mục đích riêng. Nói cho dễ hiểu thì con đường thiền đôi khi không thể nói bằng ngôn ngữ thông thường. Nếu có nói ra cũng chỉ là miễn cưỡng thôi vì ngôn ngữ không thể

diễn tả những điều không thể diễn tả. Như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Lời nói ra có thể làm người nghe hiểu sai. Và một khi đã không thành văn tự thì cũng không thể truyền dạy theo kinh sách thông thường. Nói như vậy không có nghĩa là bác bỏ văn tự, mà là con đường thiền của mỗi người là dựa vào tâm, hướng đến tâm. Nhưng trước hết, cô vẫn nên đọc và nghiền ngẫm kinh sách để tạo nền tảng cho mình rồi tìm thầy hướng dẫn. Cô cũng phải biết chọn thầy, tìm đúng thầy, đúng chỗ, chứ không thể chỉ tin vào những giấy tờ chứng nhận hay quảng cáo được. Hiện nay người muốn thực hành thiền thì nhiều mà các vị thiền sư chân chính lại rất ít. Ngay cả khi cô may mắn gặp được một thiền sư thì ngài cũng chỉ dạy cho cô những hướng dẫn tổng quát cho đến khi cô đã sẵn sàng. Do đó, cô hãy làm cho mình trở nên sẵn sàng, bởi vì "khi đệ tử đã sẵn sàng, người thầy sẽ xuất hiện".

Connie hỏi:

- Vậy tôi phải làm gì để sẵn sàng?

Ông Kris thông thả giải thích:

- Cho đến khi cô tìm được một vị thầy chân chính, cô nên dành thời gian đọc thêm kinh sách, tham dự các buổi thuyết pháp tại các tu viện hay cơ sở tôn giáo. Các tu viện chân chính không bao giờ thu tiền hay đòi hỏi sự chi trả nào, vì Đức Phật cấm bán pháp. Đây là một tiêu chuẩn có thể giúp cô phân biệt được một nơi tu hành chân chính, giữ đúng giới luật với những nơi chỉ hoạt động vì mục đích thương mại. Và dù cô có tìm được một người thầy chân chính, cô cũng nên giữ cho mình tâm thế học hỏi, tìm tòi, luôn tỉnh táo suy ngẫm chứ không nên nhất nhất nghe theo mọi điều thầy nói. Theo tôi, cách tiếp cận thận trọng này là tốt nhất.

Ông Kris hướng đến tất cả chúng tôi, nói thêm:

- Thực hành mà không có nền tảng lý thuyết thì dễ lạc lối. Nhưng kinh sách dù hay thế nào cũng không thể hướng dẫn hiệu quả như sự tương tác với một người thầy đã có kinh nghiệm tu tập. Theo tôi,

trước hết người tu tập nên dành thời gian để nghiên cứu kinh điển rồi suy ngẫm nghĩa lý trong đó. Tôi biết nhiều người thực hành thiền trong nhiều năm, nghĩ rằng bản thân đã tiến bộ, nhưng không có các văn bản kinh điển để tham khảo ấn chứng họ vẫn dễ đi lạc vào những thứ thiền nào đó của ngoại đạo hay bị dẫn dụ vào con đường mê tín của các thầy phù thủy, rất khó thoát ra. Tất cả sự nhầm lẫn này có thể tránh được thông qua việc học hỏi và nghiên cứu kinh điển để thấy rõ con đường đi của mình.

Connie hỏi:

- Tôi muốn biết rõ hơn về việc thực hành có thể giúp gì cho sức khỏe của tôi hay có thể trừ được bệnh tật không?

Ông Kris gật đầu, trả lời điềm đạm:

- Nếu thực hành đều đặn, cô sẽ thấy sức khỏe của mình phục hồi một cách bất ngờ. Nhiều người duy trì thói quen tập thể dục thể thao hằng tuần, đó đúng là một thói quen lành mạnh, nhưng cũng chỉ gia tăng sức khỏe bên ngoài. Phần lớn bệnh tật phát xuất từ bên trong hay từ tâm thức. Nếu cô bận rộn, lo lắng đủ mọi chuyện rồi dẫn đến mất ăn, mất ngủ, sinh bệnh và như thế thì việc tập thể thao cũng không giúp được bao nhiêu. Thực hành thiền qua việc thở chậm và nhẹ có thể xoa dịu hệ thần kinh đang náo động của cô. Hơi thở nhịp nhàng sẽ mang sinh lực (*prana*) vào các cơ quan nội tạng, có công dụng chữa lành được nhiều thứ bệnh. Nếu nói một cách khoa học thì khi máu huyết lưu thông đều đặn, không bế tắc, các cơ quan nhận được đầy đủ oxy sẽ hoạt động hữu hiệu hơn.

Connie ngần ngại:

- Tôi có một câu hỏi tế nhị là khi thực hành thiền, miệng tôi đã tiết ra nhiều nước bọt làm tôi khó chịu. Tôi là người sạch sẽ nên việc đó khiến tôi rất phân tâm. Tôi không biết có cách nào làm để nước bọt tiết ra ít hơn không?

Ông Kris trả lời thân nhiên:

- Nước bọt tiết ra nhiều trong lúc tu tập là việc bình thường và nó có công hiệu rất mau nhiệm mà ít người biết đến. Trên phương diện tu tập, nó thường được coi là dấu hiệu tốt và người thực tập nuốt vào chứ không nhả ra. Nói theo khoa học thì nước bọt chứa rất nhiều kháng thể có công hiệu đặc biệt. Nhờ thực hành thiền, thở hít những sinh khí *prana* vào người, cấu trúc của nước bọt sẽ thay đổi, tăng số lượng yếu tố tăng trưởng thần kinh (*Nerve Growth Factor - NGF*). Khi NGF được sản xuất, nó sẽ gia tăng hiệu quả của các tế bào thần kinh, giúp chúng phát triển hoặc tồn tại lâu hơn. Tăng NGF có thể giảm bớt các tác động của lão hóa, và đặc biệt là hạn chế những căn bệnh như Alzheimer và ung thư. Cô có thể thấy những người tu thiền rất ít khi bị bệnh tật và tuổi thọ rất cao, việc đó cũng nhờ yếu tố này.

Connie gật gù:

- Ra là vậy, thế mà lâu nay tôi không biết, nên cứ không ngừng khó chịu.

Ông Kris mỉm cười, nói tiếp:

- Thực hành thiền đúng cách phải gồm hai phần. Phần lý thuyết là những gì cô học qua sách vở hay kinh điển. Thực hành là việc tu luyện, rèn luyện tâm trí, cơ thể và cảm xúc. Lý thuyết và thực hành có thể ví như đôi cánh của một con chim. Có đủ cả hai cánh thì chim mới có thể tung cánh bay lượn trên bầu trời rộng lớn được. Nếu thiếu một trong hai, chim không thể bay được. Nói một cách khác, lý thuyết hướng dẫn thực hành vì nó cung cấp các khái niệm căn bản để cô có thể thực hành một cách vững chắc. Thực hành giúp cô hiểu biết về chính mình nhiều hơn. Khi đã hiểu biết, cô cần phải trở lại kinh điển để kiểm chứng xem việc thực hành đó có đúng với ý nghĩa chỉ dẫn trong kinh điển hay không. Nếu thấy mọi sự trở nên rõ ràng, chính xác và có nghĩa thì cô có thể an tâm tiếp tục. Khi đó việc thực hành của cô cũng trở nên sâu sắc hơn. Càng thực hành sâu sắc, cô càng hiểu rõ mọi sự hơn và như thế là việc thiền tập của cô đã có tiến bộ.

Thực hành thiền mà không có nền tảng nghiên cứu kinh sách thì rất mạo hiểm, vì người tu tập có thể bị đưa đến chỗ mù quáng, u mê và lạc lối. Trải nghiệm tu thiền mà không được kiểm chứng bởi kinh điển hay lời Phật dạy thì chỉ là trải nghiệm mù mờ, không có một cái gì để xác định hay đánh giá, rất dễ lạc vào các lối thiền ngoại đạo hoặc các phương pháp của các pháp sư, phù thủy. Hiện nay, có rất nhiều phương pháp thiền được những người này truyền bá với mục đích trục lợi, mê hoặc nhân tâm vì một mục đích mờ ám nào đó. Do đó, khi thực hành thiền cô phải cẩn thận, phải học với các thiền sư trong các chùa chiền, tu viện chứ không nên theo những người tự xưng đã đắc đạo.

Connie hỏi:

- Vậy để việc ngồi thiền đạt kết quả tốt, trong lúc ngồi thiền tôi cần lưu ý những gì?

Ông Kris trả lời:

- Việc quan trọng khi bắt đầu là ngồi vững, bởi ngồi thiền là hình thức thực hành rất hoàn chỉnh và chặt chẽ. Hiện nay trên thị trường đang bày bán tràn lan nhiều loại dụng cụ hỗ trợ, nhưng thực tế việc ngồi thiền không cần đến những thứ này. Cô chỉ cần một chiếc gối mỏng, hay một tấm khăn cũng được. Đừng bận tâm đến những dụng cụ, miễn sao cô ngồi thật vững chắc là đủ.

Connie ngạc nhiên:

- Tôi thấy phần lớn người tập thiền đều sử dụng những chiếc ghế đặc biệt hay những nệm bông được thiết kế riêng dành cho việc thiền tập. Trong các trường dạy thiền đều có bán những miếng nệm này và tôi cũng đã mua một chiếc.

Ông Kris mỉm cười:

- Những thứ đó không quan trọng đâu, cô có thể ngồi trên những chiếc nệm đặc biệt hay ngồi xuống đất cũng được, như nhau cả thôi.

Hiện nay, thiền đã bị thương mại hóa nên sinh ra nhiều sản phẩm hỗ trợ, nhiều người được dạy rằng khi hành thiền cần những tấm nệm đặc biệt, phải đốt trầm để thanh lọc không khí, đôi khi còn phải mở nhạc thiền trong lúc thực hành nhằm thúc đẩy công hiệu của việc thực tập, rồi sử dụng những ứng dụng thiền trên điện thoại để hỗ trợ nữa. Tất cả những thứ đó chỉ là những chiêu trò quảng cáo thương mại thôi. Khi xưa, các thiền sư làm gì có những thứ đó. Các ngài chỉ ngồi trên đất bằng, trong động đá, mà vẫn đắc đạo. Ngày nay, các huấn luyện viên về thiền chỉ bày trò để kiếm thêm tiền mà thôi.

Thực hành thiền đúng cách phải gồm hai phần. Phần lý thuyết là những gì ta học qua sách vở hay kinh điển. Thực hành là việc tu luyện, rèn luyện tâm trí, cơ thể và cảm xúc. Lý thuyết và thực hành có thể ví như đôi cánh của một con chim. Có đủ cả hai cánh thì chim mới có thể tung cánh bay lượn trên bầu trời rộng lớn được.

Connie hỏi:

- Tôi đã thực hành thiền được một thời gian dài mà chưa thấy kết quả hay chuyển biến gì đáng kể. Không biết bây giờ tôi nên làm gì?

Ông Kris mỉm cười kiên nhẫn:

- Như tôi vừa nói với cô, giai đoạn đầu, điều cô cần làm là thay đổi các thói quen hằng ngày qua sự suy ngẫm và thanh lọc, nhằm làm cho tâm mình lắng dịu. Tiếp theo, cô cần tập suy ngẫm về chính mình. Cô gặp bạn bè, nói chuyện, suy nghĩ và hành xử trong môi trường xã hội nhưng liệu có bao giờ cô suy nghĩ sâu xa về những việc đó không? Cô có đối xử tử tế với mọi người không? Liệu cô có làm mất lòng ai không? Liệu lời nói của cô có hòa nhã không? Liệu hành động của cô có gây tổn thương cho ai không? Khi tự xét mình, cô sẽ hiểu rõ về mình nhiều hơn.

Connie ngạc nhiên:

- Việc này thì có liên quan thế nào đến việc hành thiền? Thầy tôi chưa dạy gì về việc này. Tại sao lại phải xét mình? Tôi là người lương thiện đâu làm hại ai bao giờ...

Ông Kris gật đầu giải thích:

- Đúng thế, việc này thoạt nhìn thì có vẻ không liên quan. Nhưng nó là bước đầu chuẩn bị để có thể giúp cô tiến xa hơn trong việc thiền tập sau này. Nếu đời sống của cô trong sạch, tâm hồn an tĩnh, không bị điều gì quấy nhiễu thì khi thực hành sẽ không còn nổi lên những ý tưởng giận dữ, thù hận hay lo lắng. Khi tâm của cô không bị quấy rầy bởi những việc ích kỷ, hại người, không trung thực, không lừa dối thì việc thiền tập của cô trở nên dễ dàng hơn. Nếu không xét mình, chuyển đổi đời sống, thanh lọc bản thân, giữ cho thân - khẩu - ý được trong sạch, có đạo đức thì lúc thiền tập những ý tưởng xấu dễ nổi lên phá rối công phu của cô. Đa số người thực tập thiền đều gặp khó khăn bởi các tư tưởng này nên cần phải biết

phản tỉnh, ăn năn, sám hối, thay đổi tâm thức trước thì mới tiến xa được. Nếu cô có thể điều chỉnh sao cho ba nghiệp của cơ thể, lời nói và tâm trí (*thân, khẩu, ý*) được thanh tịnh thì việc thiền tập sẽ dễ dàng có kết quả. Buông bỏ mọi sự là điều mà các thiền sư thời xưa đều dạy học trò của mình rất kỹ trong giai đoạn chuẩn bị. Đáng tiếc là ngày nay mọi người chỉ muốn đi đường tắt, chỉ muốn làm sao cho nhanh đạt kết quả nên không mấy ai có thể đi xa được.

Connie suy nghĩ rồi hỏi:

- Nếu đã biết quán xét và thay đổi tâm thức thì bước tiếp theo sẽ là gì?

Ông Kris tiếp tục:

- Khi tâm thức đã trong sạch, không bị xáo trộn bởi các tư tưởng lộn xộn của đời sống hằng ngày, thì giai đoạn tiếp theo là tập trung để đi đến trạng thái định, đây là lúc cô sử dụng hơi thở để đối trị với các vọng niệm một cách tự nhiên. Khi tâm thức của cô đã tự nhiên, bình tĩnh, rõ ràng, cân bằng thì cô sẽ thấy cuộc sống bắt đầu được định hướng lại. Các ưu tiên của cô sẽ trở nên rõ ràng, sáng suốt hơn nhiều. Khi cô quyết định việc gì, cô sẽ làm một cách tự nhiên, thấu suốt, không cần suy nghĩ nhiều vì tâm thức của cô không còn bị xáo trộn như xưa. Từ đó, cô sẽ hiểu rõ ích lợi của việc thiền tập. Nếu cô có thể áp dụng đúng những gì tôi chỉ dẫn lúc này thì khoảng sáu tháng sau, cô sẽ thấy mình có một sự chuyển hóa rõ rệt, cô sẽ có nhiều năng lượng hơn, nhiều sức mạnh hơn, có thể quyết định sáng suốt, minh mẫn và nhanh chóng hơn xưa.

Andrew vui miệng nói xen vào:

- Nếu được như thế thì thật tuyệt vì nhà tôi là người lo lắng đủ thứ chuyện, việc gì cũng thắc mắc, cũng muốn kiểm soát rồi suy nghĩ nhiều nhưng lại khó đưa ra quyết định.

Ông Kris mỉm cười giải thích:

- Tâm thức tựa như một hồ nước. Mọi lo lắng, suy nghĩ được ví như những luồng gió thổi vào mặt hồ tạo nên những cơn sóng, và hồ nước bị xáo trộn. Khi tâm thức được tập trung, thì cũng như mặt hồ không có gió nên hoàn toàn tĩnh lặng, mọi thứ đều lắng xuống, bề mặt của hồ yên tĩnh và mọi thứ đều được phản chiếu trong đó một cách hoàn hảo, từ những vì sao, đến mặt trời và mặt trăng đều chiếu rõ. Khi các vọng tưởng đều ngừng thì ta đã có định và từ đó sẽ phát triển được khả năng có thể nhìn mọi sự thật rõ, thật sâu, thật dễ dàng. Khi đó, các bạn có thể thấy mọi sự một cách sâu sắc và quyết định một cách bình tĩnh, nhanh chóng.

Connie hỏi:

- Lúc này ông có đề cập về việc phải thở tự nhiên nhưng tôi vẫn chưa hiểu rõ phải tập thở như thế nào mới đúng, xin ông giải thích thêm?

Ông Kris từ tốn giải thích:

- Hít thở tự nhiên đơn giản là cô cứ hít thở như bình thường thôi, không nên làm gì bất thường. Tuy nhiên, cô cần lưu ý tránh việc hít vào và thở ra không đều, như khi hít vào thì dài mà thở ra thì ngắn hoặc ngược lại. Hít vào và thở ra phải đều đặn, liên tục chứ không được gián đoạn vì như thế sẽ gây trở ngại. Cô cứ thở cho thật đều và thật tự nhiên, đừng cố gắng quá sức. Thật ra, hơi thở liên quan đến trạng thái của tâm trí, nếu cố gắng thở theo một hình thức nào đó sẽ làm cho tâm trí bị xáo trộn dẫn đến rất khó tập trung.

Connie do dự một chút rồi hỏi:

- Thầy dạy thiền của tôi hướng dẫn phải tập dồn hơi thở xuống bụng...

Ông Kris nhâm nhi một tách trà, chậm rãi giải thích:

- Khi cô sử dụng năng lực để hít vào thật sâu, dồn hơi xuống bụng sẽ khiến bắp thịt co thắt, làm cho việc tập trung bị gián đoạn. Cô tự

nghe xem mình đang thiền hay đang tập thể thao? Bản chất của thiền tập là cơ thể phải tự nhiên, thả lỏng, thoải mái chứ không gò ép. Khi cô thở nhẹ và tự nhiên thì từ từ hơi thở sẽ diễn ra đều đặn, rồi tự cô sẽ cảm thấy thoải mái, thư giãn. Thiền tập là làm sao cho tâm trí được tập trung chứ không phải gì khác. Nếu cô quá chú ý vào việc dồn hơi thở rồi ép nó xuống bụng, cô sẽ khó tập trung. Một khi cô đã thở đều thì chính hơi thở sẽ dẫn dắt cô đi chứ cô không cần phải điều khiển hơi thở. Khi hơi thở của cô nhẹ nhàng thì đầu óc của cô sẽ trở nên thư thái, rồi cô sẽ thấy mình có thể tập trung vào việc thực tập và không còn để ý vào hơi thở nữa.

Connie vẫn thắc mắc:

- Nhưng tôi cần phải theo dõi hơi thở để đối trị các vọng tưởng chứ?

Ông Kris mỉm cười:

- Một khi cô đã thở đều theo nhịp thì việc thở sẽ xảy ra một cách tự nhiên và khi đó đầu óc của cô sẽ chú ý đến việc khác. Lúc đó, cô có thể quan sát những vọng tưởng xảy ra trong tâm, khi nó đến và khi nó đi, nếu cô không để nó chuyển hóa thì cô sẽ có công phu. Nếu cô có thể làm như thế thì theo thời gian cô sẽ có định, khi vọng tưởng từ từ biến mất và cô sẽ ở trong một trạng thái an bình, tự tại. Khi tâm thức của cô sáng suốt, bình thản thì cô sẽ bước vào một trạng thái tâm lý rất đặc biệt, có sự kết nối chặt chẽ giữa mình và trạng thái tâm linh của mình. Trạng thái này vốn sẵn có đầy đủ trong mọi người nhưng cô không biết đó thôi. Khi xưa cô đã để cho những ý nghĩ lộn xộn che lấp nó đi, khiến nó trở nên mơ hồ, nhưng khi tâm thức sáng suốt cô sẽ dễ dàng nhận ra nó. Cái tâm thức sáng suốt đó chính là trí tuệ chứ không phải trí thông minh. Thiền chính là trở về tìm lại cái trí tuệ sáng suốt hằng có, và trí tuệ ấy ở bên trong ta chứ không phải ở chỗ nào khác.

Ông Kris kết luận:

- Sau khi hoàn tất buổi thiền định hằng ngày, cô đừng làm việc gì ngay lập tức, mà hãy đi bộ quanh phòng trong năm hoặc mười phút

để chú ý đến môi trường xung quanh và quan sát tâm trí của mình một cách thoải mái. Khi đến nơi làm việc, cô phải giữ đầu óc bình tĩnh bằng cách cảnh giác và giữ chánh niệm khi tham gia vào các hoạt động bình thường. Tránh các hoạt động có thể gây ra sự kích động hay giận dữ rồi nói ra những điều không nên nói, làm những việc không nên làm. Ăn uống cũng là một yếu tố quan trọng trong việc thiền định. Hãy cẩn thận trong lúc ăn vì sử dụng thực phẩm là để nuôi dưỡng thân thể chứ đừng quan tâm và chú trọng đến ngon hay không. Ăn ngon sẽ dẫn đến thèm ăn rồi sinh tham muốn. Nghi ngơi cũng thế, cô cần ngủ cho đủ chứ không nên ngủ quá nhiều hay quá ít. Ngủ nhiều sẽ làm cho tâm trí mê muội, ngủ ít sẽ làm trí nhớ suy giảm, dễ quên, sinh biến chứng thần kinh. Cô hãy tập thói quen đi ngủ và thức dậy đúng giờ. Đến lúc ngủ thì hãy gác mọi chuyện lại, vào giường ngủ ngay. Khi thức dậy cũng như thế, đừng hấp tấp theo dõi tin tức hay mở Facebook, Instagram, Twitter vì những thứ đó sẽ làm cô chia trí khi thực tập thiền. Khi để ý vào những tin nhắn, những lời khen chê, bình luận vô ý thức của những người vô trách nhiệm, cô có thể bị ảnh hưởng và đánh mất chính mình. Hạn chế các hoạt động này sẽ giúp cô phát triển được nguồn sức mạnh tinh thần hỗ trợ cho buổi thiền tập của cô. Ngoài ra, tôi khuyên cô đừng nói gì nhiều về những vấn đề tâm linh hoặc về việc tu tập của mình trong những thời điểm không phù hợp. Tốt nhất là giữ việc thực hành của cô càng riêng tư càng tốt để tránh những câu hỏi tò mò hay phê bình vô ích. Nếu tham thiền đều đặn, cô sẽ thấy rằng ngay cả trong những công việc bận rộn nhất hay những xung đột căng thẳng nhất, cô vẫn có thể tìm được sự bình an cho mình. Theo tôi, thiền là một trong những món quà quý báu nhất hiện nay dành cho những người quá bận rộn như cô. Nhờ công phu tu tập mà cô có thể hồi phục tinh thần của mình với một nguồn năng lực bình an diệu kỳ ngay giữa lúc căng thẳng nhất. Thời gian là thứ quý giá và cô phải sử dụng nó cho chính mình chứ đừng để nó làm chủ nhân của cô. Thời khóa biểu là do cô lập ra chứ không phải của người khác. Cô hãy học cách tổ chức sắp xếp công việc và sử dụng thời gian một cách hữu hiệu. Làm được vậy, cô sẽ thích ứng với một nhịp sống sáng suốt và có ý nghĩa hơn là cái nhịp não động thông thường mà xưa nay cô đã quen.

Thiền chính là trở về tìm lại cái trí tuệ sáng suốt hằng có, và trí tuệ ấy ở bên trong ta chứ không phải ở chỗ nào khác. Tâm thức tựa như một hồ nước. Mọi lo lắng, suy nghĩ được ví như những luồng gió thổi vào mặt hồ tạo nên những cơn sóng, và hồ nước bị xáo trộn. Khi tâm thức được tập trung, thì cũng như mặt hồ không có gió nên hoàn toàn tĩnh lặng, mọi thứ đều lắng xuống, bề mặt của hồ yên tĩnh và mọi thứ đều được phản chiếu trong đó một cách hoàn hảo, từ những vì sao, đến mặt trời và mặt trăng đều chiếu rõ. Khi các vọng tưởng đều ngừng thì ta đã có định và từ đó sẽ phát triển được khả năng có thể nhìn mọi sự thật rõ, thật sâu, thật dễ dàng.

PHẦN BẢY

THÁNH CHIẾN

ĐỨC TIN VÀ DỤC VỌNG

Sự sụp đổ của đế quốc La Mã đã kết thúc giai đoạn chiếm hữu nô lệ ở châu Âu, mở đầu cho thời kỳ phong kiến. Suốt nhiều thế kỷ sau đó, châu Âu rơi vào hỗn loạn, có thịnh có suy, có phân tranh, chiếm đoạt, tự phong, chia rẽ – đặc biệt là về mặt tôn giáo. Năm 1095, Giáo hoàng Urban II đã phát động cuộc Thánh chiến với lời kêu gọi các tín đồ Thiên Chúa giáo giải phóng thánh địa Jerusalem khỏi người Hồi giáo. Lời kêu gọi này lan khắp châu Âu và được các tín đồ Thiên Chúa giáo hưởng ứng mạnh mẽ. Kể từ đó, trong suốt gần hai trăm năm, một loạt các cuộc chiến tranh tôn giáo không liên tục đã diễn ra, khiến đời sống người dân không ngừng biến động...

Guiole là một ngôi làng nhỏ hẻo lánh ở nước Pháp, cuộc sống người dân nơi đây vô cùng cơ cực và buồn tẻ. Vì thế, khi lời kêu gọi của Giáo hoàng lan đến đây, hầu hết trai tráng trong làng đều xung phong lên đường. Cha tôi cũng là một trong số đó. Khi cha tôi lên đường, tôi còn chưa đầy hai tuổi, mọi ký ức tôi có về ông đều chỉ qua lời kể rời rạc của gia đình. Tuy vậy, hình ảnh một người anh hùng ra đi vì đức tin tôn giáo của ông đã để lại một ấn tượng tốt đẹp trong lòng tôi.

Hai năm sau khi cha tôi ra đi, mẹ tôi lâm bệnh rồi qua đời, từ đó tôi sống cùng ông bà ngoại. Tuy thiếu tình thương của cha mẹ, nhưng sự bao bọc, yêu thương của ông bà ngoại đã bù đắp cho tôi đầy đủ. Như mọi người trong làng, ông bà ngoại cũng chật vật với cuộc sống nghèo khó. Ba người chúng tôi sống chen chúc trong một căn nhà mục nát, cạnh một mảnh vườn nhỏ, bầu bạn với một con bò, bốn con cừu và một đàn gà.

Từ khi tôi còn rất nhỏ, ông bà ngoại đã dạy tôi phải luôn tuân thủ nghiêm túc các tiêu chuẩn đạo đức, phải biết rõ đúng sai, phải trái và luôn tôn kính Thiên Chúa, luôn có lòng thương người. Bất cứ khi nào có dịp, bà ngoại đều nhắc nhở tôi đừng bao giờ lấy bất cứ gì không thuộc về mình, không được làm điều gì gây hại cho người khác, không được ăn cắp, không được nói dối hay đặt điều... Bà ngoại nhắc nhở tôi nhiều đến mức tôi đã tự hỏi sao bà phải nói mãi những điều tôi đã thuộc nằm lòng như thế.

Ở chỗ chúng tôi, mọi người đều phải làm việc vất vả, tắt bật từ sớm đến tối khuya mới đủ ăn, bởi gia đình nào cũng phải để dành thóc lúa, rau trái nộp cho vị lãnh chúa cai quản vùng này. Dưới chế độ phong kiến, các lãnh chúa và quý tộc có toàn quyền sinh sát đối với các nông nô trong vùng đất của họ. Dù chỉ là một ngôi làng nghèo nàn nhưng hằng năm chúng tôi vẫn phải nộp đủ thóc lúa, rau trái cho lãnh chúa theo quy định mới mong được sống yên thân. Tuy sống trong nghèo khổ và vất vả, gia đình chúng tôi vẫn tràn đầy yêu thương và tiếng cười.

Năm tôi mười sáu tuổi, một sự kiện bất ngờ xảy ra, phá tan nhịp sống yên bình của chúng tôi, đưa cuộc đời tôi rẽ sang một hướng khác. Một buổi sáng bình thường, tôi cùng ông bà ngoại làm việc trong mảnh vườn nhỏ thì một người đàn ông lạ mặt, ăn mặc rách rưới bước vào. Với vẻ ngoài cần cỗi của ông ta, khó đoán được ông ta ở độ tuổi nào. Bà ngoại tôi ngẩng đầu lên, vừa nhìn thấy người đàn ông, hai tay liền buông hết cuốc xẻng, lập cập bước về phía ông ta. Bà run rẩy:

- Daniel! Daniel! Có phải con đấy không?

Daniel là tên cậu tôi. Từ nhỏ tôi đã nghe bà ngoại kể rằng mẹ tôi có một người anh trai, nhưng người này đã bỏ nhà đi theo gánh hát từ trước khi tôi chào đời.

Người đàn ông tiến đến đỡ lấy bà ngoại, hai người ôm nhau mừng mừng tủi tủi. Tôi đứng một bên bối rối, còn ông ngoại thì chỉ lạnh

lòng nhìn người kia, lẩm bẩm điều gì tôi không nghe rõ, rồi ông quay lại tiếp tục làm việc như không hề có chuyện gì xảy ra.

Bà ngoại đưa người đàn ông vào nhà, ra hiệu cho tôi và ông ngoại theo cùng. Tôi nhìn ông ngoại, rồi chúng tôi theo bà vào nhà. Tôi tò mò nhìn người đàn ông gầy ốm, râu ria lởm chởm, quần áo rách rưới đang ngồi trên ghế. Ông ta cũng nhìn lại tôi, rồi quay sang hỏi bà ngoại:

- Thằng bé này là ai vậy?

- Nó là Jean, con của Babette đây. Jean, đây là cậu Daniel, anh của mẹ con. Con chào cậu đi.

Tôi gật đầu chào cậu. Bà ngoại ngồi xuống bên cậu, kể về cái chết của mẹ tôi cũng như chuyện cha tôi biệt tích nhiều năm.

Cậu Daniel nghe nhắc đến cha tôi thì giận dữ:

- Đó cũng là lý do con trở về đây. Thằng khốn nạn đó hiện sống tại Verden, nó là lãnh chúa cai quản vùng đó, ăn sung mặc sướng, hưởng thụ xa hoa.

Ông ngoại tôi này giờ vẫn im lặng, nghe đến đó liền lên tiếng:

- Làm sao nó lên làm lãnh chúa được?

Cậu Daniel né tránh ánh mắt của ông ngoại, cậu nhìn tôi chăm chú, kể với giọng có chút ngậm ngùi:

- Khi lưu diễn tại Verden, con thấy Robert ngồi trên khán đài với vợ con của nó. Con nhận ra nó nhưng nó không nhận ra con.

Ông ngoại lại hỏi:

- Có chắc đó là Robert không?

Cậu Daniel trả lời chắc nịch:

- Chính là nó. Trên mặt nó vẫn còn vết sẹo do con để lại. Hơn nữa bàn tay phải của nó cũng mất ngón út. Không thể làm được.

Ông bà ngoại nhìn nhau đầy vẻ đăm chiêu. Sau bữa ăn, cậu Daniel bàn với ông bà ngoại cho phép cậu đưa tôi đi gặp người cha ruột. Cậu nói:

- Con trở về vốn định báo chuyện này với em con, để nó tìm Robert làm cho ra lẽ. Nay em con đã mất, nhưng Jean vẫn còn đây. Dù gì nó cũng là con của Robert, hẳn không thể không nhận con ruột của mình được. Giờ hẳn cũng đã là lãnh chúa, tin rằng có thể cho Jean một cuộc sống tốt hơn.

Sau một hồi bàn bạc với nhau, ông bà ngoại đồng ý cho tôi đi cùng cậu, vì tin rằng việc nhận lại cha sẽ giúp cuộc sống của tôi được cải thiện và có tương lai tốt đẹp hơn so với việc tiếp tục sống trong ngôi làng nghèo nàn, hẻo lánh này. Tâm trạng của tôi lúc đó vô cùng xáo trộn, đầu óc trở nên mơ hồ. Trong một buổi sáng, tôi phải tiếp nhận quá nhiều tin tức. Cha tôi vẫn còn sống, lại còn trở thành lãnh chúa, vậy sao bao năm qua ông không quay lại tìm chúng tôi? Nếu tôi cùng cậu đi tìm cha, tôi sẽ được gặp lại người cha tôi chưa từng biết nhưng đã luôn coi ông là anh hùng. Nhưng làm vậy thì tôi phải rời bỏ ông bà ngoại thân yêu, những người đã nuôi dưỡng tôi từ khi tôi còn nhỏ. Bà ngoại hiểu sự do dự của tôi nên đã ra sức khuyên nhủ. Bà nói tôi cứ đi tìm cha, một khi nhận cha xong vẫn có thể quay lại hội ngộ với ông bà. Lời bà có lý nên rốt cuộc tôi cũng đồng ý.

Cậu tôi ở lại nhà mấy hôm, cùng tôi sắp xếp công việc trong nhà, đỡ dần phần nào cho ông bà ngoại. Sau đó chúng tôi lên đường. Đi khoảng hai ngày đường thì chúng tôi tới bìa một khu rừng, phía trước là một đoàn xe ngựa đang dừng lại cắm trại, những người ở đó đều mặc những trang phục sắc sỡ, lạ lẫm. Người Gitan [4], tôi nghĩ.

Gitan là nhóm những người du cư, sống lang thang rày đây mai đó, làm đủ nghề để kiếm sống. Bây giờ, nguồn gốc thật sự của người

Gitan vẫn bị che phủ bởi một màn sương. Do cuộc sống lang bạt, họ tập hợp nhiều sắc tộc khác nhau, phần lớn đến từ Ấn Độ, Ai Cập và Ba Tư. Từ bỏ cố hương, chấp nhận bốn bề là nhà, người Gitan thường bị dân địa phương kỳ thị và chèn ép. Họ không được chào đón, không được tôn trọng và phải liên tục di chuyển. Họ co cụm vào một xã hội riêng, sinh sống như những bộ lạc độc lập, và nhờ đi đó đi đây nhiều, họ hình thành một nét văn hóa vô cùng đa dạng và đặc sắc. Họ có tài nhảy múa, biểu diễn, nên nhiều nhóm Gitan thành lập gánh hát, lưu diễn khắp nơi kiếm sống.

Giờ tôi mới biết thì ra gánh hát mà cậu tôi đi theo chính là của nhóm người Gitan này. Khi chúng tôi tiến gần đến khu trại thì một người đàn ông lớn tuổi, râu tóc rậm rạp tiến đến. Ông giơ tay chặn cậu Daniel.

- Thằng nhóc này là ai? Tại sao anh dẫn nó đến đây?

Cậu Daniel trả lời:

- Nó là con của em gái tôi. Tôi muốn dẫn nó đến gặp cha nó ở Verden. Xin ông cho phép nó ở lại.

Người đàn ông nhìn tôi với vẻ dò xét rồi ra hiệu cho cậu Daniel bước sang một bên để bàn bạc, đồng thời, ông quay lại gọi một đứa con trai đang chơi đùa gần đó đến. Không biết ông nói gì, nhưng đứa con trai tiến về phía tôi, nó lạnh lùng hỏi:

- Mà tên gì?

Tôi đoán đứa con trai này lớn hơn tôi một hai tuổi. Tôi dè dặt trả lời:

- Tôi là Jean.

Nó nhìn tôi từ đầu đến chân như đánh giá, rồi đột ngột bắt lấy tay tôi và tự giới thiệu mình:

- Tao là Pedro, mà có muốn ra ngoài kia chơi với bọn tao không?

Theo hướng tay Pedro chỉ, tôi thấy cách đó không xa có một đám trẻ đang tụ tập chơi đùa. Tôi nhìn Daniel nhưng cậu tôi vẫn mãi mê nói chuyện nên tôi rụt rè bước theo Pedro đến chỗ đám trẻ kia.

Pedro chỉ vào tôi, giới thiệu với đám trẻ:

- Tụi bây, đây là thằng Jean, một đứa mới đến, chúng ta hãy chào đón nó đi.

Tôi để ý Pedro nhấn mạnh chữ "chào đón" một cách trịnh trọng khác thường. Đám trẻ ngừng chơi, vây quanh tôi một cách thích thú. Tôi vẫn đang ngơ ngác thì bỗng có một đứa trong đám xông đến xô tôi thật mạnh khiến tôi ngã xuống đất. Đám trẻ còn lại lập tức nhào đến, đè chặt tôi xuống và bắt đầu lột quần áo tôi ra. Tôi ra sức phản kháng, vung tay đá lung tung, chặt vật bò dậy. Cả đám hò hét, thay phiên xô đẩy tôi. Một đứa ôm chầm lấy tôi, vật ngã xuống đất lần nữa. Chúng tôi vật nhau, bụi cát bay mù mù giữa tiếng reo hò cổ vũ đến khi tôi ý thức thân thể trần truồng của mình nên không muốn đánh nhau nữa, chỉ lo che chắn cơ thể. Ngay lúc đó, một đứa con gái chạy đến, đẩy đứa trẻ kia ra, rồi quăng cho tôi một tấm chăn rách. Tôi vội đứng lên, quấn tấm chăn quanh mình rồi cảm hận nhìn đám trẻ đang cười cợt kia.

Đứa con gái nói lớn:

- Thôi, như vậy đủ rồi. Chào đón như vậy là đủ rồi.

Pedro cười:

- Nó là cháu của chú Daniel đấy, phải cho nó ném mùi chào đón ra trò chứ.

Đám trẻ phá lên cười khiến tôi vừa bối rối vừa xấu hổ, tôi quay người định bỏ đi thì cậu Daniel và người đàn ông râu rậm kia bước đến. Cậu Daniel vỗ vào vai tôi:

- Bây giờ con đã trở thành người Gitan như ta rồi. Chúng ta sẽ đi Verden, nhưng giờ đã sắp sang đông rồi, thời tiết ngày một lạnh, chúng ta phải xuống miền Nam trước. Qua mùa xuân, tiết trời ấm áp hơn thì chúng ta sẽ lên miền Bắc để tìm cha con.

Người đàn ông có bộ râu rậm nói với tôi:

- Từ nay con sẽ sống với Pedro, nó sẽ dạy con những việc phải làm.

Lúc đó, đưa con gái mang cho tôi tấm chăn cũng bước đến tự giới thiệu:

- Anh tên Jean phải không? Em là Ella.

Tôi gật đầu, toan lên tiếng cảm ơn thì bất ngờ Ella vung tay tát tôi một cái đến choáng váng.

Tôi tức giận, hét lên:

- Cô làm gì thế?

Pedro bật cười giải thích:

- Nó chào đón chú mày đó.

Tôi cố nuốt giận, theo chân Pedro vào chiếc xe ngựa gần đó. Tôi toan lấy quần áo ra thay thì Pedro ra hiệu ngăn cản, y lục lọi một hồi rồi quăng cho tôi một bộ quần áo kiểu dáng lạ lùng. Không còn mang dáng vẻ hách dịch như khi nãy, Pedro dùng giọng điệu nhẹ nhàng giải thích:

- Giờ cậu đã là dân Gitan rồi, cậu phải lột xác hoàn toàn, từ bỏ tất cả mọi thứ liên quan đến đời sống khi trước. Theo truyền thống, để gia nhập với chúng tôi, cậu phải được chào đón bằng cách bị lột bỏ quần áo, chịu một trận đòn, vì từ nay cậu đã là một người mới, sống cuộc đời mới, theo luật của người Gitan. Tôi sẽ dạy cậu những điều này, giờ thì thay đồ đi.

Vẫn ôm bộ quần áo trên tay không nhúc nhích, tôi nhìn Pedro, phản đối:

- Nhưng tôi đâu phải người Gitan.

Pedro lắc đầu:

- Bây giờ thì phải rồi. Nếu cậu muốn ở lại đây, cậu phải sống như một người Gitan. Nếu không muốn, cậu có thể trở về làng cũ.

Pedro nói xong thì bỏ đi, không cho tôi cơ hội tranh cãi. Tôi suy nghĩ một lúc rồi mặc bộ đồ Pedro để lại. Tôi biết, cuộc đời mình từ đây đã thay đổi mãi mãi.

Tôi làm quen với mọi người trong gánh hát khá nhanh. Người đàn ông có bộ râu rậm rạp tôi gặp hôm đầu tiên là Alfonso, người đứng đầu ở đây. Gánh hát này bao gồm sáu gia đình, tất cả đều có liên hệ họ hàng với nhau. Đa số đều có tài năng đặc biệt, người biết sử dụng nhạc khí, người biết nhào lộn, người ca hát, đóng kịch. Họ di chuyển nay đây mai đó, lấy việc biểu diễn làm kế sinh nhai. Alfonso là một người rất nghiêm khắc trong khi bà Mona, vợ ông, mẹ của Pedro và Ella, là người hiền lành, ít nói nhưng lại có tầm ảnh hưởng lớn với mọi người trong gánh hát. Bà là người duy nhất trong đoàn biết đọc, biết viết và hiểu biết các huyền thoại lịch sử nên đám trẻ trong đoàn rất thích theo bà nghe kể chuyện. Ngoài ra, Mona cũng là người bào chế các vị thuốc, xem chỉ tay, bói bài, tiên đoán mọi việc bằng quả cầu pha lê.

Mona thường khuyên dạy chúng tôi nhiều điều. Bà dạy rằng bệnh tật bắt nguồn từ việc sống vô ý thức, buông thả và thái quá. Bệnh xuất phát từ trong thân thể do sự ăn uống, lo lắng, sợ hãi hay giận dữ quá độ. Bệnh cũng xảy ra do nguyên nhân bên ngoài như thời tiết nóng lạnh, khô ráo hay ẩm ướt. Nếu biết sống thuận theo tự nhiên, không lo lắng, buồn phiền hay ăn uống quá độ thì thân thể sẽ ít bệnh tật hơn.

Sống chung với nhau, đôi khi bọn trẻ chúng tôi cũng có những chuyện đụng chạm, gây gỗ và thường đến nhờ Mona phân xử. Những lúc như vậy, Mona sẽ khuyên chúng tôi: "Các con phải biết nhìn mọi sự trên đời như thời tiết. Xuân đến, cây cỏ nở hoa; Thu về, cỏ cây héo tàn. Việc gì cũng thế, đến thì sẽ đi, không gì kéo dài mãi được. Do đó, đừng để việc gì ảnh hưởng vào mình rồi sinh oán hận, buồn phiền. Các con phải học cách nhẫn nại, bất luận việc gì hay thử thách gì cũng phải tập chịu đựng, biết kiên nhẫn, khi vượt qua được thì sẽ yên ổn".

Trong lúc tập luyện để trình diễn, nếu có người tự hào khoe khoang về tài nghệ của mình, Mona sẽ khuyên: "Các con hãy nhìn đi, khi còn sống chim chóc ăn sâu bọ nhưng khi chết thì sâu bọ lại ăn chim chóc. Thời gian và hoàn cảnh luôn thay đổi, lúc thế này, khi thế khác, đó là sự tuần hoàn của đời sống. Không điều gì là mãi mãi, nên đừng bao giờ tự hào về mình mà làm thương tổn đến người khác. Cái gì có lên sẽ có xuống, có lúc vinh quang, thì cũng có khi nhục nhã. Do đó, bất cứ làm việc gì cũng phải khiêm tốn và nghĩ đến hậu quả trước khi hành động".

Khi có người thất vọng vì không tài giỏi như người khác, Mona sẽ khuyên: "Ai cũng có ưu và khuyết điểm. Nếu thấy mình không bằng người khác thì đừng ngại gì mà không học lấy cái hay của họ nhằm bổ túc cho cái dở của mình. Chỉ cần cố gắng thì chớ ngại gì cũng có thể vượt qua và đạt được nhiều thành tựu".

Khi đi qua các đô thị, nhìn những tòa lâu đài nguy nga, lộng lẫy và đời sống sung sướng, an nhàn, vinh hoa phú quý của giai cấp quý tộc, Mona dạy chúng tôi: "Các con đừng nhìn đời sống giàu có của giới quý tộc mà thèm muốn. Phải biết phân biệt rõ những gì mình cần và những gì mình muốn. Nếu đã có đủ mọi thứ cần thiết rồi thì phải biết hài lòng, bất cứ điều gì nhiều hơn cái mình cần chỉ là phần thưởng mà thôi. Có cũng được, không có cũng được và không phải ai cũng có. Đừng so sánh, ganh tỵ với những quý tộc giàu có, họ có quá nhiều thứ để mất nên lúc nào cũng lo lắng, sợ hãi. Chúng ta chẳng có gì để mất nên không có gì phải lo lắng cả. Đời sống là một

sự lựa chọn, nhưng nếu có quá nhiều chọn lựa, sẽ sinh ham muốn, được thứ này lại muốn thứ khác, không bao giờ là đủ. Từ sự ham muốn sẽ sinh ra tham lam và nhiều tật xấu, thù hằn, ghen tị dẫn đến đời sống bị phá hoại. Biết buông bỏ bớt thì cuộc sống sẽ hạnh phúc hơn, biết đủ thì đời sống không có gì phiền phức, rắc rối nữa.

Sau khi biết tôi mất mẹ từ nhỏ, Mona đặc biệt để ý săn sóc cho tôi nhiều hơn. Tuy bà là người "mẹ chung" của bọn trẻ trong gánh hát nhưng tôi cảm nhận được bà luôn tìm cách dạy dỗ, chăm sóc và dành thời gian cho tôi nhiều hơn. Tôi rất biết ơn Mona và cũng yêu thương bà. Tôi thường theo bà, nghe bà đọc và giảng Thánh kinh. Bà nói với tôi: "Không một cái gì trên đời có thể thay thế người mẹ vì người mẹ là biểu hiện của tình thương. Người mẹ là hiện thân của Thượng Đế, vì Ngài không thể săn sóc tất cả các đứa con của mình nên Ngài mới sinh ra người mẹ để làm chuyện đó". Bởi vì từ nhỏ đã không còn mẹ, tôi coi Mona như người mẹ mà Thượng Đế đã bù đắp cho mình.

Tôi sống cùng một chiếc xe với Pedro và năm đứa trẻ khác, tất cả đều là con của các thành viên trong đoàn. Mới đó mà tôi đã theo đoàn hát được hơn hai tháng, hằng ngày tôi theo mọi người làm những công việc lặt vặt như khâu vá, dựng rạp, dọn dẹp. Một hôm, khi đoàn hát đang quây quần ăn uống thì Gilbert, người chuyên biểu diễn phóng dao, nói với cậu Daniel:

- Tôi thấy thằng cháu của anh nhanh nhẹn, có thể học phóng dao được đấy. Cho nó theo tôi đi.

Cậu Daniel đồng ý, tôi cũng vui lòng. Từ đó, bên cạnh những công việc hằng ngày, tôi theo Gilbert học phóng dao. Pedro và các thanh niên khác thì học biểu diễn âm nhạc.

Thời điểm đó, Giáo hội nắm giữ quyền lực lớn nhất, độc quyền cả về sở hữu và sản xuất âm nhạc. Hầu hết các bản nhạc đều được soạn ra bởi các vị giáo sĩ vì chỉ những người này mới có quyền sáng tạo và duy trì bản thảo âm nhạc trong các tu viện. Âm nhạc được coi

là quà tặng mà Thượng Đế dành riêng cho họ, nên giới giáo sĩ không chấp nhận bất kỳ hình thức âm nhạc nào khác. Giáo hội coi những loại âm nhạc khác là vô đạo đức, coi thường quyền lực tôn giáo và yêu cầu triều đình thẳng tay trừng trị những ai sáng tác hoặc biểu diễn thứ âm nhạc này. Tuy thế, các nhạc sĩ được gọi là troubadour hay người hát rong, phần lớn là người Gitan, vẫn lén lút sáng tạo âm nhạc theo cách riêng của họ. Việc họ chọn sống đời lang bạt, rày đây mai đó cùng những gánh hát lưu động cũng là để tránh sự truy nã của triều đình. Âm nhạc của họ phần lớn dựa vào các truyền thuyết dân gian, một số sáng tạo ra những giai điệu sống động, chủ yếu ca tụng tình người, nhất là tình yêu nam nữ. Đây là loại âm nhạc bị Giáo hội lên án nặng nề nhưng lại được quần chúng yêu thích nhất. Alfonso là một trong những người hát rong tài năng và nổi tiếng trong cộng đồng Gitan. Ông có kiến thức sâu rộng và chịu trách nhiệm dạy âm nhạc cho bọn trẻ trong đoàn. Tôi cũng thường theo Pedro dự những buổi dạy của Alfonso để học lóm. Có lần, Alfonso nói với chúng tôi:

- Hầu hết âm nhạc của tầng lớp quý tộc đều thiên về các âm thanh lặp đi lặp lại, ngân thật dài để ca tụng thần linh hay vua chúa của họ. Người Gitan chúng ta sử dụng nhạc khí theo cách riêng. Ví dụ, khi gảy đàn luýt [5], họ thường dùng phím gảy, còn chúng ta gảy đàn bằng ngón tay, các con phải học cách gảy đàn này. Quý tộc sử dụng đàn luýt như nhạc khí phụ, đệm theo âm điệu của nhạc khí chính, còn chúng ta sử dụng đàn luýt như nhạc khí chính với âm thanh độc lập để bày tỏ cảm xúc, không chấp nhận sự kiềm chế của bất cứ ai. Chúng ta sử dụng nhạc khí bằng con tim để ca tụng tình người chứ không ca tụng thần linh, vua chúa. Do đó, khi sử dụng đàn luýt, các con phải để cho cảm xúc dẫn dắt, để cho những ngón tay rung động theo trái tim, tiếng đàn con gảy lên phải ngân vang, hòa nhịp với tiếng lòng. Âm nhạc được tạo ra bởi giai điệu và cảm xúc nên các con phải cảm nhận đúng cảm xúc của mình trong lúc gảy đàn thì mới tạo ra được thứ âm nhạc thực thụ. Muốn trở thành một nhạc sĩ, các con phải biết rung động với mọi sự xảy ra xung quanh để có thể nói lên những nỗi niềm, tâm tư, tình cảm của con người, vui cũng như buồn, hoan lạc cũng như khổ đau. Còn khi cất tiếng hát, các

con phải đặt hết tâm hồn vào lời ca và giai điệu, vì không có cách nào mở rộng và chạm vào trái tim người khác tốt hơn âm nhạc.

Tuy tôi không theo học âm nhạc, nhưng vẫn thường ngồi nghe Pedro tập đàn. Những giai điệu mà Pedro đang tập có gì đó rất thân thuộc và cuốn hút. Tôi có thể phân biệt được giai điệu Doria hùng tráng, oai phong, kêu gọi lòng can đảm, sự tự tin hay giai điệu Lydia nhẹ nhàng, tràn đầy tình cảm luyến lưu đến giai điệu Phrygia rõ rệt, trầm tĩnh và trang nghiêm.

Ella và những thiếu nữ khác trong đoàn thì học ca hát, nhảy múa và đóng kịch. Trong số đó, Ella là cô gái ca múa giỏi nhất. Ngay khi mới gặp Ella lần đầu, tôi đã có cảm giác quen thuộc lạ thường. Khi ấy tôi vẫn nghĩ cảm giác ấy đến từ việc cô là người đầu tiên lịch sự và giúp đỡ tôi khi tôi đến đây. Nhưng càng tiếp xúc lâu ngày, tôi càng có cảm giác như chúng tôi đã từng quen biết. Đặc biệt khi nhìn cô nhảy múa, tôi càng thấy quen thuộc, như thể trước đây từng nhìn thấy những vũ điệu này. Mỗi bước chân nhịp nhàng, từng cử chỉ uyển chuyển của cô vừa cuốn hút, vừa thân quen. Tất nhiên tôi không chia sẻ cảm giác này với ai, nhưng tôi vẫn thường tìm cơ hội xem Ella nhảy múa.

Suốt tuổi thơ quần quanh trong một ngôi làng hẻo lánh nên kiến thức của tôi rất hạn hẹp. Từ khi sống đời giang hồ cùng người Gitan, tôi mới chứng kiến được nhiều sự kiện khó tin, khiến tôi phải suy nghĩ về những điều được dạy bảo trước đây. Tôi thấy rõ sự tàn bạo của các lãnh chúa đối với dân chúng trong địa phận của họ, chứng kiến sự tham nhũng, hống hách, bá quyền của quân sĩ dưới trướng những lãnh chúa này. Chế độ phong kiến đòi hỏi người dân phải tuyệt đối trung thành với triều đình và lãnh chúa. Các lãnh chúa đều sống trong những lâu đài to lớn, xa hoa, lộng lẫy, được xây dựng bởi sức lao động của các nông nô. Họ đặt ra các luật lệ riêng cho vùng đất của mình nhằm chiếm đoạt tài sản và bóc lột triệt để sức lao động của người dân. Không những thế, các lãnh chúa còn luôn tranh giành, gây hấn nhằm chiếm đoạt đất đai của nhau. Để

duy trì quyền lực, đa số họ đều có lực lượng quân đội riêng và những người trung thành với lãnh chúa sẽ được phong tước hiệp sĩ.

Lúc đó, thế lực có uy tín và ảnh hưởng nhất là Giáo hội nên từ vua chúa đến lãnh chúa đều tìm cách liên kết với tòa Thánh nhằm nhận được sự ủng hộ chính danh. Do đó, vùng nào cũng cho xây cất nhiều giáo đường, tu viện rất lớn và trọng đãi các giáo sĩ. Để có tiền cho việc xây cất, các lãnh chúa đã đặt ra nhiều loại thuế tôn giáo, bắt dân chúng đóng góp tiền bạc hoặc công sức, bất chấp sự nghèo đói khốn khổ của họ. Tại nhiều lãnh địa, lãnh chúa ban các luật lệ vô cùng hà khắc, với những hình phạt nặng nề, gieo rắc sợ hãi nhằm đàn áp dân chúng. Với ảnh hưởng mạnh mẽ của Giáo hội, nhiều lãnh chúa bắt tay với các giáo sĩ để thi hành luật lệ. Việc quyết định có tội hay vô tội được coi là quyền của Thượng Đế, thông qua trung gian là các giáo sĩ. Tòa án thường được tổ chức trong nhà thờ, nơi có sự hiện diện của Thượng Đế. Tại một số nơi, luật pháp bắt tội nhân phải giao đấu với các hiệp sĩ để quyết định số phận. Cuộc đấu diễn ra trước sự chứng kiến của dân chúng. Người thắng được coi là vô tội, vì Thượng Đế đã cho họ thắng, kẻ thua là có tội và phải chịu chết dưới tay đao phủ. Đa số tội nhân đều là những người thường, ít ai có thể thắng trong cuộc giao đấu với những hiệp sĩ vừa có sức lực vừa sử dụng vũ khí thuần thực, biết bao cái chết oan ức đã xảy ra trong những trận đấu này. Cuộc đời phiêu bạt còn cho tôi chứng kiến sự thiệt thòi, vất vả của những người du cư. Đi đến đâu chúng tôi cũng phải đối mặt với sự sách nhiễu của quân lính địa phương. Mỗi khi chúng tôi đến một vùng đất mới, quân lính ở đó đều tìm cách khám xét, đòi hỏi lộ, đôi khi vợ vét đến chẳng còn gì. Những bất công, tàn bạo này khiến tôi bắt đầu hoài nghi và tự hỏi, tại sao đều là con của Thượng Đế mà người ta lại đối xử với nhau tàn bạo như thế? Chẳng phải Thượng Đế dạy phải yêu thương tất cả mọi người hay sao? Những giáo sĩ là sứ giả của Thượng Đế, tại sao có thể tiếp tay với những kẻ tàn bạo kia làm những việc trái với ý của Thượng Đế như thế?

Càng cùng nhau trải qua những vất vả, những thiệt thòi này, tôi càng gắn bó với mọi người trong gánh hát. Có một hôm, khi cả đoàn

dừng chân nghỉ ở ven rừng, Gilbert kéo tôi ra một góc, nói nhỏ:

- Jean này, cậu thấy Ella thế nào? Cậu có thích con bé không?

"Tại sao Gilbert hỏi vậy?", tôi tự hỏi. Bất ngờ và bối rối nên tôi không trả lời, chỉ nhìn ông một cách hoang mang. Sống chung với Pedro, anh của Ella, tôi cũng coi cô này như em gái của mình. Thấy vẻ ngờ ngác của tôi, Gilbert cười đầy ẩn ý:

- Gần đây cậu có nghe Ella hát không? Giọng hát của nó chất chứa nhiều cảm xúc hơn trước, đó là dấu hiệu của con gái khi vừa biết yêu.

Tôi phản đối:

- Con thấy lúc nào Ella cũng hát như thế mà.

Gilbert lắc đầu:

- Có lẽ vì cậu chưa hiểu gì về tình yêu nhưng ta thấy nó đã để ý cậu rồi. Con gái Gitan một khi đã yêu ai thì sẽ sống chết với mối tình đó. Cậu không nghe lúc này nó thường hát về mối tình của Eurydice [6] hay sao? Nó đang chờ đợi cậu tỏ thái độ đấy. Ta khuyên cậu đừng để lỡ mất cơ hội tốt đẹp này.

Hôm đó tôi không trả lời Gilbert mà tìm cách lái câu chuyện sang hướng khác, nhưng từ đó tôi đã bắt đầu để ý thái độ của Ella. Tôi nhận ra mỗi khi ca hát, Ella quả thật thường hướng ánh mắt về phía tôi. Ngoài những bài hát thông thường, Ella còn tự soạn những ca khúc ngắn, ca ngợi tình yêu khiến Alfonso cũng phải ngạc nhiên. Là thanh niên mới lớn, tôi cũng có những giây phút xao xuyến trước phái nữ nhưng trước cảm tình của Ella, tôi lại không thấy mình rung động. Dù tôi coi cô như em gái, nhưng tôi vẫn cảm nhận giữa tôi và cô có một khoảng cách rất lớn. Đôi khi, để được yên lòng, tôi tự nhủ khi gặp lại cha tôi, tôi sẽ không còn sống cùng Ella và những người Gitan này nữa mà sẽ sống cuộc đời của giai cấp quý tộc. Đó mới là

cuộc sống đích thực của tôi, tôi đâu thể ràng buộc với những người này đến hết đời.

Không lâu sau, gánh hát của chúng tôi đi đến một ngôi làng nhỏ, tôi và cậu Daniel được phân công đi tìm chỗ dựng sân khấu cho gánh hát biểu diễn. Đang đi thì cậu Daniel đột ngột đứng lại, chăm chú nhìn một người đàn ông mặc áo chùng đang ngồi dưới một gốc cây. Cậu Daniel thận trọng bước tới gần, rồi cậu đột nhiên kêu lên với giọng xúc động:

- Piere! Piere, có phải anh đấy không?

Người nọ ngẩng đầu lên nhìn chúng tôi, sau một giây bối rối, ông ta nhận ra cậu Daniel, mừng rỡ trả lời:

- Tưởng ai chứ! Hóa ra là anh.

Cậu Daniel bước đến bên người kia, hỏi dồn:

- Anh làm gì ở đây? Tôi nghe nói anh đi cùng Robert tham gia Thánh chiến, đã xảy ra chuyện gì? Tôi biết nó đã trở thành lãnh chúa rồi. Còn anh, sao anh lại ở đây một mình, lại còn mặc quần áo như giáo sĩ nữa? Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì.

Khi còn sống chim chóc ăn sâu bọ nhưng khi chết thì sâu bọ lại ăn chim chóc. Thời gian và hoàn cảnh luôn thay đổi, lúc thế này, khi thế khác, đó là sự tuần hoàn của đời sống. Không điều gì là mãi mãi, nên đừng bao giờ tự hào về mình mà làm thương tổn đến người khác. Cái gì có lên sẽ có xuống, có lúc vinh quang, thì cũng có khi nhục nhã. Do đó, bất cứ làm việc gì cũng phải khiêm tốn và nghĩ đến hậu quả trước khi hành động.

Piere giải thích, giọng u sầu:

- Bốn đứa chúng tôi rời làng tham dự Thánh chiến dưới quyền chỉ huy của Hiệp sĩ Theodor trong đội quân của Bá tước Ulrich. Trải qua nhiều trận đánh với quân Hồi, Bá tước Ulrich tử trận, trong bốn đứa thì chỉ còn Robert và tôi sống sót. Chúng tôi giải phóng đất Thánh, thiêu rụi thành phố của bọn Hồi, chiếm được vô số vàng bạc, châu báu. Khi trở về, triều đình ban phẩm vật và đất đai cho những người có công. Vì Bá tước Ulrich đã chết nên những người theo ông không được triều đình quan tâm, chỉ được ban cho đất đai tại các vùng xa xôi, hẻo lánh. Theodor được phong làm bá tước và ban cho vùng Verden. Ông dẫn theo vài người thân tín đến đất phong nhận thưởng. Trên đường, thừa lúc Theodor ngủ, Robert đã ám sát Theodor, rồi tự nhận mình là ông ấy. Vì có giấy chứng nhận của triều đình nên Robert nghiễm nhiên trở thành lãnh chúa vùng này. Sau đó, Robert gửi tôi vào tu viện học làm linh mục để giúp nó việc cai quản lãnh địa. Tuy nhiên, tôi đâu biết đọc hay viết, vào tu viện cũng chỉ làm việc quét dọn, lau chùi mà thôi. Sau nhiều năm sống trong tu viện, tôi thấy mình không thuộc về nơi đó nên đã trốn ra ngoài. Giờ tôi sống lang thang qua các làng mạc, chút kiến thức học được ở tu viện giúp tôi có thể đóng vai một linh mục.

Daniel gật đầu, gằn giọng:

- Thì ra là thế. Tôi vẫn thắc mắc làm sao một thằng thất học như Robert có thể trở thành lãnh chúa được. Hóa ra nó là đứa phản trắc. Nó còn món nợ với em gái tôi.

Daniel nhìn sang tôi rồi nói thêm với giọng tức giận:

- Babette đã chết từ lâu rồi nhưng con của nó và Robert ở đây. Tôi muốn đưa Jean đến gặp cha nó. Robert có trách nhiệm phải nuôi nấng và lo cho tương lai của con nó đàng hoàng, tử tế.

Piere lắc đầu:

- Không được đâu, Robert đang làm bá tước dưới tên Theodor, nó đã lập gia đình và có mấy đứa con rồi, làm sao nó lo cho con của Babette được.

Daniel tức giận:

- Khi xưa nó hứa hẹn với tôi đủ thứ, nó phải biết giữ lời, nếu không tôi sẽ cắt cổ nó.

Piere vừa lắc đầu vừa xoa tay:

- Không được, bây giờ không còn như xưa đâu. Làm sao anh gặp được nó? Làm sao anh vượt qua quân lính hộ vệ của nó được?

Daniel giật mình nhưng vẫn nói cứng:

- Tôi sẽ tìm cách...

Piere suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Thôi được rồi, nếu anh nhất định đi Verden tìm Robert thì tôi sẽ đi với anh. Tôi cũng có quen biết với người ở đó, sẽ tìm cách thu xếp cho hai cha con nó gặp nhau. Việc sau đó ra sao thì tùy anh quyết định.

Cậu Daniel mừng rỡ gật đầu:

- Thế thì tốt quá. Hiện nay chúng tôi đang đi cùng gánh hát Gitan, chúng tôi vừa dừng chân ở đây. Thời tiết bây giờ cũng dần ấm lên rồi, chúng tôi cũng định sau đợt biểu diễn ở làng này sẽ sắp xếp đi Verden. Bây giờ anh đi cùng tôi về gặp Alfonso, ông ấy là trưởng đoàn của chúng tôi, tôi phải xin phép để anh được gia nhập.

Piere cùng chúng tôi trở về gặp Alfonso. Ban đầu Alfonso thấy Piere ăn vận như linh mục, thì rất đề phòng và phản đối ông gia nhập. Cậu Daniel phải thuyết phục một hồi Alfonso mới đồng ý cho Piere ở lại. Từ đó, Piere nhập bọn với chúng tôi và không lâu sau thì cả đoàn

khởi hành hướng về Verden. Biết Piere là bạn chiến đấu của cha tôi, nên tôi chủ động kết thân với ông để hỏi chuyện. Từ nhỏ ông bà ngoại đã không thích nhắc về cha nên tôi không biết gì nhiều về ông. Cậu Daniel thì cứ nhắc đến cha tôi là nổi giận đùng đùng nên tôi cũng không muốn hỏi. Piere thì khác, ông rất quan tâm tới tôi và hay trò chuyện cùng tôi. Khi tôi hỏi chuyện ngày xưa của cha tôi, Piere thờ dài rồi kể:

- Có lẽ con không biết, khi xưa cậu Daniel của con cầm đầu một đảng cướp chuyên đánh phá, trộm cướp các làng mạc quanh vùng. Để tránh sự truy nã của pháp luật, anh ấy sống nay đây mai đó, ít khi có mặt trong làng. Babette, mẹ của con, là một thiếu nữ ngây thơ, bị Robert dụ dỗ đến mang thai. Tuy nhiên, Robert không chịu cưới nên đã gây ra nhiều tai tiếng, tổn hại danh dự cho gia đình. Hay tin, Daniel liền trở về làng, rạch mặt Robert, bắt nó phải làm đám cưới nếu không sẽ giết nó ngay tại chỗ. Robert phải cắt ngón tay út, thề lấy Babette và chăm lo cho con tử tế thì mới thoát chết được.

Tôi bàng hoàng đến lặng người. Không ngờ sự thật về gia đình tôi lại như thế. Bây giờ, tôi mới hiểu tại sao ông bà ngoại không thích nói đến người cha đã đi xa, mặc cho tôi nhiều gặng hỏi. Tôi đau đớn nhận ra rằng mình không phải là đứa con được sinh ra từ tình yêu của cha mẹ mà chỉ là kết quả của một cuộc tình vụng trộm, dẫn đến một cuộc hôn nhân bất đắc dĩ.

Piere nói tiếp:

- Đời sống lúc đó khổ lắm, hạn hán kéo dài mấy năm liền nên trong làng nhiều người đã chết đói. Lại thêm áp lực từ lãnh chúa bắt phải nộp đủ các loại thuế nên mọi người đều sống rất khổ cực. Do đó, khi có lời kêu gọi tham dự Thánh chiến với lời hứa hẹn tốt đẹp rằng sẽ được thưởng nhiều tiền bạc, đất đai thì đám thanh niên nghèo đói như bọn ta đều hăng hái tòng quân. Một phần vì muốn thoát khỏi cảnh khổ, phần khác hy vọng sẽ giàu sang và nếu có tội lỗi gì thì cũng sẽ được xóa sạch rồi khi chết sẽ được lên thiên đường. Không

ai ngờ là Jerusalem rất xa, phải mất hơn một năm mới đến được nơi này. Khi đến đất Hô, bọn ta bị bao vây trong sa mạc, thiếu lương thực, nước uống, vô số người chết đói, chết khát. May thay, đúng lúc tuyệt vọng thì quân tiếp viện kéo đến, bọn ta công phá vòng vây, tấn công vào Jerusalem. Khi vào trong thành, bọn ta được lệnh thẳng tay giết sạch dân ngoại đạo và gia đình của họ, bất kể người Hô hay người Do Thái. Những ngày sau đó, khắp nơi đều là chém giết, hãm hiếp, cướp bóc, đốt phá. Máu và xác người la liệt khắp đường phố. Khi vào đến trung tâm thành phố, nơi có đền thờ của người Hô, bọn ta hết sức sửng sốt vì ở đó có rất nhiều vàng bạc, châu báu và những thứ đồ quý giá mà cả đời ta cũng chưa từng được thấy.

Tôi ngạc nhiên ngắt lời Piere:

- Người Hô giàu có đến thế sao?

Piere gật đầu, xác nhận với giọng chua chát:

- Đúng thế. Bọn ta ai cũng bất ngờ, không ai biết những kẻ ngoại đạo kia lại giàu có, sung sướng đến thế, trong khi chúng ta, những đứa con của Thượng Đế thì sống nghèo túng, khốn khổ đến cùng cực.

Tôi ngập ngừng:

- Nhưng... nói vậy, các ông có khác gì cướp bóc đâu?

Piere không hề tỏ ra bối rối trước lời buộc tội của tôi:

- Bọn ta chiến đấu khổ cực cũng chỉ mong giàu sang. Vàng bạc của bọn Hô thì ai lấy chẳng được. Vậy nên, mọi người vứt hết vũ khí, giáp trụ để chất đầy vàng bạc vào người, bỏ cả vào các túi vải đeo trên vai. Tiếc thay, niềm vui ngắn chẳng tày gang. Hôm sau, quân sĩ được lệnh phải mang tất cả vàng bạc, đồ quý giá nộp lại cho triều đình. Kẻ nào bất tuân sẽ bị xử tử ngay. Điều này khiến mọi người ngỡ ngàng và vô cùng bất mãn. Tuy nhiên, bọn ta được hứa rằng

mọi thứ chiếm được sẽ được triều đình chia đều cho những người có công. Vậy là mọi người đành bùi ngùi nhìn chiến lợi phẩm được cất vào những hòm lớn rồi chất lên các cỗ xe mang về nộp cho triều đình. Không ai dám nghĩ tới việc động tới các cỗ xe này, vì chúng đều được canh giữ cẩn thận bởi những đội quân Hiệp sĩ dòng Đền tinh nhuệ.

Tôi ngạc nhiên:

- Nói vậy thì triều đình cũng đâu khác gì cướp bóc?

Piere bật cười:

- Sao con ngây thơ thế? Tài sản, của cải, vàng bạc, mọi thứ có giá trị chiếm được trong chiến tranh đều thuộc về phe chiến thắng. Là kẻ thắng trận, bọn ta có quyền chiếm tất cả để bù vào công lao chiến đấu khó nhọc bao năm trời.

Câu trả lời của Piere càng khiến tôi cảm thấy có gì đó không ổn. Nó hoàn toàn trái ngược với những gì tôi được dạy bảo, rằng "không được tham của người hay lấy những gì không thuộc về mình". Việc kẻ chiến thắng tự cho mình quyền cướp bóc, chém giết, hãm hiếp phụ nữ khiến cho tôi cảm thấy ghê tởm cuộc chiến này.

Piere thở dài:

- Tuy nhiên khi từ chiến trận trở về, bọn ta mới biết rằng chỉ hoàng thân, quý tộc mới được ban thưởng. Bọn lính quèn như bọn ta được cho giải ngũ về quê mà chẳng được gì. Khi ra đi, ai cũng hy vọng sẽ trở về trong vinh quang và giàu sang nhưng lúc trở về chỉ có hai bàn tay trắng với tấm thân đầy thương tích, tàn tạ, bệnh hoạn. Với tình trạng như thế, làm sao bọn ta có thể trở về với gia đình?

Từ trước đến giờ tôi luôn được dạy phải luôn trung thành với triều đình và các lãnh chúa nhưng nhiều năm sống trong cảnh bị áp bức, nay chứng kiến thêm sự tham lam và dối trá của triều đình, lòng tin của tôi đã xuất hiện ít nhiều vết nứt.

Piere kể tiếp với giọng chua chát:

- Khi xưa, bọn ta sống nghèo đói, thiếu ăn nên mới ghi danh tham dự Thánh chiến, coi đó là lối thoát duy nhất để có thể cải thiện đời sống. Nào ngờ bao nhiêu công lao hy sinh lại bị bọn quý tộc ngồi mát ăn bát vàng cướp đi trắng trợn. Ngay như Theodor, người chỉ huy của bọn ta, đã trải qua bao trận sinh tử để rồi cũng chỉ được ban cho vùng đất hẻo lánh Verden. Quá thất vọng nhưng bọn ta không biết làm gì hơn, đành theo Theodor đi nhận đất phong. Trên đường, Robert bàn với ta rằng dù Theodor có lên làm lãnh chúa thì bọn ta cũng vẫn chỉ là lính quèn, không thể giàu được, để thay đổi số phận, chỉ có cách chiếm lấy thân phận của Theodor. Đợi đúng lúc Theodor ngủ, Robert ám sát ông ta, cướp chứng thư ủy nhiệm, giả mạo Theodor để lên làm lãnh chúa đất Verden. Vì chuyến đi đó Theodor chỉ dẫn theo hai người thân cận là ta và Robert, nên việc này chỉ có hai người bọn ta biết mà thôi. Để giữ bí mật, khi lên làm lãnh chúa Robert đã gửi ta vào tu viện để học làm giáo sĩ và hứa xây cho ta một thánh đường lớn để cai quản dân chúng Verden. Nhưng ta vốn chỉ là một kẻ thất học, vào tu viện thì cũng chỉ có thể làm những việc vặt mà thôi. Đời sống trong đó buồn chán, khắc khổ nên sau một thời gian, ta bỏ trốn ra ngoài, sống lang thang rồi gặp con và Daniel.

Tôi buồn bã không nói nên lời. Hình ảnh người cha oai hùng chiến đấu vì lý tưởng mà tôi vẫn ấp ủ từ nhỏ giờ hóa thành một kẻ sát nhân, tham lam và phản trắc. Lý tưởng tốt đẹp về một cuộc chiến giải phóng thánh địa Jerusalem lại bị các vua chúa lợi dụng, biến thành một cuộc cướp bóc trắng trợn. Từ đó, tôi bắt đầu suy nghĩ về những điều đã được dạy bảo khi xưa, những giá trị mà mọi người công nhận. Tại sao thực tế lại khác xa những điều được dạy? Tại sao những người vẫn tự hào là con của Thượng Đế lại có thể làm trái với lời dạy của Ngài như thế? Sau nhiều đêm suy nghĩ không có lời giải, tôi mang điều này đi hỏi Mona, người tôi tin tưởng nhất hiện nay.

Sau khi nghe tôi trình bày, Mona im lặng một lúc rồi nói:

- Mọi giá trị về tốt xấu, đúng sai được đặt ra là nhằm tạo trật tự cho xã hội. Đó chỉ là những ước lệ mang tính tương đối và được mọi người chấp nhận mà thôi, nhưng chính con sẽ phải tự xác định điều gì là đúng, điều gì là sai rồi lựa chọn hành động cho mình. Dĩ nhiên đôi khi con sẽ gặp những trường hợp mơ hồ, khó xử, khiến con không quyết định được. Vì điều đúng ở nơi này lại có thể sai ở nơi khác, tại xứ này điều đó là tốt nhưng ở xứ khác điều đó lại là không chấp nhận được.

Tôi bồi rối:

- Vậy thì con phải dựa vào đâu để quyết định cho đúng?

Mona trả lời:

- Khi gặp trường hợp khó xử như thế thì ta khuyên con hãy quyết định theo tiêu chuẩn đạo đức bằng cách tự hỏi điều này có gây thiệt hại, thương tổn cho người khác không. Nếu làm gì cũng chỉ chăm chăm có lợi cho mình bất kể tổn hại người khác thì quyết định đưa ra chắc chắn là sai lầm.

Tôi hỏi Mona ngay:

- Nói vậy thì việc giết chóc, cướp đoạt vàng bạc, tài sản của bọn ngoại đạo là sai lầm sao?

Mona gật đầu:

- Đúng vậy. Theo ta, hành động đó thật sự rất đáng trách. Thượng Đế không bao giờ dạy các con của Ngài hành xử như thế. Họ đã quên hết những lời dạy bảo khi xưa, rằng phải biết tha thứ và yêu thương mọi người, dù là kẻ thù, bởi tất cả đều là con của Thượng Đế. Lòng tham đã khiến mọi người mù quáng, rời xa hẳn mục đích ban đầu, làm gì cũng chỉ muốn có lợi cho mình, làm sao để thu lợi được nhiều nhất, bất kể người khác thiệt hại ra sao. Lòng tham khiến mọi người không bao giờ biết đủ nên sẵn lòng làm bất cứ điều gì, kể cả việc chém giết, chiếm đoạt, cướp bóc, khiến đời sống ngày

càng tồi tệ hơn. Từ lòng tham sẽ dẫn đến tranh chấp, rồi đưa đến chiến tranh, mà dân chúng chính là tầng lớp phải chịu khổ nhất. Vua chúa và quý tộc chỉ nghĩ đến quyền lợi của họ, chỉ muốn gom góp vàng bạc, của cải, đất đai chứ đâu để ý gì đến những nỗi khổ mà người dân phải gánh chịu. Do đó, là một người con của Thượng Đế, con phải biết mở rộng lòng thương đến tất cả mọi người, bất kể họ là ai, và con không bao giờ được làm gì trái với lời khuyên của Ngài.

Lúc đó tôi không hiểu hết những gì Mona nói, nhưng tôi luôn ghi nhớ lời bà và thường ngẫm nghĩ về tình thương không phân biệt mà bà nói đến.

Đoàn chúng tôi vẫn cách Verden rất xa, nhưng tôi cũng không còn nôn nóng muốn gặp cha, ngược lại, tôi còn muốn đường đi dài hơn để có thể trì hoãn cái ngày phải đối diện với ông. Gánh hát vẫn thường chọn đi theo tuyến đường rừng để tránh sự quấy nhiễu của quân lính địa phương. Hôm đó chúng tôi đang sắp ra khỏi một khu rừng rậm thì thấy một đám khói đen bốc lên từ hướng ngôi làng phía trước. Cả đoàn thúc ngựa tiến về phía ngôi làng. Khi đến gần, chúng tôi bắt đầu lo lắng vì bầu không khí vắng lặng, ngột ngạt một cách lạ lùng. Không một bóng người, không một âm thanh. Chúng tôi do dự nhưng rồi Alfonso vẫn quyết định vào làng. Đi được một đoạn, chúng tôi thấy trước mặt là một đám đông đang tụ tập, có vẻ cả làng đã tụ lại đây, thảo nào bên ngoài lại vắng vẻ đến thế. Có tiếng la hét và cả tiếng khóc. Đến gần hơn thì tôi nhận ra đám đông kia đang la hét, xua đuổi một người. Người này mặc áo choàng rộng che kín từ đầu đến chân, tay cầm một cái chuông nhỏ kêu leng keng, chân bước đi vô cùng khó nhọc. Tôi cũng thoáng thấy hai người phụ nữ một già một trẻ đang ôm nhau kêu khóc phía sau đám đông. Trong lúc tôi vẫn đang ngạc nhiên, vừa định quay sang hỏi cậu Daniel thì đã nghe Gilbert hét lên với cả đoàn:

- Tất cả cẩn thận, đừng đến gần người đó.

Tôi hỏi:

- Tại sao vậy? Mọi người đang làm gì thế kia?

Gilbert trả lời với giọng căng thẳng:

- Người đó bị bệnh cùi. Con không thấy mọi người đang xua đuổi hắn sao?

Alfonso thấy vậy lập tức lệnh cho cả đoàn lùi lại, nép vào một bên. Gilbert giải thích thêm:

- Những người bị bệnh này phải cầm một cái chuông, liên tục rung lên để mọi người biết mà tránh xa, vì bệnh này không thể chữa được mà đến gần thì rất dễ lây.

Ngay lúc đó một cơn gió mạnh thổi qua làm chiếc khăn trùm lên mặt của người đó bị thổi bật ra phía sau. Tôi giật mình khi thấy một khuôn mặt đầy mụn nhọt với con mắt sâu hoắm, chiếc mũi xẹp xuống trông rất ghê rợn. Đám đông tiếp tục la hét, xua đuổi người đó ra khỏi làng. Đoàn hát dừng lại ở bên đường chờ đám đông xua đuổi người kia ra tận cánh rừng gần đó. Đợi căng thẳng lắng xuống Alfonso bắt chuyện với một người dân trong làng, hỏi:

- Kẻ bị bệnh cùi đó ở đâu đến sao?

Người kia lắc đầu:

- Không. Hắn là người làng này nhưng mắc bệnh nên bắt buộc phải sống tại những nơi dành riêng cho người cùi. Tuy nhiên vì nhớ gia đình nên hắn trốn ra, trở về nhà. Vì vậy chúng tôi phải đuổi hắn đi.

Vì Mona là người giỏi y thuật, chuyên bào chế các loại thuốc chữa bệnh nên tôi hỏi bà:

- Mona, bệnh cùi có thể chữa được không?

Mona lắc đầu:

- Rất tiếc, ta không biết cách chữa bệnh này. Bệnh tật thường được xếp theo nguyên nhân từ bên ngoài như gãy tay, trật xương, hay bên trong như bệnh bao tử, bệnh tim. Nếu đã biết nguyên nhân thì có thể chữa được. Tuy nhiên có những thứ bệnh lạ lùng, không ai biết nguyên nhân thì không thể chữa được. Ta cũng chưa nghe nói có ai chữa được bệnh cùi.

Nghe thế, Piere nói ngay:

- Các chứng bệnh lạ lùng ấy là do Thượng Đế trừng phạt đấy.

Mona ngạc nhiên:

- Piere, tại sao ông lại nói thế?

Piere giải thích:

- Hồi ở tu viện tôi nghe các linh mục nói rằng có những kẻ tôn thờ quỷ Satan, chống lại Thượng Đế nên Ngài trừng phạt bằng cách khiến cho họ mắc những căn bệnh không thể cứu chữa, như bệnh cùi chẳng hạn.

Mona lắc đầu:

- Tôi không tin. Thượng Đế thương yêu tất cả thì làm sao có chuyện Ngài trừng phạt con người như thế được.

Piere cãi:

- Bà không sống trong tu viện nên không biết điều này. Các linh mục còn dạy rằng khi nào có bốn kỵ sĩ khải huyền xuất hiện thì loài người sẽ bị tận diệt. Kỵ sĩ đầu tiên, người cưỡi ngựa trắng là kẻ chinh phạt, là quỷ Satan, dụ dỗ và kích động mọi người chống lại Thượng Đế. Kỵ sĩ thứ hai, người cưỡi ngựa đỏ, là kẻ gieo rắc thù hận, gây ra chiến tranh. Kỵ sĩ thứ ba, người cưỡi ngựa đen, đại diện cho sự khan hiếm lương thực, gây ra nạn đói, khiến người chết vô số kể. Kỵ sĩ thứ tư, người cưỡi ngựa xám chính là thần chết, mang đến vô số

kiểu tai ương chết chóc như ôn dịch, đói kém và giết chóc. Họ chính là đại diện cho ngày tận thế. Hiện nay quỷ Satan đã xuất hiện tranh đấu với Thượng Đế nên mới có các chứng bệnh không thể cứu chữa như thế, ít lâu nữa sẽ có các dịch bệnh ghê gớm hơn lan tràn khắp nơi rồi chiến tranh sẽ xảy ra, ngày phán xét cuối cùng sẽ đến. Khi đó chỉ một số rất ít người được cứu rỗi lên Thiên Đường còn phần lớn những kẻ xấu ác sẽ bị đày xuống địa ngục và sống ở đó mãi mãi.

Cả đoàn nghe Piere nói thế liền xôn xao, Mona ra hiệu cho tất cả im lặng. Bà nói với Piere:

- Tuy tôi không sống trong tu viện như ông, nhưng tôi tin Thượng Đế không bao giờ làm thế. Ngài dạy chúng ta yêu thương và Ngài yêu thương tất cả mọi người, không thể có chuyện Ngài trừng phạt con người một cách ghê gớm như thế được.

Piere lắc đầu vừa định phản đối thì Mona đã nói tiếp:

- Nếu không có tình thương của Thượng Đế thì vũ trụ sẽ tan rã. Không có tình thương thì không có trật tự, cái còn lại chỉ là một sự hỗn loạn vô tận. Không những Thượng Đế đã tạo ra vũ trụ, mà bằng tình thương, Ngài còn tạo ra loài người. Ngay như con của Ngài là Chúa Jesus cũng đã khẳng định: "Thượng Đế là tình thương".

Mona vừa nói đến đó, chẳng hiểu sao tôi nghe một luồng khí lực mạnh mẽ quét qua người tôi, khiến tôi run lên, choáng váng. Tôi có một cảm giác mơ hồ rằng mình đã từng nghe câu nói này trước đây. Piere nhún vai không đồng ý, nhưng có vẻ không muốn tranh luận thêm nên ông chỉ cười nhạt. Nhưng tôi thì rất quan tâm đến điều Mona vừa nói, nên đã hỏi bà:

- Nhưng Mona, nếu Thượng Đế là tình thương thì tại sao trên đời lại có những căn bệnh ghê gớm, không thể cứu chữa như thế?

Mona nhìn tôi rồi nói:

- Jean, Thượng Đế làm việc một cách âm thầm và bí mật nên ta không thể biết được những gì Ngài làm, nhưng ta tin Ngài hành động vì một lý do nào đó.

Tôi lại hỏi:

- Vậy các bệnh tật khác thì sao? Tại sao lại có bệnh tật?

Mona giải thích:

- Hầu hết mọi bệnh tật xảy ra đều do con người gây ra chứ không phải do ai khác, càng không phải do Thượng Đế. Bệnh tật bắt nguồn từ việc con người không sống thuận theo các luật lệ hài hòa và quân bình của tự nhiên. Đa số đều sống bằng cảm xúc, bị các cảm xúc như giận dữ, hận thù, ghen ghét, tham lam, ích kỷ chi phối nên bệnh tật theo đó mà kéo đến. Do đó việc chữa trị bệnh tật cũng phải thông qua việc kiểm soát các cảm xúc này, bắt đầu từ điều chỉnh cách ăn uống, tiết kiệm sinh lực, thay đổi cách sống, bớt hận thù, giận dữ, tham lam và ích kỷ, sau đó kết hợp sử dụng các liệu thuốc từ các loài thảo mộc, cây cỏ có dược tính để tái tạo sự quân bình cho cơ thể. Các mầm bệnh này đều liên quan đến các cảm xúc từ bên trong, chúng nằm sẵn trong con người chỉ chờ cơ hội thuận tiện để phát sinh. Những người không biết kiểm soát các cảm xúc tiêu cực như lo lắng, giận dữ, hận thù hay tham lam, ích kỷ đều mang sẵn những mầm bệnh này. Dĩ nhiên chúng không phát sinh ngay khi con người còn khỏe mạnh nhưng sẽ phát sinh khi cơ thể bắt đầu suy yếu và đến khi đó có thể quá muộn. Do đó muốn chữa bệnh cần phải chú ý đến cả hai yếu tố, sử dụng thuốc men cho điều hòa thân xác nhưng muốn chữa tận gốc thì phải quan tâm đến nguyên nhân bên trong. Nói khác đi, nếu chỉ chữa bệnh về mặt thể chất thì chưa đủ, mà còn phải lo cả phần tinh thần nữa.

Đúng lúc đó một người dân làng đi qua nói với Alfonso, tay chỉ về phía khu rừng bên kia làng:

- Khu rừng vừa rồi các ông đi qua thì không sao, nhưng nếu các ông đi tiếp qua cánh rừng bên kia thì phải cẩn thận. Đó là nơi sinh sống

của những người mắc bệnh cùi. Miền này tương đối hoang vu, xung quanh đều là rừng núi, nằm xa các thành phố lớn nên triều đình đã cho tập trung những người mắc bệnh cùi, bắt họ sống tại đây. Nhiều người mắc bệnh nhưng chưa phát tác đã trốn ra sống trà trộn với dân chúng nên nhiều người cùng bị lây.

Lời cảnh cáo của người kia khiến cả đoàn lo sợ và hoang mang. Alfonso quyết định chúng tôi sẽ đi vòng ra tuyến đường đồng cỏ thay vì đi đường rừng. Đoàn chúng tôi cũng không ở lại ngôi làng này mà chỉ thu gom một ít lương thực rồi lập tức rời đi. Nhưng chỉ mấy hôm sau, đoàn chúng tôi lại chạm trán với một nhóm người mắc bệnh cùi. Hôm đó, gánh hát đang di chuyển ngang một cánh đồng thì nghe từ xa vọng lại những tiếng chuông leng keng. Alfonso lập tức cảnh giác, lệnh cho cả đoàn di chuyển lên một gò đất cao để tránh. Khi đã giữ một khoảng cách an toàn, chúng tôi dừng lại, nhìn về hướng phát ra tiếng chuông thì thấy một đoàn người mặc quần áo trùm kín từ đầu đến chân, di chuyển theo hàng. Họ vừa đi vừa lắc chuông, vừa đồng thanh hô lớn: "Chúng con là những kẻ có tội". Đợi họ đi khuất, Gilbert giải thích:

- Đó là những người mắc bệnh cùi đang xin chuộc tội. Họ còn thường tự hành hạ thân xác mình bằng cách sử dụng những que sắt nóng dí vào thân thể, một phần để chữa ngứa ngáy trên thân thể, một phần để xin chuộc tội.

Piere nghe thế lại nhắc lại:

- Đó là những kẻ tin theo quỷ Satan nên Thượng Đế đã trừng phạt họ.

Mona lập tức phản bác, giọng điệu của bà thể hiện rõ sự bất bình:

- Làm sao ông biết họ bị trừng phạt? Thượng Đế vốn nhân từ, làm gì có việc Ngài làm thế chứ.

Piere cũng không chịu thua, ông hỏi vặn:

- Làm sao bà biết họ không phải đang bị trừng phạt? Nếu không phải Thượng Đế thì ai có thể tạo ra các thứ bệnh tật ghê gớm như thế được? Lúc này quỷ Satan đã xuất hiện, khiến nhiều người mất niềm tin vào Thượng Đế, không còn biết phải trái nữa mà chỉ biết tranh giành, lừa đảo, cướp đoạt mọi thứ có thể. Người ta đang làm mọi việc xấu xa, bất chấp luân lý đạo đức. Các tranh cãi từ trong gia đình đã lan ra xã hội, không ai còn kiêng nể gì nhau nữa. Chồng không ra chồng, vợ không ra vợ, con cái hư hỏng, lêu lổng tụ tập cướp phá. Vì mọi người đều mê muội nên tình trạng bạo động xảy ra khắp nơi đấy thôi.

Mona lộ rõ vẻ bất mãn, nhưng vì không muốn tranh cãi với Piere nên bà quay sang bọn trẻ chúng tôi và nói:

- Theo ta, khi một biến cố nào đó xảy ra thì người ta rất dễ đổ lỗi cho ai đó khác. Nhưng tình trạng loạn lạc của xã hội là do con người mù quáng, tham lam tranh giành chứ không phải Thượng Đế trừng phạt ai hết. Lúc làm chuyện xấu thì không chịu suy nghĩ, cứ làm bừa bãi bất kể mọi sự nhưng khi hậu quả xảy đến thì chỉ biết lạy lục cầu xin, mong được chuộc tội. Liệu có ích gì? Do đó, điều các con cần nhớ là đừng bao giờ làm gì mà không nghĩ đến hậu quả.

Gánh hát tiếp tục di chuyển lên miền Bắc về hướng Verden. Từ tin tức thu thập được từ những người qua đường, chúng tôi biết được dịch bệnh hiện nay đang hoành hành ở khắp nơi, người chết, người bị đày nhiều vô kể. Không ai biết nguồn gốc của dịch bệnh. Có đủ loại tin đồn xuất hiện, trong đó đa số tin rằng đây là sự trừng phạt của Thượng Đế. Trong khi nhiều người sợ hãi tìm cách sám hối mong được chuộc tội thì cũng có không ít người mất niềm tin, xoay ra làm đủ việc xấu xa, bất kể luân lý, không màng đạo đức. Đối diện với cái chết đe dọa, nhiều người chẳng còn kiêng nể gì nữa mà muốn làm gì thì làm. Bao giận dữ chất chứa tuôn ra, hận thù dâng cao. Mọi người đều như điên cuồng, ẩu đả và bạo động xảy ra khắp nơi. Toàn thể trật tự xã hội đã hoàn toàn lung lay.

Một lái buôn đi nhiều nơi kể với chúng tôi rằng ngay cả trong triều đình cũng không tránh được dịch bệnh. Vua chúa và quan lại cũng có người mắc bệnh, khiến sự nghi kỵ và đối đầu diễn ra vô cùng căng thẳng. Thêm nữa, triều đình đã kêu gọi người dân tham gia cuộc Thánh chiến mới dù dư âm của trận chiến cũ vẫn còn đây, khiến lòng người càng thêm rối loạn.

Gánh hát chúng tôi đến Verden vào buổi chiều. Alfonso cho dừng ngựa để hạ trại tại cánh đồng ở rìa địa phận Verden rồi để tôi và Daniel vào thành phố. Dù từ nhỏ tôi vẫn luôn ao ước gặp được cha nhưng sau khi nghe câu chuyện Piere kể về ông, mọi hy vọng và háo hức khi xưa của tôi đã dần tan biến. Tuy ông là người sinh ra tôi, nhưng ông đã bỏ đi từ khi tôi còn nhỏ, liệu ông có còn nhớ gì đến tôi, liệu ông có muốn nhận lại tôi? Liệu ông có phải là người cha mà tôi hằng mơ ước? Khi tôi quyết định rời nhà theo cậu Daniel, ngoài mục đích được nhận lại cha, tôi còn âm thầm mơ đến một đời sống thoải mái, sung sướng hơn của giai cấp quý tộc, nhưng đến lúc này, tôi bỗng thấy đầy hoài nghi. Nếu cha tôi không nhận lại tôi thì sao? Tôi nghĩ lại thời gian chung sống cùng những người Gitan, lang thang từ nơi này qua nơi khác, lúc đói, lúc no, khi vui, khi buồn, và tôi bỗng cảm thấy một niềm tiếc nuối sâu sắc, tựa như tôi sắp mất đi một cái gì quý báu. Những người Gitan này đã chấp nhận tôi, đối xử với tôi như những người trong gia đình. Nhưng nếu tôi trở thành người quý tộc, hẳn nhiên tôi không thể có quan hệ gì với những người lang thang, bị xã hội coi thường như họ. Tôi thoáng nghĩ tới Ella và tình cảm mà cô dành cho tôi. Ngay từ đầu, ước muốn trở thành người quý tộc đã ngăn tôi có bất kỳ tình cảm gì với cô, càng không thể đáp lại tình cảm của cô.

Đang chìm trong những suy nghĩ rối bời, tôi chợt nghe thấy tiếng hô của một người đàn ông. Một người nông dân đã già đánh xe ngựa ngang qua đoàn chúng tôi đã dừng lại, ông nói với Alfonso:

- Nay các ông, các ông nên đi nơi khác trình diễn đi. Ở đây không ai đến xem đâu. Nơi này đã không còn an ninh nữa.

Alfonso ngạc nhiên:

- Tại sao thế, năm ngoái chúng tôi đã từng trình diễn tại đây mà đâu có chuyện gì?

Người này lắc đầu nói:

- Hiện nay mọi sự khác rồi.

Nhìn vẻ ngạc nhiên của chúng tôi, ông giải thích:

- Khi triều đình lần nữa kêu gọi tiến hành Thánh chiến, vị lãnh chúa nơi đây đã ra lệnh mọi trai tráng trong vùng phải tham gia. Có lẽ ông cũng biết, trong cuộc Thánh chiến lần trước, những người ra đi không mấy ai trở lại. Nhưng vì đó là lệnh triều đình, được Giáo hội công nhận nên lần này dân chúng cũng phải nghe theo. Không ai ngờ sau khi trai tráng ra đi, lãnh chúa đã lộ rõ dã tâm tham lam của mình. Ông ta thu dụng hầu hết ruộng vườn của các gia đình không còn trai tráng. Mặc dù ông ta cũng phân chia một số đất đai cho dân chúng trồng trọt để sống nhưng thật ra ông chỉ lợi dụng cơ hội để thu vét các nông sản và tích trữ trong kho thực phẩm của mình. Năm nay lại hạn hán, mùa màng thất thu, dân chúng đói khổ, nhiều người chết đói... Đời sống tại Verden lúc này khổ sở lắm. Vậy mà lãnh chúa vẫn thẳng tay thu thuế để làm giàu cho đời sống huy hoàng của mình và những gia đình quý tộc ủng hộ ông ta.

Cậu Daniel tiến lên hỏi:

- Nhưng có chuyện gì xảy ra mà nơi này không còn an toàn?

Người đàn ông thở dài:

- Vừa qua, có một số người tham dự Thánh chiến sống sót trở về. Họ chẳng được triều đình ban thưởng gì, một số còn mang thương tật, nên vô cùng bất mãn. Khi thấy nhà cửa, ruộng đất của mình đã bị thu dụng, gia đình vợ con đói khổ thì họ vô cùng giận dữ. Một nhóm phát động nổi loạn, rồi đông đảo người hưởng ứng theo. Họ

thi nhau đốt phá các kho chứa nông sản của lãnh chúa. Quân sĩ được gửi đến để giữ trật tự nhưng không chống nổi những người từ chiến trận trở về đang sục sôi lửa giận. Trong trận giao tranh, lãnh chúa đã bị thương nặng, quân sĩ không người chỉ huy nên đã tan rã. Một số quân sĩ cũng đã bắt măn sẵn nên thuận theo chiều hướng bất lợi này mà xoay qua làm giặc cướp. Hiện nay, nơi đây không còn phân biệt ai là giặc ai là lính, dân chúng cũng tràn ra đường đập phá, cướp kho chứa thực phẩm, tình trạng hỗn loạn vô cùng. Pháp luật không còn tồn tại ở đây, các ông nên đi nơi khác thì hơn.

Daniel suy nghĩ rồi nói với tôi:

- Nếu quân sĩ không còn bảo vệ lãnh chúa thì muốn gặp cha con cũng dễ hơn. Nhưng hấn đã thất thủ rồi, con có còn muốn gặp hấn không?

Tôi do dự một chút rồi cũng gật đầu. Alfonso nghe vậy liền nói:

- Daniel, nhanh chân đưa Jean đi gặp cha nó, giao cho hấn rồi trở về đây ngay. Ta không muốn dừng lại nơi bất ổn như thế này quá lâu.

Tôi bị rịn từ giã các bạn trong gánh hát, những người coi tôi như gia đình. Pedro xúc động nắm chặt tay tôi trong khi Ella khóc sụt sướt. Mona ôm lấy tôi, dịu dàng nói:

- Ta mừng cho con gặp lại cha mình nhưng hãy nhớ chúng ta cũng là gia đình của con.

Daniel và Piere đưa tôi vào thành phố. Đi đến đâu cũng gặp cảnh hoang tàn, đổ nát. Chúng tôi len lỏi qua các khu phố hẹp để tránh các cuộc ẩu đả đang diễn ra. Mất nhiều thời gian chúng tôi mới đến được lâu đài của lãnh chúa. Khi đến nơi, khác với cảnh tượng uy nghi thường thấy ở các lâu đài lãnh chúa, nơi đây không một bóng quân sĩ canh gác, khắp nơi là dấu vết giao tranh. Cậu Daniel ra hiệu cho tôi cẩn thận, chúng tôi thận trọng len vào trong. Vào đến bên

trong, chúng tôi thấy một toán người đang hối hả khuân vác mọi thứ chạy ra ngoài. Cậu Daniel níu một người lại hỏi:

- Chuyện gì vậy?

Người kia trả lời:

- Lãnh chúa chết rồi, quân đội tan rã, lúc này mạnh ai lấy được gì thì lấy. Các ông muốn tranh thủ cơ hội thì nhanh lên.

Nói xong người kia chạy đi mất hút. Cậu Daniel kéo tôi vào sảnh đường, nơi nhiều người đang reo hò, đập phá, tháo gỡ các thứ quý giá mà họ có thể lấy được. Cậu Daniel tiếp cận một người trong đám đó và hỏi lãnh chúa đang ở đâu. Theo tay chỉ của người này, chúng tôi liền men theo hành lang dẫn đến căn phòng, nơi có một người phụ nữ đang gục đầu khóc bên cạnh chiếc ghế lớn. Ngồi trên đó là một người đàn ông to lớn, trên mặt có vết sẹo dài từ trán xuống cằm.

Cậu Daniel kéo tôi đến gần rồi quát lên với người đàn ông kia:

- Này Robert, mày có nhận ra tao không?

Dưới ánh nến chập chờn, tôi thấy rõ trên mặt và cổ người này đầy những vết thương, máu me be bét. Tôi kinh hãi không nói nên lời. Cậu Daniel chỉ vào tôi:

- Robert, mày có biết thằng nhóc này là ai không?

Người kia ngược mắt nhìn tôi nhưng cặp mắt đã lờ đờ, mất hết sinh khí. Người phụ nữ cạnh đó lên tiếng:

- Người là ai mà dám ăn nói với chồng ta như thế? Robert là ai? Đây là lãnh chúa Theodor, các người nên liệu hồn.

Cậu Daniel bật cười:

- Bà hãy hỏi chồng bà xem chúng tôi là ai? Này Robert, mà hãy nói cho vợ mà biết...

Bất chợt người đàn ông trên ghế thêu thào, run rẩy:

- Đứng... Đứng... Babette, ta biết ta có lỗi, em đừng kéo ta xuống đó.

Người phụ nữ kia ngạc nhiên hỏi:

- Theodor! Theodor! Anh làm sao vậy? Anh đang nói gì vậy? Ai là Babette?

Cậu Daniel cũng nghi hoặc:

- Mà đang nói gì thế? Babette chết từ lâu rồi, chỉ có thằng con mà ở đây thôi. Nhìn đi!

Người kia mở mắt trừng trừng:

- Không... Babette đang đứng ở góc kia kìa.

Chúng tôi nhìn quanh, nhưng không có ai khác trong phòng. Người phụ nữ đang quỳ bên chân Robert hoảng loạn nói:

- Em là Agnes đây, Theodor. Anh làm sao thế?

Người đàn ông thở hổn hển như sợ hãi một điều gì, rồi đột nhiên rú lên:

- Theodor, xin ông... Tha cho tôi... Tôi không muốn chết...

Piere lo lắng nhìn quanh rồi lẩm bẩm:

- Lạy Chúa, nó nhắc đến tên hiệp sĩ Theodor.

Người kia vẫn xin:

- Tha cho tôi... Xin ông, Theodor, tha cho tôi...

Trước tình cảnh điên loạn của người đàn ông, cậu Daniel lắc đầu:

- Tao muốn cho thằng Jean gặp cha nó, rồi cha con mày lo lắng cho nhau. Không ngờ...

Piere cúi sát xuống ngực người kia nghe ngóng rồi lắc đầu:

- Vết thương nặng quá, hơi thở đã yếu lắm rồi, khó có thể sống được.

Người kia hơi thở ngày càng nặng nhọc, khuôn mặt trắng nhợt, nhưng vẫn không ngừng lẩm bẩm:

- Xin giúp tôi, đừng cho chúng kéo tôi đi... Tôi không muốn đi... Xin đừng kéo tôi xuống đó.

Tôi đứng chết trân, toàn thân tê liệt. Đây là người cha mà tôi vẫn luôn ao ước được gặp sao? Đây là người đã sinh ra tôi sao? Sao tôi cảm thấy xa lạ đến vậy? Ông thấy gì trong lúc gần đất xa trời như thế? Ông thấy mẹ tôi, người ông đã phụ bạc và khiến bà chết đi trong cô độc sao? Ông thấy Theodor, người coi ông là thân tín nhưng ông đã phản bội và sát hại để cướp thân phận lãnh chúa sao? Rốt cuộc cha tôi đang cảm thấy gì trong giây phút cuối đời này? Ông có nhận ra tôi không? Ông có từng nhớ tới tôi không? Bao câu hỏi tiếp tục xoay chuyển trong đầu tôi mà chẳng có cách nào thoát ra. Daniel quan sát sắc diện của Robert rồi nói với tôi:

- Cha con sắp chết rồi, con muốn nói gì thì nói đi. Chúng ta không có lý do gì để lưu lại đây nữa. Phải nhanh chóng rời khỏi.

Tôi muốn nói vài câu với cha nhưng cổ họng cứ nghẹn lại, nên tôi cứ đứng đó nhìn ông giãy giụa trong sợ hãi cho đến khi mắt ông trợn ngược, hơi thở lịm đi. Ông đã chết.

Liền lúc đó có tiếng chân bước dồn dập kéo tới, rồi một đám người chạy vào phòng. Thấy lãnh chúa đã chết, họ bắt đầu đua nhau tháo gỡ những đồ trang hoàng trong phòng, có kẻ còn cố gắng tháo chiếc nhẫn trên tay của ông. Một người quát lớn:

- Đem xác tên khốn này treo ở quảng trường cho mọi người xem đi.

Đám đông liền xúm lại, lôi xác ông ta đi. Người phụ nữ tên Agnes xông đến, cố cản đám người đó lại nhưng đã bị một người khác túm lấy tóc, xô ngã xuống đất.

Tôi định xông lên cản nhưng cậu Daniel lập tức ngăn lại:

- Đừng làm chuyện ngu ngốc. Trong tình thế này, không làm được gì nữa đâu. Mau đi thôi, không thể ở đây thêm được nữa.

Cậu Daniel kéo tôi ra khỏi phòng. Tôi bước đi như người bị mộng du vì vẫn còn xúc động bởi hình ảnh người cha vừa ra đi trong đau đớn kia.

Piere hỏi:

- Anh định đưa nó trở về với gánh hát hay sao?

Cậu Daniel nói vội:

- Thăng Robert chết rồi, ở đây nguy hiểm. Ra khỏi đây rồi tính sau.

Ra đến đường phố, tình hình đã tồi tệ hơn rất nhiều. Mọi thứ đều đã đổ nát, đám đông thì dường như đã phát điên. Tiếng kêu khóc, tiếng la hét, tiếng vũ khí chạm nhau nghe vô cùng ghê rợn. Tôi nghe rõ có người kêu lớn:

- Giết bọn quý tộc, giết hết bọn quý tộc!

Chúng tôi gặp một đám quân sĩ đang lôi kéo một số phụ nữ, mặc cho những người này kêu la, gào khóc thảm thiết.

Piere hoảng hốt nói:

- Chúa ơi, mọi người điên loạn hết rồi.

Cậu Daniel bình tĩnh:

- Tìm đường tránh đi, phải trở về gánh hát ngay.

Chúng tôi cắm đầu chạy về phía cánh đồng nơi đoàn xe của gánh hát đang dựng trại. Đến gần, cậu Daniel hét lớn:

- Dỡ trại đi. Rời khỏi đây ngay.

Alfonso ngạc nhiên:

- Hai người đã gặp cha của Jean chưa?

Daniel hỏn hển đáp:

- Chuyện này để sau hãy nói. Ở đây không an toàn, phải đi ngay. Đi ngay!

Mọi người hốt hoảng vội vã thu dọn mọi thứ và thúc ngựa ra khỏi Verden. Vừa đi được một quãng ngắn, chúng tôi chạm trán với một nhóm quân sĩ đang lục xét, cướp bóc của những người dân chạy loạn. Tiếng người kêu khóc vang rền. Chúng tôi chưa kịp quay xe đi hướng khác thì một tên lính đã nhìn thấy, hấn kêu lớn:

- Nhìn kia, bọn Gitan đấy, bắt chúng lại ngay.

Alfonso vội vã kéo ngựa quay sang hướng khác để tìm lối thoát nhưng đám lính đã xông đến. Gilbert và Daniel rút gươm ra kháng cự để đoàn hát có cơ hội chạy thoát. Tôi cũng nhanh chóng nhảy ra khỏi xe để tiếp viện. Gilbert không cầm cự được lâu, sau khi phóng hết số dao trên người, ông bị trúng liền mấy mũi giáo. Cậu Daniel vốn thiện chiến hơn nên hạ được mấy tên lính nhưng sau đó cũng bị bao vây bởi đám lính hung hăng khác. Tôi không có kinh nghiệm chiến đấu nên vừa xông vào đã bị trúng mấy nhát giáo, máu tuôn xối

xả. Một người lính thúc ngựa chồm lên khiến tôi ngã xuống đất. Hấn quay ngựa lại toan bồi thêm một nhát kiếm chí mạng nhưng ngay lúc đó, tôi vùng lên túm tay y kéo ngã xuống đất. Tiện đà, tôi nhảy lên bám vào cổ ngựa. Con ngựa nhảy chồm lên rồi phóng như điên ra khỏi đám người đang đánh nhau. Tôi không kịp con ngựa lại được, nó tiếp tục băng qua những người đang chạy loạn trên đường. Có lẽ vì mất máu quá nhiều nên đầu óc của tôi trở nên quay cuồng, ý thức dần dần mất đi, sau đó tôi không còn biết gì nữa...

Thánh chiến hay Thập tự chinh là loạt chiến tranh tôn giáo được tiến hành bởi các quốc gia theo Thiên Chúa giáo chống lại người Hồi giáo tại Trung Đông và Bắc Phi. Mục đích là chiếm lại Jerusalem và khu vực quanh đó, vùng được gọi là đất Thánh. Đây là khu vực luôn trong tình trạng căng thẳng bởi nó được coi là Thánh địa của cả ba tôn giáo: Hồi giáo, Do Thái giáo và Thiên Chúa giáo.

Hầu hết các tài liệu lịch sử thời Trung cổ (Middle Age) đều được viết bởi các sử gia châu Âu nên ít nhiều đều có thành kiến. Nhiều người tin rằng Thánh chiến là cuộc chiến chính nghĩa, giải phóng Jerusalem khỏi tầm kiểm soát của Hồi giáo. Mặc dù Giáo hoàng John Paul II đã ngỡ ý thương tiếc về những việc đã xảy ra trong quá khứ, khi những người Thiên Chúa giáo và Hồi giáo tàn sát lẫn nhau, nhưng cho đến nay nhiều người vẫn còn tranh cãi về cuộc chiến kéo dài gần ba thế kỷ này. Nhìn vào bối cảnh lịch sử khi đó, ta có thể thấy sau sự sụp đổ của đế quốc La Mã, toàn thể châu Âu đã rơi vào suy thoái và hỗn loạn. Tình trạng loạn lạc, vô trật tự diễn ra khắp nơi khi các vua chúa, lãnh chúa gây chiến lẫn nhau để tranh giành đất đai và quyền lực. Hai quốc gia hùng mạnh lúc đó là Anh và Pháp đã trải qua các cuộc chiến với nhiều thiệt hại. Quốc khố cả hai nước đều cạn kiệt, kinh tế sa sút, mùa màng thất thu, sự bất mãn trong dân chúng gia tăng vì sưu cao, thuế nặng. Trong khi đó, đế chế Hồi giáo gồm nhiều bộ lạc đoàn kết lại nhờ sức mạnh tôn giáo, trải dài từ Ấn Độ qua đến Tây Ban Nha, đang ở giai đoạn phát triển thịnh

vượng, kiểm soát hoạt động thương mại và buôn bán từ châu Á như Trung Hoa, Ấn Độ và Bactria. Các đô thị như Cairo, Baghdad, Damascus trở thành các trung tâm thương mại nhộn nhịp, sầm uất. Dân chúng bốn phương đều kéo về đây tạo thành một xã hội thịnh vượng. Mọi hoạt động như văn chương, thơ phú, âm nhạc và khoa học cũng phát triển rộng rãi.

Vào lúc đó, người Seljuk Hồi giáo đang bành trướng thế lực ở vùng Tiểu Á nên những người Kitô giáo của Đế quốc Byzantine (Đông La Mã) đã kêu gọi viện trợ từ Tây Âu. Giáo hoàng Urban II liền kêu gọi một cuộc chiến quân sự, đánh đuổi những kẻ ngoại đạo ra khỏi đất Thánh. Các binh sĩ tham dự cuộc chiến đều mặc áo thập tự đỏ, được gọi là thập tự quân. Có tất cả tám cuộc Thánh chiến lớn, kéo dài gần ba thế kỷ và hàng trăm cuộc chiến nhỏ tại vùng biên giới nhằm kiểm soát con đường từ châu Âu đến Jerusalem.

Nói thêm, Jerusalem là thánh địa linh thiêng của Do Thái giáo. Truyền thuyết Do Thái tin rằng đây là nơi Vua David đã chọn để xây đền thờ từ thế kỷ X trước Công nguyên. Địa điểm này cũng cực kỳ quan trọng đối với người Kitô giáo, vì nơi đây là nơi Chúa sinh ra, giảng đạo, bị đóng đinh và phục sinh. Jerusalem cũng giữ một ý nghĩa quan trọng với đạo Hồi vì nó là địa điểm để lên thiên đường của nhà tiên tri Muhammad, người mà người Hồi giáo tin là vị tiên tri quan trọng nhất của Thánh Allah. Kể từ khi người Hồi giáo xuất hiện tại đất Thánh vào thế kỷ VII, vùng đất này đã luôn là địa điểm căng thẳng với những giằng co, tranh chấp không ngừng giữa các tôn giáo này.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ NHẤT (1096 - 1099)

Vào lúc đó người Thiên Chúa giáo hành hương đến Jerusalem thường gặp giặc cướp mà sử sách châu Âu gọi là "giặc Hồi". Giáo hoàng Urban II, đáp lại lời kêu gọi viện trợ từ Đế quốc Byzantine (Đông La Mã), đã triệu tập một Hội đồng tại Clermont kêu gọi các vương quốc châu Âu gửi quân đội đi giải phóng đất Thánh khỏi tay bọn ngoại đạo. Đây cũng là dịp để các vua chúa vương quốc Âu

châu tậm gác các tranh chấp khi xưa vì đã có kẻ thù chung. Trong khi triều đình đang chuẩn bị chiến tranh thì lòng nhiệt thành tôn giáo khiến dân chúng, phần lớn là thành phần nông dân, thợ thuyền đã tự động vũ trang đi giải phóng đất Thánh. Nhóm quân ô hợp này đã bị thăm sát nặng nề bởi đội quân của Hồi giáo. Mặc dù gặp nhiều thất bại nhưng nhiều cuộc chiến nhỏ vẫn tiếp diễn liên tục trong suốt ba năm liền với nhiều phe cánh tham gia. Sau cùng, đoàn viễn chinh chiến thắng kéo vào Jerusalem, tàn sát hầu hết những người Hồi giáo và Do Thái giáo tại đó. Godfrey, một trong những tướng lĩnh của cuộc viễn chinh được phong làm vua nhưng ông từ chối phong hiệu này, vì ông không muốn đội một vương miện vàng tại xứ sở mà Chúa Jesus đã từng phải đội vòng gai. Godfrey sau đó được phong là "Người bảo vệ mộ thánh" (Advocatus Sancti Sepulchri). Những lãnh tụ khác cũng chiếm cứ đất đai quanh đó, thành lập các vương quốc nhỏ được gọi chung là "Các quốc gia Thập tự chinh" (Crusader states).

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ HAI (1146 - 1149)

Sau cuộc Thập tự chinh thứ nhất, giành lại được Jerusalem, người Tây Âu ở khắp nơi đổ về đất Thánh hành hương ngày một nhiều. Với danh nghĩa bảo vệ những người hành hương này, một đội quân với tên gọi Đoàn quân chiến hữu nghèo của Chúa và đền Solomon (The Poor Fellow-Soldiers of Christ and of the Temple of Solomon) được thành lập vào năm 1118 tại Pháp. Nhóm này sau đổi tên thành Hiệp sĩ dòng Đền (Knights Templar) và sau đó được công nhận là một dòng tu. Lực lượng này lập nhiều chiến công trong các cuộc Thập tự chinh nên nhanh chóng tạo dựng thế lực và tích trữ nhiều vàng bạc rồi trở nên giàu có. Cuộc chiến giữa lực lượng này và người Hồi tiếp tục kéo dài trong nhiều năm, gây thiệt hại cho cả hai bên. Sử sách Hồi giáo viết rằng những Hiệp sĩ dòng Đền đã không cho phép người Hồi đến hành hương tại Jerusalem, nơi người Hồi coi là thánh địa, và thường giết hại những người này. Năm 1144, quân Hồi trở dậy chiếm lại Edessa, một đô thị có vai trò quan trọng. Saint Bernard, thủ lĩnh tinh thần quan trọng nhất của cộng đồng Thiên Chúa giáo châu Âu vào thời điểm đó đã đích thân kêu gọi tiến hành cuộc Thập tự

chinh thứ hai. Triều đình châu Âu lập tức hưởng ứng, đặc biệt là Vua Conrad III của Đức và Louis VII của Pháp còn nguyện giá thân chinh. Đây là cuộc Thập tự chinh được lãnh đạo chính thức bởi triều đình châu Âu. Tuy nhiên vì không quen thuộc địa thế sa mạc hiểm trở, không kiểm soát được các giếng nước, nên cuộc Thập tự chinh thứ hai là một thất bại lớn đối với phương Tây, với số người chết lên đến con số vài chục ngàn. Cuộc Thập tự chinh thứ hai là một thắng lợi tuyệt đối của người Hồi, nó còn sản sinh ra kẻ thù hùng mạnh nhất của Thiên Chúa giáo và là người bảo vệ đạo Hồi được tôn kính nhất – Saladin (Salah ad-Din). Năm 1187, quân Hồi tái chiếm Jerusalem.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ BA (1189 - 1192)

Để chế Hồi giáo dưới quyền chỉ huy của Saladin chiếm lại Jerusalem, tiêu diệt các vương quốc Thập tự chinh quanh đó và kiểm soát hoàn toàn vùng này. Hay tin, Giáo hoàng Gregory VIII đã kêu gọi một cuộc Thập tự chinh thứ ba để giành lại Jerusalem. Năm 1188, Vua Frederick I của Thánh chế La Mã, Philip II của Pháp, Henry II của Anh và Richard (con của Henry) đã tuyên thệ tham gia Thập tự chinh. Quân Pháp và Anh vì những nghi kỵ nội bộ đã trì hoãn việc xuất binh, trong khi đoàn quân viễn chinh của Frederick I sớm tan rã khi vị vua này qua đời. Vua Henry II cũng băng hà trước khi khởi hành, nên chỉ có Vua Philip II của Pháp và Richard I đến Jerusalem. Sau đó Vua Philip II đã trở về nước, để lại đội quân của mình, trong khi Richard I vẫn cố gắng giành lại Jerusalem. Tuy nhiên, năm 1192, nghe tin về những bất ổn trong nước, Richard I buộc phải ký thỏa thuận với Saladin rồi trở về Anh. Một lần nữa người Âu đã thất bại trong việc tái chiếm Jerusalem. Cuộc chiến này đã gây tổn thất nặng nề cho các quốc gia châu Âu trên phương diện tài chính cũng như xã hội. Tuy nhiên, lợi dụng lòng hăng say phục vụ tôn giáo của dân chúng, các vua chúa vẫn cho mở thêm các cuộc chiến với mục đích chiếm đoạt nhiều hơn là vì giải phóng. Bằng chứng rõ nhất là việc họ cho phép nhóm Hiệp sĩ dòng Đền toàn quyền kiểm soát thu góp các chiến lợi phẩm mang về. Về sau những người này cũng nổi lòng tham, thay vì mang về cho triều đình và giáo hội, họ bí mật cất giấu rất nhiều vàng bạc rồi trở nên giàu có.

Theo thời gian, nhóm này trở thành một lực lượng tài phiệt có tầm ảnh hưởng rất lớn nên Giáo hoàng Clement V đã phải ra lệnh giải tán. Tuy nhiên họ vẫn hoạt động âm thầm trong nhiều thế kỷ như một tổ chức bí mật kiểm soát mọi hoạt động tài chính và thương mại của châu Âu.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ TƯ (1202 - 1204)

Giáo hoàng Innocent III lên ngôi giáo hoàng trong năm 1198 và ông đặt mục tiêu tái khởi một cuộc Thánh chiến mới. Tuy nhiên lời kêu gọi của ông không được các vua chúa châu Âu quan tâm vì lúc này kinh tế các quốc gia châu Âu rơi vào tình trạng suy thoái nặng nề, lòng bất mãn của dân chúng dâng cao. Anh và Pháp vẫn đang đánh nhau, trong khi Đức thì đang đấu tranh loại bỏ ảnh hưởng của Giáo hoàng. Tuy nhiên, cuối cùng lực lượng quân Thập tự vẫn được thành lập và khởi binh từ Venice, với lực lượng chủ yếu đến từ các vùng của Pháp. Cuộc Thập tự chinh thứ tư rốt cuộc trở thành một chiến dịch chiếm đoạt tiền bạc tài sản để lấp đầy các quốc khố đã bị cạn kiệt trong nhiều năm chiến tranh. Thay vì tiến vào Jerusalem, lực lượng này tiến vào Constantinople, cố đô của đế quốc La Mã, nơi hầu hết người dân đều theo Thiên Chúa giáo và cũng là nơi tập trung mọi sự buôn bán với các quốc gia phương Đông. Quân Thập tự chinh đã gây ra những tội ác khủng khiếp tại Constantinople, phá hủy, lấy cắp nhiều công trình Cổ đại và Trung cổ của La Mã và Hy Lạp. Bất chấp lời thề của họ và mối đe dọa rút phép thông công, quân Thập tự chinh đã phá hủy các nhà thờ tu viện của thành phố, làm ô uế và cướp bóc mọi thứ có thể lấy được...

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ NĂM (1215 - 1221)

Bất chấp thất bại của cuộc Thập tự chinh thứ tư, chỉ thành công trong việc phá hủy các thành phố Thiên Chúa giáo, Giáo hoàng Innocent III và người kế nhiệm ông là Giáo hoàng Honorius III vẫn tiếp tục kêu gọi cuộc Thập tự chinh lần thứ năm. Giáo hoàng Innocent III đảm bảo rằng ông có quyền kiểm soát cuộc chiến này nhưng ông đã chết trước khi cuộc chiến bắt đầu. Cuộc Thập tự chinh

thứ năm có đông đảo các bên tham chiến với nhiều mục đích khác nhau, nổi bật có Hungary (sự lãnh đạo của Vua Andrew II), Pháp, Đức, Đế quốc Đông La Mã, Thánh chế La Mã... Thay vì tấn công vào Jerusalem, các lực lượng này đánh vào Ai Cập, dưới triều đại Ayyubid hùng mạnh. Trong hầu hết các cuộc giao tranh, quân Thập tự đều không giành được chiến thắng. Thêm nữa, dịch bệnh bùng phát khiến quân Thập tự tổn hao binh lực. Đỉnh điểm là khi hành quân đến Cairo, sông Nile dâng nước đã khiến quân Thập tự tổn thất nặng nề, phải xin hàng và rút quân. Một lần nữa cuộc Thập tự chinh thứ năm đã thất bại hoàn toàn.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ SÁU (1228 - 1229)

Cuộc Thập tự chinh thứ sáu do Hoàng đế Frederick II của Thánh chế La Mã cầm đầu với lực lượng quân đội đông đảo. Lợi dụng lúc triều đình bận đàn áp lực lượng nổi loạn tại Syria, Frederick II thành công giành lại Jerusalem thông qua đàm phán rồi tự xưng làm vua Jerusalem mà không được sự phê chuẩn của Giáo hội. Sợ bị rút phép thông công, ông kéo quân trở lại châu Âu để hòa giải với Giáo hoàng Gregory IX. Vài năm sau, Jerusalem lại rơi vào tầm kiểm soát của các lực lượng Hồi giáo.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ BẢY (1248 - 1254)

Sau khi Jerusalem rơi vào tay lực lượng Hồi giáo vào năm 1244, Vua Louis IX của Pháp đã lên kế hoạch tiến hành cuộc Thập tự chinh thứ bảy, mục tiêu vẫn là Ai Cập. Sau khi được lệnh của Giáo hoàng Innocent IV vào năm 1248, Vua Louis IX của Pháp dẫn quân Thập tự đổ bộ vào Ai Cập, chinh phục Damietta, một trung tâm thương mại lớn. Tuy nhiên lực lượng Hồi giáo đã phản công, bắt sống Vua Louis IX khiến triều đình Pháp phải chuộc lại với một khoản tiền khổng lồ đồng thời trả lại Damietta. Do đó cuộc Thập tự chinh này cũng là một thảm họa tốn kém.

CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ TÁM (1270)

Mặc dù cuộc Thập tự chinh lần thứ bảy không thành công nhưng lòng tham lam muốn chiếm đoạt các mỏ vàng khiến Vua Louis IX lại xin phép lãnh đạo cuộc Thập tự chinh lần thứ tám nhằm vào Tunisia, Maroco với nhiều tài nguyên thiên nhiên như mỏ đồng, mỏ vàng. Cuộc Thập tự chinh lần thứ tám kết thúc khi Vua Louis mắc bệnh chết ở Tunis. Nhóm Thập tự quân còn lại dưới sự chỉ huy của Vua Edward I của Anh tiến sâu vào Bắc Phi đến tận thành phố Acre nhưng cũng bị quân Hồi tiêu diệt hoàn toàn.

CÁC CUỘC THẬP TỰ CHINH KHÁC

Năm 1291, Vua Hồi Qalawun tiến hành vây hãm thành Acre, chấm dứt sự tồn tại của thành bang độc lập cuối cùng của Thiên Chúa giáo ở vùng đất Thánh. Qalawun hy sinh trong trận bao vây này nhưng con của ông là Al-Ashraf Khalil lên ngôi đã tiếp tục việc xóa bỏ tàn tích của người châu Âu tại Trung Đông. Việc này được coi là sự kết thúc của phong trào Thập tự chinh tại vùng đất Thánh, nhưng sự tham lam đã thúc đẩy các thế hệ con cháu các vua chúa sau đó lợi dụng lòng nhiệt thành tôn giáo mang quân đi khắp thế giới gây chiến với những người không cùng tôn giáo, nhưng mục đích thật sự chỉ để cướp phá, chiếm đoạt tài sản của quốc gia khác.

Song song với các cuộc Thập tự chinh đến vùng đất Thánh, nhiều chiến dịch quân sự nhân danh tôn giáo đến các vùng đất khác đôi khi cũng được các sử gia gọi là Thập tự chinh, ví dụ Thập tự chinh phương Bắc – đánh vào những người ngoại giáo ở khu vực Baltic, hay chiến dịch quân sự chống lại giáo phái Albi ở Pháp...

Về kinh tế, việc giao thương với các bộ lạc người Hồi tại Palestine và Syria đã mở ra một lĩnh vực thương mại lớn qua việc buôn bán trao đổi hàng hóa với các quốc gia Á châu. Trong khi các vương quốc châu Âu chú trọng vào chiến tranh, các thương gia người Ý tại Genoa và Venice đã nhanh tay cướp lấy cơ hội ngàn vàng, họ đóng thuyền lớn để có thể chuyên chở hàng hóa đi khắp nơi cũng như

thành lập một lực lượng hải quân hùng mạnh để kiểm soát mọi hải lộ trên Địa Trung Hải. Các nhà buôn người Ý đã mang đến cho người Âu những hàng hóa mới lạ, giá trị cao như tơ lụa, hương liệu và kim loại quý, tạo ra một cơn khát sản phẩm và sản vật của các vương quốc Á châu. Theo tài liệu lịch sử, các chuyến tàu chở hàng hóa từ Trung Đông vào Âu châu là nguyên nhân gây ra đại dịch hạch (Black Death) đã giết hơn một phần ba dân số châu Âu. Lịch sử ghi rõ bệnh dịch bắt đầu từ Trung Hoa, truyền qua Trung Đông rồi lan vào châu Âu qua những chiến lợi phẩm thu góp được và chở trên các chuyến tàu từ Trung Đông vào châu Âu.

Khi xưa, Con đường tơ lụa là trục lộ giao thông chính dẫn qua châu Á. Cung đường này nằm trong vòng kiểm soát của người Hồi nên người Âu bắt đầu tìm kiếm một con đường mới. Từ đó, các quốc gia châu Âu bắt đầu cạnh tranh giành quyền kiểm soát thương mại qua châu Á. Dần dần, mục tiêu của họ biến thành cuộc mạo hiểm khám phá các nơi xa với những tài nguyên mới lạ. Hoàng tử Henry của Bồ Đào Nha dẫn đoàn thuyền đi dọc theo bờ biển Phi châu đã tìm ra một hải lộ mới qua Á châu và mở đầu cho kỷ nguyên thực dân mà người châu Âu đã ngụy trang dưới danh nghĩa đi khai sáng các dân tộc bán khai, man rợ.

Chủ nghĩa thực dân là chính sách kiểm soát những khu vực đã bị chinh phục, gọi là thuộc địa, với mục đích thống trị kinh tế, xã hội thông qua quá trình áp đặt tôn giáo, ngôn ngữ và các tập quán văn hóa của người Âu cho người dân các thuộc địa. Mục tiêu chính là tìm cách thu lợi từ sức lao động của người dân cũng như tài nguyên ở thuộc địa, đem về làm giàu cho quốc gia của họ.

Các nhà sử học đưa ra ba động cơ chính của người châu Âu khi tiến hành thuộc địa hóa các quốc gia châu Á và châu Mỹ là Chúa, vàng và vinh quang (God, gold, glory). Các cuộc Thập tự chinh khi trước đã lợi dụng tôn giáo để biện minh cho cuộc chiến với các xứ Hồi giáo thì nay tôn giáo lại được áp dụng vào chính sách thuộc địa hóa này. Lòng hận thù từ các cuộc Thập tự chinh đã đưa đến sự "bất khoan dung tôn giáo" với những dân tộc không đồng tôn giáo. Về sau, các

nước châu Âu chuyển sang dùng chiêu bài "chinh phục tôn giáo" để củng cố cho chính sách thuộc địa hóa nhằm đem lại sự giàu có thịnh vượng cho quốc gia của họ.

Các con hãy thương yêu mọi người như thương yêu chính mình.

PHẦN TÁM

NHÂN DUYÊN

THƯỢNG ĐẾ LÀ TÌNH THƯƠNG

Khi tỉnh dậy, mặc dù đầu óc còn choáng váng nhưng tôi nhận thấy mình đang nằm trên giường. Ngồi bên giường là vị giám mục lớn tuổi đang nhìn tôi chăm chú. Nhìn trang phục của ông, tôi đoán được ông là một giám mục. Thấy tôi đã tỉnh, người đó ra hiệu cho tôi nằm yên. Tôi thều thào cất tiếng, nghe cổ họng mình đau rát:

- Mọi người... trong gánh hát đâu hết rồi?

Vị giám mục chậm rãi nói:

- Con cứ yên tâm, đã qua nguy hiểm rồi. Hãy nằm yên, đừng động đậy.

Tôi hốt hoảng:

- Quân lính... Có quân lính...

Vị giám mục đáp:

- Con hãy yên tâm, Thánh đường là nơi thiêng liêng, không quân lính nào có thể vào đây được.

Mặc dù toàn thân tôi đau đớn khôn tả nhưng trong giọng nói của vị giám mục có gì đó rất thân thương, khiến tôi cảm thấy rất yên tâm. Tôi cố ngước đầu lên nhìn ông nhưng cơn đau lại ập đến khiến tôi ngất lịm đi.

Tôi không biết mình đã nằm trên giường trong bao lâu. Vì vết thương khá nặng nên tôi lúc tỉnh lúc mê, nhưng tôi biết đã có người chăm sóc, băng bó vết thương cho tôi.

Dường như tôi đã nằm đó rất lâu, cho đến khi, trong cơn mơ màng, tôi chợt nghe có tiếng chuông cùng tiếng cầu nguyện trầm trầm vọng lại. Đột nhiên toàn thân tôi thấy khoan khoái dễ chịu. Tôi mở mắt ra, thấy mình tỉnh táo hẳn và đã có thể cử động dễ dàng. Tôi ngồi dậy nhìn qua khung cửa sổ, bên ngoài mờ xám vì trời còn chưa sáng hẳn. Như có một động lực gì thúc đẩy, tôi thử bước xuống giường và phần khởi thấy mình đã có thể đi lại. Tôi lắng nghe tiếng cầu nguyện rồi đẩy cửa bước ra ngoài, men theo âm thanh trầm ấm kia tìm đến thánh đường. Dưới ánh nến lung linh, các vị linh mục đang cầu nguyện, thấy thế tôi vội quỳ xuống đọc theo. Buổi cầu nguyện diễn ra khá lâu, khi mọi người dừng lại thì mặt trời đã lên cao. Nhìn ánh nắng xuyên qua khung cửa, tôi biết đã gần đến trưa.

Khi mọi người đứng lên lần lượt rời khỏi, vị giám mục già nhìn thấy tôi nên bước lại hỏi:

- Con đã tỉnh rồi sao? Đã khỏe hơn chưa?

Tôi gật đầu, rụt rè hỏi:

- Thưa ngài, tại sao con lại ở đây?

Vị giám mục mỉm cười hiền lành, đôi mắt xanh lấp lánh:

- Có người thấy con bị thương, nằm bất tỉnh ở bìa rừng nên mang con đến đây.

Tôi hỏi:

- Đây là đâu? Quân lính và gánh hát ra sao rồi?

Vị giám mục lắc đầu:

- Ta không hiểu con nói gì nhưng đây là nơi an toàn, con không phải lo gì cả.

Hôm nay tôi mới được nhìn rõ vị giám mục già này, tôi cảm thấy ông có một nét gì rất thân thuộc. Khi tôi vẫn đang cố nghĩ xem cảm giác thân thuộc này đến từ đâu thì ông đã lên tiếng, ánh mắt ông nhìn tôi toát ra vẻ hiền hậu, chân thành:

- Ta rất mừng được gặp lại con. Vết thương của con rất nặng, giờ con cần phải tĩnh dưỡng một thời gian nữa rồi chúng ta sẽ nói chuyện nhiều hơn.

Ông vừa nói "gặp lại" tôi ư? Từ nhỏ đến lớn, tôi chưa hề tiếp xúc với giáo sĩ nào ngoài vị linh mục trong làng. Khi du hành cùng gánh hát, ghé qua nhiều nơi để trình diễn nhưng tôi cũng chưa gặp thêm vị giáo sĩ nào cả. Tôi định hỏi thêm nhưng vị giám mục nhìn tôi rồi mỉm cười một cách lạ lùng rồi thông thả bước đi. Tôi chẳng quen ai khác ở đây nên vội vã theo ông vào phòng ăn.

Sau bữa ăn, vị giám mục đề nghị dẫn tôi đi dạo một vòng để làm quen hoàn cảnh. Tôi theo ông bước ra sân. Đây là một tu viện nhỏ được xây bằng đá, tọa lạc trong rừng, núp dưới tán những cây cổ thụ nên không khí rất mát mẻ. Không gian nơi đây cực kỳ yên tĩnh, thỉnh thoảng có tiếng chim hót thánh thót hòa cùng tiếng gió rì rào, là một khung cảnh có thể xoa dịu tâm hồn. Vị giám mục nói:

- Con có thể tạm nghỉ tại đây ít lâu chờ vết thương lành hẳn. Tuy nhiên, mọi người ở đây đều chuyên tâm cầu nguyện nên con cũng nên lưu ý giữ im lặng. Nếu muốn, con có thể theo chúng ta cầu nguyện.

Tôi nói ngay:

- Cảm ơn ngài, nhưng con cần phải đi Verden để tìm gánh hát. Cách đây mấy ngày, gánh hát của con bị cướp, không biết mọi người hiện nay ra sao.

Vị giám mục lắc đầu:

- Verden cách nơi đây rất xa. Để đến đó con còn phải vượt qua một khu rừng rậm. Con nên chờ vết thương lành hẳn rồi hãy lên đường.

Tuy nóng ruột về số phận của gánh hát nhưng tôi cũng biết mình không thể đi xa với vết thương nặng như thế nên đành ở lại tu viện. Hằng ngày, tôi theo các giáo sĩ cầu nguyện. Điều khiến tôi ngạc nhiên là nghi lễ cầu nguyện ở đây không giống với những buổi lễ tôi từng tham dự. Có những buổi cầu nguyện diễn ra từ sáng đến khuya. Tôi rất ngạc nhiên nhưng không dám hỏi gì mà chỉ cố gắng làm theo. Sau một tuần lễ, tôi đem thắc mắc trình bày với vị giám mục. Ông trả lời:

- Chúng ta thực hành theo lời dạy của Đức Chúa để thanh lọc tâm hồn cho tinh khiết, trọn lành chứ không chỉ làm theo nghi thức thông thường như những nơi khác. Có lẽ con không biết, khi xưa vì mục đích phát triển tôn giáo, mở rộng giáo dân, các giáo sĩ đã thu hẹp những chân lý cao thượng lại rồi đơn giản hóa mọi sự để mọi người đều có thể hiểu được. Tuy nhiên, điều này đã làm mất đi các tinh hoa mà Đức Chúa đã giảng dạy. Điều Ngài giảng dạy đâu chỉ giới hạn trong đức tin mà còn nhiều điều cao cả hơn nữa. Do đó, tại đây chúng ta thực hành nghi thức cầu nguyện không ngừng để nối lại mối liên hệ với Ngài.

Nhìn thấy vẻ mặt ngờ ngác của tôi, vị giám mục nói thêm:

- Chúng ta tuân theo lời dạy của Ngài, *"Hãy trở nên trọn lành như Cha các con trên trời là Đấng trọn lành vậy"* (S. Matt 5.48). Nhiều giáo sĩ cho rằng đây là điều không thể làm được vì con người là những kẻ tội lỗi thì làm sao có thể trở nên trọn lành được. Do đó, họ đã bỏ qua lời dạy bảo quý báu này và dần tạo ra một cách biệt giữa con người và Thượng Đế. Máy ai biết nếu cố gắng thì chúng ta vẫn có thể chiến thắng bản tính thấp hèn để trở nên trong sạch, tinh khiết hơn.

Tôi bồi rối:

- Con chưa từng nghe nói ngoài đức tin còn điều khác nữa.

Vị giám mục gật đầu, trả lời:

- Đúng thế, một số giáo sĩ đã đơn giản hóa mọi sự, hạ thấp những tinh hoa cao thượng mà Đức Chúa giảng dạy xuống đến mức mà ngay một kẻ ít học, khờ dại cũng có thể hiểu được. Họ quan niệm rằng các tín đồ chỉ cần tin chứ không cần hiểu vì mọi việc đã có họ lo. Đa số dân chúng không biết đọc, biết viết mà chỉ có các giáo sĩ và quý tộc được dạy đọc, viết. Do đó, họ có thể toàn quyền giảng dạy, diễn giải ý nghĩa những lời dạy bảo của Đức Chúa theo ý riêng của họ. Việc này đã đưa các giáo sĩ lên thành giai cấp có quyền hành tuyệt đối, trở thành trung gian giữa con người và Thượng Đế. Đức tin là điều cần thiết nhưng nếu đã tin thì phải học hỏi để hiểu thật rõ những lời dạy cao thượng của Ngài chứ không thể tin tưởng suông được, và khi đã hiểu thì phải thực hành theo các điều được chỉ dạy nữa. Nếu chỉ tin mà không hiểu và không thực hành các lời dạy mà chỉ chờ đợi Thượng Đế giúp thì chỉ là niềm tin vô lý.

Tôi thắc mắc:

- Con chưa hiểu, nếu đã muốn phát triển tôn giáo, tại sao họ phải đơn giản hóa những tinh hoa?

Vị giám mục giải thích:

- Con đường đến Nước Trời có nhiều bậc thang cao thấp khác nhau vì mọi người không cùng trình độ hiểu biết như nhau. Năng lực nhận thức và hành động cũng phải thay đổi tùy theo mức thang tiến hóa này. Người lên đến mức thang cao là nhờ sự sáng suốt và đức hạnh tinh khiết của họ. Do đó, điều đem đi giảng dạy cũng phải thích ứng với trình độ, lý trí và sự hiểu biết của từng người. Khi xưa, Đức Chúa đã giảng dạy rất nhiều về phương pháp thực hành để hợp nhất tinh thần con người với cõi thiêng liêng để *"Đức Chúa Trời là tất cả trong tất cả"* (1. Cor 15.28). Việc cầu nguyện không ngừng là một trong những phương pháp đó.

Vị giám mục chăm chú nhìn tôi rồi nói thêm:

- Cũng như thế, Đức Chúa dạy "*Thượng Đế là tình thương*". Đây là chân lý tuyệt đối, không thể chối cãi. Vì tình thương yêu là điều kiện thiết yếu để gìn giữ sự hòa hợp giữa người với người, không có tình thương sẽ đưa đến việc kẻ mạnh ức hiếp kẻ yếu, mạnh được yếu thua. Tinh hoa của những điều Đức Chúa giảng dạy nằm trong hai chữ "tình thương" này, nhưng hiện nay người ta lại bỏ qua nó mà kêu gọi sự phân biệt, hận thù, tranh giành, chiếm đoạt. Những việc này có đúng ý Chúa hay không? Ý Chúa không bao giờ như thế cả.

Tôi nghĩ về những ngày tháng lang thang cùng gánh hát, chứng kiến biết bao điều bất công, vô lý của đời sống, những điều đã khiến tôi bất mãn và hoài nghi. Hẳn là ý Chúa không bao giờ như thế cả. Tôi ngẫm nghĩ rồi hỏi vị giám mục:

- Vậy, theo ngài thì tình thương của con người và tình thương của Thượng Đế khác nhau ra sao?

Vị giám mục mỉm cười hiền từ, giải thích:

- Tình thương của con người và tình thương của Thượng Đế chỉ khác về mức độ, bản chất thì vẫn như nhau. Tình thương giống như nguồn nước, tuôn chảy khắp nơi. Tình thương của Thượng Đế giống như biển cả mênh mông vô tận trong khi tình thương của con người thì như dòng suối nhỏ len lỏi qua mặt đất mà thôi. Khi con người biết thương yêu là khi họ quay về với Thượng Đế và khi họ thương yêu chân thành, không đòi hỏi là khi dòng suối bắt đầu hòa nhập vào biển cả. Thượng Đế đã dạy "*Các con hãy thương yêu mọi người như thương yêu chính mình*". Càng hiểu rõ ý nghĩa của điều được dạy thì ta càng tin tưởng nhiều hơn. Đã tin tưởng như thế thì phải thực hành đúng theo những lời được dạy và khi áp dụng nhiều chừng nào thì ta lại càng tin tưởng hơn chừng ấy. Tóm lại, không thể có việc chỉ tin tưởng mà không cần làm gì hết. Đã tin thì phải tìm hiểu ý nghĩa trong lời dạy để tuân theo, để đem ra thực hành chứ không thể nói rằng mình tin nhưng lại hành động khác đi hoặc chỉ tin rồi để đó.

Tôi nghĩ đến những hành động tham lam, bạo ngược của các lãnh chúa. Một mặt họ cho xây cất nhiều thánh đường để chứng tỏ đức tin tôn giáo của họ với Giáo hội nhưng mặt khác họ vẫn tiếp tục bóc lột, đàn áp và chiếm đoạt mọi thứ để hưởng thụ các quyền lợi và tiện nghi vật chất. Họ tin rằng dù có làm gì chẳng nữa thì cuối cùng vẫn được Thượng Đế cho lên thiên đường.

Khi sống với gánh hát, tôi thường nghe Mona đọc Thánh Kinh và bà từng kể, có một người đến hỏi Đức Chúa làm sao để được hưởng sự sống trọn lành trên Nước Trời. Ngài trả lời: "*Hãy giữ các điều răn*". Tôi rất thích lời dạy giản dị này vì khi còn nhỏ tôi luôn được bà ngoại nhắc nhở "*Hãy thờ kính Thiên Chúa; thương yêu người; không tham lam; không giết hại...*". Nhưng khi sống đời giang hồ, tôi chứng kiến nhiều người hành động hoàn toàn trái ngược những điều răn này. Tôi tự hỏi tại sao đã tin Chúa, kính Ngài và biết Ngài dạy phải thương yêu nhau nhưng không mấy ai làm được điều này? Những gì quân Thập tự đã làm khi giải phóng đất Thánh là chém giết, cướp bóc, vơ vét tài sản của cải về cho triều đình. Tôi không hiểu được sao họ có thể nhân danh Chúa rồi làm những việc xấu xa như thế.

Tôi đem tâm tư của mình kể với vị giám mục. Ông lắng nghe rồi điềm đạm nói:

- Có lẽ Mona vẫn chưa kể hết câu chuyện cho con nghe. Khi nghe Đức Chúa dạy về việc phải giữ các điều răn, người kia đã trả lời, "*Tất cả những điều đó, con đã tuân giữ từ khi còn nhỏ, còn thiếu điều gì con chưa làm nữa không?*". Đối với người đã biết vâng lời như thế, Đức Chúa dạy thêm, "*Nếu con muốn trở nên hoàn thiện thì hãy bán hết của cải, đem cho người nghèo thì con sẽ có một kho tàng trên trời, rồi đến đây với ta*". Nghe đến đó, người nọ buồn rầu bỏ đi vì anh ta có rất nhiều của cải.

Tôi ngạc nhiên:

- Con chưa hiểu lắm. Tại sao phải làm như thế thì mới đến được với Ngài?

Vị giám mục giải thích:

- Muốn được trọn lành, tức là trở thành một người của Nước Trời, thì phải biết buông bỏ mọi thứ vật chất, giữ nếp sống thanh bần, tinh khiết và vâng lời. Điều này có nghĩa là không nên quyến luyến của cải vật chất mà chỉ nên coi mình như người quản lý các thứ đó thôi. Của cải vật chất có thể đến và đi, là người quản lý chúng, ta sử dụng khi chúng đến nhưng không tiếc khi chúng đi, vì những thứ này không thể so sánh với kho tàng Nước Trời được. Lời dạy này rất rõ rệt vì sau đó Đức Chúa đã giải thích thêm rằng: *"Người giàu khó có thể bước vào nước Trời, còn khó hơn con lạc đà chui qua lỗ kim"* (Matt 19:16:26). Tại sao? Vì con người không thể làm tôi hai chủ cùng một lúc được. Hoặc tôn thờ tiền bạc hoặc tôn thờ Thiên Chúa.

Tôi kể lại những điều Piere nói về cuộc Thánh chiến, vị giám mục già lắc đầu:

- Đó là những kẻ đã làm ô danh Thiên Chúa, họ lợi dụng danh nghĩa Giáo hội cùng sự thiếu hiểu biết của dân chúng để mưu cầu quyền lực và của cải cho mình. Họ là những kẻ tham lam, ích kỷ chỉ biết tôn thờ tiền bạc và quyền lực mà thôi. Dù có hối cải, chuộc tội thế nào cũng không thể lấy lại được. Nếu đã biết các điều răn *"Không được tham lam, không được lấy của người, không được giết hại"* nhưng vẫn phạm thì họ không xứng đáng được gọi là con của Thiên Chúa.

Từ đó, hằng ngày, sau khi cầu nguyện cùng mọi người trong tu viện, tôi thường cùng vị giám mục già đi bộ trong sân để được ông chỉ dạy thêm. Nhờ thế, tôi biết thêm được nhiều điều mà khi trước không được dạy bảo. Được giải đáp những thắc mắc khi xưa về đức tin, về việc phải tuân thủ các điều răn đã giúp cho tâm hồn tôi mở rộng hơn. Theo lời vị giám mục, đức tin là chìa khóa để mở cánh cửa vào Nước Trời nhưng để bước vào đó thì phải nhờ vào thực

hành. Cầu nguyện là để nhận biết Thượng Đế và đến với Ngài chứ không phải chỉ tin tưởng đơn thuần mà thôi. Mục đích của đời sống là để thực hiện sự hợp nhất đó nên chỉ có đức tin thôi thì không đủ mà còn phải hiểu rõ lời dạy bảo và đem ra thực hành. Chỉ khi nào thân tâm được trong sạch, tinh khiết thì mới có thể đến với Ngài được. Do đó, các tu sĩ ở tu viện này luôn giữ các điều răn và cầu nguyện không ngừng.

Khi giữ điều răn "không giết người" thì sẽ trừ được tâm tranh giành, chiếm đoạt và như thế sẽ giúp ta biết tôn trọng sự sống. Khi giữ điều răn "không trộm cắp, không lấy của người" thì sẽ trừ được lòng tham lam, thói chiếm hữu và giúp ta tôn trọng sự công bình. Khi giữ điều răn "không dâm dục" thì sẽ trừ được sự mong cầu thỏa mãn và như thế sẽ giúp ta xây dựng được tình cảm và liên hệ giữa con người. Một khi biết kính trọng người khác thì ta không thể làm thương tổn ai được. Khi giữ điều răn "không nói dối" thì sẽ trừ thói xảo trá, tham lam và như thế sẽ giúp ta giữ gìn lời nói cẩn thận, chỉ nói đúng sự thật. Khi giữ điều răn "biết hiếu kính với cha mẹ" thì sẽ trừ được lòng ích kỷ, tự cao và như thế sẽ giúp ta phát triển lòng biết ơn sâu sắc với những người đã sinh ra, nuôi nấng và dạy dỗ mình. Một khi tuân giữ được những điều răn này, con người sẽ thay đổi, trở nên trong sạch, tinh khiết, hiểu được những điều cao đẹp và sẽ có được kho tàng cõi trời. Một khi đã biết của báu cõi trời như thế nào thì mọi vật chất của cõi này sẽ không còn ý nghĩa gì nữa.

Một trong những buổi đi dạo cùng vị giám mục, tôi đề cập đến tình trạng loạn lạc, chết chóc khắp nơi và hỏi ông liệu nhân loại có thể vượt qua nạn kiếp này. Ông trầm ngâm một lúc rồi thông thả nói:

- Để ta kể con nghe một câu chuyện. Khi xưa, có một căn bệnh lạ lùng xảy ra khiến bụng dạ mọi người đều căng phồng lên như muốn nổ tung ra. Ai nấy đều sợ hãi vô cùng nhưng không biết làm sao để chữa khỏi. Cho đến một hôm, có một y sĩ từ xa đến mang theo một lọ thuốc trị được bệnh này. Ông nói: "Mọi người nghe đây, ai muốn hết bệnh phải theo đúng cách sử dụng mà ta chỉ dạy vì ngày mai ta sẽ rời đi nơi khác". Ông dặn dò kỹ càng phải sử dụng như thế nào,

liều lượng ra sao rồi để lại chai thuốc cho mọi người. Sau khi ông rời khỏi, mọi người họp lại và bắt đầu tranh cãi. Một người đặt câu hỏi y sĩ đó từ đâu đến, học y từ ai, tài nghệ đến đâu, lý lịch thế nào? Tại sao ông đến đây và có mục đích gì? Người khác thì đặt câu hỏi có nên tin vào thuốc đó hay không, lỡ như uống vào bệnh nặng hơn thì sao? Biết bao câu hỏi được đem ra tranh luận về người y sĩ đó. Họ bàn cãi suốt ngày rồi quên hết lời dạy của y sĩ. Lọ thuốc trị bệnh vẫn còn đó nhưng không ai còn biết cách sử dụng.

Vị giám mục dừng lại để tôi suy nghĩ về câu chuyện rồi kết luận:

- Phước cho kẻ nào tin, hiểu và làm theo.

Nhìn vẻ hoang mang trên mặt tôi, ông mỉm cười rồi nói thêm:

- Con có biết căn bệnh quái lạ đó là gì không? Chính là bệnh tham lam đó. Tình trạng hỗn loạn hiện nay đến từ sự lung lay đức tin của con người. Họ từ bỏ những lời răn, từ bỏ niềm tin. Dù phương thuốc có ở trước mặt thì cũng không mấy ai nhìn thấy.

Tôi sống tại tu viện một thời gian, vết thương cũng đã dần lành lại. Hằng ngày tôi vẫn theo các giáo sĩ cầu nguyện. Lúc đầu, việc cầu nguyện kéo dài quá lâu khiến tôi mệt mỏi nhưng sau một thời gian, tôi dồn hết tâm hồn vào việc cầu nguyện nên thấy thời gian trôi qua nhẹ nhàng chỉ như thoáng giây. Nhiều lúc tôi cầu nguyện từ sáng đến tối mà vẫn thấy thoải mái dễ chịu. Vị giám mục già tỏ ra hài lòng về việc này, ông nói:

- Hãy đặt hết tâm hồn vào Thượng Đế, đừng nghĩ gì hết rồi con sẽ nhận được các ân phước đến bất ngờ. Khi hình ảnh của Ngài biểu lộ rõ ràng trong lòng con thì con sẽ quên hẳn cái ảo ảnh về cái "ta" riêng của con, và con sẽ thấy tình thương yêu, bác ái đang tràn ngập khắp nơi. Sự cầu nguyện là ngọn lửa tinh luyện mỗi phân tử trong con người, giúp thanh lọc và chuẩn bị cho sự sáng suốt, an tĩnh, tinh khiết, như một bông hoa nở dần dưới ánh sáng của mặt trời. Để phụng sự Thiên Chúa, con phải làm sao để chính mình trở thành một trung tâm vận chuyển cái ân phước đó, phát huy ảnh

hưởng tốt đi khắp nơi. Như con thấy, tất cả những người sống tại đây đều giữ kỷ luật, sống giản dị, sửa mình cho trong sạch để phụng sự ơn trên. Bất cứ nghĩ gì, làm gì cũng chất chứa và phản ánh tình thương yêu, bác ái đến mọi người. Đó cũng là mục đích của việc tu tập tại đây. Khi xưa, Đức Chúa đã giảng dạy rất nhiều và một số điều đã được ghi nhận lại trong sách vở nhưng sách vở tự nó không làm cho chúng ta đến gần Ngài hơn. Điều chúng ta cần là sống làm sao để cuộc đời có ý nghĩa tích cực, cao đẹp như Ngài đã chỉ dẫn.

Việc vừa tĩnh dưỡng vừa tu tập giúp tôi không những hồi phục nhanh mà con người tôi cũng thay đổi. Tôi bắt đầu cảm nhận được sự an tĩnh trong cuộc đời nhiều biến động này. Cho đến một lần, trong lúc cầu nguyện, đột nhiên tôi thấy toàn thân trở nên an tĩnh lạ lùng như được nâng lên một bình diện nào đó. Mặc dù ánh nến trong căn phòng lung linh mờ ảo nhưng không hiểu sao tôi có thể quan sát mọi thứ xung quanh một cách rõ ràng.

Tôi nhìn thấy các giáo sĩ đang chân thành cầu nguyện, rồi tầm mắt tôi mở rộng từ Thánh đường đến khu rừng bên ngoài với các hàng cây cổ thụ cao vút. Tầm mắt vươn lên cao mãi và bất ngờ tôi nhìn thấy một nhóm Gitan đang hạ trại tại một khu rừng rậm. Tôi nhìn thấy hai chiếc xe ngựa của gánh hát Alfonso và một số xe khác mà tôi không nhận ra, tất cả đang quây lại thành một vòng tròn lớn. Tôi thấy Mona và Ella đang ngồi ủ rũ trên xe trong khi Pedro và hai thanh niên khác đang lau chùi nhạc khí gần đó. Những hình ảnh này hiện rõ trong tâm tôi cho đến khi buổi cầu nguyện chấm dứt.

Sự cầu nguyện là ngọn lửa tinh luyện mỗi phân tử trong con người, giúp thanh lọc và chuẩn bị cho sự sáng suốt, an tĩnh, tinh khiết, như một bông hoa nở dần dưới ánh sáng của mặt trời.

Đêm đó, tôi trần trọc mãi không sao ngủ được vì cứ nghĩ về những hình ảnh lạ lùng kia. Bất giác, tôi nghĩ đến Ella và tình cảm của cô đối với tôi. Đã nhiều lần Ella ẩn ý hát tặng tôi những bản tình ca nhẹ nhàng mà cô soạn riêng cho tôi nhưng tim tôi không hề rung động. Có lần Pedro săn được một con thỏ rừng, Ella dành phần ngon nhất cho tôi nhưng việc đó lại khiến tôi cảm thấy khó chịu nên nhất quyết không ăn. Ella vì vậy không cầm được nước mắt. Có lúc tự nhiên tôi cảm thấy ghét cay ghét đắng Ella và buồn những lời nặng nề với cô. Gilbert rất ngạc nhiên về thái độ của tôi nên ông từng kéo riêng tôi ra góc rừng và mắng tôi một trận. Khi đó tôi đã cãi lý với ông rằng tôi không phải là người Gitan mà chỉ sống với họ cho đến lúc gặp cha tôi thôi. Nếu tôi được cha tôi nuôi nấng, dạy dỗ, tôi sẽ trở thành quý tộc, tôi sẽ không còn quan hệ gì với gánh hát này và những người Gitan như Ella nữa. Gilbert nhìn tôi hết sức lạ lẫm, rồi ông lắc đầu, tỏ ra thất vọng:

- Tôi không ngờ cậu lại có suy nghĩ như thế. Sao cậu có thể nghĩ mình thuộc giai cấp quý tộc rồi coi khinh người Gitan, trong khi chúng tôi đã coi cậu như người nhà?

Kể từ lần đó Gilbert xa cách với tôi hơn trước dù ông vẫn dạy dỗ tôi. Thật ra, tôi cũng không hiểu tại sao mình lại có ý nghĩ như thế? Tại sao tôi lại nghĩ mình cao cả, quan trọng hơn người Gitan dù tôi sống chung với họ như một gia đình?

Tôi suy nghĩ những chuyện này đến một nhòai và thiếp đi, vừa chìm vào giấc ngủ thì tự nhiên Ella lại hiện ra, nhưng lần này tôi nghe cô nói: "Anh Jean, cứu em, đừng bỏ em". Câu nói này tạo ra một chấn động lạ lùng trong tâm thức tôi. Trong cơn mơ màng, tôi cảm thấy mặt đất rung chuyển mãnh liệt rồi những luồng nước lớn ở đâu tràn đến. Tôi thấy một người con gái quần áo tả tơi đang cố gắng nắm lấy tay tôi trong dòng nước lũ đó. Bất ngờ, tôi nhìn rõ cô gái đó chính là Ella. Một khung cảnh lạ lùng hiện lên trong tâm trí tôi và tôi nghe rõ tiếng kêu lớn: "Ta sẽ không bỏ nàng". Tôi giật mình ngồi bật

dậy, trống ngực đánh liên hồi. Khoảnh khắc đó, tôi biết mình nhất định phải trở về tìm Ella.

Hôm sau, tôi đến gặp vị giám mục để từ giã ngài. Ông nghe tôi trình bày xong thì im lặng hồi lâu, rồi nhìn tôi một cách buồn bã:

- Tại sao con có thể mê muội như vậy? Đã thực hành đến thế mà vẫn còn để những việc tầm thường lôi kéo đi. Nếu không tỉnh ngộ, cứ bước vào chốn thị phi đó thì biết đến bao giờ mới thoát khỏi được?

Lúc đó, tôi không hiểu điều ông nói vì lòng đang nôn nóng muốn mau chóng đi tìm gánh hát và Ella. Tôi cúi đầu, nói nhỏ:

- Con đội ơn ngài đã cứu con và dạy dỗ con trong thời gian vừa qua. Nhưng đã đến lúc con phải trở về gánh hát để gặp người mà con thương yêu.

Vị giám mục ngậm ngùi:

- Thật đáng tiếc, ta đã cố gắng rồi, nhưng những liên hệ từ xa xưa vẫn còn ràng buộc con quá mạnh mẽ... Ta với con đã quen nhau từ lâu rồi. Ta vẫn dõi theo con để giúp đỡ nhưng con không biết cũng không hề tiến bộ.

Tôi ngạc nhiên:

- Thưa, ngài nói gì con không hiểu? Chúng ta đã quen biết nhau từ lúc nào? Nếu như chúng ta đã quen biết nhau từ lâu thì tại sao con không nhớ gì hết?

Vị giám mục thở dài rồi nói:

- Điều ta nói có lẽ lúc này con không hiểu được, vì đầu óc con đang bị ảnh hưởng bởi những biến cố trong đời sống hiện tại. Đem qua, con đã nhớ được một số việc xảy ra từ rất lâu rồi cũng như những mối nhân duyên liên hệ với nhau từ trước, đó là vì con vốn đã có

khả năng này. Tuy nhiên cũng giống trước kia, khi con còn chưa nhận thức được con là ai, từ đâu đến, đã trải qua những bài học gì, đã học được gì và chưa học được gì thì con đã để mất đi nhiều cơ hội quý báu để học hỏi. Rồi con sẽ phải học đi học lại những bài học đó mãi cho tới khi nào con thật sự hiểu biết để có thể tiếp nhận những bài học khác. Có những việc mà nói ra lúc này cũng không thay đổi được gì vì đầu óc của con chưa thể hiểu được. Bài học khi xưa, con đã quên và bị các yếu tố khác che lấp nên dù ta có giải thích con cũng không thể hiểu được. Thôi con hãy lên đường...

Dù rất thắc mắc với những gì vị giám mục nói, dù trong tôi là rất nhiều câu hỏi cần được giải đáp, nhưng lúc này tôi thật sự muốn gặp lại Ella. Tôi đành từ biệt vị giám mục, hứa với ông rằng tôi sẽ tìm cơ hội trở lại gặp ông. Tôi rời tu viện, dùng tốc độ nhanh nhất đi về hướng Verden, nhưng trải qua mấy ngày vẫn chưa thể đến nơi. Hôm đó mặt trời vừa lặn, tôi đang tìm chỗ để nghỉ qua đêm thì gặp một người Gitan đang đặt bẫy thú gần đó. Anh ta thấy tôi liền hỏi:

- Nhóc con, cậu là ai? Tại sao lại lang thang trong rừng vào lúc này?

Tôi đáp:

- Tôi là người của gánh hát Alfonso, tôi bị lạc đường bấy lâu nay.

Hắn chăm chú nhìn tôi rồi lắc đầu:

- Gánh Alfonso không còn nữa đâu, hiện nay chỉ có gánh hát của Moreno thôi.

Dự cảm có điều không lành, tôi hỏi dồn:

- Anh nói vậy là sao? Đã xảy ra chuyện gì?

Người đó giải thích:

- Gánh hát của Alfonso gặp nạn, nhiều người đã bị giết, cuối cùng chỉ còn lại năm người sống sót. Alfonso đã mất hết tài sản, nhạc khí,

dụng cụ trình diễn nên không thể kiếm sống và phải xin nhập vào gánh hát của Moreno. Nếu cậu là người của Alfonso thì cứ đi về hướng Đông chừng nửa dặm thì sẽ gặp được thôi.

Tôi theo chỉ dẫn đi được một quãng thì nghe thấy có tiếng nhạc từ xa vọng lại. Tôi mừng rỡ vội bước về hướng có tiếng nhạc thì thấy một nhóm Gitan đang tụ họp bên đồng lửa lớn. Qua lời ca, tiếng hát, tôi biết họ đang tổ chức đám cưới. Tôi thông thả bước đến gần thì nghe một người nói rằng đó là ngày cưới của Moreno. Lúc đó, có tiếng vỗ tay vang rền, một người đàn ông trung niên trong xe bước ra, nhìn y phục và chiếc khăn trắng quấn quanh hông của hắn, tôi biết đó là chú rể. Âm nhạc trở lên vang rền, rồi hai người ở phía sau chậm chậm bước ra. Tôi giật mình nhận ra Alfonso đang đi bên cạnh một thiếu nữ trên tóc cài rất nhiều hoa. Mắt tôi hoa lên, tôi buột miệng kêu lớn:

- Ella!

Toàn thân tôi chấn động, đầu óc quay cuồng, chưa bao giờ tôi thấy tim mình đập mạnh như thế. Câu nói của Gilbert khi xưa chợt vang lên: "Đừng để mất cơ hội này". Tôi nắm chặt hai tay lại cố giữ bình tĩnh nhưng toàn thân vẫn run lên vì xúc động. Tôi hiểu vì Alfonso đã mất hết nhạc khí và dụng cụ kiếm sống nên phải xin sáp nhập vào một gánh hát khác. Vì Moreno là người lãnh đạo nên mọi việc phải theo lệnh của hắn. Nếu hắn chưa lập gia đình hay góa vợ, hắn có thể xin cưới Ella. Theo phong tục Gitan, việc dựng vợ gả chồng hoàn toàn dựa vào quyết định của cha mẹ.

Tôi nghe văng vẳng trong đầu tiếng kêu thiết tha của Ella trong giấc mơ hôm trước: "Anh Jean, cứu em, xin đừng bỏ em". Ngay lúc đó, trước đồng lửa, Alfonso cầm tay Ella đặt vào tay của Moreno và trịnh trọng tuyên bố hôn lễ bắt đầu. Đây là giây phút quan trọng, nếu không ai phản đối, hôn lễ sẽ được cử hành. Như có mãnh lực nào thúc đẩy, tôi hét lớn:

- Tôi phản đối hôn lễ này!

Tiếng hét của tôi làm mọi người ngạc nhiên, âm nhạc dừng lại, mọi con mắt đều đổ dồn về phía tôi. Moreno ngạc nhiên:

- Cái gì? Mà là ai?

Có tiếng xô xao nổi lên, đám đông đồng loạt hô lớn:

- Thách đấu! Thách đấu!

Theo phong tục Gitan, khi có chuyện tranh chấp không thể giải quyết thì sẽ đến giai đoạn thách đấu giữa hai người để phân thắng bại.

Ella vùng ra khỏi tay Moreno kêu lớn:

- Anh Jean, anh Jean... không được đâu.

Alfonso cũng ngạc nhiên:

- Jean, con vẫn còn sống ư?

Một người Gitan cầm hai con dao ngắn bước ra trao cho tôi và Moreno. Hắn tháo chiếc khăn trắng quấn bên hông, cầm con dao lên cười nhạt:

- Thằng kia, mà sẵn sàng chưa?

Alfonso bước ngay đến bên tôi:

- Jean, con phải xin lỗi ngay. Moreno là người lãnh đạo gánh hát, con không thể làm mất mặt ông ta được.

Lúc đó, tôi không còn đủ lý trí, toàn thân như bị một mãnh lực kỳ lạ chi phối. Tôi đưa tay nhận lấy con dao ngắn rồi bước đến trước Moreno. Alfonso nắm lấy tay tôi nhưng bị tôi gạt ra. Thấy vậy Ella kêu lớn:

- Anh Jean! Không được đâu, không được!

Một người kéo Ella ra phía sau và giữ chặt cô. Cuộc đấu diễn ra rất nhanh, Moreno là người sử dụng dao thiện nghệ, chỉ thoáng giây hấn đã đâm trúng tôi mấy nhát. Bất chấp vết thương, tôi vẫn trả đòn nhưng chỉ vài phút sau, hấn đã thắng thế, đẩy tôi đến sát đồng lửa. Bất ngờ, tôi giẫm trúng thanh củi nên loạng choạng, Moreno thừa thế vung dao đâm trúng ngực khiến tôi gục xuống. Moreno bồi thêm mấy nhát nữa khiến tôi không còn đứng lên được nữa. Moreno lùi lại cười lớn:

- Tài nghệ như thế mà cũng dám thách thức tao sao?

Mắt tôi hoa lên và dần mờ đi, sức lực cũng không còn, tôi buông con dao ra. Ella vùng lên chạy đến bên tôi và cố gắng nâng tôi dậy. Tôi mỉm cười:

- Ella, anh không bỏ em đâu nhưng... muộn rồi... Anh xin lỗi...

Ella cúi xuống đặt một nụ hôn lên môi tôi rồi thì thầm:

- Em biết dù thế nào anh cũng không bỏ em một mình mà.

Bất chợt có tiếng Mona kêu lớn:

- Không được... không được!

Tôi cảm nhận rõ một chất lỏng nóng hổi phun vào ngực mình và nghe tiếng Ella cất lên:

- Anh Jean, chúng ta cùng đi với nhau nhé!

Tôi cố mở to mắt, thấy Ella đang cầm chuôi con dao ngắn nhưng lưỡi dao đã xuyên qua ngực cô, máu tuôn xối xả ướt đẫm người tôi. Cô nói một cách yếu ớt:

- Em sẽ... theo anh mãi mãi!

Hơi thở yếu dần nhưng tôi vẫn gắng sức nắm chặt lấy tay Ella:

- Được, chúng ta cùng đi... bên nhau không bao giờ xa lìa!

Khi kể về kiếp sống của mình tại Pháp, Thomas cũng nói thêm về sự phát triển của Thiên Chúa giáo vào lúc đó. Là tín đồ Thiên Chúa giáo, ông có mối quan tâm đặc biệt đến thời kỳ này, một thời kỳ mà ông mô tả là "giai đoạn đen tối".

Theo Thomas, mặc dù những lời dạy của Thiên Chúa vẫn còn được truyền bá nhưng một số tinh hoa đã bị thất truyền vì không được nói đến hay giảng dạy nữa. Lý do là trong thời Trung cổ (Middle Age) khi giáo lý của Thiên Chúa truyền từ Trung Đông vào châu Âu thì trình độ của dân chúng lúc đó còn thấp, những người biết đọc, biết viết và có giáo dục chỉ chiếm thiểu số mà thôi. Nếu đem toàn bộ giáo lý giảng dạy cho quần chúng thì những người ít học, trình độ thấp không thể lĩnh hội được nên một số giáo sĩ đã đơn giản hóa các giáo lý, hạ thấp nó xuống để thích hợp cho đa số dân chúng. Các tinh hoa cao siêu chỉ được truyền dạy giới hạn cho một nhóm nhỏ những người đã được chọn lọc cẩn thận, nhưng theo thời gian, cũng ít nhiều bị thất truyền.

Ông nói: "Tôi biết nhiều người không đồng ý với điều này, vì họ quan niệm rằng tất cả những gì cần giảng dạy thì đã được nói hoặc viết ra hết rồi. Một số giáo sĩ quả quyết rằng ngoại trừ những điều đã được ghi chép lại trong Kinh Thánh thì không còn điều gì khác nữa, rằng sự vi diệu của Kinh Thánh là ở chỗ đơn giản mà ai cũng có thể đọc và hiểu được. Nhưng thật là sai lầm nếu người ta chỉ biết đến những điều được ghi lại mà không nói đến những điều không được ghi lại, những điều vốn chỉ được truyền dạy trong phạm vi giới hạn".

Những lời dạy bảo của Đức Chúa đã được Origen, vị học giả đầu tiên của Giáo hội diễn tả lại hết sức rõ ràng rằng khi Đức Chúa dạy cho dân chúng, Ngài sử dụng rất nhiều dụ ngôn để dạy. Ngoài các dụ ngôn đó, Ngài không nói gì thêm. Và khi Ngài ở một mình thì mười hai sứ đồ đã hỏi Ngài về các dụ ngôn đó. Ngài bèn giải nghĩa

hết cho họ và nói rằng dụ ngôn được đưa ra cho các con để hiểu được sự mâu nhiệm của Nước Trời, còn đối với người ngoài thì mọi sự đều chỉ là những dụ ngôn, như vậy họ xem mà không thấy, nghe mà không hiểu, mà chỉ những người hiểu và hỏi cải mới được tha thứ (S. Mark 4:10,11, 33, 34). Mark đã nhấn mạnh câu "khi Ngài ở một mình" và "đối với người ngoài" ngụ ý rằng một số tinh hoa cao siêu chỉ được dạy riêng cho những môn đệ thân thiết, vì trình độ của họ cao hơn trình độ của đa số dân chúng lúc đó. Ngay chính với các môn đệ, Ngài còn nói: "Ta còn nhiều điều nói với các con nữa nhưng bây giờ các con không thể đảm đương nổi (St John 16:12)".

Vào thời Trung cổ, các giáo sĩ đã đơn giản hóa rất nhiều lời dạy thâm sâu của Ngài và làm mất đi những tinh hoa siêu việt, mà hiện nay, một số giáo sĩ lại còn đơn giản hóa hơn nữa.

Nhiều điều được giảng dạy ngày nay đã khác hẳn những câu mà Đức Chúa dạy khi xưa. Liệu người ta có thể theo một tôn giáo nào mà không thật sự hiểu về các giáo lý của tôn giáo đó không? Đức tin và sự hiểu biết thâm sâu về ý nghĩa của giáo lý là điều cần thiết. Do đó, một tôn giáo đúng đắn phải đòi hỏi có sự học hỏi, nghiên cứu cẩn thận các giáo lý để áp dụng nó vào đời sống hầu mang lại hạnh phúc cho con người chứ không chỉ tin tưởng suông mà thôi. Nếu chỉ tin mà không có sự học hỏi và tìm hiểu kỹ lưỡng thì rất dễ đi vào con đường mê tín, lầm lạc và làm mồi cho những kẻ lợi dụng tôn giáo để trục lợi. Hiện nay có rất nhiều tà giáo xuất hiện khắp nơi, với các giáo sĩ có tài ăn nói hùng hồn, có sức thuyết phục, lôi kéo rất đông người theo. Họ góp nhặt một số giáo lý căn bản nhưng sửa đổi và giảng dạy khác đi nhằm hấp dẫn, lôi kéo quần chúng và tự phong cho mình những thẩm quyền nào đó.

Không mấy ai biết đặt câu hỏi về mục đích của các tôn giáo. Phải chăng tôn giáo được truyền bá để thúc đẩy sự tiến hóa của nhân loại, trở về với cội nguồn thiêng liêng của mình. Vấn đề là mỗi nơi, mỗi miền đều có nét văn hóa, phong tục và ngôn ngữ khác nhau nên việc đưa ra một tôn giáo duy nhất cho tất cả là điều không thể. Đó là lý do có nhiều tôn giáo khác nhau xuất hiện tại những nơi khác

nhau. Sự tiến hóa của nhân loại có thể coi như một cái thang dài từ dưới lên cao, mà trên mỗi bậc thang đều có những người ở đó. Người ở mức thang cao sẽ khác người ở mức thang thấp. Do đó, việc giảng dạy cũng phải tùy theo trình độ và sự hiểu biết của mỗi người. Phần cao siêu vi diệu dành cho người thanh cao thì người đại khờ không thể hiểu được. Cũng như thế, một giáo lý căn bản thích hợp với người mới sẽ trở nên vô vị với người có sự hiểu biết thâm sâu. Vì thế, tôn giáo nào cũng có nhiều cấp bậc khác nhau tùy theo trình độ của tín đồ, nếu không như thế, nó sẽ không đạt được mục đích là phát triển trí tuệ và sự hiểu biết được.

Tuy nhiên, cho dù là thâm sâu hay đơn giản nhất, ý nghĩa xuyên suốt nhất cho mọi tôn giáo hay niềm tin tâm linh chính là phát triển tình thương và lòng bác ái. Nếu tôn giáo hay tín đồ nào đi trái với hai tiêu chí này thì đó đều là sự lầm lạc. Nhân quả là bảng chỉ đường cho con người về với thiện lương, hiểu thấu đáo quy luật này, thế giới của chúng ta sẽ tràn đầy ánh sáng của tình thương. Cuối cùng, tình yêu thương vô điều kiện chính là con đường đưa chúng ta đến với tự do tuyệt đối, hòa hợp với Đấng tối cao.

Kiếp sống ở Pháp cũng là kiếp sống đáng nhớ cuối cùng mà Thomas kể cho tôi. Ông cũng nói sơ qua rằng sau đó ông cũng từng trở lại với vài kiếp sống ngắn ngủi để học những bài học của mình. Không phải kiếp sống nào ông cũng sáng suốt và có cơ duyên thức tỉnh, nhưng ông đã dần tìm lại được con đường của mình, con đường phát triển tinh thần, kết nối tâm linh và chuyển hóa tâm thức. Tôi và Thomas tiếp tục có những buổi trò chuyện để kể về những nhân duyên của ông ở kiếp này, về những việc ông đang làm và những điều ông đã ngộ ra.

PHẦN CHÍN

KINH TẾ QUÀ TẶNG

HẠT GIỐNG THIÊN TÂM

Mới đây, trong một chuyến công tác đến Chicago, tôi có gọi điện cho người bạn cũ mà gần đây mới có dịp gặp lại là tỷ phú Farnum, đề nghị đến thăm ông. Vị tỷ phú vui vẻ mời tôi đi ăn. Thay vì đến các tiệm ăn sang trọng, hợp với địa vị của mình, Farnum đưa tôi đến một quán ăn bình dân, có đông người xếp hàng trước cửa để chờ đến lượt vào dùng bữa.

Nhìn cách trưng bày giản dị cộng với tên quán là *Karma Kitchen*, tôi thầm nghĩ có lẽ đây là quán ăn Ấn Độ với những món đặc biệt mà Farnum ưa thích. Khi thực đơn được đưa ra, tôi ngạc nhiên vì toàn là những món ăn phổ thông, không có gì đặc biệt hay mới lạ. Farnum chọn món rồi nhìn tôi mỉm cười. Tôi giữ ý không để lộ sự ngạc nhiên của mình và cũng chọn món. Chúng tôi trò chuyện với nhau về các đề tài thời sự nóng hổi gần đây cho đến khi các món ăn được mang đến. Món ăn không có gì đặc biệt nếu không muốn nói là tầm thường. Tôi vừa ăn vừa thắc mắc, không hiểu tại sao một tỷ phú giàu có như Farnum lại chọn ăn ở một quán ăn bình dân như thế này. Ăn xong, đến lúc thanh toán thì tôi thấy trên phiếu tính tiền là con số không, kèm theo hàng chữ: *"Món ăn của bạn là quà tặng của người đến ăn trước. Để tiếp tục sợi dây thân ái, chúng tôi mong bạn cũng vui lòng tặng quà cho người ăn sau"*. Tôi ngạc nhiên đọc đi đọc lại phiếu tính tiền rồi ngược lên nhìn Farnum với vẻ thắc mắc. Farnum này giờ vẫn đang quan sát thái độ của tôi. HÀi lòng với vẻ ngạc nhiên trên mặt tôi, ông giải thích:

- Phần ăn của chúng ta đã được người dùng trước thanh toán rồi. Chicago có hàng ngàn quán ăn nhưng đây lại là một quán đặc biệt vì nó cho mọi người cơ hội để chia sẻ lòng tử tế, tình thân ái đến người khác. Quán ăn này là ý tưởng của một số người muốn tạo ra

sự thay đổi trong đời sống vội vã, tham lam, ích kỷ, vô cảm hiện nay. Họ phát động việc trao gửi tình thân ái, sự tử tế, lòng sẻ chia đến người khác bằng cách trả tiền cho người ăn sau như gửi đến một món quà tặng, tạo một dây thân ái từ người này qua người khác. Ý tưởng này được khởi đầu từ vài năm trước nhưng đến nay đã lan rộng khắp nơi, khiến các chuyên gia kinh tế đã đặt cho nó cái tên: "Kinh tế quà tặng" (*Gift Economy*) hay sự trao đổi các giá trị nhưng không phải mua bán mà cho đi vô điều kiện.

Lời giải thích của Farnum khiến tôi nhớ lại một việc xảy ra cách đây không lâu. Hôm đó tôi lái xe đi New Jersey, có đi qua một trạm thu phí. Khi tôi dừng xe để trả tiền thì người thu phí nói rằng xe trước đã trả phí cho tôi rồi. Thấy vậy Angie nói ngay: "Nếu thế chúng tôi cũng muốn trả phí cho xe sau". Tiếp tục cho đi khi nhận được điều gì tốt đẹp đã có truyền thống lâu đời, có cả một thành ngữ cho hành động này (*Pay it forward*). Tôi nghĩ quán ăn này hoạt động với sứ mệnh lan tỏa tinh thần này.

Farnum giải thích thêm:

- Karma Kitchen là quán ăn không có giá biểu, thực khách đến dùng bữa muốn trả bao nhiêu cũng được, và số tiền đó là để làm quà tặng cho người ăn sau. Quán hoạt động với tinh thần phục vụ, mục đích là cho đi, không mong đợi gì hết. Việc nhận quà tặng từ người ăn trước rồi lại tặng quà cho người ăn sau, dù không ai quen biết ai, cũng là một niềm vui nhẹ nhàng, thậm lặng mà ai cũng có thể trải nghiệm. Hành động cao đẹp này trở thành phong trào lan tỏa tinh thân ái đến mọi người. Nguyên lý của nó là khuyến khích các hành động tử tế để chuyển hóa sự ích kỷ thành lòng vị tha và lan tỏa tinh thân ái đến những người khác.

Tình thương giống như nguồn nước, tuôn chảy khắp nơi. Tình thương của Thượng Đế giống như biển cả mênh mông vô tận trong khi tình thương của con người thì như dòng suối nhỏ len lỏi qua mặt đất mà thôi. Khi con người biết thương yêu là khi họ quay về với Thượng Đế và khi họ thương yêu chân thành, không đòi hỏi là khi dòng suối bắt đầu hòa nhập vào biển cả.

Tôi mỉm cười, tán thưởng:

- Hay thật. Quả là một hình thức cho đi ý nghĩa. Cá nhân tôi cho rằng nó mang ý nghĩa hơn các quán ăn từ thiện.

Farnum gật đầu:

- Các quán ăn từ thiện dành cho người nghèo được điều hành bởi các hội từ thiện. Người đến ăn tuy không phải trả tiền nhưng chỉ là người tiêu thụ chứ không có dịp lan tỏa lòng thân ái đến người khác. Hiện nay, tiền bạc là yếu tố chi phối mọi sự, bất cứ việc gì cũng phải có tiền. Người ta nhìn ngắm nhau qua tiền bạc, so sánh nhau qua tiền bạc và đối xử với nhau cũng qua tiền bạc. Karma Kitchen đem lại cơ hội để mọi người đối xử tử tế với nhau một cách âm thầm qua việc trả tiền cho người đến sau như một món quà.

Tôi gật gù tỏ ý đồng tình rồi chột thắc mắc:

- Nhưng liệu không có giá biểu mà chỉ trông cậy vào sự tử tế của mọi người thì quán có đủ kinh phí duy trì không?

Farnum bật cười:

- Anh nghĩ quán ăn như thế chắc phải lỗ vốn, đúng không? Không đâu, điều bắt nờ là số tiền thu vào thường nhiều hơn số chi ra. Hầu như ai đến ăn cũng muốn trả nhiều hơn để giữ cho quán hoạt động. Tôn chỉ của quán là *"Hãy cho mọi người một cơ hội làm điều tử tế rồi họ sẽ lan tỏa điều này khắp nơi"*. Hiện nay, đã có vài chục quán Karma Kitchen mở ra tại Mỹ, nó cũng lan ra Ấn Độ, Singapore, Malaysia, Anh, Nhật Bản, Ba Lan, Pháp và Dubai. Đây là quan niệm kinh tế mới lạ về sự hào phóng cho đi mà không đòi hỏi thu lại cái gì. Mục đích của nó là làm khơi dậy những tiềm năng thân ái, tử tế sẵn có của mọi người, để họ lan tỏa sự thương yêu đến tất cả nhằm chuyển hóa chính mình cũng như người khác. Đó là lý do tôi mời anh đến đây, tôi muốn anh để ý đến phong trào này.

Trong lúc chúng tôi nói chuyện, vài người phục vụ trong quán đi ngang qua bàn ăn thân mật chào Farnum. Tôi hỏi:

- Hình như anh rất thường xuyên đến đây và rất quen thuộc với nơi này?

Farnum mỉm cười, giải thích:

- Karma Kitchen là quán ăn mà từ người nấu đến người phục vụ đều làm việc hoàn toàn tự nguyện, không công. Có người làm vài ngày, có người làm nhiều tuần hay lâu hơn. Đa số đều là sinh viên, học sinh hăng say với lý tưởng phụng sự, lan tỏa lòng vị tha, thân ái. Khi nghe nói về việc này, chính tôi đã tự nguyện đến rửa bát và đổ rác tại đây trong hai tuần lễ để xem cách thức họ làm việc ra sao. Cũng vì vậy nên tôi quen biết với hầu hết mọi người ở đây.

Farnum nói thêm:

- Tôi là người của hành động. Muốn biết rõ việc gì, tôi đều đích thân đến tận nơi xem xét và nghiên cứu. Nếu cần, tôi sẵn sàng bắt tay vào làm để biết rõ cách thức hoạt động của họ. Quy tắc của Karma Kitchen là phát triển lòng tử tế, tạo một dây chuyền thân ái từ người này qua người khác. Nếu những doanh nhân như chúng ta hay đầu tư vào chứng khoán thì người làm việc tại đây cũng như khách tới ăn lại đầu tư vào lòng nhân ái và sự tử tế.

Farnum là tỷ phú chuyên đầu tư vào các công ty khởi nghiệp nhưng có cuộc sống kín đáo, không hề xuất hiện trước công chúng nên không mấy người biết về ông. Tuy nhiên, việc ông tự nguyện đến làm việc trong quán ăn bình dân để tìm hiểu thêm khiến tôi rất thán phục. Farnum kể tiếp:

- Sau khi ghi tên tự nguyện, chúng tôi sẽ ngồi quây lại thành một vòng tròn để tự giới thiệu mình với những người làm việc tại đó. Mọi người chỉ biết tên nhau, không ai biết tôi là ai và tôi cũng không biết họ là ai. Công việc này là phụng sự, hoàn toàn tự nguyện, không phân biệt tuổi tác, danh vọng, địa vị mà chỉ có một mục đích là hoàn

tất công việc được giao. Dù ai đó có khiếm khuyết thì cũng không quan trọng. Trong tinh thần phụng sự, mọi người đều giúp đỡ lẫn nhau chứ không có sự phê bình, chỉ trích. Dù giàu hay nghèo, dù bằng cấp hay địa vị có cao đến đâu cũng không thành vấn đề. Trong việc phụng sự, chân thành là yếu tố duy nhất. Do đó khi làm việc này, không thể có bản ngã chen vào được. Không ai làm việc tự nguyện mà lại tự tôn, tự đại. Nếu còn đề cao bản thân thì công việc phụng sự đối với người đó cũng chỉ là phương tiện để họ đạt mục đích khác thôi.

Tôi gạt đầu đồng tình, rồi hỏi thêm:

- Vậy thì anh đã làm những gì ở đây? Mọi người ở đây làm việc ra sao? Tôi thật sự rất tò mò. Tôi thấy mọi người đều có vẻ rất nhiệt huyết và năng nổ, không giống như đang làm việc không công gì cả.

Farnum cười:

- Đúng vậy, mọi người ở đây đều ôm một bầu nhiệt huyết đối với sự tốt đẹp. Sáng sớm, khi mọi người tề tựu đông đủ, người điều hành quán ăn sẽ nói về thực đơn hôm đó, hướng dẫn các món phải nấu nướng ra sao rồi tiến hành phân công cho mọi người. Khi mới đến đây, vì chưa quen việc nên tôi được giao những việc đơn giản như quét dọn, lau chùi và đổ rác. Sau khi làm được vài hôm, có người tình nguyện mới đến, tôi được giao việc dọn bàn và đem các món ăn ra cho khách. Sau một tuần, vì đã có kinh nghiệm, tôi được phân công phụ giúp cho người nấu ăn. Hằng ngày, khi quán đóng cửa, mọi người cùng nhau quét dọn, thu xếp bàn ghế rồi ngồi lại thành vòng tròn cùng chia sẻ với nhau về ngày làm việc hôm đó để rút tỉa kinh nghiệm. Những buổi chia sẻ này đều là những trải nghiệm khó quên. Mọi người bắt đầu kể cho nhau nghe về cảm tưởng của họ khi làm những công việc này. Đó là những mẫu chuyện tuy ngắn thôi nhưng chứa đầy ý nghĩa. Ví dụ, khi khách có nặng lời hay tỏ ra bất lịch sự thì họ làm sao để giữ thái độ hòa nhã. Nguyên tắc tự nguyện làm việc tại đây là phát triển lòng nhân ái để thay đổi chính mình và lan tỏa đến người khác. Đôi khi phản ứng và cách ứng xử của

chúng ta cũng giúp khách hàng chuyển hóa thái độ của họ nữa. Những chia sẻ của họ là những điều quý giá giúp tôi hiểu rõ tinh thần phục vụ bất vụ lợi là thế nào. Trong hai tuần tại đây, tôi đã học được nhiều điều: Cho đi, nói lời nhã nhặn, lan tỏa lòng thân ái và cùng làm việc trong tinh thần phụng sự. Hay nói như ngôn ngữ của Phật giáo là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Nhờ thế, tôi hiểu rõ hơn về nền kinh tế quà tặng hay hệ thống trao đổi mọi thứ bằng tình người. Điều này hoàn toàn trái ngược với nền kinh tế thị trường, nơi mọi thứ chỉ trao đổi bằng tiền bạc.

Đúng lúc đó, một thanh niên đi ngang qua chào Farnum hết sức nhiệt tình. Ông giới thiệu anh bạn trẻ này với tôi:

- Đây là Roger, người đã làm việc tại đây lâu nhất. Hình như sáu tháng thì phải?

Người thanh niên gật đầu cười:

- Vâng, tôi làm việc mỗi tuần ba ngày, và đã làm thế hơn sáu tháng nay rồi.

Tôi hỏi:

- Anh hiện đang làm gì mà có thể dành thời gian đến đây làm tình nguyện được lâu như thế?

Roger vui vẻ trả lời:

- Tôi đang là sinh viên Đại học Chicago...

Farnum nói ngay:

- Này Roger, anh hãy kể cho bạn tôi nghe tại sao anh lại tình nguyện làm việc tại đây nhé.

Roger gật đầu cười:

- Tôi học về điện toán. Hầu hết các bạn của tôi trong trường đều áp ủ giấc mộng khởi nghiệp để làm giàu. Ai cũng muốn trở thành Bill Gates hay Steve Jobs thứ hai. Gần như mọi câu chuyện, mọi chủ đề hằng ngày của họ đều liên quan đến tiền bạc chứ không để tâm đến vấn đề nào khác nữa. Dĩ nhiên, tiền bạc không xấu nhưng sự khao khát tiền bạc đến ám ảnh của họ đã làm cho tôi thất vọng. Tôi muốn có một đời sống cao cả, tốt đẹp hơn. Tôi có đọc sách về Phật giáo, điều hấp dẫn tôi nhất chính là khái niệm "nghiệp" (*Karma*), được hiểu là nếu làm việc tốt thì điều tốt lành sẽ đến với bạn. Tôi không mong nhận lại gì ngoài việc cố gắng trở thành người tốt. Do đó ngoài giờ học, tôi tình nguyện làm việc tại đây và cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết.

Sau khi Roger rời đi, Farnum tiếp tục cuộc trò chuyện vừa bị gián đoạn của chúng tôi:

- Anh thấy đó, chúng ta thường mời bạn bè đi ăn uống, nhưng dù có là bạn thân đến đâu đi chăng nữa thì đôi khi vẫn có sự kỳ vọng đền đáp. Hôm nay tôi trả cho anh thì lần sau anh sẽ trả cho tôi. Đâu có mấy khi ta nghĩ đến việc trả tiền cho người không quen biết mà không mong đáp trả lại điều gì. Đa số mọi người sẽ nghĩ làm vậy là ngu xuẩn. Tuy nhiên trên đời này, không có ai là người xa lạ cả. Và mọi người chúng ta có duyên gặp gỡ trên đời đều có mối liên hệ với ta từ trước. Trong thế giới hơn bảy tỷ người này, cả cuộc đời chúng ta ước lượng chỉ gặp được vài ngàn người là nhiều. Trong số đó, ta chỉ quen biết vài trăm người là cùng. Có bao giờ anh tự hỏi vì lý do gì chúng ta lại gặp nhau không? Tại sao chúng ta lại thân nhau mà không phải là ai khác? Phải chăng tất cả đều đã có liên hệ từ trước? Chúng ta đến với nhau là để học hỏi, giúp đỡ, cũng là để sẻ chia, lan tỏa yêu thương.

Farnum nhấn mạnh:

- Vấn đề là ít ai thật sự suy nghĩ về điều này. Trong vô vàn mối quan hệ, đa số mọi người chỉ thân cận với người nào đó khi thấy điều gì có lợi cho họ mà thôi. Đôi khi bạn bè cũng là đối tượng để lợi dụng

chứ không hẳn là tình bạn chân chính. Những người giàu có, nổi danh thường có rất đông bạn bè xúm lại ca tụng, tâng bốc. Anh có thấy người nào nghèo khổ, đói rách mà có đông bạn như thế không?

Farnum đột nhiên trầm ngâm:

- Từ khi đi qua trải nghiệm cận tử, tôi đã suy nghĩ nhiều về việc làm sao có thể giúp mọi người chuyển đổi tâm thức lên những điều cao thượng, giàu ý nghĩa hơn? Hiện nay nhiều người quen lối sống ích kỷ, chỉ biết lo cho bản thân chứ không hề nghĩ đến ai khác. Dù biết khi chết không mang theo của cải vật chất nhưng họ vẫn chiếm giữ càng nhiều càng tốt, mấy ai đã biết cho đi. Tôi nhớ lại người lạ mặt đi cùng với cha tôi từng khuyên rằng chỉ khi nào biết quên mình thì mọi sự tốt đẹp mới có thể biểu hiện, khi nào bản ngã tiêu tan thì tình thương bên trong mới tỏa sáng. Từ đó tôi cố gắng sống như thế.

Tôi nhìn Farnum, người bạn học năm xưa, một trong những tỷ phú thành công, giàu có nhất Chicago. Đi qua trải nghiệm cận tử, ông đã trở thành một người rất khác. Người mà hiện giờ sự thoải mái, thanh thản luôn tỏa sáng trên khuôn mặt đã hẳn những vết nhăn của năm tháng. Ông âm thầm giao cho tôi toàn bộ khối tài sản của mình để làm những việc có ý nghĩa. Tôi nghĩ đến những người giàu có như ông, mặc dù tuổi đời đã cao nhưng vẫn loay hoay từng ngày ngăn ngừa còn lại trong cuộc đời để lo toan, tính toán từng con số trong trương mục ngân hàng.

Farnum nói tiếp:

- Tôi từng thấy một người hành khất nghèo đói vừa xin được một miếng bánh pizza đã vội chia sẻ ngay với một con chó hoang gầy ốm đang lang thang kiếm ăn gần đó. Việc cho đi mà không mong đợi sự đáp trả nào như thế còn cao đẹp hơn cả những triệu phú sẵn sàng bỏ số tiền lớn làm từ thiện nhưng mục đích là để tên tuổi, công lao của họ được tung hô trên báo chí. Là người theo Thiên Chúa giáo, tôi rất thích câu hỏi của thánh Francis thành Assisi: "*Có ai*

muốn phụng sự Thượng Đế không công không?". Không công nghĩa là không mong đợi gì hết, chỉ dốc lòng phụng sự mà thôi.

Tôi gật đầu:

- Anh nói đúng. Đa số mọi người làm việc đều mong đợi kết quả nào đó, dù là phần thưởng vật chất hay chỉ là một lời khen tặng.

Farnum tiếp tục:

- Có lẽ anh cũng thấy, hầu hết những người giàu đều có xu hướng thu vào và không nở cho ra. Quá nửa những người có quyền thế, gia sản khổng lồ đều chỉ biết tích lũy chứ không biết bố thí, cho đi hay giúp đỡ người khác. Đối với họ, nghe nói đến chữ "bố thí" là đã thấy e dè, vì bản tính của họ là nắm giữ khư khư thật chắc, còn cho đi là mất mát, là đau khổ, là xót xa. Một xã hội mà có quá nhiều người giàu keo kiệt như thế thì không thể là một xã hội lành mạnh được, nó thối rữa từ bên trong đấy.

Chỉ khi nào biết quên mình thì mọi sự tốt đẹp mới có thể biểu hiện. Khi nào bản ngã tiêu tan thì tình thương bên trong mới tỏa sáng.

Farnum im lặng như suy nghĩ rồi nói tiếp:

- Chúng ta đều là những người làm trong lĩnh vực về tài chính nên biết rõ các dữ liệu kinh tế. Trước đây, hầu hết các công ty lớn nhỏ đều phân phối lợi nhuận một cách công bằng, rộng rãi. Qua báo cáo tài chính, chúng ta biết rõ họ đã trả lương cho nhân viên bao nhiêu, quyền lợi thế nào, đóng thuế cho chính phủ ra sao. Chính sách phân phối công bằng này đã tạo ra sự thịnh vượng cho xã hội trong thời gian rất lâu. Tuy nhiên bắt đầu từ thập niên 70, đã có sự thay đổi lớn bởi quan niệm của nhà kinh tế học Milton Friedman, khi ông khẳng định rằng: "Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là tận dụng mọi nguồn lực của mình và tham gia vào các hoạt động được thiết kế để gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp". Lúc đó, những người đầu tư như chúng ta đều hết lòng ca tụng Milton nhất là khi ông đoạt giải

Nobel Kinh tế nhờ những đóng góp vào chủ nghĩa tiền tệ (*Monetarism*) mà đến nay vẫn được coi là khuôn vàng thước ngọc.

Tôi đồng tình:

- Nhiều lãnh đạo cũng áp dụng chính sách này cho quốc gia của họ, không mấy ai ngờ được hậu quả về sau.

Farnum gật đầu:

- Quan niệm này đã thúc đẩy lòng tham của một số giám đốc điều hành, họ lợi dụng lý thuyết này để áp dụng một cách sai lạc nhằm vơ vét tất cả những gì họ có thể lấy được. Anh cũng như tôi đều nhìn thấy rõ, trong khi mức lương của công nhân làm trong các doanh nghiệp vẫn đứng yên tại chỗ thì lương các giám đốc điều hành đã gia tăng theo cấp số nhân. Sự bất bình đẳng này vẫn còn tiếp tục kéo dài cho đến nay. Khi xưa, đa số những người lãnh đạo doanh nghiệp đều bắt đầu từ vị trí thấp rồi mới lên cao, họ đều là những chuyên viên có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động. Bắt đầu từ thập niên 70, với quan niệm phải gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, hầu hết các giám đốc điều hành này đều bị thay thế bởi những người tốt nghiệp về tài chính, xuất thân từ các trường đại học hàng đầu như Harvard, Chicago, Pennsylvania, Stanford... Bằng Quản trị kinh doanh (*MBA*) là chìa khóa mở cánh cửa để bước vào vị trí giám đốc điều hành. Những người này chỉ có một mục đích duy nhất là làm gia tăng lợi nhuận tối đa để cho giá cổ phiếu lên cao. Họ tiến hành sa thải một số lượng lớn công nhân nhằm cắt giảm chi phí, đóng cửa nhiều nhà máy, chuyển việc sản xuất qua những quốc gia khác có mức lương nhân công thấp nhằm tăng lợi nhuận. Họ thêu dệt các danh từ như "toàn cầu hóa", "mang việc làm đến cho những quốc gia kém mở mang, thúc đẩy phát triển kinh tế tại những nơi đó". Thật ra, mục đích duy nhất chỉ là giảm chi, tăng thu, nhằm kiếm lợi nhuận tối đa. Từ đó, giá trị công ty không còn được đánh giá bằng sản phẩm hay chất lượng cao mà bằng mức lợi nhuận, bằng việc giá cổ phiếu lên bao nhiêu điểm. Đây là chính sách ngắn hạn nhưng vô cùng tai hại. Tuy đem lại lợi nhuận

cho doanh nghiệp, thu nhập giám đốc điều hành và thân chủ cổ phiếu nhưng lại gây ra bất ổn cho xã hội, tăng tỷ lệ thất nghiệp, thu hẹp giai cấp trung lưu, tạo ra bất bình đẳng giàu nghèo. Một doanh nghiệp mà không có phát kiến mới, chỉ sản xuất các sản phẩm với chi phí thấp nhưng lại muốn thu được lợi nhuận cao thì làm sao có thể vượt lên và tiến bộ được trong thế giới cạnh tranh khốc liệt hiện nay?

Vấn đề Farnum vừa đề cập khiến tôi nghĩ đến việc phá sản hàng loạt của các công ty lớn trong thời gian vừa qua. Hầu hết những công ty có được sự thành công vẻ vang từ đầu thế kỷ 20 thì hiện nay đều suy sụp hay đã biến mất trên thị trường. Phải chăng chỉ vì lòng tham của một thiểu số lãnh đạo đã mang lại hậu quả tai hại như thế?

Farnum nói thêm:

- Từ khi các doanh nghiệp trên thế giới áp dụng chính sách này, thị trường chứng khoán và giá cổ phiếu đã gia tăng hơn bao giờ hết. Tôi thấy nhiều giám đốc điều hành ngày nay trở nên tàn nhẫn chưa từng thấy. Mọi công ty đều đua nhau sa thải công nhân, đóng cửa xưởng máy, chuyển việc làm ra ngoại quốc, cắt giảm ngân sách nghiên cứu, chỉ để đạt được mục tiêu là gia tăng lợi nhuận, bất kể mọi hiểm họa gây ra cho tương lai. Khi giá cổ phiếu lên cao, người đầu tư vào cổ phiếu gia tăng, doanh nghiệp càng có nhiều tiền thì các vị giám đốc này sẽ làm gì? Họ thẳng tay thanh toán các công ty đối thủ để giảm cạnh tranh. Có lẽ anh cũng biết, hiện nay nền kinh tế thế giới đã thu hẹp vào trong tay của vài chục tập đoàn cực lớn, chi phối hầu hết mọi sự. Ảnh hưởng và quyền lực của những gã khổng lồ này có thể khuynh đảo toàn bộ nền kinh tế thế giới trong tương lai. Tôi cũng rất bận tâm về chính sách toàn cầu hóa mà hiện nay chính phủ nhiều quốc gia đang ca tụng. Họ chỉ nhìn thấy các nguồn lợi ngắn hạn, giúp họ giải quyết nạn thất nghiệp mà không nhận thức được những hậu quả tai hại có thể kéo đến về sau. Hầu hết các công nghệ được chuyển giao cho những quốc gia có nhân công giá rẻ đều đã lỗi thời, máy móc đều đã cũ kỹ, hậu quả là chúng gây

ra ô nhiễm trầm trọng, các chất phế thải hóa học bị đổ xuống sông biển đã hủy diệt môi trường, gây ra nhiều bệnh nan y không thể cứu chữa. Việc phá rừng, xẻ núi, khai thác tài nguyên thiên nhiên để xuất khẩu đã đem đến nhiều hậu quả trong tương lai mà không ai ngờ. Tất cả phải chăng chỉ vì lòng tham muốn có thật nhiều tiền và làm giàu mau chóng?

Farnum tiếp tục:

- Thập niên 70 cũng là lúc công nghệ thông tin phát triển, các công ty khởi nghiệp như Apple, Microsoft, Google đều trở thành những "tay chơi" lớn trong thị trường chứng khoán. Khi cổ phiếu của họ gia tăng hàng trăm lần thì những người rất trẻ, chưa trưởng thành đã trở thành những ông chủ lớn với tài sản lên đến con số hàng tỷ. Sự thành công của họ là động năng thúc đẩy thế hệ trẻ hiện nay có nhiều tham vọng và cũng tham lam hơn. Nhiều sinh viên vừa tốt nghiệp, khi phỏng vấn xin việc đều nói mục đích duy nhất của họ là kiếm thật nhiều tiền, càng nhiều càng tốt.

Tôi đồng ý với Farnum:

- Anh nói đúng, tôi đã gặp những người như thế. Chưa nghe họ nói gì về khả năng đóng góp cho công ty và đất nước thì đã nghe họ nói làm sao có thể kiếm thật nhiều tiền.

Farnum thở dài:

- Trong xã hội, khi một thiểu số trở nên vô cùng giàu có, còn đa số phải làm đủ mọi việc để sống còn, thì xã hội ấy không thể tiến bộ hay phát triển được, trước sau cũng tan rã. Muốn tạo sự quân bình trong xã hội, trước hết phải bắt đầu bằng việc giáo dục về bổn phận, trách nhiệm của con người trong xã hội và trên trái đất này, nhằm thay đổi các thói tham lam, ích kỷ và tư lợi.

Tôi nói ngay:

- Việc này nói thì dễ nhưng khó có thể áp dụng. Hiện nay, tiền bạc đã chi phối hầu hết mọi sự nên đầu óc con người đã bị ảnh hưởng, ít nhiều bị hư hoại, khó mà bỏ được thói tham lam hay ích kỷ...

Farnum trầm ngâm:

- Chúng ta đều là những người đầu tư chứng khoán, mua bán cổ phiếu nên cũng có trách nhiệm phần nào đối với tình trạng này. Do đó, tôi muốn sử dụng tất cả tài sản của mình để hỗ trợ cho những hành động có thể đánh thức, tạo ra sự chuyển hóa tâm thức cho mọi người. Chúng ta cần phải khuyến khích những việc làm cao thượng nhằm nâng cao tâm thức của nhân loại lên mức cao đẹp hơn. Một khi tâm thức đã thấm nhuần những tư tưởng thanh cao thì các thói xấu hiển nhiên sẽ bị loại trừ.

Tôi hỏi:

- Vậy chúng ta có thể làm gì đây?

Farnum im lặng suy nghĩ rồi nói:

- Hiện nay, công nghệ phát triển đã làm thay đổi nền tảng của gia đình, hậu quả là con cái không còn gần gũi hay có mối quan hệ chặt chẽ với cha mẹ như xưa nữa. Thế hệ trẻ đã rơi vào trạng thái mất kết nối và trở nên lạc lõng, cô đơn, phải tìm sự an ủi qua sản phẩm công nghệ như trò chơi, mạng xã hội ảo, rồi giao du với những người xa lạ trên mạng xã hội. Người trẻ ngày nay đang dần mất kết nối trực tiếp giữa người với người mà phải qua trung gian của công nghệ. Việc này khiến họ không những mất kết nối với gia đình và các thế hệ trước mà còn mất kết nối với chính mình. Họ bơ vơ, lạc lõng, cô đơn, khổ sở trong một thế giới máy móc, vô cảm. Đa số đều mất niềm tin vào mọi thứ, kể cả gia đình và tôn giáo. Trong mấy chục năm qua, áp lực đời sống xã hội đã đẩy nhiều gia đình đến chỗ ly tán và tan vỡ. Tỷ lệ ly hôn lên cao, vợ chồng, con cái trở nên xa lạ với nhau, đôi khi còn biến thành hận thù nữa. Gia đình là nền tảng của xã hội, khi mọi người trong đó không còn kết nối với nhau thì làm sao xã hội có thể duy trì được nữa?

Tôi hỏi:

- Theo anh, làm sao để xây dựng một xã hội vững chắc hơn?

Farnum tiếp tục:

- Để xây dựng một xã hội lành mạnh, chúng ta cần bắt đầu từ căn bản, từ gốc rễ là gia đình. Một cái cây cần phải có rễ bám sâu xuống lòng đất thì mới phát triển được. Tại sao những người trẻ hiện nay lại không vững vàng được như xưa? Vấn đề không hoàn toàn nằm ở họ mà nằm ở gia đình. Bản phận của cha mẹ là dạy dỗ con cái biết hiếu thảo, trở thành công dân lương thiện, yêu thương gia đình, hướng về tổ quốc, bảo vệ quốc gia, xây dựng và làm những điều có ích cho đất nước. Khi gia đình đổ vỡ, khi vợ chồng không hòa thuận, những cuộc cãi vã liên tục nổ ra thì làm sao con cái có thể noi theo và ngoan ngoãn được? Các bậc làm cha mẹ phải ý thức rõ trách nhiệm giáo dục, định hướng con cái chứ không thể giao cho bất kỳ ai khác được. Nếu con cái được dạy từ nhỏ để phát triển nhân cách theo đúng hướng thì khi lớn lên chúng có thể vượt qua thử thách, không bị lung lay bởi tiền bạc, địa vị, sắc đẹp hay danh vọng. Ngày nay, một số chuyên gia tâm lý kêu gọi phải cho con trẻ tự do phát triển theo bản tính của chúng. Tôi không phản đối điều này, nhưng tự do đâu phải là tùy ý muốn làm gì thì làm. Trẻ con mà không được dạy dỗ từ nhỏ, phó mặc chúng phát triển theo ý thích thì chỉ khiến chúng trở nên vô cảm rồi hư hỏng mà thôi.

Tôi góp ý:

- Vẫn biết thế, nhưng trong hoàn cảnh ngày nay, ít gia đình nào có thể sống thoải mái với một nguồn thu nhập. Cả chồng lẫn vợ đều phải làm việc mới đủ sống, vì vậy việc đòi hỏi họ dành nhiều thời giờ dạy dỗ con cái là cả một vấn đề lớn.

Farnum phản đối:

- Nhưng không nhất thiết ai cũng phải bỏ hết thời gian để kiếm tiền. Dù bận rộn thế nào, nếu muốn, cha mẹ vẫn có thể dành thời giờ để

tìm hiểu và thông cảm với con cái. Khi sinh con, đâu cha mẹ nào muốn con mình trở nên hư hỏng nhưng nhiều người đã "khoán" việc giáo dục quan trọng này cho trường học. Trường học chỉ có thể dạy kiến thức phổ thông, còn căn bản đạo đức làm người thì chỉ cha mẹ mới có thể dạy dỗ và định hướng được. Con trẻ đều học từ cha mẹ, cha mẹ hành động ra sao, con trẻ học theo như thế. Nếu không dành thời gian dạy dỗ, lắng nghe, để hiểu biết và cảm thông với con cái từ khi còn nhỏ, thì làm sao cha mẹ biết khi con cái lớn lên cần những gì? Tại sao thanh niên ngày nay thường có khuynh hướng độc lập, nổi loạn và không vâng theo lời cha mẹ? Tại vì cha mẹ đâu biết gì về con cái, đâu biết chúng nghĩ gì, làm gì, hay có vấn đề gì. Vì cha mẹ không dạy gì cho con nên con chỉ học qua bạn bè và các trang mạng xã hội. Đám trẻ học rằng người thành công là người có thể kiếm nhiều tiền, do đó họ sẵn sàng làm mọi chuyện chỉ để có tiền, bất chấp tốt xấu. Họ học rằng nếu muốn nổi tiếng thì phải làm theo các ngôi sao điện ảnh hay những người đang tạo ảnh hưởng trên mạng xã hội. Do đó họ mua sắm, chưng diện, nói năng bừa bãi như những người này. Thay vì đọc các sách vở có giá trị, họ chỉ đọc những bình luận, tin nhắn trên mạng xã hội và "chat" với những người xa lạ vì họ đâu có thể trò chuyện, đối thoại thân tình với cha mẹ mình được nữa. Đó chính là tình trạng mất kết nối nghiêm trọng trong giáo dục các gia đình hiện nay trên thế giới.

Tôi tán thành và nói thêm:

- Anh nói đúng, tôi thấy ngày nay đại đa số người trẻ ít để ý đến các biến cố trên thế giới, nếu so với những người thuộc thế hệ trước. Bạn tôi, một giáo sư đại học, đã phải than rằng phần lớn sinh viên chỉ xem tin tức qua Facebook, Twitter, TikTok, YouTube hay WeChat... Họ chỉ quan tâm tới cái mà những người trẻ như họ đang làm trên mạng xã hội. Họ ngày càng trở nên vô cảm, không còn ham tìm tòi để gia tăng hiểu biết và chỉ chạy theo vật chất hay các xu thế nhất thời. Người ta vẫn tin rằng nhờ Internet mà người trẻ kết nối với nhau nhiều hơn nhưng thật ra đa số kết nối qua các ứng dụng công nghệ chỉ mang tính hào nhoáng bề ngoài và thiếu chân thật.

Farnum lộ về ưu tư:

- Tại sao tiêu chuẩn đạo đức của thế giới lại xuống cấp như thế? Phải chăng vì mọi người chỉ biết chạy theo tiếng gọi của tiền bạc, danh vọng chứ không hề để tâm đến nền giáo dục? Ngay như các trường học cũng cạnh tranh với nhau để có càng nhiều học sinh ghi danh càng tốt, mục đích là để kiếm được nhiều tiền còn chất lượng giáo dục tốt xấu ra sao thì ít ai quan tâm. Đó là chưa kể đến việc trường học đua nhau tăng học phí mỗi năm, rồi còn phát sinh bao nhiêu loại phí khác khiến nhiều gia đình rơi vào cảnh khốn đốn, chẳng còn hơi sức quan tâm đến chất lượng của giáo dục. Một khi giáo dục đã thoái hóa thì làm sao có thể đào tạo ra được nhân tài cho đất nước? Làm sao đào tạo được những tâm hồn cao thượng hay những anh hùng chân chính bảo vệ quê hương? Ngày nay, nhiều người trẻ không biết gì về đạo đức, về tình người, về công bình hay tình bác ái, mà chỉ sống đua đòi theo những thú vui trước mắt, sống với những thói quen buông thả, hưởng thụ bằng đủ mọi cách. Nếu chúng ta không khuyến khích phục hồi những giá trị cao thượng khi xưa thông qua hành động thì rất khó có thể cứu vãn được tình trạng xuống dốc trầm trọng hiện nay.

Tôi trả lời:

- Đã có nhiều người lên tiếng về việc cải thiện tình trạng giáo dục cũng như trách nhiệm làm cha mẹ trong thời đại này, nhưng đến giờ vẫn chỉ là những tiếng kêu vô vọng.

Farnum mỉm cười:

- Trong nhiều năm, chính phủ nào cũng đề xướng nhiều chương trình quy mô lớn với ngân quỹ khổng lồ để làm chuyện đó. Họ thuê những chuyên viên có bằng cấp cao, tốt nghiệp từ các đại học hàng đầu để thực hiện nhưng kết quả không đi đến đâu. Anh có biết tại sao không? Vì đa số những người này, dù có khả năng và kiến thức, nhưng chỉ làm việc để được trả lương chứ không xuất phát từ trong tâm.

Farnum kết luận:

- Theo tôi, mọi sự thay đổi đều phải xảy ra từ bên trong thì mới có thể tạo ảnh hưởng đến bên ngoài. Sự chuyển hóa chỉ xảy ra từ những trải nghiệm và hành động với những gì chúng ta tin tưởng. Đó là lý do tôi không muốn làm những việc lớn lao, nhưng cũng sẵn sàng hỗ trợ cho những việc tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa lớn. Vì vậy tôi mới mời anh đến quán ăn này để giới thiệu với anh tôn chỉ hoạt động của nơi này, đó là: *"Hãy cho mọi người một cơ hội làm điều tử tế rồi họ sẽ lan tỏa điều này đi khắp nơi"*. Biết đâu những việc nhỏ lại có thể đánh thức tiềm năng tốt đẹp của mọi người, đem lại sự chuyển hóa cho tương lai...

Sau buổi gặp gỡ với Farnum tại Karma Kitchen, tôi trở về New York và không ngừng suy nghĩ về buổi trò chuyện của chúng tôi. Tôi bàn với Angie rằng đã đến lúc tôi phải dành nhiều thời giờ hơn để làm những việc có ý nghĩa này. Sau khi bàn luận kỹ lưỡng, cả hai vợ chồng tôi quyết định giao việc điều hành công ty cho những cộng sự mà chúng tôi tin tưởng để chú tâm vào việc sử dụng ngân quỹ hỗ trợ cho các chương trình có thể mang lại những đổi thay tốt đẹp hơn. Chúng tôi cũng nhất trí đem toàn bộ tài sản của mình sáp nhập vào ngân quỹ của Farnum để hỗ trợ cho những dự án tương lai.

Theo đề nghị của Farnum, tôi đã yêu cầu Andrew tìm hiểu và nghiên cứu thêm về dự án Karma Kitchen hay những hoạt động tương tự. Không lâu sau, Andrew mang đến cho tôi một hồ sơ về chủ nghĩa trao tặng (*Giftivism*) mà anh thu thập được. Anh nói:

- Theo nghiên cứu của tôi, Karma Kitchen là một chuỗi nhà hàng hoạt động độc lập, thành lập từ năm 2007, hiện đã có mặt tại 23 quốc gia, với con số hơn nửa triệu người đến ăn mỗi năm để trải nghiệm về lòng tử tế. Nền kinh tế quà tặng hiện đã lan rộng khắp nơi. Chi tiết và các dữ kiện về quá trình vận hành của những nhà hàng này đều được ghi nhận trong bản báo cáo này.

Nhìn tập hồ sơ dày hàng trăm trang, tôi khá ngạc nhiên vì không nghĩ dự án này lại có quy mô và thời gian hoạt động lâu dài như vậy. Phần vì, tôi không nghĩ với một việc nghiên cứu nằm ngoài dữ liệu đầu tư, Andrew lại bỏ nhiều tâm huyết như vậy. Andrew là chuyên viên nghiên cứu thị trường có khả năng nhạy bén, cẩn thận từng chi tiết. Từ nhiều năm, anh là nhân viên mà tôi tin tưởng nhất. Một khi giao cho Andrew việc gì, anh sẽ không bao giờ khiến tôi thất vọng. Và với công việc "ngoài lề" lần này, Andrew vẫn tận tâm như mọi khi. Tôi đưa tay đón tập hồ sơ, vừa mở ra thì Andrew nói ngay:

- Có lẽ ông cần biết rằng Karma Kitchen chỉ là một chương trình nằm trong một phong trào lớn hơn gọi là "Không gian phụng sự" (*Service Space*). Đây là một tổ chức được khởi xướng trong thập niên vừa qua, hoạt động như một hệ sinh thái có tầm ảnh hưởng lớn đến rất nhiều người trẻ.

Tôi ngạc nhiên:

- Còn có phong trào khác lớn và ý nghĩa hơn sao? Tôi chưa nghe nói đến.

Andrew xác nhận:

- Đúng thế, "Không gian phụng sự" là tổ chức gồm rất nhiều người trẻ cùng chung mục đích là góp phần xây dựng và thay đổi xã hội. Điều đặc biệt là tất cả chương trình đều được thực hiện trong tinh thần tự nguyện nhằm lan tỏa sự tử tế và lòng yêu thương đi khắp mọi nơi.

Tôi ngạc nhiên hơn:

- Tổ chức này hoạt động ra sao? Tại sao tôi lại không nghe ai nói đến bao giờ?

Andrew bật cười:

- Sở dĩ chúng ta không biết là vì trong việc nghiên cứu đầu tư thương mại của công ty thì tổ chức này sẽ không bao giờ nằm trong tầm ngắm, bởi nó chỉ là tổ chức phi lợi nhuận, việc xây dựng và điều hành hoàn toàn được thực hiện bởi các tình nguyện viên. Tổ chức này không có nhân viên, không có văn phòng hay trụ sở vật chất mà chỉ sử dụng công nghệ để khuyến khích, kêu gọi mọi người thực hiện những hành động nhỏ để lan tỏa lòng thân ái, cảm thông đi khắp mọi nơi.

Tôi ngạc nhiên thích thú:

- Một tổ chức mà không có nhân viên, không có trụ sở thì hoạt động thế nào?

Andrew giải thích:

- Tổ chức này chỉ là một website giúp mọi người tương tác và hoạt động với nhau theo các quy trình đã được soạn sẵn. Tất cả mọi việc và dự án trong tổ chức đều mang mục đích chung là làm khơi dậy lòng thương yêu, sự tử tế qua các dịch vụ để giúp mọi người chuyển hóa. Người tự nguyện sẽ hưởng nhiều niềm vui qua các hành động bất vụ lợi. Người nhận sự giúp đỡ đó cũng nối tiếp tham gia vào những dịch vụ khác để lòng tốt được lan tỏa đi khắp mọi nơi. Trong hệ sinh thái này, mọi người đều kết nối với nhau trong tinh thần phụng sự – chỉ cho đi, không mong đáp lại. Trong hệ sinh thái này, mọi hành động đều đưa đến sự kết nối giữa người với người chứ không phải để đáp ứng nhu cầu nào. Từ các hành động tự nguyện, bất vụ lợi đó mà người ta trải nghiệm được những sự chuyển hóa màu nhiệm từ bên trong, đồng thời thiết lập mối quan hệ bên ngoài giữa những người có cùng lý tưởng, chí hướng với nhau. Vì thế, ngoài các dự kiện nghiên cứu về Karma Kitchen, tôi cũng ghi nhận thêm các chi tiết về tổ chức *Service Space* và chương trình hoạt động của họ trong bản báo cáo này.

Tôi không ngờ những điều Farnum nói với tôi mấy tháng trước về nền kinh tế quà tặng này đã có người thực hiện từ nhiều năm trước.

Khi tôi dự định góp phần sức mình vào quá trình chuyển hóa tâm thức nhân loại thì mọi nền tảng hầu như đã sẵn sàng. Quả là có sự trùng hợp lạ lùng, tôi thầm nghĩ. Tôi nhớ đến câu nói của ông Kris: "Một khi đủ duyên thì mọi sự xảy ra nhanh hơn anh nghĩ".

Andrew tiếp tục:

- Theo thông tin trên trang mạng của tổ chức này, với địa chỉ truy cập ServiveSpace.org, bất cứ ai cũng có thể đề xuất dự án và sử dụng công cụ của riêng họ để lập kế hoạch theo quy trình được soạn sẵn. Ai cũng có thể tự nguyện tham gia các chương trình được công bố. Đa số những người tham gia đều là sinh viên, học sinh với quan niệm "*Thay đổi bản thân, thay đổi thế giới*". Phần lớn chương trình đều là những dự án với quy mô nhỏ, chỉ khoảng vài ba người đến mười người là nhiều. Những việc làm này tuy nhỏ nhưng mang lại nhiều ý nghĩa nhân văn cao cả, giúp truyền cảm hứng đến người khác. Khi tìm hiểu về tổ chức này, tôi đã bàn với Connie và cuối cùng hai vợ chồng tôi cũng đã quyết định tham gia vào các hoạt động ý nghĩa trong tổ chức này để có thể học hỏi thêm.

Tôi nhớ ông Kris từng nói: "Để thay đổi thế giới, trước hết phải thay đổi chính mình. Khi tâm không còn ích kỷ, tham lam, sân hận hay giận dữ nữa thì thế giới mới chuyển hóa, trở nên thanh bình được". Đúng là mọi thay đổi cần bắt đầu từ chính mình rồi lan tỏa dần sang những người xung quanh. Tôi hỏi Andrew:

- Vậy anh và Connie đã tham gia vào dự án gì?

Andrew hào hứng kể:

- Tạm thời chúng tôi chỉ mới tham gia được một dự án nhỏ trên KarmaTube. Đây là một trang web chuyên sản xuất và chiếu các phim ngắn, nội dung chủ yếu là chuyển tải những câu chuyện về lòng tử tế, khuyến khích mọi người làm điều tốt để truyền cảm hứng hướng thiện cho người xem. Chúng tôi đã viết một kịch bản rồi gửi lên đó. Một thanh niên dựa trên kịch bản đó quay thành phim tải lên KarmaTube và chỉ vài hôm sau đã có đến hơn hai ngàn người xem.

Nhiều người khác cũng dựa trên ý tưởng đó để làm thêm những thước phim tương tự và cứ thế lan rộng ra...

Andrew sung sướng chia sẻ thêm:

- Chỉ nhờ tham gia vào việc nhỏ này thôi mà chúng tôi cảm thấy bản thân thay đổi rất nhiều. Khi cùng viết kịch bản, vợ chồng chúng tôi học hỏi lẫn nhau, khuyến khích nhau, động viên và truyền cảm hứng cho nhau. Chúng tôi đã hưởng một thứ hạnh phúc bất ngờ khi chia sẻ với nhau những giây phút tốt đẹp đó. Đây là một trải nghiệm có ý nghĩa không thể diễn tả. Hiện nay Connie vẫn đang soạn một kịch bản mới, cô ấy còn học quay phim bằng iPhone để tự mình có thể thực hiện những bộ phim ngắn cho KarmaTube.

Andrew nói thêm:

- Khi tham gia vào việc nhỏ nhưng chứa đầy ý nghĩa này, vợ chồng tôi ngoài việc có thể chia sẻ với nhau niềm hạnh phúc, thì còn học được về sự chuyển hóa bản thân. Cũng như việc ném một hòn sỏi nhỏ xuống hồ sẽ tạo thành những làn sóng từ từ lan tỏa rộng hơn. Chúng tôi tin rằng khi nhiều người cùng nhau làm những điều lành, dù bé nhỏ, chúng cũng sẽ lan tỏa khắp nơi và có thể thay đổi thế giới.

Sau khi Andrew rời khỏi phòng, tôi cầm bản báo cáo chi tiết về tổ chức *Service Space* rồi cho gọi người chuẩn bị phi cơ đến để bay đi Chicago. Tôi muốn gặp Farnum ngay ngày hôm đó để chia sẻ và báo cho ông biết quyết định của chúng tôi trong việc sáp nhập tài sản của chúng tôi vào ngân quỹ của ông. Tôi cũng muốn trao đổi với ông về tổ chức *Service Space* này và những dự định sắp tới để bắt đầu từ nhiều việc nhỏ nhưng thiết thực, có ý nghĩa lớn và góp phần lan tỏa, truyền cảm hứng, đánh thức lương tri và tình yêu thương trong mỗi con người.

PHẦN MƯỜI

TƯƠNG LAI NHÂN LOẠI

THỜI ĐẠI BẢO BÌNH VÀ GIAI ĐOẠN CHUYỂN TIẾP CỦA TRÁI ĐẤT

Tôi quá háo hức nên ngay chiều đó đã bay đến Chicago ghé nhà tỷ phú Farnum. Sau khi xem những tài liệu tôi đưa đến về *Service Space* và biết được vợ chồng tôi đã quyết định sáp nhập tài sản vào chung với quỹ của ông để chung tay làm nhiều dự án nhỏ nhưng có sức lan tỏa lớn lao và ý nghĩa đến mọi người, đặc biệt là lớp trẻ, những hạt giống tương lai tốt đẹp của nhân loại, Farnum vô cùng xúc động. Ông cảm ơn tôi đã đồng hành cùng ông trên hành trình này. Chúng tôi trò chuyện hồi lâu về những dự định trong tương lai, bắt đầu với việc góp sức vào những dự án có sẵn như *Service Space*, sau đó là tiến hành những dự án mới.

Sau khi rời khỏi nhà ông Farnum, trên đường về tôi và Angie quyết định dành ra một khoảng thời gian để nghỉ ngơi trước khi bắt tay và dồn tâm huyết vào thực hiện những dự án này. Vậy nên chúng tôi chuyển hướng đến Colorado.

Căn nhà nghỉ dưỡng của chúng tôi có điểm khá đặc biệt là nằm trên ngọn đồi nhìn xuống một hồ nước nhỏ rất đẹp. Thời điểm chúng tôi đến đó là đầu xuân. Một buổi sáng, Angie hào hứng rủ tôi cùng đi dạo bộ xuống hồ nước:

- Chúng ta đến đây đã nhiều lần rồi mà chưa đi xuống hồ đó lần nào. Em thấy quanh hồ nước tự nhiên này hình như có lối mòn có thể dạo quanh, chúng mình cùng xuống đó dạo bộ một chút nhé!

Tôi đồng ý vì sau những ngày tuyết giá lạnh lẽo, gặp tiết xuân ấm áp, đi dạo thành thoi thì còn gì bằng. Chúng tôi theo con đường nhỏ dẫn xuống hồ. Có lẽ vì đã lâu không người lui tới nên cây cối mọc chằng chịt. Tôi vừa đi vừa phải gạt những nhánh cây mọc quanh lối

mòn. Khi đến gần hồ, tôi ngạc nhiên thấy một khu đất trồng rất nhiều hoa, đầy màu sắc rực rỡ, tươi sáng. Angie cũng ngạc nhiên trầm trồ:

- Không ngờ ở nơi hoang vu này lại có nhiều hoa đẹp đến thế!

Tôi quan sát các bụi hoa rồi nói:

- Hoa này phải có người trồng mới được như vậy.

Chúng tôi vừa đi vừa nhìn ngắm những bụi hoa rực rỡ, tỏa hương thơm ngát cả một góc rừng. Vừa qua một khúc cua, tôi nhác thấy bóng một người đàn bà tóc bạc đang loay hoay bên các bụi hoa. Chúng tôi đến gần thì thấy bà đang vun gốc cho mấy cây hoa hướng dương. Angie cất tiếng chào. Bà lão quay lại, không tỏ vẻ ngạc nhiên khi nhìn thấy chúng tôi mà chỉ vui vẻ đáp lại lời chào. Nhìn dáng vẻ, tôi đoán chừng bà lão đã khoảng tám mươi. Phong thái của bà toát lên vẻ thoát tục lạ thường, vừa có cảm giác hiền lành, gần gũi, lại có chút gì đó tách biệt. Trong khi tôi vẫn đứng im lặng quan sát thì Angie đã nhanh nhẩu bắt chuyện:

- Chúng tôi ở trên đồi lâu nay mà không ngờ dưới đây lại có vườn hoa đẹp và tỏa sắc hương như thế này.

Bà lão vui vẻ tự giới thiệu:

- Tôi nghe nói có người mua căn nhà của ông Hart trên đồi, có lẽ là ông bà đây. Xin phép được giới thiệu, tôi là Dorothy.

Angie cũng tự giới thiệu rồi tiếp tục trầm trồ khu vườn:

- Tôi chưa thấy nơi nào trồng nhiều hoa đẹp như nơi đây. Chắc hẳn bà đã phải mất nhiều công sức và tâm huyết lắm?

Với động tác khoan thai, Dorothy vừa tiếp tục vun gốc cho những bụi hoa vừa vui vẻ giải thích:

- Trồng hoa là cách thiết lập mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Đối với tôi, chăm sóc cỏ cây, hoa lá là quá trình nuôi dưỡng và làm giàu cho tâm hồn. Màu xanh của lá cây tượng trưng cho sự đổi mới. Mỗi ngày nhìn những cây hoa đâm chồi nảy lộc, tôi cảm thấy rất hạnh phúc, mọi ưu phiền đều tiêu biến. Đôi khi tôi tự hỏi, không biết tôi đang chăm sóc hoa hay hoa đang chăm sóc tôi?

Angie càng tỏ ra thích thú:

- Tôi không ngờ bên trong việc trồng hoa còn ẩn chứa nhiều ý nghĩa như thế! Nghe bà nói vậy là biết bà yêu thích việc này đến mức nào rồi.

Bà Dorothy vẫn không ngừng tay, vui vẻ giải thích thêm:

- Thời gian dành cho cây cối giúp tôi hiểu về thiên nhiên nhiều hơn, do đó càng ngày tôi càng nhận được nhiều ân phước. Tôi biết lắng nghe nhạc điệu của chim chóc, biết thưởng thức vũ điệu của bướm hoa, cũng hiểu tiếng gió rì rào qua lá cây, tất cả như dàn nhạc hòa tấu nhắc nhở chúng ta sống trọn vẹn mỗi ngày bằng việc đặt ưu tiên cho những gì cần làm để đời sống tốt đẹp hơn.

Dù vẫn không ngừng tay với công việc nhưng bà lão vẫn để ý thấy tôi đang chăm chú xem mấy luống hoa, bà hướng về tôi rồi cất tiếng hỏi:

- Trong các loại hoa, ông thích hoa nào nhất?

Tôi trả lời không suy nghĩ:

- Đối với tôi, hoa nào cũng có nét đẹp riêng cả. Tuy nhiên, tôi thích hoa hướng dương này, vì chúng vừa đẹp vừa rực rỡ, luôn hướng về mặt trời.

Bà lão mỉm cười, ra vẻ thần bí, rồi quay qua Angie:

- Còn bà thì sao? Bà thích hoa nào?

Angie mỉm cười:

- Tôi thích hoa bách hợp hơn cả nên thường trưng bày hoa này trong nhà.

Bà lão quan sát chúng tôi rồi hỏi:

- Nào, để tôi đoán nhé. Có phải ông thuộc cung Sư Tử và bà thuộc cung Kim Ngưu không?

Tôi chưa hiểu bà lão muốn nói gì thì Angie ngạc nhiên thích thú đáp lại:

- Làm sao bà biết cung hoàng đạo của chúng tôi? Hẳn bà đã có kinh nghiệm nghiên cứu chiêm tinh?

Bà lão lắc đầu, mỉm cười:

- Không đâu, không thể gọi là nghiên cứu gì, đó chỉ là trò tiêu khiển cho qua thì giờ của một người già rảnh rỗi như tôi thôi. Tôi tìm hiểu, quan sát các vì tinh tú để tìm hiểu về sự liên hệ giữa vũ trụ và con người. Và vì yêu thích hoa cỏ, tôi có thể đoán được sự liên hệ giữa người và cỏ cây, hoa lá.

Angie ngạc nhiên:

- Nhưng làm cách nào bà biết được cung hoàng đạo của tôi chính xác như vậy?

Bà lão vui vẻ trả lời:

- Tại vì bà thích hoa bách hợp. Hoa này tượng trưng cho năng khiếu nghệ thuật và sự tận tâm chăm sóc người khác. Đó là loài hoa thích hợp với bản chất của những người thuộc cung Kim Ngưu, nhiều cảm xúc, giàu tình cảm, thích trang trí, bày biện những gì đẹp đẽ, vì cung hoàng đạo này chịu ảnh hưởng của sao Kim.

Angie bật cười thích thú:

- Bà đoán đúng đó, tôi đúng là thuộc cung Kim Ngưu. Nhưng còn nhà tôi thì sao?

Bà lão quay sang nhìn tôi rồi từ tốn đáp:

- Hoa hướng dương là loại hoa không những lớn hơn các hoa khác mà còn mang màu sắc rực rỡ nữa. Đó là loại hoa phù hợp với những người can đảm, tự tin, có mãnh lực thu hút sự chú ý của người khác, như ảnh hưởng của mặt trời. Đây là đặc điểm của những người thuộc cung Sư Tử. Liệu tôi nói có đúng không?

Trước giờ tôi cũng có nghe qua về chiêm tinh, huyền học nhưng không mấy để ý. Nhưng việc tôi thuộc cung Sư Tử thì Angie cũng đã nhiều lần nhắc đến, nên nghe bà lão nói vậy, tôi gật đầu xác nhận. Angie nghe vậy thì càng hứng thú nên hỏi thêm:

- Hay quá! Vậy khi quan sát các vì tinh tú bà còn nhìn thấy gì nữa?

Bà Dorothy ngừng tay, đứng dậy đối diện với chúng tôi. Ở bà tỏa ra nét thân thiện và thoải mái. Bà vui vẻ trả lời:

- Theo chiêm tinh học, mọi thay đổi trên trái đất đều bị ảnh hưởng bởi vị trí và sự chuyển vận của các hành tinh trong Thái Dương hệ. Tùy vị trí mặt trời nằm ở chòm sao nào mà luồng từ lực của nó rơi xuống trái đất, đến đời sống nhân loại sẽ khác nhau. Ảnh hưởng này kéo dài khoảng 2.150 năm gọi là chu kỳ, trong đó từ 80 đến 150 năm đầu là giai đoạn chuyển tiếp giữa hai chu kỳ (*Cusp of Ages*). Đây là lúc ảnh hưởng của chu kỳ cũ tan rã và chu kỳ mới thành hình. Hiện nay, trái đất đang ở giữa chu kỳ Song Ngưu và Bảo Bình.

Angie tò mò hỏi thêm:

- Vậy việc ảnh hưởng này sẽ diễn ra thế nào?

Bà Dorothy giải thích:

- Giai đoạn chuyển tiếp là giai đoạn có nhiều sự thay đổi bất ngờ và nhanh chóng sẽ xảy ra. Dĩ nhiên, các phương pháp tính toán vị trí tinh tú hiện vẫn còn tranh cãi nên sự nhận xét của tôi không hẳn đã đúng. Tuy nhiên, theo tính toán của tôi thì từ năm 1930 đến 2050 chính là giai đoạn chuyển tiếp giữa hai chu kỳ, nơi các giá trị cũ bị đào thải để mở đầu cho thời đại mới, là giai đoạn mà tâm thức nhân loại sẽ thay đổi và phát triển hơn xưa nhiều.

Angie ngạc nhiên:

- Bà muốn nói con người sau này sẽ thông minh hơn trước?

Bà Dorothy mỉm cười đáp:

- Không hẳn chỉ riêng trí thông minh được phát triển, mà tâm thức con người sẽ mở rộng hơn để đạt đến một sự hiểu biết hoàn toàn mới lạ. Thời đại Song Ngư đã tạo ảnh hưởng về đức tin và học thuyết, nên sự hiểu biết của con người còn bị giới hạn vào những gì đã được truyền dạy. Đó là thời đại mà tôn giáo phát triển rất mạnh, đồng thời đó cũng là giai đoạn lên ngôi của các học thuyết, lý thuyết, chủ nghĩa vốn đòi hỏi một sự tin tưởng nào đó. Sự tin tưởng bị giới hạn này khiến con người trở nên bảo thủ, ích kỷ dẫn đến sự chia rẽ, phân biệt tôn giáo, lý thuyết, phe phái, đôi khi còn quá khích hay cuồng tín nữa. Do đó suốt hai ngàn năm qua, chiến tranh xảy ra khắp nơi, bắt đầu từ các vị hoàng đế đầy tham vọng đến những nhà độc tài cực kỳ tàn ác.

Angie gật đầu:

- Thì ra là thế... Nhưng tương lai rồi sẽ thay đổi ra sao?

Bà Dorothy tiếp tục:

- Khi thế giới chuyển qua thời đại Bảo Bình, lúc này kiến thức nhân loại sẽ phát triển mãnh liệt, không còn bị giới hạn nữa. Thời đại này sẽ chấm dứt các xu hướng kỳ thị, bảo thủ cũng như những niềm tin vô lý phát xuất từ các lý thuyết hẹp hòi, theo thói quen, theo sự mê

tín, thiếu khoa học xưa kia. Biểu tượng của Bảo Bình là người mang bình nước. Nước tượng trưng cho kiến thức, chia sẻ, đồng cảm và thương yêu. Do đó, tôi tin rằng thời đại sắp tới sẽ giúp con người phát triển các kiến thức mới lạ để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn chứ không còn phân biệt màu da, tôn giáo, phe nhóm hay hận thù như trước đây nữa.

Tôi lắng nghe lời giải thích của bà Dorothy và liền nghĩ đến dự đoán của Farnum về sự thay đổi sẽ diễn ra trong tương lai. Cả hai đều có nhiều điểm tương đồng mặc dù một người dựa vào kinh nghiệm cận tử trong khi người kia nói về ảnh hưởng của tinh tú.

Bản phận của cha mẹ là dạy dỗ con cái biết hiếu thảo, trở thành công dân lương thiện, yêu thương gia đình, hướng về tổ quốc, bảo vệ quốc gia, xây dựng và làm những điều có ích cho đất nước.

Thấy Angie và tôi lắng nghe chăm chú, bà Dorothy có cảm hứng nói tiếp:

- Khi kiến thức được mở rộng, sẽ xây dựng một nền khoa học với những phát minh mới lạ không ngờ. Tuy nhiên, trong thời kỳ chuyển tiếp giữa hai chu kỳ này, sẽ có những cuộc thanh lọc để loại bỏ những người không thể thay đổi, không đủ trình độ, không đủ đức hạnh để thích hợp với kỷ nguyên mới. Do đó hàng loạt chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai sẽ xảy ra, và mức độ thì ngày càng ghê gớm hơn trước, hậu quả là chỉ còn một số ít người sống sót mà thôi. Điều này đã được các tôn giáo gọi là sự "phán xét cuối cùng" trước khi nhân loại bước vào thời đại mới. Qua sự quan sát tinh tú, tôi có thể nói rằng hiện nay là lúc sự xáo trộn đang diễn ra dữ dội. Nhân loại bị giằng co giữa hai trào lưu tư tưởng. Một bên là thuyết duy vật tàn bạo và óc cuồng tín mù quáng của tôn giáo, và bên kia là kiến thức về minh triết thiêng liêng và khoa học vũ trụ với các định luật thâm diệu nhưng chưa được khám phá hay công nhận.

Nói đến đó, bà Dorothy chột giật mình bối rối:

- Xin lỗi... chắc là tôi đã nói nhiều quá. Sống tại nơi hẻo lánh này không mấy khi gặp được người hợp duyên để trò chuyện... Tôi vui miệng nói lung tung, xin ông bà bỏ qua.

Angie vội vã đáp:

- Không đâu, không đâu, chúng tôi rất vui khi được nghe bà nói chuyện. Những kiến thức của bà rất thú vị. Nếu có dịp, tôi còn muốn nghe bà nói thêm...

Bà Dorothy vừa cười vừa xua tay:

- Tôi đã nói quá nhiều rồi... làm mất thời giờ của ông bà quá. Tôi không dám cản trở chuyến đi dạo của ông bà. Tuy nhiên, xin ông bà chờ cho một chút, tôi có món quà nhỏ dành cho bà.

Bà lão bước vội vào căn nhà nhỏ gần đó. Một thoáng sau, bà bước ra với bó hoa rực rỡ trên tay:

- Tôi có chút quà nhỏ, mong bà nhận cho.

Angie ngạc nhiên nhìn bó hoa bách hợp trong tay bà lão:

- Cảm ơn bà, hoa bách hợp đẹp quá. Nhưng... mùa này đâu đã có hoa này?

Bà lão vui vẻ giải thích:

- Tôi trồng trong nhà kính nên mùa nào cũng có đủ các loại hoa.

Chúng tôi vui vẻ nhận bó hoa rồi từ giã bà Dorothy, cảm ơn bà về cuộc trò chuyện rồi tiếp tục đi dạo quanh hồ trước khi trở về nhà.

Hôm sau lúc ghé thăm ông Kris, tôi kể với ông về bà Dorothy. Ông Kris nói:

- Quanh đây ai cũng biết bà Dorothy là người có khu vườn trồng rất nhiều hoa, kể cả những loại hoa rất hiếm.

Tôi cũng kể về dự đoán của bà Dorothy và hỏi ông có suy nghĩ gì về chuyện đó. Ông Kris lắng nghe rồi nói:

- Chiêm tinh học phổ thông hiện nay vốn bắt đầu từ Ai Cập, với một lịch sử lâu dài. Từ ngàn xưa, các giáo sĩ Ai Cập đã tính toán sự vận chuyển của tinh tú để áp dụng trong các nghi thức huyền môn cũng như để xây cất những kiến trúc vĩ đại như Kim Tự Tháp. Chiêm tinh học Ai Cập dựa vào vị trí mặt trời, mặt trăng và các chòm sao, xem xét mối liên hệ rồi phân chia thành các chu kỳ. Mỗi Đại chu kỳ kéo dài khoảng 26.000 năm, tượng trưng cho một thời đại, một nền văn minh hay một chu kỳ "*Thành - Trụ - Hoại - Diệt*". Mỗi Đại chu kỳ lại chia ra 12 Tiểu chu kỳ, mỗi Tiểu chu kỳ kéo dài khoảng 2.100 năm. Vũ trụ lực (*Cosmic Ray*) của mặt trời chiếu xuống trái đất, xuyên qua các chòm sao, giống như ánh sáng đi qua một kính màu và bị

nhuộm màu bởi kính đó. Vì mỗi chòm sao đều có các yếu tố đặc thù nên nó cũng ảnh hưởng đến những thay đổi trên trái đất. Do đó, ảnh hưởng của các chòm sao là nền tảng giúp cho các yếu tố khác được biểu hiện. Khi nền văn minh Ai Cập suy đồi, chiêm tinh học được truyền sang Assyria và Babylon, nhưng những giá trị tinh hoa đã ít nhiều bị thất truyền. Người Babylon kết hợp chiêm tinh học từ Ai Cập với chiêm tinh học của Ấn Độ để lập thành một phương pháp tính toán sự vận chuyển của tinh tú liên hệ đến số phận con người. Từ đó khởi đầu cho các hình thức bói toán, tử vi, gieo quẻ tốt xấu. Khi Alexander chinh phục Ba Tư, các học giả Hy Lạp đã nghiên cứu phương pháp chiêm tinh của Babylon nhưng họ lại loại bỏ một số chi tiết được cho là không hợp lý, thành lập một hệ thống chiêm tinh có tính khoa học hơn. Sau đó, người La Mã đã kiện toàn hệ thống này thành bộ môn chiêm tinh học ngày nay.

Ông Kris ngừng lại như suy nghĩ rồi tiếp tục:

- Khi các học giả Hy Lạp duyệt xét tài liệu chiêm tinh của Babylon, họ đã bỏ qua một yếu tố quan trọng mà họ cho là không hợp lý. Đó là yếu tố nói về ảnh hưởng của trái đất đối với các chòm sao kia. Vì nhiệt thành tin tưởng vào thần linh, chiêm tinh học của Hy Lạp chỉ chú trọng về ảnh hưởng của tinh tú xuống trái đất mà không tin có chiều ngược lại. Điều này cũng dễ hiểu, vì các học giả Hy Lạp vẫn tin có thần linh sống trên trời điều khiển số phận con người. Do đó, chiêm tinh học của người Hy Lạp, sau là La Mã, còn thiếu sót, không đầy đủ bằng chiêm tinh học của Babylon và Ấn Độ.

Tôi nói:

- Bà Dorothy có đề cập đến một tương lai huy hoàng của thời đại Bảo Bình sắp đến, tôi không biết thông tin này có chính xác không?

Ông Kris giải thích:

- Dự đoán đó cũng có giá trị phần nào. Nếu nhìn vào lịch sử qua các thời đại, ta có thể thấy được ảnh hưởng tinh tú đến đời sống nhân loại. Ví dụ, thời gian từ 4.000 đến 2.000 năm trước Công nguyên là

thời đại Kim Ngưu. Thời đại này thuộc hành Thổ, đặt nền tảng cho các hoạt động vật chất như xây cất, bảo tồn. Bằng chứng biểu hiện rõ nhất là việc xây dựng các Kim Tự Tháp, mồ mả, lăng tẩm của vua chúa. Các kỹ thuật và phương pháp xây cất lúc đó phát triển vượt xa hiện nay vì người Ai Cập đã học được kỹ thuật xây cất từ người Atlantis. Họ biết cách áp dụng ánh sáng mặt trời và tinh lực của các loại đá quý để phân tích vật chất thành nguyên tử để di chuyển các tảng đá khổng lồ từ nơi này qua nơi khác. Ngày nay, khoa vật lý lượng tử (*Quantum Physics*) đã chứng minh được điều này qua hiện tượng giao thoa của vật chất (*Qubit*) cùng hiện hữu tại hai nơi chốn khác nhau.

Ông Kris mỉm cười nhìn tôi:

- Điều này dĩ nhiên là ông đã biết rồi. Nhờ các kiến thức về việc sử dụng năng lượng ánh sáng mặt trời và chiều không gian, các giáo sĩ và kiến trúc sư Ai Cập đã thay đổi cấu trúc vật chất để mang các tảng đá khổng lồ nặng hàng chục tấn, từ nơi xa đến địa điểm xây cất. Nguyên lý của nó là mang vật chất của không gian ba chiều chuyển qua không gian bốn chiều nên không gặp chướng ngại gì. Tại địa điểm xây cất, họ chuyển vật chất đó trở lại không gian ba chiều và những tảng đá này trở lại trạng thái như trước. Nhờ kiến thức về các luồng từ lực của vũ trụ và sức hút của mặt trăng, họ có thể làm mất trọng lượng vật chất, di chuyển các tảng đá khổng lồ lên cao để xây dựng Kim Tự Tháp. Khi văn minh Ai Cập suy đồi, kiến thức này lại bị thất truyền. Trải qua hàng ngàn năm, không ai có thể truy nguyên về kỹ thuật này được nữa.

Ông Kris cười sáng khoái:

- Hiện nay, người ta đã cố gắng sử dụng sự hiểu biết và kỹ thuật hiện đại để tìm hiểu việc xây cất này. Họ không thể giải thích tại sao người xưa có thể di chuyển các tảng đá nặng hàng trăm tấn từ rặng núi xa xôi vào sa mạc để xây dựng Kim Tự Tháp, trong khi ngày nay, khoa học đã dùng những thiết bị máy móc hiện đại mà vẫn không thể làm được như thế. Có giả thuyết cho rằng thuyền bè trên sông

Nile là con đường giao thông chính để vận chuyển những khối đá này. Tuy nhiên, khoa học cũng không thể chứng minh được rằng thuyền bè mỏng manh bằng gỗ của người Ai Cập lúc đó có thể chứa được những tảng đá nặng hàng vạn cân như thế. Khoa học cũng không thể tìm được câu trả lời cho việc làm sao chỉ với những sợi dây thừng thô sơ và sức lao động của nô lệ mà người xưa có thể kéo các tảng đá khổng lồ lên cao để hoàn thành kiến trúc vĩ đại như thế. Họ không biết tại sao những tảng đá to lớn, nặng nề có thể chồng lên nhau vừa khít, không có một kẽ hở. Làm sao với các dụng cụ đo lường thô sơ thời đó mà họ có thể kiến tạo nên những kiến trúc với độ chính xác cao đến như thế? Lý do họ không thể lý giải những điều này là vì họ sử dụng tư duy của thời đại này để suy đoán về thời quá khứ. Tuy đã có nhiều giả thuyết được đưa ra nhưng chưa ai có thể chứng minh được điều gì. Bởi họ không hiểu được rằng mỗi thời đại lại có những kiến thức và kỹ thuật hoàn toàn khác nhau, tùy vào sự hiểu biết của con người lúc đó. Cũng như cách đây vài thế kỷ, nếu nói rằng con người có thể bay lên vũ trụ, đặt chân lên mặt trăng, thì không ai có thể tin được.

Ông Kris nói thêm:

- Sự tự hào vào khoa học thực nghiệm đã khiến con người trở nên mù quáng. Họ tin rằng nhờ khoa học mà nhân loại mới tiến bộ được như ngày nay. Tất cả những gì không thể chứng minh bằng khoa học đều bị coi là phản khoa học hay mê tín. Ngày nay, người ta tự hào về việc phát minh ra máy tính, thứ đã mở đầu cho thời đại công nghệ. Máy ai biết máy tính đã được phát minh từ mấy ngàn năm nay rồi. Máy tính đơn giản nhất là bàn tính của Trung Hoa, đã có từ trước Công nguyên. Cách đây vài chục năm, một thợ lặn Hy Lạp đã tìm được một cỗ máy bằng đồng với mấy chục bánh xe có răng cưa, gọi là Antikythera, tại đáy biển Địa Trung Hải. Qua phân tích khảo cổ, người ta biết cỗ máy này đã có hơn 2.000 năm tuổi. Đó là một máy tính được dùng để theo dõi sự di chuyển của tinh tú trong Thái Dương hệ. Nó đã tính toán vị trí các tinh tú di chuyển quanh mặt trời với độ chính xác tuyệt hảo. Qua các ký hiệu ghi khắc trên vòng quay của các bánh xe, người ta chứng minh rằng nó được dựa trên một

hệ thống toán học phức tạp. Các nhà khoa học đã phải thốt lên rằng bộ óc của thiên tài nào đã sáng chế ra chiếc máy ấy hẳn vô cùng siêu việt. Tóm lại, ta không thể vội vàng kết luận rằng nền khoa học khi xưa không thể so sánh với ngày nay.

Tôi ngẫm nghĩ những gì ông Kris vừa nói rồi lại hỏi:

- Trở lại với chiêm tinh học, ông nghĩ sao về dự đoán của bà Dorothy?

Ông Kris giải thích:

- Chiêm tinh học Hy Lạp dựa vào vị trí và mối liên hệ giữa mặt trời, mặt trăng và các chòm sao để chia thành 12 cung hoàng đạo. Vì mỗi chòm sao đều có những luồng sóng sinh hoạt đặc thù nên người ta có thể suy đoán được ảnh hưởng của nó đối với trái đất. Ví dụ, chu kỳ Song Ngư ảnh hưởng vào sự phát triển về đức tin, trong khi chu kỳ Bảo Bình ảnh hưởng cho sự tiến bộ về kiến thức. Hiện nay, chu kỳ Song Ngư đang vào giai đoạn cuối cùng nên những niềm tin lần lượt sụp đổ khiến con người hoang mang, sợ hãi vì không còn biết tin vào đâu nữa. Mọi niềm tin mà họ được dạy bảo khi xưa nay bỗng trở nên lỗi thời. Mọi lý thuyết, giáo điều trở thành sáo rỗng, không còn giá trị, và người ta cảm thấy như bị lừa. Trong khi đó, các kiến thức mới mẻ của công nghệ lại có sức cuốn hút mãnh liệt đối với những người trẻ thời nay. Thay vì tìm về đức tin, họ tìm đến công nghệ. Thay vì cầu nguyện, họ chia sẻ mọi thứ với nhau qua mạng xã hội. Hiện nay, người ta tin vào công nghệ cũng giống như thế hệ trước tin vào tôn giáo. Tuy nhiên, câu hỏi của tôi là công nghệ được coi là hiện đại này có phải là "kiến thức" của thời đại Bảo Bình như bà Dorothy nói không? Đây là điều chúng ta cần phải xem xét lại.

Ông Kris giải thích thêm:

- Như chúng ta đã đề cập nhiều lần, trong thời đại công nghệ tiên tiến, đầu óc con người hầu hết đã bị máy móc chi phối và dần trở nên thụ động, ít suy nghĩ, vì vậy mà ngày càng thiếu sáng suốt hơn. Thiếu kiến thức và ngây thơ tin tưởng mù quáng vào công nghệ sẽ

khiến con người mất đi khả năng tự chủ. Sự sáng suốt nội tại bị thay thế bởi các sản phẩm công nghệ có sức lôi cuốn và hướng dẫn rất mạnh. Hậu quả là những người trẻ ngày nay, những người lớn lên với công nghệ có thể trở nên khờ dại, khó suy nghĩ sâu xa và thấu đáo được. Ông có thể thấy gần đây nhiều người trẻ sống mơ màng như mộng du vì chúng sống trong thế giới ảo nhiều hơn thế giới thực. Dưới cái mác giải trí, càng ngày càng có nhiều sản phẩm được phát minh khuyến khích con người "sống ảo". Điều này làm giàu cho một số công ty vô lương tâm, còn sự thông minh của nhân loại sẽ bị các sản phẩm công nghệ này kiểm soát. Khi nhân loại thay thế sự thông minh nội tại bằng sự thông minh nhân tạo thì chẳng bao lâu họ sẽ không thể sử dụng đầu óc được nữa mà để cho máy móc quyết định thay mình. Vậy thì theo ông, đây có phải cái gọi là kiến thức tốt đẹp của thời đại Bảo Bình không?

Tôi nhẹ nhàng lắc đầu. Ông Kris mỉm cười rồi nói tiếp:

- Bà Dorothy tin rằng ảnh hưởng của chòm sao Bảo Bình sẽ ảnh hưởng về kiến thức, điều này cũng không sai. Tuy nhiên, kiến thức này được biểu hiện ra sao thì không chỉ chịu ảnh hưởng một chiều từ chòm sao này lên trái đất, mà chiều ngược lại cũng đóng vai trò quan trọng. Chiêm tinh học của Babylon và Ấn Độ chính xác hơn vì kiến thức của họ dựa trên tương tác hai chiều. Định luật vũ trụ phải quân bình vì mọi sự, mọi vật đều tương tức và tương nhập, không thể chỉ một chiều được.

Tôi hỏi ngay:

- Vậy thì trái đất ảnh hưởng lên các hành tinh khác như thế nào?

Ông Kris nói tiếp:

- Theo tôi biết, ảnh hưởng của tinh tú trong thời đại Bảo Bình sẽ xây dựng căn bản cho kiến thức về các luật vũ trụ được biểu hiện. Trái đất là môi trường hoạt động của con người, nếu muốn biết sự kiện xảy ra cho nhân loại thì con người cần hiểu rõ sự tương tác của trái đất với các luật của vũ trụ. Càng hiểu biết thì càng thấy rõ những

luật vũ trụ này chi phối thế gian như thế nào. Một khi đã hiểu thì con người sẽ hành động thuận theo các luật này, không còn bừa bãi, vô ý thức như trước. Đó mới chính là những điều sẽ xảy ra trong kỷ nguyên sắp tới.

Ông Kris ngừng lại một chút để suy ngẫm, rồi nói thêm:

- Là một hành tinh, trái đất cũng phát ra những luồng sóng sinh hoạt lên các chòm sao có liên hệ. Các chòm sao này sẽ phản chiếu trở lại trái đất những gì nó nhận được, nhưng sự phản chiếu này đã đi qua ảnh hưởng của chòm sao ấy. Đây là yếu tố quan trọng để hiểu rõ số phận con người. Người ta không thể nghiên cứu chiêm tinh mà không nói đến luật vũ trụ như luật Nhân quả được. Thật ra tinh tú chỉ phản chiếu lại những luồng sóng sinh hoạt xảy ra trên trái đất mà thôi. Tâm thức nhân loại cũng như hành động của họ đều phát ra những luồng sóng sinh hoạt lên không gian. Do đó, việc xảy ra trong tương lai đều tùy thuộc vào nghiệp quả của nhân loại.

Tôi gật đầu:

- Thì ra thế... Vậy còn giai đoạn giao thời giữa hai chu kỳ mà bà Dorothy đã nói tới. Theo ông việc này xảy đến thế nào?

Ông Kris trả lời:

- Bà ấy nói đúng đấy. Trước khi bước vào thời đại Bảo Bình, trái đất phải trải qua giai đoạn chuyển tiếp. Đây là lúc sẽ có nhiều sự thay đổi, xáo trộn nhằm xóa bỏ những tàn tích của chu kỳ trước và dọn đường cho chu kỳ sau. Ngoài sự sụp đổ của các niềm tin lý thuyết, có tính chủ nghĩa, giáo điều diễn ra trên phương diện tinh thần thì người ta sẽ thấy hàng loạt thiên tai như nạn đói, hạn hán, cháy rừng, dịch bệnh hay động đất xảy ra ngày một dữ dội. Đây không phải điều gì mới lạ vì đều đã được cảnh báo từ lâu rồi. Nhưng tại sao đã biết mà không ai làm gì? Vì nếu hành động, tạo ra thay đổi nhằm ngăn chặn những điều này thì có thể sẽ gây bất lợi cho nền kinh tế của một số quốc gia, khiến họ bị thiệt thòi. Do đó, dù biết hậu quả nhưng lòng tham lam, ích kỷ, sự vô cảm trỗi dậy và lấn át mọi

thứ khác đã khiến những quốc gia này bỏ mặc mọi thứ cho đến khi việc xảy đến thì đã muộn.

Ông Kris chăm chú nhìn tôi rồi nói tiếp:

- Ông làm việc trong lĩnh vực tài chính, có lẽ ông thấy rõ sự suy giảm kinh tế đã bắt đầu từ mấy năm nay rồi. Điển hình nhất là sự suy giảm trong lĩnh vực sản xuất thực phẩm tại một số quốc gia. Nguyên nhân là do chiến tranh, hạn hán, lụt lội, thời tiết nóng lên. Tuy nhiên, trước mắt việc này chỉ ảnh hưởng đến một số quốc gia thôi nên xã hội con người chưa sụp đổ trong thời gian này.

Ông Kris chỉ ra cửa sổ nơi ánh mặt trời rọi lên đám tuyết chưa tan còn đọng trên bãi cỏ rồi nói:

- Ai cũng biết trái đất đang nóng dần lên là hậu quả của những ô nhiễm mà con người đã gây ra trong quá trình phát triển công nghệ và công nghiệp. Khi nhiệt độ gia tăng thì thời tiết cũng bị ảnh hưởng. Do đó gần đây, các trận bão tố, cuồng phong, lũ lụt, cháy rừng diễn ra ngày một thường xuyên, với mức độ ngày một nghiêm trọng và diễn biến khó lường. Tuy nhiên, mọi người vẫn tin thiên tai là do thiên nhiên gây ra, không ai làm gì được nên chẳng ai muốn thay đổi nếp sống sung sướng tiện nghi của mình. Họ tin rằng nếu những biến cố này không ảnh hưởng trực tiếp đến họ thì họ không cần quan tâm. Sự vô cảm này tiếp tục kéo dài cho đến khi thiên tai xảy ra khắp nơi, khắp thế giới thì sẽ gieo rắc những hậu quả lớn lao, ảnh hưởng lên nền kinh tế toàn cầu. Từ khủng hoảng kinh tế sẽ biến chuyển thành khủng hoảng xã hội, khiến đời sống con người trở nên bất an và khó khăn hơn. Khủng hoảng xã hội sẽ dẫn đến sự mất niềm tin vào những người lãnh đạo, tạo ra bất ổn chính trị và bạo loạn xã hội. Đây cũng không phải là điều gì mới, các chuyên gia kinh tế và môi trường đã đề cập về vấn đề này từ lâu rồi. Tuy nhiên, dù biết nhưng không ai muốn làm gì cho đến khi việc phải đến sẽ đến.

Ông Kris thở dài:

- Lòng tham thúc đẩy một số công ty tiếp tục sử dụng các kỹ thuật tân tiến để khai thác tối đa tài nguyên thiên nhiên, bất chấp những khó khăn mà một số quốc gia khác phải đối phó. Mặc dù đã có dấu hiệu cảnh cáo về nạn đói, khan hiếm nước và bạo loạn chính trị nhưng con người vẫn tiếp tục khai thác triệt để nguồn tài nguyên còn sót lại chút ít này. Lý thuyết kinh tế khuyến khích gia tăng lợi nhuận nên con người tiếp tục phá rừng, xẻ núi, chặt cây, giết hại động vật, đổ hóa chất ô nhiễm xuống sông ngòi ao lạch khiến thiên nhiên tổn hại nặng nề. Khi môi trường thiên nhiên bị phá hủy đến mức không thể vãn hồi, cây cỏ ô nhiễm không thể ăn được hoặc thậm chí không mọc được, thì nạn đói sẽ lan rộng khắp thế giới. Khi đó một số đông người sẽ phải bỏ xứ, tha phương cầu thực đi khắp nơi tìm đất sống. Hiện tượng di dân lớn lao này sẽ tạo ra các biến chuyển xã hội, chính trị, kinh tế lên toàn thế giới.

Một thời gian không lâu nữa, thực phẩm và nước sạch sẽ là hai yếu tố quan trọng khiến các quốc gia sẵn sàng gây chiến, tiêu diệt lẫn nhau chỉ với mục đích sinh tồn. Các quốc gia mạnh sẽ tiến hành xâm chiếm các quốc gia yếu kém hơn để chiếm đất đai còn canh tác được cũng như các vùng có sông ngòi, nguồn nước. Đó là thời điểm mà con người vì sự sống còn mà trở nên u mê không còn biết phân biệt đúng sai gì nữa. Họ nghĩ rằng mình không lấy của người thì người cũng lấy của mình, mình không giết người khác thì người khác sẽ giết mình. Do đó, mọi quốc gia lớn nhỏ đều tranh giành, chiếm đoạt các tiện nghi để sinh tồn. Khi hận thù lên cao, khi sự tàn ác đến cực điểm thì chiến tranh sẽ xảy ra khắp nơi, số người chết sẽ lên đến những con số không thể hình dung được.

Người ta không thể nghiên cứu chiêm tinh mà không nói đến luật vũ trụ như luật Nhân quả được. Thật ra tinh tú chỉ phản chiếu lại những luồng sóng sinh hoạt xảy ra trên trái đất mà thôi. Tâm thức nhân loại cũng như hành động của họ đều phát ra những luồng sóng sinh hoạt lên không gian. Do đó, việc xảy ra trong tương lai đều tùy thuộc vào nghiệp quả của nhân loại.

Ông Kris im lặng như suy nghĩ điều gì rồi tiếp tục:

- Ai cũng biết các bệnh dịch như cảm cúm, đậu mùa, dịch hạch... đều đã có thuốc tiêm chủng nhưng cũng có những dịch bệnh mà mọi phương pháp ngăn ngừa đều không còn giá trị. Các loại vi khuẩn này có thể tạo ra biến thể liên tục khiến việc tiêm chủng trở nên vô hiệu. Tệ hơn nữa, trong tương lai, một số vi khuẩn của bệnh này còn phối hợp với vi khuẩn của bệnh khác trở thành một loại siêu vi khuẩn có khả năng tàn phá ghê gớm và không thể cứu chữa. Trong thiên nhiên thì vi khuẩn không thể kết hợp với nhau như thế được, nhưng với kỹ thuật tân tiến trong các phòng thí nghiệm hiện nay, sự thay đổi các yếu tố di truyền và việc lai tạo có thể tạo ra các loại "vi khuẩn nhân tạo" vô cùng độc hại, những vũ khí sinh học có thể giết hàng triệu người chỉ trong thời gian ngắn.

Tôi trầm ngâm:

- Thời gian gần đây, đúng là thế giới đã xuất hiện những biến động như thế. Nếu sự việc ngày càng trầm trọng như ông nói thì chẳng mấy chốc, con người sẽ phải đối diện với đại nạn.

Ông Kris nói thêm, vẻ ưu tư phảng phất trên gương mặt:

- Tôi thiết nghĩ ông phải biết rõ việc này rồi. Đây cũng chính là những gì đã xảy ra tại Atlantis. Và những kẻ tàn ác khi xưa đang đầu thai trở lại, tiếp tục lai tạo ra những sinh vật trái tự nhiên như thế. Bởi vì họ biết cách ghép tế bào di truyền của sinh vật này vào cơ thể của sinh vật khác, họ biết thay đổi tế bào di truyền của người với tế bào di truyền của thú vật, để sản sinh ra những loại quái vật lai giống với khả năng khác thường. Việc này đã xảy ra trong quá khứ nhưng sẽ lặp lại trong thời gian không xa. Dù đã trải qua hàng triệu kiếp sống luân hồi để học hỏi nhưng thói quen khi xưa của họ vẫn không đổi. Hiện nay, các loại sinh vật với tác hại ghê gớm đang được nghiên cứu trong các phòng thí nghiệm vũ khí sinh học. Ít lâu nữa thôi, nhân loại sẽ còn chứng kiến những loại quái vật có khả năng làm những việc ghê gớm hơn nữa. Với công nghệ sinh học

hiện đại và sự phát triển của trí thông minh nhân tạo, việc tạo ra các quái vật dị hình, dị dạng này đều nằm trong phạm vi có thể thực hiện.

Tôi rùng mình nhớ lại những ký ức đáng sợ tại Atlantis đã trở lại. Hình ảnh quái vật nửa người, nửa thú, những loại quái vật vô cảm, vô nhân tính và cực kỳ hung ác bỗng hiện ra rõ rệt trong tâm trí tôi. Tôi thở dài:

- Ông Kris, nếu chuyện tái diễn như thế thì thật khủng khiếp. Tôi vẫn nhớ ngày tàn của Atlantis diễn ra kinh hoàng như thế nào.

Ông Kris gật đầu:

- Hiện nay, ông đã thấy sự xuất hiện những loại bệnh dịch lây qua không khí, chỉ một thời gian ngắn thôi đã giết hàng triệu người. Người bệnh chỉ ho là đã có thể truyền bệnh qua người khác. Trong mấy năm qua, không những hàng loạt bệnh nhân đã chết mà cả các bác sĩ, y tá cũng chết vì bệnh này. Tuy nhiên, đó chỉ là giai đoạn mở đầu cho những bệnh dịch có sức tàn phá ghê gớm khác sắp phát tác trong thời gian sắp tới. Một số phát xuất từ thiên nhiên, một số từ các phòng thí nghiệm bí mật. Lúc này, không ai còn có thể phân biệt hay truy cứu nguyên nhân nữa. Một khi các dịch bệnh này phát tác, nó sẽ tiêu diệt một phần lớn nhân loại mà không ai có thể ngăn chặn.

Ông Kris im lặng như cảm thán rồi nói tiếp:

- Con người đều có những nghiệp báo khác nhau. Làm lành thì quả lành, làm ác thì quả ác. Tùy theo nhân tròng mà cảm thọ quả báo như thế nào. Nhiều người hiện vẫn không tin nhân quả, vì họ thấy những kẻ tàn ác mà vẫn vô sự, còn giàu sang sung sướng nữa. Họ không hiểu luật Nhân quả của vũ trụ vận hành ra sao và chỉ nhìn mọi sự một cách giới hạn. Một kiếp người trăm năm tưởng chừng dài nhưng cũng chỉ như một tia sáng lóe lên trong vũ trụ. Làm sao họ có thể biết những người này khi xưa đã làm việc lành thế nào mà nay được sinh vào nơi chốn giàu sang tốt lành, hưởng thụ vinh hoa, ăn

sung mặc sướng như thế. Mặc dù hiện nay họ làm việc xấu nhưng vì quả lành khi trước đã chín trong khi quả ác thì chưa. Cho đến khi quả ác chín muồi thì chắc chắn họ sẽ gặp quả báo xấu. Cũng như thế, có người đời này làm việc lành nhưng lại chịu nhiều thiệt thòi, khổ sở vì kiếp trước đã gây nhân ác, phải trả quả báo ác. Đến khi quả lành của kiếp này chín muồi thì sẽ được hưởng quả lành mà thôi.

Tôi thắc mắc:

- Nhưng lành hay ác cũng chỉ mang tính tương đối. Mỗi người có một định nghĩa khác nhau, việc tốt ở nơi này nhưng cũng có thể là xấu ở nơi khác...

Ông Kris ngắt lời tôi:

- Không đâu, bất cứ việc gì có ích lợi cho mọi người đều là việc lành. Nếu ông giúp người vì lòng thương yêu chứ không phải để được nổi tiếng, được báo đáp thì đó là việc lành. Khi làm việc một cách thành tâm, không ích kỷ, không tư lợi, không nghĩ đến mình mà chỉ lo cho người khác, thì đó là việc lành. Trái lại, nếu ông làm bất cứ việc gì có tính hại người, lợi mình thì đều là việc ác. Tiêu chuẩn để phân biệt lành, dữ là tự quán xét xem hành động đó có lợi cho ai? Nếu làm vì người thì đó là việc lành, nếu làm lợi cho mình mà hại người khác, thì đó là việc không lành.

Ông Kris ngừng lại để cho tôi suy nghĩ rồi tiếp tục:

- Các cường quốc hiện nay đều đang âm thầm tiến hành chế tạo những loại vũ khí có sức tàn phá ghê gớm. Họ đang tạo ra các ác nghiệp rất lớn để rồi sẽ phải trả quả rất nặng. Ông có thể thấy các quốc gia sản xuất súng đạn, vũ khí, khuyến khích các quốc gia khác gây chiến để bán vũ khí sẽ gặp hậu quả khi chính người của quốc gia đó, sử dụng những loại vũ khí mà họ chế tạo để chém giết lẫn nhau. Ông sẽ thấy các quốc gia đã tàn phá những quốc gia khác bằng bom đạn hay vũ khí hạt nhân sẽ phải gánh chịu những nghiệp quả không thể tưởng tượng được khi người dân xứ đó mắc đủ các

thứ bệnh tật quái dị, thân thể bất bình thường, điên cuồng, hoảng loạn... Một khi nghiệp quả đến, không ai có thể tránh được. Luật vũ trụ hết sức quân bình, không thể khác được. Từ bao lâu nay tư tưởng tham lam, ích kỷ, vô cảm, chỉ biết làm lợi cho bản thân, xuất phát từ các lý thuyết phi nhân, từ các nhà lãnh đạo độc tài, có sức lôi cuốn quần chúng đã lan rộng khắp nơi, chuyển thành những lực tiêu cực ảnh hưởng lên tinh tú. Trong thời kỳ chuyển tiếp này, lực tiêu cực đó phản chiếu xuống trái đất tạo ra những thay đổi bất ngờ. Vì sao có thiên tai, dịch bệnh hay chiến tranh? Vì tâm con người tham lam, hận thù, si mê, suốt ngày chỉ toan tính làm sao có lợi cho mình mà không biết nghĩ cho người khác. Một số người đã trở nên vô cảm và mất đi nhân tính. Thế giới này là của con người nhưng nếu con người không còn là người nữa thì chuyện gì sẽ xảy ra?

Tôi hoài nghi:

- Nhưng trái đất này đâu hẳn chỉ có con người, của con người... Còn có các loài vật khác nữa mà.

Ông Kris gật đầu:

- Đúng thế. Nhưng ông quên là trong vòng luân hồi, khi làm kiếp người, khi làm kiếp vật là chuyện bình thường sao? Khi đau khổ họ học được chút ít để chuyển hóa, nhưng rồi trong sung sướng lại quên đi hết. Cái vòng lẩn quẩn ấy, người và vật đều không thể tách rời. Vì thế, lực tiêu cực của trái đất là thứ vạn vật đều có trách nhiệm. Hiện nay thế giới ngày càng xấu đi với những thay đổi, biến cố và thảm họa trước khi trái đất bước vào chu kỳ Bảo Bình.

Tôi hỏi:

- Vậy thì khi bước vào chu kỳ Bảo Bình thế giới sẽ như thế nào?

Ông Kris thông thả nói:

- Sau hàng loạt thiên tai vô cùng dữ dội, sau các nhân tai vô cùng tai hại, sau các dịch bệnh ghê gớm và những cuộc chiến tranh tàn

khốc, sẽ chỉ một số ít người còn sống sót. Phải trải nghiệm qua những biến cố kinh khủng này, nhân loại mới hiểu rõ trách nhiệm làm người trên trái đất này là như thế nào? Nhờ học hỏi và áp dụng các luật vũ trụ vào đời sống mà đời sống con người trong thời đại sắp tới sẽ không như ngày nay. Kiến thức lúc đó sẽ là kiến thức về sự tương quan giữa con người và vũ trụ. Nền khoa học khi đó sẽ là một nền khoa học hướng nội để tự biết mình chứ không quay ra ngoài như hiện nay. Lúc đó, nhân loại biết thương yêu, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, biết làm những gì lợi ích cho mọi người. Có trải qua tang thương biến đổi thì khi được sống, con người mới biết thương yêu trân trọng nhau như những người anh em thân thiết. Chỉ lúc đó, mọi người mới cảm thấy hổ thẹn về việc làm khi xưa của mình, biết thay đổi tư duy, biết bỏ ác làm lành, biết xây dựng các quan niệm luân lý, đạo đức vốn vẫn có sẵn. Chỉ khi đó họ mới có thể sống một cách hữu dụng, thiện lành, nhân ái. Lúc đó, sẽ không còn sự phân biệt hay kỳ thị, vì tâm thức của họ đã mở rộng và hướng thiện. Những rung động tư tưởng của con người trong kỷ nguyên mới sẽ thanh nhẹ hơn nhiều lần rung động tâm thức của nhân loại hiện nay. Đây là giai đoạn "*Thành*" của chu kỳ mới, mọi người đều biết đến nhân nghĩa, đạo đức, không còn tư tưởng ích kỷ, tư lợi nữa. Từ đó, những người này sẽ khởi công xây dựng một thời đại mới, một xã hội mới với những con người mới vì họ đã hoàn toàn tin tưởng vào các chân lý hằng có trong vũ trụ. Cũng trong kỷ nguyên này, sẽ có một số linh hồn bậc thầy đạt đến tự do tuyệt đối, thoát khỏi luân hồi và thăng lên trải nghiệm ở những chiều kích cao hơn của vũ trụ. Trong số họ, sẽ có nhiều người chọn quay lại tái sinh trên trái đất để tiếp tục giúp đỡ những người còn đang trên hành trình hướng đến tự do tuyệt đối.

Ông Kris ngưng lại, ông nhìn tôi như nhấn gửi, rồi kết luận:

- Nhưng tại sao lại phải chờ đợi cho đến lúc đó? Tại sao không bắt đầu những việc đó ngay từ lúc này? Tại sao không ý thức rõ được trách nhiệm của mình đối với trái đất, đối với các sinh vật khác và thay đổi đời sống khiến cho nó trở nên tốt đẹp hơn ngay từ lúc này? Chúng ta không thể làm gì với những việc đã xảy ra trong quá khứ

nhưng chúng ta vẫn có thể thay đổi tương lai bằng chính những hành động, suy nghĩ của chúng ta ngay lúc này.

Trái đất là môi trường hoạt động của con người, nếu muốn biết sự kiện xảy ra cho nhân loại thì con người cần hiểu rõ sự tương tác của trái đất với các luật của vũ trụ. Càng hiểu biết thì càng thấy rõ những luật vũ trụ này chi phối thế gian như thế nào. Một khi đã hiểu rõ thì con người sẽ hành động thuận theo các luật này, không còn bừa bãi, vô ý thức như trước. Đó mới chính là những điều sẽ xảy ra trong kỷ nguyên sắp tới.

Thomas kể với tôi rằng ông đã nói chuyện với ông Kris rất lâu về thế giới trong tương lai. Và ông Kris nói rằng mọi dự đoán về tương lai chỉ là những khả năng, những điều "có thể" xảy ra, không ai có thể nói một cách chắc chắn được bởi tương lai luôn thay đổi tùy theo sự chuyển đổi tâm thức của nhân loại cũng như các diễn biến của luật Nhân quả. Ngoài ra, còn có những việc là "thiên cơ bất khả lộ", dù biết cũng không thể nói ra. Tuy nhiên, chúng ta biết rằng trái đất luôn thay đổi và vận hành theo bốn thời kỳ: "Thành - Trụ - Hoại - Diệt". Đã có nhiều nền văn minh, nhiều sinh vật khác nhau hiện diện qua các thời kỳ trên trái đất này mà chúng ta không biết gì vì nó từng thuộc về một chu kỳ xa xưa.

Tôi hỏi Thomas: "Nếu đã có những nền văn minh trước đó thì sao lại không có dấu tích gì để lại chứng tỏ nó đã từng tồn tại? Tuy ông đã hỏi tưởng về kiếp sống tại Atlantis nhưng đã có ai tìm được dấu tích của nền văn minh này đâu? Hiện nay, khoa học khảo cổ cũng tìm được những bộ xương sinh vật hiện diện hàng triệu năm về trước, nhưng lại không tìm thấy bằng chứng rõ ràng nào về dấu tích của nền văn minh cổ đại? "

Thomas bật cười trả lời: "Cũng như anh, tôi là người của lý trí nên không dễ gì bị thuyết phục nếu không có bằng chứng rõ ràng. Có lẽ biết thế nên ông Kris đã giúp tôi nhớ lại kiếp sống tại Atlantis và Ai Cập. Mặc dù trước đó đã từng nghe nói đến, nhưng phải nhờ những trải nghiệm này, tôi mới thật sự tin rằng có những định luật vũ trụ như Luân hồi và Nhân quả. Tôi nhớ lại kiếp sống tại Atlantis và Ai Cập thông qua ông Kris rồi sau đó đã tự mình nhớ lại một số kiếp sống khác tại Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ, Pháp, Đức... Nhờ chính mình hỏi tưởng được những sự kiện tiền kiếp, tôi mới hoàn toàn tin tưởng vào luật vũ trụ, hiểu được con đường mình phải đi. Ngoài ra, tôi cũng trải qua một số kiếp sống khác nữa, mỗi kiếp sống đều có bài học riêng, nhưng tôi cho rằng không nên kể thêm..."

Theo ông Kris, Atlantis là thời kỳ cuối cùng hay giai đoạn 'Diệt' của nền chu kỳ văn minh trước. Cũng nên nói thêm rằng, trước Atlantis đã có những nền văn minh khác nữa mà giờ không còn ai biết đến. Tôi cũng từng đặt câu hỏi rằng tại sao những nền văn minh kia lại không có dấu tích gì. Ông Kris đưa ra giả thuyết, rằng theo quy luật phát triển của vũ trụ, thì ở thời xa xưa mà chúng ta không còn khả năng truy tầm dấu vết ấy, sinh vật hẳn hết sức thô sơ, rất khó diễn tả. Từ các sinh vật thô sơ rồi mới dần dần biến chuyển, tiến hóa thành các loài vật có hình dáng rõ rệt hơn. Trước Atlantis đã có các nền văn minh Lanzada, Mihtarlam, Lemuria, người ta đã bắt đầu tìm thấy những dấu vết, dù mờ nhạt, về các nền văn minh này. Khi tiến triển đến thời kỳ văn minh Atlantis thì con người đã có hình dạng giống như loài người ngày nay mặc dù to lớn hơn một chút. Có người nghĩ rằng những nền văn minh khi xưa đều hết sức thô thiển, man rợ, mãi về sau mới trở nên văn minh. Thật ra mỗi nền văn minh lại phát triển theo các giác quan của thân xác lúc đó, với những nền kiến thức khác nhau. Nền văn minh Atlantis thiên về bản năng dục vọng, có kiến thức về những năng lực tiềm ẩn trong thiên nhiên. Nền văn minh của chúng ta thiên về sự suy luận, kiến thức về các sự vật hay hiện tượng bên ngoài. Có người nghĩ rằng nền văn minh trước phải sụp đổ và biến mất trước khi nền văn minh sau được hình thành. Điều đó không hoàn toàn đúng vì khi nền văn minh Atlantis hiện diện thì tại một số nơi khác trên thế giới, đã có nhiều người như chúng ta sinh sống, mặc dù văn minh còn sơ khai chưa phát triển bao nhiêu. Khi nạn Hồng Thủy xảy ra, một số dân Atlantis đóng thuyền di cư qua Ai Cập, Nam Mỹ và các đảo tại Thái Bình Dương, họ đã dạy dỗ những người tại đó về văn minh của họ. Khi những người Atlantis này chết đi, điều họ chỉ dạy vẫn còn tồn tại một thời gian, bằng chứng là các Kim Tự Tháp và những di tích hay các hình vẽ, ký hiệu lạ lùng mà khoa học ngày nay không thể giải thích được. Truyền thống thổ dân tại các đảo trên Thái Bình Dương đều nói về những người khổng lồ hay thần linh đã chung sống với họ, dạy họ nhiều thứ".

Tôi có hỏi thêm Thomas: "Nếu thế, khi nền văn minh của chúng ta đi qua giai đoạn 'Diệt' thì những người ở nền văn minh sau sẽ ra sao?"

Họ đã đến đây chưa và hiện đang ở đâu? "

Thomas gật đầu: "Tôi cũng đã hỏi ông Kris như thế và ông nói rằng một số người đã có mặt ở đây rồi. Những người này rất giống như chúng ta nhưng thân xác đẹp đẽ, khỏe mạnh hơn. Đa số họ hiện nay vẫn là trẻ em hoặc mới được sinh ra. Phần lớn đều chọn sinh vào những gia đình có truyền thống đạo đức tốt đẹp để giúp chúng tiếp tục phát triển các đức tính cần thiết. Đây là những người có trình độ hiểu biết rất cao, đã được huấn luyện kỹ lưỡng ở cõi bên kia vì họ có sứ mệnh phát triển một nền văn minh mới cho nhân loại trong tương lai. Mục đích của họ là gieo trồng những hạt giống của sự hòa hợp, hy sinh và tình thương rộng lớn đến tất cả. Do đó, một trong những đặc tính chung của những em bé này là không ăn thịt cá, mà chỉ thích các loại trái cây, rau củ. Nhiệm vụ chính của những người này là loại bỏ những thói xấu như tham lam, ích kỷ, hẹp hòi, nhỏ mọn và chia rẽ – những căn bệnh thông thường của nhân loại ngày nay. Đây là những người tiên phong đã phát nguyện đầu thai sớm để làm những việc thiện lành. Vì thế, những bậc làm cha mẹ nào ý thức được điều này nên tạo những hoàn cảnh và điều kiện thích hợp để giúp cho những đứa con này được phát triển thật tốt về phương diện tinh thần và có cơ hội để hoàn thành sứ mệnh của họ. Khi số lượng những người này tăng dần lên, sẽ xuất hiện những vị lãnh tụ dẫn dắt mọi người, không phải bằng sự cưỡng chế hay luật pháp, mà bằng tình thương và sự hiểu biết. Tình thương chính là một sức mạnh vô biên, nó không chỉ đem lại hòa khí cho mọi người và đó còn là căn bản của nền văn minh tiến bộ vượt bậc trong tương lai".

PHẦN KẾT

TÔI VÀ THOMAS

TẤT CẢ CHÚNG TA ĐỀU GẶP LẠI NHAU

Sau nhiều tháng trời đi lại giữa Pennsylvania và New York, đôi khi cũng có ghé qua Colorado, phần ghi chép của tôi về câu chuyện của Thomas có thể coi là tạm hoàn tất. Trong suốt quá trình đó, chúng tôi đã có những cuộc trò chuyện sâu sắc về xã hội, con người và thế giới trong thời cuộc nhiều biến động. Tình bạn giữa chúng tôi cũng từ đó đã sâu sắc và bền chặt hơn. Tôi coi cơ duyên được quen biết và trò chuyện cùng Thomas là vô cùng quý giá, bởi con người khoa học của tôi đã từng bước gỡ bỏ những ranh giới cứng nhắc của logic đúng sai, dần bước vào một thế giới mà khoa học và tâm linh gắn bó không thể tách rời. Buổi trò chuyện cuối cùng của chúng tôi trước khi khép lại quá trình ghi chép diễn ra tại căn nhà nghỉ dưỡng của Thomas ở Colorado. Khi đó chúng tôi cũng đã trao đổi chi tiết về cách thức triển khai câu chuyện và thông điệp chúng tôi muốn truyền tải. Thomas mong mỏi và cũng tin tưởng rằng động lực mà câu chuyện của ông tạo ra có thể mang đến những thay đổi vi tế trong tâm thức và hành động của con người, hướng đến một đời sống bác ái và tốt đẹp hơn.

Khép quyển sổ ghi chép trên tay, tôi hỏi Thomas:

- Qua những câu chuyện ông đã chia sẻ với tôi, vẫn có một ẩn số mà tôi chưa rõ. Ông nghĩ sao về ông Kris, một con người có một kiến thức sâu rộng, cao thâm, biết được những việc quá khứ lẫn tương lai? Ngoài ra, nhân duyên giữa ông và ông Kris chắc hẳn cũng không phải tầm thường?

Thomas mỉm cười:

- Ông Kris là một người rất đặc biệt, một vị tu sĩ có trình độ rất cao. Những hiểu biết sâu rộng của ông không đơn giản đến từ việc học

tập trong một kiếp sống mà là kết quả từ quá trình tu tập kiên định qua nhiều kiếp. Giữa tôi và người này đã có liên hệ với nhau từ lâu lắm rồi. Mặc dù ông Kris tránh không bao giờ nói gì về mình và cũng không nhắc nhở gì đến những việc trong quá khứ nhưng nhờ các trải nghiệm về tiền kiếp, tôi đã hiểu được mối liên hệ giữa chúng tôi. Tôi tin rằng ông Kris chính là cha của tôi tại kiếp sống ở Atlantis, người đứng đầu trường khoa học của Arya, chuyên sử dụng cây gậy ngọc để chữa bệnh. Ông chính là Timotheus trong kiếp sống của tôi tại Hy Lạp, và ở kiếp sống La Mã, ông chính là vị tu sĩ có đôi mắt xanh đã hướng dẫn tôi trong việc thực hành thiền tại Bactria. Ông cũng chính là vị giám mục già đã cứu mạng tôi trong kiếp sống ở Pháp. Ở những kiếp sống khác, ông cũng đều xuất hiện và trở thành một người đồng hành quý giá vào một đoạn đời nào đó. Chúng tôi đã quen nhau từ rất lâu và có mối thâm giao rất đặc biệt. Tuy nhiên, ông ấy rất kiên định và thành tâm với con đường tu tập của mình, đã có thành tựu hơn tôi rất nhiều. Ông ấy là bạn nhưng hơn hết vẫn là người hướng dẫn của tôi. Tôi rất biết ơn.

Những suy đoán của tôi về ông Kris như vậy là chính xác. Tôi gật đầu, ngẫm nghĩ rồi hỏi thêm:

- Ông nói rằng ông còn trải nghiệm qua nhiều kiếp sống khác nữa nhưng ông không kể hết. Phải chăng những kiếp đó có điều gì đặc biệt hoặc không tiện nói ra?

Thomas lắc đầu:

- Không có gì đặc biệt đâu. Mặc dù tôi có thể nhớ được nhiều kiếp sống nhưng tôi nghĩ chỉ cần kể lại một vài kiếp sống giúp tôi đúc kết những kinh nghiệm và kiến thức mà tôi tin rằng có thể giúp mọi người hiểu biết thêm về các định luật của vũ trụ, đặc biệt là luật Nhân quả và Luân hồi. Còn những kiếp sống khác của tôi tại Ấn Độ, Tây Tạng và Đức thì chỉ là đời sống của một tu sĩ trên con đường tu tập, không có chi tiết gì đáng kể. Nó chỉ là kinh nghiệm tu tập có tính cá nhân của riêng tôi mà thôi...

Tôi lại hỏi thêm:

- Đã nhớ được nhiều kiếp sống, vậy từ Atlantis đến nay ông đã học được những gì?

Thomas trầm ngâm rồi nói:

- Trôi nổi qua nhiều kiếp sống trong vòng sinh tử luân hồi, điều quan trọng mà tôi đã học được là tình thương. Tôi tin rằng tình thương là bài học mà bất cứ ai cũng phải học, không lúc này thì lúc khác, không kiếp này thì kiếp khác. Tuy nhiên điều đáng nói là khi rời bỏ thế gian, do sự xếp đặt của nghiệp (*Karma*), đa số người đều không nhớ gì về những việc xảy ra khi trước, có khi quên cả bài học đã học được nên lại phải học đi học lại. Vì ngộ ra được điều này nên trong kiếp sống tại Ấn Độ tôi phải yêu cầu ông Kris, khi đó là người hướng dẫn tu tập cho tôi, giúp tôi trong kiếp sống này nhớ lại chuyện xưa, để tôi có thể tiếp tục con đường đã chọn. Nhân quả, Luân hồi là điều nói suông thì dễ, nhưng thật ra rất khó giải thích cho thấu đáo. Không ai biết sự xếp đặt của nghiệp như thế nào, vì trải qua hàng triệu kiếp sống, khi làm người, khi làm thú vật, khi làm ma quỷ, nhân quả phức tạp chằng chịt, không thể giải thích hay lý luận được.

Thomas im lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Trong đời, chúng ta có quan hệ với một số người, và do sự xếp đặt nào đó của nhân quả mà chúng ta gặp lại nhau trong kiếp sống này hay kiếp sống khác. Tôi có thể quả quyết rằng hầu như tất cả những người mình gặp trong đời đều đã có quan hệ với mình từ trước. Có thể đó là những quan hệ tình cảm như vợ chồng, con cái, cha mẹ, họ hàng hay cũng có thể là những mối quan hệ quen biết như nhân viên trong công ty, bạn học hoặc những đối tác giao dịch và sau hết là những người sinh ra trong cùng một thành phố, cùng quốc gia hay cùng hoàn cảnh.

Tôi gật đầu:

- Thật vậy, trong thế giới mấy tỷ người, ta gặp người này mà không phải người kia cũng chính nhờ nhân duyên, nói cách khác là vì nghiệp quả.

Thomas cũng gật đầu, rồi nói thêm:

- Chúng ta gặp rất nhiều người trong đời, có người đối xử tốt, trân trọng chúng ta và cũng có người đối xử không tốt. Dù thế nào cũng đều là những bài học nhân quả mà chúng ta phải học. Suy nghĩ rộng ra một chút, chúng ta sẽ thấy quan hệ liên quan đến cuộc đời ta thật ra không chỉ giới hạn ở bản thân ta và những người thân của mình mà còn cả với những người khác nữa. Ví dụ, trước khi chúng ta được sinh ra, đã có những người gián tiếp giúp đỡ chúng ta rồi, đó có thể là người từng giúp đỡ mẹ ta khi bà đang mang thai, là các vị bác sĩ, y tá săn sóc cho bà và giúp ta ra đời được mạnh khỏe. Những mối quan hệ gián tiếp như thế này có rất nhiều và ít ai để ý hay biết ơn. Mối quan hệ tiếp tục với các bạn đồng lứa tuổi, thầy cô dạy dỗ chúng ta hay các đối tác, đồng nghiệp trong sự nghiệp của ta. Nếu quán xét, ta sẽ thấy có rất nhiều quan hệ, trực tiếp và gián tiếp giữa ta và những người ta gặp. Điều này cho thấy một sự thật rằng chúng ta có mối quan hệ với nhiều người hay nói rộng ra là tất cả mọi sinh vật. Thế giới mà chúng ta đang sống hiện nay là một môi trường mà trong đó tất cả mỗi cá nhân, xã hội, quốc gia đều liên quan với nhau trong một mạng lưới vô hình. Do đó hạnh phúc hay khổ đau của một người, một quốc gia không thể tách rời ra khỏi hạnh phúc hay khổ đau của toàn thể nhân loại. Dĩ nhiên mỗi cá nhân có biệt nghiệp riêng đến từ quan niệm và hành động của họ. Tuy nhiên, mọi người cũng có những niềm tin nào đó giống nhau, quan niệm nào đó tương đồng và hành động nào đó như nhau, nên đã tạo ra cộng nghiệp. Vì cộng nghiệp ấy mà nhiều người phải cùng nhau trải qua những thứ như thiên tai, lũ lụt, động đất, chiến tranh và dịch bệnh.

Thomas nhấn mạnh:

- Theo tôi, đời sống là một ngôi trường lớn mà trong đó những người có liên hệ với chúng ta sẽ dẫn dắt ta đến những hoàn cảnh hay bài học nào đó. Mọi quyết định, mọi lựa chọn của chúng ta đều là những điều mà ta phải học. Từ những hành động này mà mục đích đời sống của ta trong kiếp này sẽ dần dần hiển bày ra, vì chúng ta sinh ra với mục đích cụ thể chứ chẳng phải ngẫu nhiên. Hiểu được như vậy, mỗi người sẽ nghiêm túc với từng suy nghĩ và hành động của mình, tránh hành xử tùy tiện, chiều chuộng bản năng, họ cũng sẽ biết cảnh giác với lòng tham và mằm mống bạo lực của mình. Cũng từ đó, chúng ta sẽ ý thức rằng đời sống là một lớp học mà trong đó mọi sinh vật có liên hệ với nhau sẽ cùng đến một nơi, một hoàn cảnh để học hỏi, để giúp đỡ, để thương yêu, để trả nợ hay đòi nợ, để hoàn tất những tâm nguyện khi xưa mà hiện nay chúng ta không biết rõ. Tất cả mọi sự xảy ra đều là những bài học về nhân quả mà trong đó có hai yếu tố quan trọng. Yếu tố đau khổ thúc giục ta phải học và yếu tố yêu thương giúp ta giải quyết bài học kia. Nếu chúng ta có thể hiểu rõ về tình thương thì gần như việc gì cũng có thể giải quyết được.

Tôi hỏi:

- Chỉ tình thương thôi là đủ sao? Ông tin rằng tình thương có thể giải quyết mọi sự?

Thomas gật đầu:

- Tình thương cũng là một định luật của vũ trụ. Đáng tiếc, không mấy ai hiểu được điều này. Đa số đều hiểu lầm về tình thương, vì họ đã để cho lòng ích kỷ hay bản ngã lèo lái mình. Ngày nay, người ta hiểu về tình thương một cách giới hạn như một sự trao đổi, có cho đi thì phải có nhận lại, và đôi khi, nếu không được đáp ứng, tình thương có thể chuyển biến thành ghen ghét, giận dữ hay hận thù ngay. Đó là thứ tình thương có điều kiện.

Thomas trầm ngâm rồi nói:

- Tôi biết về tình thương yêu từ kiếp sống tại Ai Cập qua sự gặp gỡ với Cihone. Lúc đó tôi chỉ có một khái niệm mơ hồ về sự thương yêu. Tâm hồn cao thượng của Cihone đã cảm hóa và khiến một Pharaoh đầy uy quyền như tôi phải kính nể, không dám xâm phạm đến cô. Trong kiếp sống đó, đối với tôi, tình yêu được đồng hóa với quyền lực và dục vọng, chỉ đến khi gặp cô tôi mới mơ hồ nhận ra sự tồn tại của tình yêu vô điều kiện. Ngay như tại Atlantis, tình cảm cuối cùng của tôi với cô thánh nữ Kor cũng chỉ là lòng thương hại, là cảm giác hối hận chứ chưa phải là tình yêu thật sự. Vì không biết gì về tình yêu thật sự nên tôi đã làm điều sai quấy với cô, đó là một nhân đã được gieo xuống mà khi đủ duyên sẽ trở quả. Chính cái nhân đó đã khiến tôi phải trả giá trong vai trò một nô lệ bị đối xử tàn tệ, nhục nhã và cuối cùng bị giết. Khi xưa tôi đã gây ra cái chết của thánh nữ Kor thì đến lúc tôi cũng phải trả lại món nợ đó cho cô.

Tôi mơ hồ nhận ra sự liên kết mà Thomas đang đề cập nên vội hỏi:

- Nói thế, phải chăng Isidora tại Hy Lạp chính là thánh nữ Kor?

Thomas mỉm cười:

- Đúng thế, cô ấy cũng trải qua nhiều kiếp sống khác và cũng có những bài học cần học của riêng cô ấy. Tại Hy Lạp, cô ấy sinh ra là người quyền quý, xinh đẹp nhưng phải học bài học cay đắng khi bị Cassander từ hôn, bị bạn bè chê bai nhục nhã rồi cuối cùng phải lập gia đình với Deasius, một kẻ góa vợ, hung ác và tham lam... Trong kiếp sống này, tôi đã trả cho cô những đau khổ, tủi hờn mà tôi từng gây ra cho cô ở kiếp trước, nhưng cô cũng đã nối dài vòng nhân quả giữa chúng tôi bằng việc đối xử với tôi một cách tàn tệ, cũng vì vậy mà chúng tôi còn gặp lại nhau ở những kiếp sống khác để giải quyết những ân nợ còn lại.

Tôi gật đầu:

- Tôi hiểu, duyên nợ từ nhân quả giữa người với người quả là rất chằng chịt, khó lòng trả hết trong một kiếp, vì khi trả quả ta cũng vô

tình gieo nhân mới. Nếu thế nhân duyên của ông với Melissa là như thế nào?

Bất cứ việc gì có ích lợi cho mọi người đều là việc lành. Nếu ta giúp người vì lòng thương yêu chứ không phải để được nổi tiếng, được báo đáp thì đó là việc lành. Khi làm việc một cách thành tâm, không ích kỷ, không tư lợi, không nghĩ đến mình mà chỉ lo cho người khác, thì đó là việc lành. Trái lại, nếu ta làm bất cứ việc gì có tính hại người, lợi mình thì đều là việc ác. Tiêu chuẩn để phân biệt lành, dữ là tự quán xét xem hành động đó có lợi cho ai? Nếu làm vì người thì đó là việc lành, nếu làm lợi cho mình mà hại người khác, thì đó là việc không lành.

Thomas nói ngay:

- Melissa là một người phụ nữ cao thượng, sẵn sàng hy sinh tất cả cho chồng. Anh không cảm thấy điều đó rất quen sao? Cô chính là hoàng hậu Nedjem khi xưa. Là vợ một Pharaoh uy quyền nhưng không được sủng ái, yêu thương mà phải sống cô đơn trong cung điện nhưng cô âm thầm chấp nhận, chịu đựng vì chỉ mong cho Ai Cập được ổn định, phồn vinh. Cũng như thế, tại Hy Lạp, Melissa là người vợ chung thủy với Leonidas, đối xử tử tế với Yasamin, người đã cướp chồng mình và vẫn yêu thương, chăm sóc cho đứa con riêng của chồng.

Tôi nghi hoặc:

- Nhưng Nedjem là một phụ nữ bao dung, kiên cường và nhân hậu, tôi nghĩ cô sẽ không phải lần nữa trải qua hôn nhân không trọn vẹn như thế chứ. Vì sao Nedjem đã vậy, Melissa cũng không được hạnh phúc?

Thomas khẽ lắc đầu:

- Không đơn giản như thế. Như chúng ta đã nói, nhân quả là một hệ thống chằng chịt và phức tạp, mỗi kiếp sống của chúng ta không chỉ là cơ hội để lần lượt trả những món nợ đã gây ra mà còn là nơi chúng ta học hỏi. Những bài học cần học thì rất nhiều, đôi khi ta phải học trong những hoàn cảnh khác nhau, để đảm bảo rằng mình đã thật sự học được bài học ấy. Hơn nữa, Melissa lựa chọn sống lương thiện và bao dung, chính khi đó cô cũng đã gieo những nhân lành và rồi sẽ được quả ngọt. Luật vũ trụ là không sai, là bất biến, chỉ là chúng ta chưa đủ tầm mắt để nhìn thông thấu mà thôi.

Tôi gật đầu, càng thêm hứng thú với những mối liên kết qua các kiếp sống. Tôi hỏi:

- Vậy còn Leonidas, nhân duyên của ông với Leonidas là như thế nào?

Thomas mỉm cười:

- Như đã nói, những người có mối liên hệ thường trở lại gặp nhau vì duyên nợ phức tạp nào đó. Tôi và Leonidas đã có những liên hệ với nhau từ lâu. Hẳn anh còn nhớ, trong kiếp sống tại Assyria, tôi có người anh trai là Nimurta, một người anh say mê âm nhạc và phụ nữ. Tại Hy Lạp, anh đã gặp lại tôi với thân phận Leonidas. Tôi và Leonidas thân nhau cho đến khi qua Ba Tư thì tình bạn đã ít nhiều thay đổi. Về sau, chúng tôi lại gặp nhau trong kiếp sống tại Đức. Khi đó anh là anh họ của tôi, một người nhạc sĩ tài ba nhưng vẫn say mê cờ bạc và phụ nữ, thường vay tiền của tôi và không bao giờ trả. Do đó trong kiếp này, Wilson G đã bỏ ra nhiều tiền đầu tư vào công ty của tôi...

Tôi giật mình:

- Thì ra là thế. Tôi không ngờ ông và Wilson lại có mối quan hệ sâu xa như thế. Vậy còn Cihone thì sao? Phải chăng giữa ông và cô ấy cũng có duyên nợ gì?

Thomas gật đầu:

- Trong đời sẽ có những sự gặp gỡ mà ta cứ ngỡ chỉ là tình cờ nhưng thật ra đều có những liên hệ từ trước. Tôi không biết gì về Cihone, người phụ nữ đã dùng tình thương để chữa bệnh tại Ai Cập nhưng nhờ sự giúp đỡ của ông Kris, tôi mới biết khi xưa Cihone từng là một thánh nữ trong đền thờ nữ thần Isis và có nhiều quyền năng. Tuy sự gặp gỡ với cô trong kiếp sống tại Ai Cập rất ngắn ngủi nhưng không hiểu sao cô biết tôi cần học về tình thương yêu nên trong kiếp sống tại La Mã, dưới thân phận Valeria, cô đã gián tiếp tạo ra bài học mà tôi cần phải học.

Tôi ngạc nhiên:

- Tôi không ngờ Cihone lại là Valeria...

Thomas mỉm cười, từ tốn nói thêm:

- Nhờ Valeria mà tôi biết đến tình thương của Thiên Chúa, một tình thương yêu vô điều kiện, bao la vô hạn. Đây là bài học quan trọng, vì đối với đa số mọi người tình thương nào cũng có điều kiện và bị giới hạn bởi lòng ích kỷ và tham lam. Do nhân duyên với Valeria mà tôi được ông Beria cho phép theo đoàn thương buôn qua Bactria và tiếp tục việc tu tập đang còn dang dở khi xưa. Tiếc thay, lúc đó tôi vẫn còn bị chi phối bởi nhiều mặc cảm thua kém vì sự đối xử của gia đình nên trong tâm vẫn có ý muốn chứng minh khả năng của mình, muốn trở thành một người hùng nên sau một thời gian tu tập, tôi lại bỏ dở để trở về Syria giúp Beria tái lập trật tự tại La Mã. Đây là một lỗi lầm lớn trên con đường học hỏi của tôi. Do đó, nhân quả đã sắp đặt cho tôi phải trải qua một kiếp sống khác, học lại những bài học của mình.

Tôi hỏi thêm:

- Lúc này ông có nói ông còn gặp lại Kor, tức Isidora, vậy hai người gặp lại nhau khi nào?

Thomas bỗng có chút trầm tư:

- Chính là Ella trong kiếp sống ở Pháp. Trong kiếp này, tôi không có cảm tình và thường ruồng rẫy Ella vì trong tâm tôi vẫn coi thường người Gitan là giai cấp thấp kém. Đó cũng là sự thiếu hiểu biết đến từ việc khi xưa bị đối xử tàn tệ, nhưng may thay trong khoảnh khắc ngắn ngủi sống tại tu viện, trải qua sự cầu nguyện chân thành hằng ngày cùng các linh mục, tôi ý thức được bài học về tình thương yêu của Thiên Chúa, một tình thương bao la vô hạn và không điều kiện. Đó là lý do thúc giục tôi phải đi tìm Ella để nói lại chuyện xưa, dùng tình thương để giải quyết một nhân đã gây ra và từ đó cả hai chúng tôi quyết định sẽ đi cùng nhau...

Bị lôi cuốn vào câu chuyện, tôi nôn nóng ngắt lời:

- Sau đó ông còn gặp lại Ella nữa không?

Thomas vẫn tiếp tục mạch kể:

- Vì nhân duyên đặc biệt với vị thầy người Ấn và Timotheus, hay chính là ông Kris, nên sau đó, tôi tái sinh trở lại Bactria, Ấn Độ và Tây Tạng để tiếp tục con đường tu tập. Trong ba kiếp này, tôi và ông Kris đều là tăng sĩ Phật giáo và đã đạt được nhiều tiến bộ. Điều khác biệt là ông Kris từ lâu đã ý thức rất rõ con đường của mình trong khi tôi vẫn vướng vúi một số nhân quả phải giải quyết. Vì biết thế nên trong kiếp sống ở Ấn Độ, tôi đã yêu cầu ông giúp tôi nhớ lại tiền kiếp và những bài học cần phải học...

Tôi lại hỏi:

- Rồi ông có gặp lại Ella không?

Thomas nhìn tôi mỉm cười:

- Dĩ nhiên! Chúng tôi đã có giao ước sẽ ở bên nhau nên chúng tôi lại gặp nhau trong kiếp này...

Tôi giật mình:

- Ông muốn nói đến Angie?

Thomas gật đầu:

- Angie không biết gì về việc này cả. Trải qua nhiều kiếp sống, mỗi người đều có các nhân đã gieo cũng như các bài học cần phải học riêng. Hiện nay vì nhớ lại chuyện xưa, nên tôi đang chờ khi đủ duyên sẽ cố gắng dẫn dắt Angie trở lại con đường tinh thần.

Tôi nói:

- Những điều ông chia sẻ hôm nay đem lại cho tôi quá nhiều bất ngờ...

Thomas khẳng định:

- Do đó, tôi muốn nói rõ rằng hầu như tất cả những người chúng ta gặp đều đã có những quan hệ từ xưa. Điều này cho thấy rõ sự màu

nhệm của luật Nhân quả. Không một nhân nào gây ra mà không trở quả. Đó là một sự kiện rất tự nhiên, không sai sót chút gì và không bao giờ thay đổi. Hễ làm lành thì gặp lành và làm ác thì phải trả quả báo ác. Đây là luật vũ trụ chứ không phải mê tín. Dĩ nhiên người không tin thì hành động bừa bãi và sẽ phải lãnh hậu quả, rồi cứ tiếp tục như thế. Càng không tin, càng gây nên tội, đến khi nhân trở quả thì lại không chịu tin đó là tội do chính mình gây ra, nghĩ rằng đó là việc ngẫu nhiên, như vậy họ không học được bài học nên tiếp tục trôi nổi trong đau khổ triền miên, từ kiếp này qua kiếp khác. Người hiểu biết, tin nhân quả thì biết cảnh giác, làm gì cũng suy nghĩ cẩn thận đến hậu quả. Nếu đã tin tình thương có thể giải quyết mọi sự thì phải biết áp dụng quy tắc này vào đời sống. Bất cứ việc gì xảy ra đều là bài học, nghiệp quả phải trả, nhưng hãy sử dụng tình thương để giải quyết chứ đừng gây thêm nhân nữa. Mỗi lựa chọn, mỗi quyết định không nên chỉ dựa trên cảm xúc nhất thời mà phải sáng suốt dựa trên sự hiểu biết về các định luật của vũ trụ.

Thomas đột nhiên nhìn thẳng vào tôi rồi nói:

- Giữa tôi và anh cũng đã từng gặp nhau khi xưa, do đó vừa gặp chúng ta đã có thiện cảm và thân nhau ngay. Ông Kris cũng biết rõ về anh, nhưng ông nói đây là điều anh sẽ phải tự tìm hiểu ra.

Đây là điều bản thân tôi cũng đã lờ mờ nhận ra nên tôi không ngạc nhiên mà chỉ khẽ gật đầu, xúc động không nói nên lời. Tôi bắt tay Thomas, chúng tôi siết chặt tay nhau, lòng đầy tin tưởng và thấu hiểu. Căn phòng im ắng, chỉ còn tiếng tích tắc của đồng hồ, bắt chợt, tiếng Angie vang lên từ phòng ăn bên ngoài:

- Anh hãy tạm gác buổi trò chuyện lại và mời John ra dùng bữa đi, em đã sửa soạn xong rồi.

Nghe thấy tiếng Angie gọi, Thomas và tôi liền đứng lên. Trước khi bước ra, cả hai chúng tôi không hẹn mà cùng nhìn ra ngoài cửa sổ. Ánh mặt trời rọi xuyên qua những cành thông đang rung rinh trong gió tạo thành những tia nắng lấp lánh, nhảy múa như những cánh

bướm nhỏ đang rung động chập chờn. Sâu thẳm bên trong, linh hồn tôi dường như cũng đang bồng tỉnh trên hành trình giác ngộ của riêng mình...

Chân ngã hiện diện khắp nơi, trong tất cả mọi vật, nhưng vì mê lầm nên chúng ta cứ tìm kiếm tận đâu. Chân ngã đã có sẵn thì việc gì phải tìm, ta chỉ cần quay vào trong để chuyển hóa bản ngã, chuyển tâm thức thành trí tuệ, chứ không phải tìm cái gì khác. Khi ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh thì ta sẽ biết được con người thật của mình.

LỜI TRI ÂN GIÁO SƯ JOHN VU - NGUYỄN PHONG

Ngay từ khi *Hành trình về phương Đông* xuất hiện ở Việt Nam vào năm 1974, cuốn sách đã giúp nhiều người thay đổi tâm thức bằng những thông điệp sâu sắc, màu nhiệm, được dẫn dắt thông qua một hành trình tâm đạo hấp dẫn. Suốt mấy thập niên tiếp theo, cuốn sách vẫn âm thầm lan tỏa, lay động và thức tỉnh tâm linh rất nhiều người. Điều thú vị nhất là khi đó, hầu như không một ai biết người phóng tác cuốn sách, người có cái tên bình dị Nguyễn Phong, lại là một giáo sư tầm cỡ thế giới hiện ở Mỹ – Giáo sư John Vu. John Vu từng nhiều năm là kỹ sư trưởng của hãng Boeing, ông cũng là Giáo sư ưu tú ngành Khoa học Máy tính tại Đại học Carnegie Mellon, nơi ông là Giám đốc chương trình Đổi mới Công nghệ Sinh học và Tính toán.

Trong lần liên hệ bản quyền để First News - Trí Việt có thể in cuốn sách *Hành trình về phương Đông* cùng những cuốn mà Nguyễn Phong đã phóng tác nhiều năm trước, tôi đã được trò chuyện với Giáo sư John Vu và lần trò chuyện đó đã trở thành cơ duyên may mắn bắt đầu một tình bạn tâm giao mà tôi vô cùng trân trọng. Tôi và Giáo sư John Vu đã có nhiều cuộc trò chuyện về những đề tài khác nhau, liên quan tới tri thức và xã hội. Trong một lần giáo sư tình cờ chia sẻ về câu chuyện của Thomas, tôi đã linh cảm rằng đó là một câu chuyện cần được kể, cần được lan tỏa, bởi những giá trị hướng thiện và thức tỉnh của nó. Tôi khẩn khoản đề nghị giáo sư viết một cuốn sách kể lại câu chuyện này, để lan tỏa những điều tốt đẹp và thức tỉnh con người thoát khỏi những u mê, xung đột, tham lam và ích kỷ – những thứ đang phá hủy tinh thần, đời sống, văn minh con người và đồng thời cũng khiến trái đất của muôn loài đang oằn mình kêu cứu.

Khi nhận được bản thảo tác phẩm *Muôn kiếp nhân sinh*, tôi đã thức nhiều đêm để đọc hết cuốn sách. Bằng trực giác của một người làm sách nhiều năm cùng tinh thần hướng đạo, tôi nhận ra *Muôn kiếp*

nhân sinh là một cuốn sách có sứ mệnh đặc biệt với cộng đồng. Ngay lập tức, tôi đã cùng tập thể First News ngày đêm thực hiện cuốn sách quý giá này để có thể sớm đưa đến tay bạn đọc. Ngay từ khi tập đầu xuất hiện, cuốn sách đã được bạn đọc đón nhận nồng nhiệt và tạo nên một kỷ lục xuất bản ở Việt Nam. Điều này tiếp thêm niềm tin mãnh liệt cho tôi rằng nếu chúng ta kinh sợ khi thấy những năng lượng tiêu cực của tham lam, xung đột, phá hủy, những thứ đang lan nhanh trên toàn cầu như một thứ virus độc hại, thì cũng hãy tin rằng điều tốt đẹp có thể tạo nên một cơn sóng thần thay đổi tâm thức con người.

Điều đặc biệt nhất là cuốn sách có nội dung về Nhân quả, Luân hồi này được viết bởi một nhà khoa học uy tín nên biên độ mở rộng, sự giao thoa của tâm linh và khoa học dường như không có giới hạn. Chính cuốn sách đặc biệt này đã làm thay đổi tâm thức của tôi và anh em First News cũng như nhiều bạn đọc Việt Nam. Thông điệp từ *Muôn kiếp nhân sinh* đã mở toang cánh cửa dẫn người đọc vào thế giới tinh thần thanh khiết, thanh thang, nơi không có sự phân biệt thiên cận giữa tâm linh và khoa học, mà chỉ có sự hiểu biết sâu sắc về các quy luật vũ trụ, giúp con người hướng thiện, vị tha, bác ái để xây dựng lại một thế giới mới tốt đẹp và giàu tình thương hơn.

Trong *Muôn kiếp nhân sinh* tập 3, Nguyễn Phong cùng nhân vật chính Thomas và bậc thầy giác ngộ Kris đã đưa ra những thông điệp hướng về "tình thương lớn" và gợi mở, hướng dẫn cho bạn đọc về hành trình thức tỉnh mà ai cũng có thể hướng đến.

Qua *Muôn kiếp nhân sinh*, tôi hiểu được rằng mong muốn to lớn nhất của giáo sư chính là góp phần đưa con người về nẻo thiện, mong sao toàn thể nhân loại có thể sống trong hòa bình, bác ái, vị tha, bất kể màu da, quốc tịch và tôn giáo. Tôi tin rằng *Muôn kiếp nhân sinh* đã, đang và sẽ tiếp tục hành trình thực hiện sứ mệnh hướng thiện của nó, sứ mệnh trở thành một chiếc cầu nối để mỗi con người nhỏ bé được hợp nhất với những điều lớn lao. Cá nhân tôi biết ơn Giáo sư John Vu đã cho tôi có cơ hội cùng ông lan tỏa những giá trị tốt đẹp của cuốn sách này đến với độc giả Việt Nam.

Đồng thời, tôi muốn thay mặt các độc giả Việt Nam đã có cơ duyên tiếp cận và yêu mến cuốn sách này gửi đến Giáo sư John Vu những tình cảm chân thành và lòng tri ân sâu sắc vì tâm huyết, tình yêu thương và nỗ lực mà ông đã dành cho tác phẩm đặc biệt ý nghĩa này cũng như cho sứ mệnh đưa con người tìm về thiện lương.

Nguyễn Văn Phước Sáng lập *First News - Trí Việt*

Một khi tiêu trừ hết mọi ý niệm, để tâm tĩnh lặng thì sẽ trải nghiệm được trạng thái bình an, gọi là định (Samadhi). Khi đạt đến trạng thái này thì mọi vấn đề đều trở nên rõ ràng, sáng suốt vì không còn thiên kiến xen vào, nên việc gì cũng có thể giải quyết dễ dàng.

Chúng ta không thể thay đổi được quá khứ, nhưng bằng việc chuyển đổi tâm thức, lan tỏa yêu thương và hiểu biết trong hiện tại, chúng ta có thể thay đổi được tương lai.

God is love.

Thượng Đế là tình thương.

Everything in life is vibration.

Mọi thứ trong cuộc sống đều rung động.

- *Albert Einstein (1879 -1955)*

Nhà bác học thiên tài - Cha đẻ của thuyết tương đối

If you want to find the secrets of the universe, think in terms of energy, frequency and vibration.

Nếu muốn hiểu những bí mật của vũ trụ, hãy suy nghĩ về năng lượng, tần số và sự rung động.

- *Nikola Tesla (1856 -1943)*

Nhà phát minh, kỹ sư điện, kỹ sư cơ khí người Mỹ gốc Serbia

Constant kindness can accomplish much. As the sun makes ice melt, kindness causes misunderstanding, mistrust, and hostility to evaporate.

Lòng tốt kiên định có thể làm được nhiều điều. Tựa như mặt trời làm tan băng, lòng tốt có thể khiến sự hiểu lầm, lòng ngờ vực và sự thù địch dần tan biến.

- *Albert Schweitzer (1875 - 1965)*

Triết gia, nhà tâm thần học người Đức

All you need is love.

Tất cả những gì ta cần là tình yêu.

- *John Lennon (1940 - 1980)*

Ca sĩ, nhạc sĩ người Mỹ

Every age, every culture, every custom and tradition has its own character, its own weakness and its own strength, its beauties and ugliness; accepts certain sufferings as matters of course, puts up patiently with certain evils. Human life is reduced to real suffering, to hell, only when two ages, two cultures and religions overlap.

Mỗi thời đại, mỗi nền văn hóa, mỗi phong tục và truyền thống đều có đặc tính riêng, điểm mạnh và điểm yếu riêng, cái đẹp và sự xấu xí riêng, nó chấp nhận một số đau khổ nhất định theo lẽ tự nhiên, nó kiên nhẫn chịu đựng những cái ác nhất định. Cuộc sống con người thật sự khốn khổ, thật sự sa vào địa ngục chỉ khi hai thời đại, hai nền văn hóa và tôn giáo giao thoa.

- *Hermann Hesse (1877 - 1962)*

Nhà văn, nhà thơ, họa sĩ người Thụy Sĩ, đoạt giải Nobel Văn học năm 1946

A loving heart is the beginning of all knowledge.

Một trái tim yêu thương là khởi đầu của mọi hiểu biết.

-*Thomas Carlyle (1795 - 1881)*

Triết gia, sử gia, nhà tiểu luận người Scotland

Who looks outside, dreams; who looks inside, awakes.

Kẻ tìm kiếm bên ngoài, mơ tưởng; người tìm kiếm bên trong, thức tỉnh.

-Carl Jung (1875 - 1961)

Bác sĩ tâm thần, nhà tâm lý học người Thụy Sĩ

Someone's sitting in the shade today because someone planted a tree a long time ago.

Người ngồi trong bóng râm ngày hôm nay là nhờ ai đó đã trồng cây từ rất lâu về trước.

- Les Brown (1945)

Cựu chính trị gia người Mỹ

He whose ears are stopped at the cry of the poor, will himself get no answer to his cry for help.

Kẻ bịt tai trước tiếng kêu cứu của người cô thế, đến lúc kẻ đó kêu cứu, sẽ chẳng được đáp lời.

- Sách Châm Ngôn, Kinh Cựu Ước

Spread love everywhere you go. . . Let no one ever come to you without leaving better and happier. Be the living expression of God's kindness; kindness in your face, kindness in your eyes, kindness in your smile, kindness in your warm greeting.

Hãy lan tỏa yêu thương bất cứ nơi nào bạn đi tới... Đừng để ai đến với bạn mà không tốt đẹp và hạnh phúc hơn khi rời đi. Hãy là hiện thân sống động cho lòng nhân ái của Chúa, hãy thể hiện nhân ái trên gương mặt, trong đôi mắt, trong nụ cười và trong những lời chào ấm áp.

- *Mẹ Teresa (1910 - 1997)*

Nữ tu, nhà truyền giáo Công giáo Roma người Ấn Độ, đoạt giải Nobel Hòa bình năm 1979

The future depends on what we do in the present.

Tương lai phụ thuộc vào những gì chúng ta làm trong hiện tại.

- *Mahatma Gandhi (1869 - 1948)*

Nhà lãnh đạo, anh hùng dân tộc, lãnh tụ tinh thần Ấn Độ

Compassion is not just an emotional response but a firm commitment founded on reason. Therefore, a truly compassionate

attitude towards others does not change even if they behave negatively.

Từ bi không phải là một phản ứng cảm xúc mà là sự cam kết chắc chắn, được xây dựng trên lý trí. Do vậy, thái độ từ bi thật sự đối với người khác sẽ không thay đổi ngay cả khi họ cư xử tiêu cực.

- *Tenzin Gyatso, Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 (1935)*

[1] Đạo Bon hay Bön là tôn giáo bản địa của người Tây Tạng ở Cao nguyên Thanh Hải (Tây Tạng cổ đại), là tôn giáo chính của người Tây Tạng trước khi Phật giáo xuất hiện vào thế kỷ XVII. Đây là một tôn giáo cổ, đặc trưng bởi các nghi lễ thần bí, bùa chú, hiến tế, thao túng linh hồn, nhấn mạnh nhiều vào thực hành thiền định.

[2] Circus Maximus là một đấu trường thời La Mã cổ đại, tọa lạc tại vị trí giữa đồi Aventinus và Palatinus, nơi tổ chức các cuộc thi và trò chơi công cộng. Đây là đấu trường đầu tiên và lớn nhất thời La Mã cổ đại cũng như thời kỳ đế quốc sau này. Di chỉ của đấu trường này hiện nay là một công viên công cộng.

[3] Bulla là một tấm bùa hộ mệnh dạng mề đay, đeo ở cổ, được trao cho các bé trai từ chín ngày tuổi. Xã hội La Mã cổ đại coi bulla là vật phẩm bảo vệ các bé trai khỏi những linh hồn và thế lực xấu xa. Tùy vào điều kiện của các gia đình mà bulla có thể được làm bằng vàng, bạc, đồng, da hay vải.

[4] Hay còn gọi là người Gypsy, Gitanos, tùy vào quốc gia mà họ sinh sống. Gitan là cách gọi ở Pháp. Ở Việt Nam, cách gọi được biết đến nhiều nhất là "người Digan", phiên âm từ từ tiếng Pháp Tsiganes (nghĩa là giang hồ) – cách gọi phổ biến ở nhiều khu vực khác nhau ở châu Âu.

[5] Đàn luyt (lute) là một loại đàn dây xuất hiện từ thời Trung cổ tại nhiều quốc gia châu Âu, với các biến thể khác nhau về hình dáng và số dây đàn. Thời kỳ đầu xuất hiện, đàn luyt có từ 4 đến 5 dây. Đến thời Phục hưng, số dây đàn tăng lên, có khi lên đến 20 dây. Đàn luyt được xem là tiền thân của đàn ghita ngày nay. Hiện nay đàn luyt đã được phục dựng và sử dụng ở nhiều nơi trên thế giới.

[6] Eurydice là con gái của thần Apollo, nàng kết hôn với Orpheus, con trai của nữ thần thi ca Calliope. Kết hôn không lâu, Eurydice qua đời vì bị rắn cắn. Orpheus đau khổ tột cùng, chàng xuống địa ngục, dùng tiếng đàn của mình khiến Hades cảm động chấp nhận cho Eurydice trở về dương thế, với điều kiện nàng phải đi sau Orpheus, và Orpheus không được ngoái lại nhìn cho tới khi nào hai người đến dương gian, nếu chàng quay lại, chàng sẽ mất Eurydice vĩnh viễn. Trên đường trở về, vì không nghe được tiếng bước chân của Eurydice, Orpheus đã quay lại tìm nàng, nhưng khi Orpheus quay lại thì Eurydice dần lùi xa rồi biến mất. Orpheus cố quay lại địa ngục nhưng không thể.